

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY  
THERAVĀDA  
PHẬT-LỊCH 2562



**KINH CHUYỂN-PHÁP-LUẬN**  
(DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA)

TỠ-KHUỜU HỘ-PHÁP  
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)  
(AGGAMAHĀPAṄḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2019



BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU  
dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita  
tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011  
(Rằm tháng 2 P.L.2554)

*“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.”*  
*Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí*

## KINH CHUYỂN-PHÁP-LUÂN

*Dhammaparaṇṇākāra*  
*Món Quà Pháp*



Mục lục

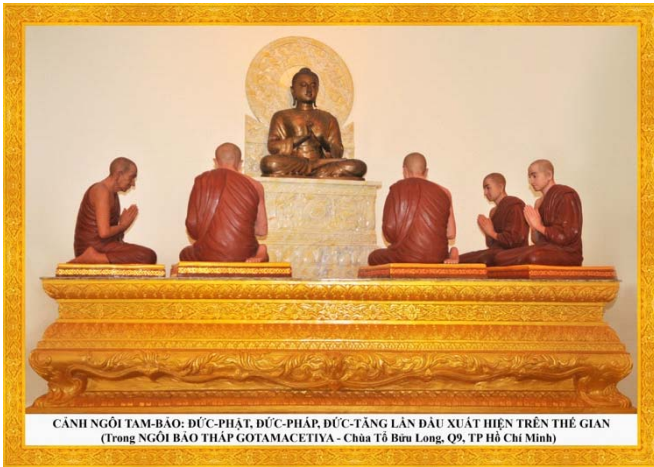
## *Thành Kính Tri Ân*

*Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.*

*Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.*

**PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY  
THERAVĀDA**

**PHẬT-LỊCH 2562**



**KINH CHUYỂN-PHÁP-LUẬN**

**(DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA)**

*(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)*

**TỶ-KHUU HỘ-PHÁP**

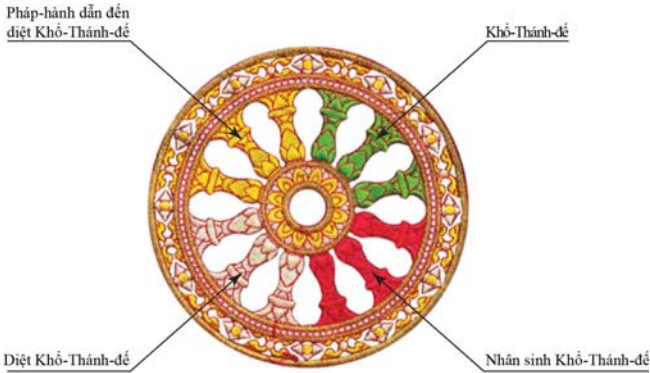
**(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)**

**(AGGAMAHĀPAṆḌITA)**



**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2019**

## Dhammacakka: Bánh xe Chuyển-Pháp-Luân



Trong Chú-giải Dhammacakkappavattanasutta-vaṇṇanā giảng giải rằng:

*“Isipatane nisinnassa dvādasākārāya  
saccadesanāya pavattitaṃ desanāñāṇampi  
dhammacakkaṃ nāma.”<sup>(1)</sup>*

*Đức-Phật Gotama ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana gần kinh-thành Bārāṇasī thuyết giảng bài kinh Dhammacakkappavattanasutta giảng giải về tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân (trí-tuệ-học, trí-tuệ-thành, trí-tuệ-thành) (4x3) thành 12 loại trí-tuệ gọi là **Dhammacakka: Bánh xe Chuyển-Pháp-Luân.***

---

<sup>1</sup> Saṃ. Mahāvagga Koṭṭigāmaṇḍavaṇṇa, Saccasaṃyutta Dhammacakkappavattanasuttavaṇṇanā.

*NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.  
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn  
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

### **Paṇāmagāthā**

*Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,  
pāyāsibhayahiṃsakam.  
Āyunopariyosānam,  
gacchāmi saraṇam aham.  
Ādimajjhantakalyāṇam,  
Buddhassa dhammamosadham.  
Nibbānapariyosānam,  
gacchāmi saraṇam aham.  
Tassa sāvakaṣaṅghaṅca,  
puññakkhettaṃ anuttaram.  
Arahattapriyosānam,  
gacchāmi saraṇam aham.  
Buddham Dhammaṅca Saṅghaṅca,  
abhivandiya sādaram.  
**Dhammacakkadīpanī’** ti,  
Ayaṃ ganthā mayā katā.*

## Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

*Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,  
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,  
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Phật,  
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

*Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,  
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,  
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Pháp,  
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.*

*Tăng bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử-Phật,  
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,  
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Tăng,  
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.*

*Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,  
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,  
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,  
Giảng giải về bài kinh “**Chuyển-pháp-luân**”.*



*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa*  
*Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-*  
*Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

**DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA**  
**KINH CHUYỀN-PHÁP-LUÂN**

*Soạn-giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp*  
*(Dhammarakkhita Bhikkhu)*  
*(Aggamahāpaṇḍita)*

**Lời Nói Đầu**

*Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian đó là quả của đại-thiện-nghiệp 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà vô số tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo và tích lũy ở trong **tâm** từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại được tóm lược theo thời gian diễn biến từ kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại như sau:*

*Đức-Phật Gotama vốn là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt đã từng tạo các pháp-hạnh ba-la-mật trải qua suốt ba thời-kỳ:*

- Thời-kỳ đầu: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác **phát nguyện ở trong tâm** muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt, để tế độ chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, rồi cố gắng tinh-tân tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt bảy a-tăng-kỳ đã có nhiều năng lực chuyển sang thời-kỳ giữa.

- Thời-kỳ giữa: Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác **phát nguyện bằng lời nói** để cho nhiều người biết Ngài muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi cố gắng tinh-tân tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 9 a-tăng-kỳ.

Dù Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã tạo các pháp-hạnh ba-la-mật suốt 16 a-tăng-kỳ vẫn còn là **Đức-Bồ-tát bất định** (aniyatabodhiatta) vì Đức-Bồ-tát có thể thay đổi ý nguyện chỉ muốn trở thành Đức-Phật Độc-Giác hoặc vị thanh-văn-giác đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà thôi.

Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác quyết tâm không thay đổi ý nguyện mà vẫn tiếp tục kiên trì cố gắng tinh-tân tạo các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ và có 8 chi-pháp để được Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thọ ký.

- Thời-kỳ cuối: **Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha** là tiên-kiếp của Đức-Phật Gotama đã chứng đắc 4 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông

*tam-giới (lokiya-abhiññā), nhận làm một đoạn đường sinh lay để cho Đức-Phật Dīpaṅkara cùng với 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán đi ngang qua, đoạn đường chỉ còn một sải tay nữa mới được hoàn thành, thì Đức-Phật Dīpaṅkara cùng với 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán vừa ngự đến, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha nằm sấp xuống đất trên đoạn đường một sải tay còn lại, làm như chiếc cầu, hai tay chắp lên trán kính thỉnh Đức-Phật Dīpaṅkara cùng với 400 ngàn chư Thánh A-ra-hán ngự đi trên lưng của mình, để cúng dường Đức-Phật cùng chư Thánh-tăng. Khi ấy, Đức-Phật Dīpaṅkara với Phật-nhãn thấy rõ, biết rõ vị đạo-sĩ Sumedha hội đủ 8 chi-pháp:*

1- Loài người thật.

2- Người nam thật.

3- Kiếp hiện-tại có khả năng trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

4- Trực-tiếp đến hầu Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

5- Bậc xuất gia đạo-sĩ có chánh-kiến đầy đủ.

6- Chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc 5 phép-thần-thông tam-giới (lokiya-abhiññā).

7- Quyết tâm cúng dường sinh-mạng đến Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

8- Có ý nguyện vững chắc quyết tâm trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời vị-lai.

Với Phật-nhân vị-lai-kiến-minh của Đức-Phật thấy rõ, biết rõ trong thời vị-lai vị đạo-sĩ này chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, nên **Đức-Phật Dīpaṅkara** thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị-lai, còn 4 a-tăng-kỳ<sup>(1)</sup> và 100 ngàn đại-kiếp<sup>(2)</sup> trái đất nữa, vị đạo-sĩ **Sumedha** này sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.”

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt Sumedha lần đầu tiên được Đức-Phật Dīpaṅkara thọ ký xác định thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 đại-kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu **Đức-Phật Gotama**, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Sumedha phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ chưa từng có.

Bắt đầu từ kiếp ấy về sau, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác chính thức là **Đức-Bồ-tát cố định** (niyatabodhisatta) tiếp tục kiên trì tạo và bồi bổ

<sup>1</sup> A-tăng-kỳ (asaṅkheyya) là khoảng thời gian không thể tính bằng số. Cứ trải qua vô số kiếp trái đất kể 1 a-tăng-kỳ.

<sup>2</sup> Đại-kiếp trái đất (mahākappa) là khoảng thời gian lâu trải qua 4 a-tăng-kỳ thành, trụ, hoại, không. Đức-Phật ví dụ: một hòn núi đá đặc hình khối, mỗi chiều dài 1 do-tuần (20 km), cứ 100 năm, vị thiên-nam lấy tấm vải mỏng mịn quét nhẹ qua 1 lần, cho đến khi mòn hết hòn núi đá ấy, thế mà thời gian ấy chưa kể được 1 đại-kiếp trái đất.

cho đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Trong khoảng thời gian ấy, nếu có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác nào xuất hiện trên thế gian thì Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đều đến hầu đánh lễ Đức-Phật ấy, và được Đức-Phật ấy thọ ký xác định thời gian còn lại.

Có 24 Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác theo tuần tự xuất hiện trên thế gian, nên Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama được 24 Đức-Phật thọ ký.<sup>(1)</sup> Đức-Phật Dīpaṅkara đầu tiên thọ ký và Đức-Phật Kassapa thứ 24 cuối cùng thọ ký.

Trong suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất, trải qua vô số tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama đã tạo và bồi bổ đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật cho đến kiếp áp chót là kiếp Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Sau khi Đức-vua Bồ-tát chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị **thiên-nam Setaketu** trên cõi trời Tusita (Đâu-suất đà-thiên) hưởng an-lạc trên cõi trời ấy. Khi ấy, 6 Đức-

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển I: Tam-Bảo, cùng soạn giả.

vua-trời dục-giới cùng chư Phạm-thiên ngự đến kính thỉnh cầu **Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu** xuống đầu thai làm người để trở thành Đức-Phật Chánh Đẳng-Giác thuyết-pháp tế độ chúng-sinh.

**Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu** suy xét đây đủ 5 điều của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót đầu thai làm người xong, nên Đức-Bồ-tát thiên-nam nhận lời thỉnh cầu của chư-thiên, chư phạm-thiên.

Vào canh chót đêm rằm tháng 6 (âm-lịch), Đức-Bồ-tát thiên-nam Setaketu chuyển kiếp (chết) từ cõi trời Tusita, **đại-thiện-nghiệp** trong **đại-thiện-tâm thứ nhất** đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác động cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm thứ nhất** đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí-tuệ, không cần tác động gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp chót đầu thai vào lòng bà Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī của Đức-vua Suddhodana dòng Sakya tại kinh-thành Kapilavatthu.

Tròn đúng 10 tháng, gần đến ngày sinh Thái-tử, Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī trên đường từ kinh-thành Kapilavatthu ngự trở về kinh-thành Devadaha, Bà truyền lệnh dừng kiệu, Bà ghé vào vườn Lumbinī để du lãm. Khi đến gần cây Sāla to lớn, Bà đứng đưa cánh tay phải

*lên, thì cành cây sà xuống, Bà nắm chặt lấy cành cây với tư thế đứng vững vàng, trong tư thế đứng này, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót sẽ đản sinh ra đời.*

*Khi ấy, các quan, các cung nữ che màn xung quanh nơi Bà đứng, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng đản sinh ra đời khỏi lòng Chánh-cung Hoàng-hậu, với đôi chân ra trước, toàn thân hình ra sau được an lành cả Đức-Bồ-tát lẫn mẫu-hậu của Ngài, vào **ngày rằm tháng tư** (âm-lịch), tại khu vườn Lumbinī (nay thuộc về nước Nepal).*

*Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đứng với đôi bàn chân bằng phẳng trên mặt đất, nhìn về 8 hướng, mỗi hướng toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên đều tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác là Bạc cao thượng nhất.*

*Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cúi mặt nhìn xuống hướng dưới, rồi ngẩng mặt nhìn lên hướng trên, toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên đều tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác là Bạc cao thượng nhất. Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đứng nhìn về hướng Bắc, rồi ngợ bước đi đầu tiên bằng chân phải đến bước thứ 7, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác dừng lại. Khi ấy, toàn thể chư thiên, chư phạm-thiên đều bảo với nhau rằng:*

Bây giờ, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cao thượng sẽ truyền dạy lời tối ư quan trọng.

Toàn thể chư thiên, chư phạm-thiên đều im lặng chờ lắng nghe. Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đồng dạy truyền dạy rằng:

“Aggo ’ham ’asmi lokassa!  
 Jeṭṭho ’ham ’asmi lokassa!  
 Setṭho ’ham ’asmi lokassa!  
 Ayamantimā jāti.  
 Natthi dāni punabbhavo.”<sup>(1)</sup>

Ta là Bậc cao-cả nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh!

Ta là Bậc vĩ-đại nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh!

Ta là Bậc tối-thượng nhất trong toàn cõi-giới chúng-sinh!

Kiếp này là kiếp chót của ta.

Ta không còn tái-sinh kiếp nào khác nữa.

Khi Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đản sinh tại vườn Lumbinī, thì đồng thời có 7 người và vật cũng đồng sinh với Đức-Bồ-tát như sau:

- 1- Công-chúa Yasodharā.
- 2- Hoàng-tử Ānanda.
- 3- Channa (quan giữ ngựa).
- 4- Kāḷudāyi (quan cận thân).

---

<sup>1</sup> Dīghanikāya, Mahāvaggapāli, Mahāpadānasutta.



5- Ngựa báu Kaṇḍaka.

6- Cây Mahābodhirukkha (cây Đại-Bồ-đề) tại khu rừng Uruvelā.

7- Bốn hầm kho báu xung quanh kinh-thành Kapilavatthu.

Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī thỉnh Thái-tử Bồ-tát ngự trở về kinh-thành Kapilavatthu.

Thái-tử là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc-đại-nhân và 80 tướng tốt phụ đó là quả-báu của 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà vô số tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát đã tạo và được tích lũy ở trong **tâm** suốt 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Chiêm ngưỡng Thái-tử có tướng tốt như vậy, Đức-vua Suddhodana cảm thấy vô cùng hoan hỷ, nên sau khi Thái-tử sinh ra đời được 5 ngày, Đức-vua Suddhodana tổ chức đại lễ đặt tên cho Thái-tử, truyền lệnh mời 108 vị bà-la-môn thông hiểu rõ 3 bộ sách xem tướng theo truyền thống bà-la-môn vào cung điện thiết đãi món cơm nấu bằng sữa tươi nguyên chất.

Trong số 108 vị bà-la-môn ấy có 8 vị bà-la-môn đại trí, sau khi xem tướng xong, thấy Thái-tử có 32 tướng tốt của bậc-đại-nhân và 80 tướng tốt phụ.

Trong 8 vị bà-la-môn có 7 vị đưa lên 2 ngón tay, rồi tiên đoán quả quyết rằng:

- Nếu Thái-tử sống tại cung điện thì sẽ trở thành Đức-Chuyển-luân Thánh-vương có 4 biển làm ranh giới.

- Nếu Thái-tử từ bỏ cung điện đi xuất gia thì sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Duy chỉ có vị bà-la-môn trẻ tuổi nhất thuộc dòng dõi Koṇḍañña, tên là Sudatta, sau khi xem xét kỹ các tướng tốt của Thái-tử xong, vị bà-la-môn này chỉ đưa lên 1 ngón tay, rồi quả quyết tiên đoán rằng:

“Thái-tử có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc-đại-nhân và 80 tướng tốt phụ này, Thái-tử không thể sống tại cung điện, mà chắc chắn sẽ từ bỏ cung điện đi xuất gia, sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác mà thôi.”

Tám vị bà-la-môn đại trí đều đồng tâm nhất trí với nhau rằng:

“Thái-tử chắc chắn sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

Đại lễ gọi đầu và đặt tên cho Thái-tử được tổ chức rất trọng thể, các vị bà-la-môn đều đồng tâm nhất trí đặt tên là **SIDDHATTHA** (Siddha+attha) (có nghĩa là Bậc tế độ chúng sinh được thành tựu mọi lợi ích cao thượng).

\* Khi Đức-Bồ-tát Thái-tử trưởng thành năm 16 tuổi, Đức Phụ-vương truyền ngôi báu cho Thái-tử lên ngôi làm vua và làm lễ thành hôn với Công-chúa Yasodharā<sup>(1)</sup> của Đức-vua Suppa-buddha và Chánh-cung Hoàng-hậu Amitā. Đức-vua Siddhattha làm vua được 13 năm.

\* Năm 29 tuổi, Đức-vua Bồ-tát Siddhattha trốn khỏi kinh-thành Kapilavatthu đi xuất gia, để giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử. Đức-Bồ-tát ngự đến thọ giáo với vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta. Đạo-sư dạy pháp-hành thiền-định cho Đức-Bồ-tát Siddhattha, Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành thiền-định không lâu, đã chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc đến đệ tam thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **Vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm** ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã chứng đắc. Đức-Bồ-tát không hài lòng với bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm ấy, bởi vì không phải là pháp-hành giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, nên Đức-Bồ-tát xin từ giã vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta, tìm đến thọ giáo với vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta. Đạo-sư cũng dạy pháp-hành thiền-định cho Đức-Bồ-tát Siddhattha, Đức-Bồ-tát thực-hành pháp-hành thiền-định không lâu chứng đắc

---

<sup>1</sup> Công-chúa Yasodharā là người đồng sinh cùng ngày rằm tháng tư với Đức-Bồ-tát Siddhattha.

4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc đến đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiền thiện-tâm** tột đỉnh ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta đã chứng đắc. Đức-Bồ-tát cũng không hài lòng bậc thiền ấy, nên xin từ giã vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta, để tìm pháp-môn khác giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử, trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đi đến khu rừng Uruvelā gần con sông Nerañjarā, nơi đây có nhóm 5 tỳ-khuru là Ngài Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji. Nhóm 5 vị tỳ-khuru này xin theo hộ độ Đức-Bồ-tát Siddhattha.

\* Đức-Bồ-tát Siddhattha thực-hành pháp khổ-hạnh (dukkaracariyā) là pháp khó hành suốt 6 năm trường ròng rã, cho đến nỗi thân hình gầy ốm chỉ còn da bọc xương, mà không trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Đức-Bồ-tát Siddhattha từ bỏ pháp khổ-hạnh, rồi hồi tưởng lại khi còn nhỏ cùng Đức Phụ-vương ra đồng làm lễ hạ điền rằng:

“Ta ngồi trong chiếc lều niệm hơi thở ra, hơi thở vào, đã chứng đắc **đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm**.

Vậy, đề-mục thiên-định này làm nền tảng để ta trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng nên.

Bây giờ, thân thể của ta gầy ốm, sức khoẻ yếu đuối, ta không thể thực-hành đề-mục niệm hơi thở ra, hơi thở vào được.

Vậy, điều tốt hơn ta nên thọ thực trở lại, để phục hồi sức khoẻ, rồi ta sẽ thực-hành đề-mục niệm hơi thở ra, hơi thở vào.”

Đức-Bồ-tát Siddhattha mang bát ngự đi vào xóm nhà Senā để khát thực trở lại.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát Siddhattha đi khát thực như vậy, nên nhóm 5 tỳ-khuru hiểu lầm rằng:

“Đức-Bồ-tát Siddhattha đã từ bỏ hành pháp khổ-hạnh để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà trở lại đời sống bình thường.”

Do hiểu lầm như vậy, nên nhóm 5 tỳ-khuru không theo hộ độ Đức-Bồ-tát nữa, nhóm 5 tỳ-khuru rời khỏi khu rừng Uruvelā, rồi dẫn nhau đi đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana gần kinh-thành Bārāṇasī, trú tại nơi ấy.

Đức-Bồ-tát Siddhattha độ vật thực lại được thời gian không lâu, sức khoẻ của Đức-Bồ-tát được phục hồi trở lại.

Trong thời gian Đức-Bồ-tát Siddhattha hành pháp khổ-hạnh, thì 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ bị biến mất. Nay, kim

thân của Đức-Bồ-tát Siddhattha lại hiện rõ 32 tướng tốt của bậc đại-nhân và 80 tướng tốt phụ, có làn da màu vàng sáng ngời như trước.

Ngày 14 tháng tư (âm-lich), vào canh chót đêm ấy, Đức-Bồ-tát Siddhattha nằm thấy 5 đại-mộng (mahāsupina). Qua 5 đại-mộng ấy, Đức-Bồ-tát Siddhattha đoán biết chắc chắn rằng:

“Ta sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

Sáng sớm hôm rằm tháng tư âm-lich, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đi đến ngồi dưới gốc cây da, để chờ đến giờ đi vào xóm nhà khát thực.

Tại gốc cây da này, hằng năm vào sáng ngày rằm tháng tư, nàng **Sujātā** thường đem lễ vật đến cúng dường tạ ơn vị thiên-thần đứng theo lời nguyện của nàng. Nàng Sujātā là tiểu thư của ông phú hộ Mahāsena ở làng Sena gần khu rừng Uruvelā, khi nàng trưởng thành có đến gốc da này cầu nguyện rằng:

“Khi tôi trưởng thành được kết duyên với người cùng dòng dõi, cùng giai cấp và sinh đứa con trai đầu lòng. Nếu tôi được toại nguyện thì hằng năm vào ngày rằm tháng tư (âm-lich), tôi sẽ làm lễ cúng dường tạ ơn vị thiên-thần tại cội cây này.”

Lời cầu nguyện của nàng được thành-tựu như ý, nên hằng năm vào ngày rằm tháng tư (âm-

lich), nàng Sujātā thường đem cơm sữa nấu rất công phu đến cúng dường tạ ơn vị thiên-thần tại cội cây này.

Từ sáng sớm nàng Sujātā thức dậy vắt sữa 8 con bò tinh khiết, khi nàng đem nôi đựng sữa đến gần vú mỗi con bò, thì dòng sữa chảy ra một mạch. Thật là một việc lạ thường chưa từng có.

Nàng nấu nôi cơm sữa có các Đức-vua-trời và các phạm-thiên trông nom hỗ trợ, còn đem chất bổ dưỡng thêm vào nôi cơm sữa ấy.

Sáng hôm ấy, nàng Sujātā đem chiếc mâm bằng vàng để đựng cơm sữa, khi nàng đặt mâm gần nôi cơm, thì cơm sữa trong nôi tự nhiên viên lại thành vắt bằng trái thốt nốt lăn ra theo tuần tự từ nôi sang chiếc mâm vàng đúng 49 vắt vừa đầy mâm. Nàng chứng kiến thêm điều lạ thường chưa từng có bao giờ. Nàng lấy chiếc lồng bàn đập lại rồi phủ lên một lớp vải trắng tinh.

Hôm ấy, nàng Sujātā trang điểm bằng những đồ trang sức quý giá, rồi đội mâm cơm sữa cùng với người tớ gái mà nàng đã công nhận như là đứa con gái theo sau đến gốc cây da.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát Siddhattha có đầy đủ các tướng tốt của bậc đại-nhân và các tướng tốt phụ, có hào quang tỏa ra từ kim thân của Đức-Bồ-tát sáng khắp vùng, nàng Sujātā phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ chưa từng có, bởi

vì nàng tưởng rằng Đức-Bồ-tát Siddhattha là vị thiên-thần cội cây hiện ra thọ nhận phẩm vật cúng dường tạ ơn của nàng.

Nàng Sujātā cung-kính đi đến gần Đức-Bồ-tát Siddhattha, đặt chiếc mâm vàng đầy cơm sữa, bình nước, hoa quả, vật thơm, ... cung-kính cúng dường lên Đức-Bồ-tát Siddhattha.

Khi ấy, cái bát của Đức-Bồ-tát bỗng nhiên biến mất, Đức-Bồ-tát Siddhattha nhìn nàng Sujātā. Nàng liền bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thiên-thần, con thành kính dâng cúng dường chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này lên Ngài.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ thọ nhận chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này, để cho con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài. Bạch Ngài.

Đức-Bồ-tát Siddhattha đưa hai tay ra nhận lấy chiếc mâm vàng đầy phẩm vật cúng dường ấy.

Sau khi thọ nhận chiếc mâm vàng đầy cơm sữa của nàng Sujātā xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha đứng dậy rời khỏi gốc cây da, tay cầm chiếc mâm vàng đầy cơm sữa ngự đi đến bến sông Nerañjarā, nơi mà chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác quá-khứ kiếp chót trước khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác cũng đều ngự đến bến này để tắm, nên bến sông này gọi là



*bến Supaṭṭhita. Đức-Bồ-tát Siddhattha đặt chiếc mâm vàng đầy cơm sữa tại bến Supaṭṭhita, rồi xuống tắm dòng sông Nerañjarā.*

*Sau khi tắm xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha mặc y cà-sa tượng trưng như lá cờ chiến thắng của chư Thánh A-ra-hán, đoạn ngồi quay mặt về hướng Đông, độ hết 49 vắt cơm, uống hết bình nước (từ đó về sau suốt 7 tuần lễ gồm 49 ngày, Đức-Phật Gotama không độ vật thực và nước, chỉ an hưởng pháp-vị giải thoát Niết-bàn).*

*Sau khi độ cơm xong, Đức-Bồ-tát Siddhattha cầm chiếc mâm vàng, rồi phát nguyện rằng:*

*“Nếu hôm nay tôi sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác thì xin cho chiếc mâm vàng này sẽ trôi ngược dòng nước, nếu không được như vậy thì chiếc mâm vàng này sẽ trôi xuôi theo dòng nước.”*

*Sau khi phát nguyện xong, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ném chiếc mâm vàng xuống dòng sông Nerañjarā.*

*Thật phi thường thay! Chiếc mâm vàng cắt ngang dòng nước đang chảy, trôi ra giữa sông, rồi từ đó trôi ngược một cách vô cùng mau lẹ, khoảng một đoạn khá xa, rồi chiếc mâm vàng chìm sâu xuống đáy sông, đụng phải 3 chiếc mâm vàng của 3 Đức-Phật quá-khứ là Đức-Phật **Kakusandha**, Đức-Phật **Koṇāgamaṇa**,*

**Đức-Phật Kassapa** phát ra một âm thanh vang dội làm cho Long-vương Kālanāga tỉnh giấc, nên nghĩ rằng:

“Hôm qua một Đức-Phật đã xuất hiện, hôm nay sẽ có một Đức-Phật khác xuất hiện.”

Long-vương thức dậy tán dương ca tụng hàng trăm bài kệ, tán dương sự kiện vô cùng hy hữu xuất hiện trên thế gian.

Trưa hôm ấy, Đức-Bồ-tát Siddhattha nghỉ trong khu rừng Sāla, bên bờ sông Nerañjarā những cây Sāla đua nhau nở hoa.

Chiều hôm ấy, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đi trên đường đến **cội cây Assattha**<sup>(1)</sup> tại khu rừng Uruvelā, dọc hai bên đường toàn thể chư-thiên trang hoàng những đóa hoa trời, hương trời cúng dường Đức-Bồ-tát Siddhattha.

Cùng lúc ấy, một người cắt cỏ tên Sotthiya trên đường đi ngược chiều về phía Đức-Bồ-tát Siddhattha, nhìn thấy Đức-Bồ-tát Siddhattha liền phát sinh đức-tin trong sạch, nên cúng dường 8 năm cỏ lên Đức-Bồ-tát Siddhattha.

---

<sup>1</sup> Cây Assattha chính là cây Đại-Bồ-đề đồng sinh với Đức-Bồ-tát Siddhattha. Đúng 35 năm sau, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đi đến ngôi tại cội cây Đại-Bồ-đề, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.

Sau khi nhận 8 năm cỏ, Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự đi thẳng đến cội cây Assattha.

\* Đức-Bồ-tát Siddhattha đứng hướng Nam của cội cây Assattha, nhìn thẳng về hướng Bắc, có cảm giác mát thẳng bằng, như toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Nam bị chìm sâu xuống cõi đại-địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Bắc được nổi lên tận cõi trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

“Nơi này không phải là chỗ ta ngồi để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

\* Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự sang đứng hướng Tây của cội cây Assattha, nhìn thẳng về hướng Đông cũng như vậy, có cảm giác mát thẳng bằng, như toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Tây bị chìm sâu xuống cõi đại-địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Đông được nổi lên tận cõi trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:

“Nơi này không phải là chỗ ta ngồi để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”

\* Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự sang đứng hướng Bắc của cội cây Assattha, nhìn thẳng về hướng Nam cũng như vậy, có cảm giác mát thẳng bằng, như toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Bắc bị chìm sâu xuống cõi đại-địa-ngục Avīci, còn toàn cõi-giới chúng-sinh hướng Nam được

*nổi lên tận cõi trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, nên Đức-Bồ-tát nghĩ rằng:*

*“Nơi này không phải là chỗ ta ngồi để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”*

*\* Đức-Bồ-tát Siddhattha ngự sang đứng hướng **Đông** của cội cây Assattha, nhìn thẳng về hướng **Tây**.*

*Thật là phi thường thay! Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có cảm giác toàn khắp mọi cõi-giới chúng-sinh đều ở trong trạng-thái thẳng băng, nên Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha nghĩ rằng:*

*“Chính nơi này là chỗ ta ngồi để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.”*

*Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha trải tám năm cỏ tại hướng Đông của cội cây Assattha.*

*Thật là phi thường thay! Tại ngay chỗ ngồi ấy bỗng nhiên hóa thành **ngôi bồ-đoàn quý báu** có chiều cao 14 hắc tay thật là nguy nga lộng lẫy, mà không có nhà kiến trúc nào có tài nghệ tạo nên ngôi bồ-đoàn quý báu tuyệt vời như vậy được, bởi vì **ngôi bồ-đoàn quý báu** này phát sinh do oai lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama.*

*Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha* ngồi kiết già quay mặt về hướng Đông vãng vàng trên ngôi bồ-đoàn quý báu, rồi phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

*“Dù cho thịt và máu trong thân của ta có khô cạn, dù cho sắc thân này chỉ còn da bọc xương, nếu ta chưa trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, thì ta quyết không bao giờ rời khỏi ngôi bồ-đoàn quý báu này.”*

### **Ngôi bồ-đoàn nơi toàn thắng Ác-ma-Thiên**

*Ngay khi ấy, từ cõi trời Tha-hoá-tự-tại-thiên, Ác-ma-thiên hóa ra hàng ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cõi voi trời Girimekhala dẫn đầu đoàn thiên ma tướng, thiên ma binh rầm rộ hiện xuống vây quanh cội cây Assattha, kéo dài 12 do tuần. Bên trên hư không, chúng thiên ma binh dày đặc 9 do tuần, chúng la hét âm thanh vang dội kinh khủng làm chấn động khắp mọi nơi, quyết tranh giành cho được ngôi bồ-đoàn của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.*

*Vừa mới đây, chư-thiên, phạm-thiên từ 10 ngàn thế giới đến cung-kính cúng dường, tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.*

*Thoáng nhìn thấy Ác-ma-thiên cùng với thiên ma binh, thiên ma tướng trùng trùng điệp điệp*

từng đoàn, từng lớp hiện xuống, tất cả chư-thiên, phạm-thiên đều bay xa lánh mặt, trở về chỗ ở của mình, chỉ còn một mình **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha** vẫn điềm nhiên ngồi ngự trên ngai bồ-đoàn quý báu một cách an nhiên tự tại.

**Ác-ma-thiên** đã sử dụng đủ mọi loại vũ khí và phép thuật cực kỳ nguy hiểm, quyết hại **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha**, để chiếm đoạt ngai bồ-đoàn quý báu ấy, với mục đích ngăn cản không cho **Đức-Bồ-tát Siddhattha** trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác**.

Do oai-lực 30 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha** sắp trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác**, nên không có một loại phép thuật hay vũ khí nguy hiểm nào có thể làm hại **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha** được.

Quả thật như vậy, do oai-lực 30 pháp-hạnh Ba-la-mật của **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha**, các loại vũ khí và phép thuật của **Ác-ma-thiên** đều hóa thành những vật cứng dường **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác**.

Ngồi trên lưng voi trời Girimekhala, **Ác-ma-thiên** vô cùng căm uất chỉ tay về **Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha** ra lệnh rằng:

- *Này Sa-môn Gotama! Nhà ngươi hãy mau*

*mau rời khỏi ngôi bồ-đoàn ấy, vì ngôi bồ-đoàn ấy là của ta, không phải của người!*

*Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha từ tốn đáp lại rằng:*

*- Này Ác-ma-thiên! Ngôi bồ-đoàn quý báu này phát sinh do oai-lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành mà Như-Lai đã thực-hành từ vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại này.*

*Vì vậy, ngôi bồ-đoàn này thuộc về của Như-Lai, không phải của người.*

*Khi ấy, chỉ một mình Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu, ngoài ra, không còn có một ai bên cạnh Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha cả, nên Ác-ma-thiên đặt câu hỏi bắt bí Đức-Bồ-tát rằng:*

*- Thưa Sa-môn Gotama! Ngài nói rằng:*

*“Ngôi bồ-đoàn quý báu ấy thuộc về của Ngài. Vậy, ai làm chứng cho Ngài?”*

*Nhìn xung quanh đều không có một chư-thiên, phạm-thiên nào cả, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha bèn đưa bàn tay phải ra, rồi dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất như truyền dạy bằng lời chân thật rằng:*

*- “Tiền-kiếp của Như-Lai đã trải qua vô số kiếp*

*quá-khứ, đã từng tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật, có 5 hạnh đại-thí, 3 pháp-hành. Bây giờ, tại nơi đây không có chúng-sinh nào đứng ra làm chứng cho Như-Lai, chỉ có mặt đất không có tâm thức này có thể làm chứng cho Như-Lai được không?”*

*Thật là phi thường thay! Lời chân-thật của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha vừa chấm dứt, thì ngay tức khắc, mặt đất chuyển mình, rung động, phát ra những tiếng sấm sét long trời lở đất, làm cho Ác-ma-thiên kinh hoàng khiếp đảm, giục voi trời Girimekhala bỏ chạy trở về cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên; còn đám thiên ma binh, thiên ma tướng thì hỗn quân, hỗn quan vô cùng khiếp sợ, cũng hốt hoảng chạy tán loạn theo Ác-ma-thiên trở về cõi trời Tha-hóa-tự-tại-thiên.*

*Sau khi toàn thắng Ác-ma-thiên, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha vẫn ngồi ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu dưới cội cây Assattha vừa đúng lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng ló dạng hướng Đông. Khắp mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, chư-thiên 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên 15 tầng trời sắc-giới, Long-vương dưới long-cung, ... vui mừng reo hò vang dội khắp mọi nơi tán dương ca tụng oai lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha rằng:*



- Ác-ma-thiên đã hoàn toàn thất bại rồi!
- Đức-Bồ-tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!

Vì vậy, ngôi bồ-đoàn quý báu này được gọi là **“Aparājitapallaṅka”** nghĩa là ngôi bồ-đoàn quý báu nơi toàn thắng Ác-ma-thiên.

Chư-thiên, phạm-thiên đem những phẩm vật quý báu nhất từ cõi trời đến cúng dường, tán dương oai-lực của 30 pháp-hạnh ba-la-mật của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha.

### **Đức-Bồ-Tát Siddhattha chứng đắc tam-minh**

Sau khi toàn thắng Ác-ma-thiên vào canh đầu đêm rằm tháng tư âm lịch, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha thực-hành **pháp-hành thiền-định** (samathabhāvanā) với đề-mục niệm hơi thở vào, hơi thở ra (anāpānassati) tuần tự chứng đắc 4 bậc thiền sắc-giới:

- Chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 chi-thiền là hương-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, định, do chế ngự được 5 pháp chướng-ngại là tham-dục, sân-hận, buồn-chán - buồn-ngủ, phóng-tâm - hối-hận, hoài-nghi.

- Chứng đắc đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm có 3 chi-thiền là hỷ, lạc, định, do chế ngự được 2 chi-thiền là hương-tâm, quan-sát.

- Chứng đắc đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm

có 2 chi-thiền là lạc, định, do chế ngự được 1 chi-thiền là hỷ.

- Chứng đắc đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm có 2 chi-thiền là xả, định, do chế ngự được 1 chi-thiền lạc, thay bằng chi-thiền xả.

Đó là 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng để chứng đắc tam-minh.

### **Tam-Minh (tevijja)**

1- **Tiền-kiếp-minh** (*pubbenivāsānussatiñāṇa*) Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, có định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiền-tâm không lay động, làm nền tảng để Đức-Bồ-tát hướng tâm đến chứng đắc **tiền-kiếp-minh**: trí-tuệ nhớ rõ lại tiền-kiếp, từ một kiếp đến hàng trăm kiếp, hàng ngàn kiếp, hàng vạn kiếp, hàng triệu triệu triệu kiếp, ... cho đến vô lượng kiếp không giới hạn.

Tiền-kiếp-minh là trí-tuệ nhớ rõ tiền-kiếp thuộc loại chúng-sinh nào, trong cõi-giới nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, thực-hành đại-thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, tạo pháp-hạnh ba-la-mật nào, v.v...

**Tiền-kiếp-minh** là minh thứ nhất mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã chứng đắc vào canh đầu đêm rằm tháng tư (âm lịch).

2- **Thiên-nhãn-minh** (*dibbacakkhuñāṇa*) Đức-

Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, có định-tâm trong sáng thanh-tịnh, thiền-tâm không lay động làm nền tảng để Đức-Bồ-tát hướng tâm đến chứng đắc **thiên-nhãn-minh**: trí-tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá-khứ, kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh hơn thiên-nhãn của chư-thiên, phạm-thiên.

**Thiên-nhãn-minh** có 2 loại:

- **Tử-sinh-minh** (*cutūpapātañāṇa*): Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sự tử, sự tái-sinh của tất cả chúng-sinh muôn loài trong các cõi-giới chúng-sinh, do nghiệp nào, do quả của nghiệp nào, ...

- **Vị-lai kiến-minh** (*anāgatamañāṇa*): Trí-tuệ thấy rõ những kiếp vị-lai của tất cả chúng-sinh.

Chư Phật sử dụng **vị-lai kiến-minh** này để thọ ký, xác định thời gian còn lại của các Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-giác, Đức-Bồ-tát Độc-giác, các vị Bồ-tát thanh-văn-giác, v.v... xác định thời gian còn lại của các chúng-sinh trong kiếp vị-lai xa xăm.

**Thiên-nhãn-minh** là minh thứ nhì mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã chứng đắc vào lúc canh giữa đêm rằm tháng tư (âm lịch).

**3- Trâm-luân tận-minh** (*āsavakkhayañāṇa*)  
Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha dùng đệ tứ thiền sắc-giới làm nền tảng, để **thực-hành**

**pháp-hành thiên-tuệ** có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ các pháp **thập-nhị duyên-sinh** (*paṭṭicasamup-pāda*) là đối-tượng pháp-hành thiên-tuệ của chư Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

\* Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thập-nhị duyên-sinh** theo chiều thuận, chiều sinh như sau:

- Do vô-minh làm duyên, nên tạo các ác-nghiệp, các thiện-nghiệp tam-giới (*Avijjāpaccayā saṅkhārā*).

- Do các nghiệp làm duyên, nên tái-sinh-tâm (các quả-tâm) sinh (*Saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ*).

- Do tái-sinh-tâm làm duyên, nên sắc-pháp danh-pháp sinh (*Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ*).

- Do sắc-pháp danh-pháp làm duyên, nên lục-xứ sinh (*Nāmarūpapaccayā saḷāyatanam*).

- Do lục-xứ làm duyên, nên lục-xúc sinh (*Saḷāyatanapaccayā phasso*).

- Do lục-xúc làm duyên, nên lục-thọ sinh. (*Phassapaccayā vedanā*).

- Do lục-thọ làm duyên, nên lục-ái sinh (*Vedanāpaccayā taṇhā*).

- Do lục-ái làm duyên, nên tứ-thủ sinh (*Taṇhāpaccayā upādānaṃ*),

- Do tứ-thủ làm duyên, nên nhị-hữu sinh (*Upādānapaccayā bhavo*).

- Do nhị-hữu làm duyên, nên tái-sinh sinh (Bhavapaccayā jāti).

- Do tái-sinh làm duyên, nên lão, tử, sầu não, khóc than, khổ thân, khổ tâm, nỗi thống khổ sinh. (Jātipaccayā jarā maraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāsā sambhavanti).

Do vô-minh, v.v... làm duyên, nên **sự sinh** của toàn khổ-uẩn đều sinh như vậy (Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti).

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **thập-nhị duyên-sinh** theo chiều-thuận, chiều-sinh, để thấy rõ, biết rõ “**sự-sinh**” của mỗi pháp, nên trí-tuệ thiên-tuệ chứng ngộ chân-lý **khổ-thánh-đế** và **nhân sinh khổ-thánh-đế**.

\* Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **thập-nhị nhân-diệt** theo chiều nghịch, chiều diệt như sau:

- Do A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được vô-minh không còn dư sót, nên diệt tận được các hành (các nghiệp) (Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho).

- Do diệt tận được các hành (các nghiệp), nên diệt tận được tái-sinh-tâm (các quả-tâm) (Saṅkhāranirodhā viññānanirodho).

- Do diệt tận được tái-sinh-tâm, nên diệt tận

được sắc-pháp, danh-pháp (*Viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho*).

- Do diệt tận được sắc-pháp, danh-pháp, nên diệt lục-xứ (*Nāmarūpanirodhā saḷāyatana-nirodho*).

- Do diệt tận được lục-xứ, nên diệt tận được lục-xúc (*Saḷāyatananirodhā phassanirodho*).

- Do diệt tận được lục-xúc, nên diệt tận được lục-thọ (*Phassanirodhā vedanānirodho*).

- Do diệt tận được lục-thọ, nên diệt tận lục-ái (*Vedanānirodhā taṇhānirodho*).

- Do diệt tận được lục-ái, nên diệt tận tứ-thủ (*Taṇhānirodhā upādānanirodho*).

- Do diệt tận được tứ-thủ, nên diệt tận được nhị-hữu (*Upādānanirodhā bhavanirodho*).

- Do diệt tận được nhị-hữu, nên diệt tận được tái-sinh (*Bhavanirodhā jātinirodho*).

- Do diệt tận được tái-sinh, nên diệt tận được lão, tử, sầu não, khóc than, khổ thân, khổ tâm, nổi thống khổ (*Jātipaccayā jarā maraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāsā nirujjhanti*).

Do A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ diệt tận được vô-minh không còn dư sót, v.v... nên **sự diệt** của toàn khổ-uẩn đều diệt tận được như vậy (*Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti*).

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **thập-nhị nhân-diệt** theo chiều-nghịch, chiều-diệt, để thấy rõ, biết rõ “**sự-diệt**” của mỗi pháp, nên trí-tuệ thiên-tuệ chứng ngộ chân-lý **diệt khổ-thánh-đế** và **pháp-hành dẫn đến diệt khổ-thánh-đế**.<sup>(1)</sup>

Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **thập-nhị duyên-sinh, thập-nhị nhân-diệt** theo chiều-thuận, theo chiều-nghịch, chiều-sinh, chiều-diệt, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự-sinh, sự-diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế** đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 4 pháp-trâm-luân (āsava) bằng 4 Thánh-đạo-tuệ theo tuần tự như sau:

1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 pháp-trâm-luân là **tà-kiến trâm-luân** (diṭṭhāsava) đồng thời diệt tận được tất cả mọi tà-kiến khác không còn dư sót.

2- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu rõ các pháp *thập-nhị-duyên-sinh* này trong phần nội dung Paṭiccasamuppāda.

pháp-trầm-luân là **tham-dục trầm-luân** (*kāmā-sava*) trong ngũ-dục loại thô (còn loại vi-tế chưa diệt được) đồng thời diệt tận được tất cả mọi tham-tâm trong ngũ-dục loại thô khác.

3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 pháp-trầm-luân là **tham-dục trầm-luân** (*kāmā-sava*) trong ngũ-dục loại vi-tế không còn dư sót, đồng thời diệt được tất cả mọi tham-tâm trong ngũ-dục loại vi-tế khác.

4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 pháp-trầm-luân là **kiếp-sinh trầm-luân** (*bhavā-sava*) và **vô-minh trầm-luân** (*avijjāsava*) không còn dư sót.

**Trầm-luân-tận-minh** là minh thứ ba mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã chứng đắc vào lúc canh chót đêm rằm tháng tư (âm lịch).

Như vậy, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đã tự mình chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế** đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 **Thánh-đạo**, 4 **Thánh-quả**, **Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp không còn dư sót, đặc biệt diệt tận được tất cả mọi tiền-khiên-tật xấu (*vāsanā*) đã tích lũy từ vô thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng đầu tiên trong muôn ngàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác**



độc nhất vô nhị, có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama** lúc Ngài tròn đúng 35 tuổi, tại cội cây *Assattha*<sup>(1)</sup> gọi là cây Đại-Bồ-đề (*mahābodhirukkha*) của Đức-Phật Gotama trong khu rừng Uruvelā (nay là *Buddhagayā*, Bihar, nước Ấn-Độ).

Mười ngàn cõi-giới chúng-sinh, chư-thiên từ mặt đất lên tận đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh, chư-thiên, phạm-thiên vô cùng vui mừng hoan hỷ thốt lên lời:

*Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

**\* *Buddho uppanno!***

*Đức-Phật-bảo đã xuất hiện trên thế gian rồi!*

**\* *Dhammo uppanno!***

*Đức-Pháp-bảo đã xuất hiện trên thế gian rồi!*

**\* *Samgho uppanno!***

*Đức-Tăng-Bảo cũng sẽ xuất hiện trên thế gian này!*

Tiếng hoan hô vang dội khắp toàn mười ngàn cõi-giới chúng-sinh.

Toàn thể mười ngàn cõi-giới, chư-thiên, phạm-thiên đem những phẩm vật quý báu nhất từ các cõi trời đến cúng dường **Đức-Phật Gotama** và tán dương ca tụng hằng ngàn bài kệ.

---

<sup>1</sup> Cây *Assattha* trong khu rừng *Uruvelā* này đồng sinh với Đức-Bồ-tát *Siddhattha* cách nay tròn đúng 35 năm.

## Phật Ngôn Đầu Tiên Của Đức-Phật Gotama

Khi ấy, Đức-Phật Gotama tự thuyết ở trong tâm bằng hai bài kệ rằng:

*“Anekajāti saṃsāraṃ,  
sandhāvissaṃ anibbisaṃ.  
Gahakāraṃ gavesanto,  
dukkhā jāti punappunaṃ.  
Gahakāraka! diṭṭho’si,  
puna gehaṃ na kāhasi.  
Sabbā te phāsukā bhaggā,  
gahakūṭaṃ visaṅkhataṃ.  
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ,  
taṇhānaṃ khayamajjhagā.”<sup>(1)</sup>*

- Nay “tham-ái” người thợ xây nhà “thân”!  
Nhu-Lai cố tìm người mà chưa gặp.  
Nên tử sinh luân-hồi vô số kiếp.  
Tái-sinh mãi trong tam-giới là khổ.

- Nay “tham ái”! người thợ xây nhà “thân”  
Bây giờ Nhu-Lai đã gặp người rồi.  
Tất cả sườn nhà “phiền-não”<sup>(2)</sup> của người.  
Nhu-Lai đã hủy hoại sạch cả rồi.  
Đỉnh nhà “vô-minh” cũng bị tiêu diệt.  
Nay, người không còn xây nhà Nhu-Lai.

<sup>1</sup> Dhammapadagāthā số 153 và số 154.

<sup>2</sup> Phiền-não có tất cả 1500 loại, ...

*Tâm Như-Lai đã chứng ngộ Niết-bàn.  
Diệt tận tất cả mọi “tham-ái”<sup>(1)</sup>  
Như-Lai đã chứng đắc A-ra-hán.*

*Hai bài kệ cảm ứng tự thuyết ở trong tâm của Đức-Phật Gotama này là Phật ngôn đầu tiên của Đức-Phật Gotama (Paṭhamabuddhavacana).*

### **Đức-Phật hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn**

*Sau khi đã trở thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**, Đức-Phật an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ, gồm có 49 ngày như sau:*

***1- Tuần lễ thứ nhất:** Đức-Phật ngự trên ngôi bồ-đoàn quý báu, tại cội Đại-Bồ-đề, ban ngày nhập A-ra-hán Thánh-quả, ban đêm suy xét thập-nhi duyên-sinh theo chiều-thuận, chiều-sinh; suy-xét thập-nhi nhân-diệt theo chiều-nghịch, chiều-diệt. Và tiếp theo 6 ngày sau, Đức-Phật nhập **A-ra-hán Thánh-quả**, an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn, suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 22 tháng 4, gọi là tuần lễ “Pallaṅkasattāha”.*

***2- Tuần lễ thứ nhì:** Đức-Phật rời khỏi ngôi bồ-đoàn quý báu, ngự về phía Đông Bắc, cách*

---

<sup>1 2</sup> Tham-ái có tất cả 108 loại.

cội Đại-Bồ-đề 14 sai tay. Đức-Phật đứng nhìn về ngôi bồ-đoàn quý báu, nơi mà Đức-Phật đã toàn thắng 5 loại māra, đã trở thành **Đức-Phật Chánh-Đấng-Giác**.

Đức-Phật đứng nhìn ngôi bồ-đoàn quý báu không nháy mắt, suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 23 tháng 4 đến ngày 29 tháng 4, gọi là tuần lễ “Animisasattāha”.

**3- Tuần lễ thứ ba:** Đức-Phật đi kinh hành trên đoạn đường dài 60 hắc tay, được làm bằng 7 loại châu báu, do chư-thiên hóa ra để cúng dường Đức-Phật.

Đoạn đường này ở phía Bắc gần cội Đại-Bồ-đề theo chiều Đông Tây. Đức-Phật hóa phép thần-thông *yamakapaṭihāriya* hóa thành 2 dòng nước và lửa song song phát ra từ nơi kim thân của Ngài, rồi Đức-Phật ngự đi kinh hành, suy-xét về chánh-pháp suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 6 tháng 5, gọi là tuần lễ “Caṅkamasattāha”.

**4- Tuần lễ thứ tư:** Đức-Phật ngự ngôi tại lầu đài bằng vàng, về phía Tây Bắc của cội Đại-Bồ-đề do chư-thiên hóa ra để cúng dường Đức-Phật. Tại nơi đây, Đức-Phật suy-xét về Tạng Vi-Diệu-Pháp (*Abhidhammapiṭaka*) gồm có 7 bộ:

- Bộ *Dhammasaṅganī*: Bộ pháp-hội-tụ.

- Bộ Vibhaṅga: Bộ pháp-phân-tích.
- Bộ Dhātukathā: Bộ pháp-phân-loại.
- Bộ Puggalapaññatti: Bộ chúng-sinh chế-định.
- Bộ Kathāvatthu: Bộ pháp-luận-đề.
- Bộ Yamaka: Bộ pháp-song-đối.
- Bộ Paṭṭhāna: Bộ pháp-duyên-hệ.

Suy xét suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 7 tháng 5 đến ngày 13 tháng 5, gọi là tuần lễ “Ratana-gharasattāha”.

**5- Tuần lễ thứ năm:** Đức-Phật ngự đến ngôi cội cây da ở phía Đông, cách cội Đại-Bồ-đề 32 sải tay, khi thì Đức-Phật suy xét chánh-pháp, khi thì Đức-Phật nhập A-ra-hán Thánh-quả. Khi ấy, có 3 cô thiên-nữ: Taṇhā, Aratī và Rāgā là con gái của Ác-ma-thiên, từ cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên hiện xuống, để quyến rũ Đức-Phật, với lời nói lẳng lơ và bằng điệu bộ gợi tình, nhưng Đức-Phật không quan tâm, vẫn an nhiên tự tại nhập A-ra-hán Thánh-quả, an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn.

Ba nàng thiên-nữ đã dùng hết khả năng của mình mà không thể cảm dỗ được Đức-Phật, bởi vì Đức-Phật là bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, nên không một ai trong tam-giới này có thể làm cho tâm Đức-Phật xao động. Ba nàng

*thiên-nữ không quyến rũ được Đức-Phật, nên hồi tâm tán dương ca tụng Đức-Phật, rồi từ giã trở về cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên.*

*Đức-Phật ngự tại cội da này nhập A-ra-hán Thánh-quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 14 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5, gọi là tuần lễ “Ajapālasattāha”.*

**6- Tuần lễ thứ sáu:** *Đức-Phật ngự đến ngôi tại cội me gần hồ Mucalinda, cách xa cội Đại-Bồ-đề 51 sải tay, về phía Đông Nam, Đức-Phật ngồi nhập A-ra-hán Thánh-quả. Khi ấy, trời mưa lớn, Đức-Long-Vương Mucalinda hiện ra dùng thân mình cuộn thành vòng tròn, chồng lên 7 vòng, để bao bọc xung quanh kim thân Đức-Phật, và phồng mang che trên đầu Đức-Phật, để mưa không làm ướt và lạnh. Đức-Long-vương tỏ lòng thành kính cúng dường Đức-Phật.*

*Đức-Phật nhập A-ra-hán Thánh-quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 27 tháng 5, gọi là tuần lễ “Mucalindasattāha”.*

**7- Tuần lễ thứ bảy:** *Đức-Phật ngự đến ngôi tại cội cây gọi là Rājāyatana cách xa cội Đại-Bồ-đề 4 sải tay, về phía Nam. Đức-Phật nhập A-ra-hán Thánh-quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 5 tháng 6, gọi là tuần lễ “Rājāyatanasattāha”.*

*Như vậy, Đức-Phật đã an hưởng pháp vị an-lạc giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ, gồm có 49 ngày xung quanh cội Đại-Bồ-đề.<sup>(1)</sup>*

### **Cúng dường vật thực đầu tiên lên Đức-Phật**

*Sau khi Đức-Phật Gotama an hưởng pháp vị an-lạc giải thoát Niết-bàn suốt 7 tuần lễ gồm có 49 ngày đêm xong, Đức-Phật ngự đến ngồi dưới một cội cây. Khi ấy, hai anh em lái buôn tên **Tapussa** và **Bhallika** dẫn đoàn xe bò 500 chiếc đi ngang qua, một thiên-nữ trong kiếp quá-khứ đã từng là mẹ của hai anh em lái buôn hiện ra, báo cho hai anh em lái buôn biết rằng:*

*- Này hai con! Đức-Phật đã xuất hiện trên thế gian rồi, Đức-Phật an hưởng pháp vị an-lạc suốt 7 tuần lễ gồm có 49 ngày qua, chưa độ vật thực.*

*Vậy, hai con là người đầu tiên đem vật thực đến cúng dường lên Đức-Phật.*

*Nghe thiên-nữ báo tin như vậy, hai anh em vô cùng hoan hỷ đem vật thực ngon lành đến dâng lễ, rồi cúng dường lên **Đức-Phật Gotama**.*

***Đức-Phật Gotama** thọ nhận vật thực của hai anh em lái buôn đầu tiên. Sau khi Đức-Phật Gotama độ vật thực và độ nước xong, hai anh*

---

<sup>1</sup> Hiện-tại Buddhagayā nước Ấn-Độ quanh cội Đại-Bồ-đề có đánh dấu kỷ niệm 7 nơi mà Đức-Phật Gotama đã an hưởng pháp vị giải thoát Niết-bàn.

em đánh lễ Đức-Phật, kính xin thọ phép quy-y  
 Nhị-bảo rằng:

“Ete mayam Bhante, Bhagavantam saraṇam  
 gacchāmi, Dhammañca, upāsake no Bhagavā  
 dhāretu. Ajjatagge pānupete saraṇam gate.<sup>(1)</sup>

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con thành  
 kính xin quy y nơi Đức-Thế-Tôn và xin quy y nơi  
 Đức-Pháp-bảo.

- Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận hai chúng  
 con là người cận-sự-nam (upāsaka) đã quy y  
 Nhị-bảo kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Hai anh em Tapussa và Bhallika là hai cận-  
 sự-nam (upāsaka) đã quy y **Nhị-bảo đầu tiên**  
 trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Hai anh em Tapussa và Bhallika kính xin  
 Đức-Phật ban cho báu vật để tôn thờ. Đức-Phật  
 Gotama ban 8 sợi tóc gọi là **8 sợi xá-lợi tóc** cho  
 hai anh em lái buôn thỉnh về tôn thờ (nay **8 sợi**  
**xá-lợi tóc** được tôn thờ trong ngôi bảo tháp lớn  
 Shwê-đa-gôn tại Yangon, thủ đô nước Myanmar).

### **Đức-Phật suy tư về pháp siêu-tam-giới**

Đức-Phật suy xét về 9 pháp siêu-tam-giới  
 (lokuttaradhamma) mà Đức-Phật đã chứng đắc:

---

<sup>1</sup> Vinayapīṭakapāli, Mahāvagga, Rājāyatanakathā.



\* **4 Thánh-đạo** (Ariyamagga) là pháp diệt tận mọi phiền-não.

\* **4 Thánh-quả** (Ariyaphala) là pháp làm vắng lặng mọi phiền-não.

\* **1 Niết-bàn** là pháp giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.

**9 pháp siêu-tam-giới** này là pháp của bậc Thánh-nhân mà thôi. Còn chúng-sinh phàm-nhân làm tội tớ của 108 loại tham-ái và làm nô lệ 1.500 loại phiền-não đang bị dính mắc trong ngũ-dục, bị say mê trong ngũ-dục, bị đắm chìm trong ngũ-dục, thì khó mà chứng ngộ được **chân-lý tứ Thánh-đế**, khó mà chứng đắc được **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn** là **9 pháp siêu-tam-giới**.

Đức-Thế-Tôn suy nghĩ rằng:

“Nếu Như-Lai thuyết pháp mà chúng-sinh không hiểu rõ chánh-pháp, không thực-hành đúng theo chánh-pháp, không chứng đắc pháp siêu-tam-giới cao thượng, thì chỉ làm cho Như-Lai vất vả, mệt nhọc, hoài công vô ích mà thôi.”

Vì vậy, Đức-Phật chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Theo lệ thường, Chư Phật thuyết pháp cần phải có đầy đủ 2 điều kiện:

1- *Chủ thể: Đức-Phật có tâm đại-bi (mahā-karuṇā) muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh giải thoát mọi cảnh khổ. Điều kiện này đã sẵn có nơi Đức-Phật.*

2- *Khách thể: Vị Đại-Phạm-thiên thỉnh cầu Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh.*

*Đó là điều kiện làm cho chúng-sinh phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, bởi vì các đạo-sĩ, sa-môn, bà-la-môn, vua chúa, dân chúng, chư-thiên đều tôn kính Đại-Phạm-thiên. Nay, Đại-Phạm-thiên tôn kính Đức-Phật, kính thỉnh cầu Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh, thì ắt hẳn phần đông chúng-sinh nhân-loại, vua chúa, đạo-sĩ, sa-môn, bà-la-môn, chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ, chư phạm-thiên, ... cũng đều tôn kính Đức-Phật.*

*Do đại-thiện-tâm tôn kính ấy, chúng-sinh mới có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, cho nên khi Đức-Phật thuyết pháp thì tất cả chúng-sinh, nhân-loại, vua chúa, đạo-sĩ, sa-môn, bà-la-môn, chư vị thiên-nam, vị thiên-nữ, chư phạm-thiên, ... mới lắng nghe chánh-pháp, rồi thực-hành đúng theo chánh-pháp của Đức-Phật.*

## **Đại-Phạm-thiên thỉnh Đức-Phật thuyết pháp**

*Biết Đức-Phật Gotama đang còn do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng-sinh, nên vị Đại-Phạm-thiên Sahampati bèn thông báo cho toàn thể phạm-thiên, chư thiên khắp mười ngàn cõi-giới chúng-sinh hay biết rằng:*

- *Nassati vata Bho loko!*

- *Vinassati vata Bho loko!*<sup>(1)</sup>

*- Nay chư vị! Toàn cõi-giới chúng-sinh bị bắt lợi!*

*- Nay chư vị! Toàn cõi-giới chúng-sinh bị thiệt hại!*

*Bởi vì, Đức-Phật Gotama đang do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ, cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

*Cho nên, Đại-Phạm-thiên Sahampati cùng chư-thiên, chư phạm-thiên khắp mười ngàn cõi-giới hiện xuống kính lễ Đức-Thế-Tôn, đồng kính thỉnh rằng:*

- *Desetu Bhante Bhagavā dhammaṃ.*

- *Desetu Sugato dhammaṃ.*

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tất cả chúng con hết lòng thành kính cung thỉnh Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.*

---

<sup>1</sup> Bộ Majjhimanikāyapāḷi, Mūlapaṇṇāsapāḷi, Pāsārāsisutta.

- Kính bạch Đức-Thiện-Ngôn, tất cả chúng con hết lòng thành kính cung thỉnh Đức-Thiện-Ngôn có tâm đại-bi thuyết pháp tế độ chúng-sinh.

Có số chúng-sinh nào phiền-não nhẹ, có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn. Nếu số chúng-sinh ấy không có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Thế-Tôn, thì sự thiệt hại sẽ lớn lao biết dường nào!

Nghe lời thỉnh cầu của vị Đại-Phạm-thiên Sahampati cùng chư-thiên, chư phạm-thiên, Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi suy xét bằng Phật-nhãn (Buddhacakkhu) thấy rõ, biết rõ có số chúng-sinh có phiền-não nhẹ, có số chúng-sinh có phiền-não nặng, có số chúng-sinh có 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ đủ năng lực, có số chúng-sinh có 5 pháp-chủ ít năng lực, có số chúng-sinh dễ dạy, có số chúng-sinh khó dạy.

Ví như 4 đóa hoa sen.<sup>(2)</sup>

1- Có số đóa hoa sen vượt qua khỏi mặt nước, chờ tiếp xúc với ánh sáng mặt trời liền nở ngay ngày hôm ấy.

2- Có số đóa hoa sen vươn lên, nằm ngang tầm mặt nước, sẽ chờ nở vào ngày hôm sau.

<sup>2</sup> Bộ Chú-giải Majjhimanikāya, Mūlapannāsa, kinh Pāsarāsisutta.

3- Có số đóa hoa sen còn ở dưới mặt nước, sẽ chờ thời gian 3 hoặc 4 hôm nữa mới nở được.

4- Có số đóa hoa sen còn non vừa mới tượng hình ở dưới nước sâu. Những mầm sen non ấy sẽ làm vật thực cho loài rùa, cá, ...

4 loại đóa hoa sen này được so sánh như 4 hạng người ở trong đời:

1- **Ugghāṭitaññū**: Hạng người có trí-tuệ bậc thượng, bèn chạy khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp, chưa cần khai triển, hay trong một bài kệ có 4 câu, chỉ nghe 2 câu đầu, hạng người có trí-tuệ bậc thượng ấy có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, ngay khi ấy.

2- **Vipañcitaññū**: Hạng người có trí-tuệ bậc trung khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp và **khai triển**, hay được nghe một bài kệ đầy đủ 4 câu, hạng người có trí-tuệ bậc trung ấy có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, ngay sau đó.

3- **Neyya**: Hạng người có trí-tuệ bậc hạ khi được nghe **tiền đề** của chánh-pháp và **khai triển** xong, còn cần phải có thời gian thân cận gần gũi với bậc Thánh-nhân, bậc thiện-trí hướng dẫn chỉ dạy thêm, hạng người có trí-tuệ bậc hạ ấy mới có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ

*Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trong kiếp hiện-tại này.*

**4- Padaparama:** *Hạng người có trí-tuệ kém dù được nghe nhiều, học nhiều đi nữa hoặc có thân cận với bậc thiện-trí, người có trí-tuệ kém ấy cũng chưa có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trong kiếp hiện-tại này. Nhưng đây là một cơ hội tốt, một dịp may, để bồi bổ pháp-hạnh ba-la-mật, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, trong kiếp vị-lai.*

*Đức-Phật xem xét tất cả chúng-sinh bằng Phật-nhãn thấy rõ, biết rõ có 4 hạng người trong đời như vậy, cho nên, sự thuyết pháp của Đức-Phật sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho 3 hạng người trước có khả năng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn ngay trong kiếp hiện-tại, và cũng đem lại lợi ích cho hạng người thứ tư (padaparama) trong kiếp vị-lai.*

*Vì vậy, Đức-Phật nhận lời thỉnh cầu của vị Đại-Phạm-thiên Sahampati, Đức-Phật sẽ thuyết pháp tế độ chúng-sinh. Đức-Phật dạy rằng:*

*- Nay Đại-Phạm-thiên Sahampati! Trước đây chưa có đủ điều kiện nên Như-Lai chưa thuyết pháp tế độ chúng-sinh.*

- *Này Đại-Phạm-thiên Sahampati! Bây giờ, Như-Lai nhận lời thỉnh cầu của các người, Như-Lai sẽ thuyết pháp tế độ cho những chúng-sinh có duyên lành nên tế độ, để giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

*Khi biết Đức-Thế-Tôn đã nhận lời thỉnh cầu, nên vị Đại-Phạm-thiên Sahampati cùng toàn thể chư-thiên, chư phạm-thiên vô cùng hoan hỷ đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về cõi-giới của mình.*

*Thật ra, trong đời này, chỉ có Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót và chư Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót mới không cần lắng nghe chánh-pháp từ một vị thầy nào, mà tự mình thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-nã, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên gọi là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh, hoặc trở thành Đức-Phật Độc-Giác mà thôi.*

*Ngoài Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác kiếp chót và chư Bồ-tát Độc-Giác kiếp chót ra, còn tất cả chư Bồ-tát thanh-văn-giác bậc nào cũng đều cần phải lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, rồi thực-hành theo*

pháp-hành thiên-tuệ mới có thể dẫn đến chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế y theo Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chứng đắc như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** (ditṭhi) và **hoài-nghi** (vicikicchā), trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

- Chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân** (dosa) **loại thô**, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

- Chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não **sân** (dosa) **loại vi-tế**, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.

- Chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anotappa) không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng.

Được trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật bậc nào là hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ,



*niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi bậc Thánh-nhân.*

*Thật vậy, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, Ngài Đại Trưởng-lão Sāriputta là bậc Thánh Tối-Thượng thanh-văn-giác xuất sắc bậc nhất về trí-tuệ, trong hàng Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật. Vậy mà khi Ngài còn là tu-sĩ Upatissa đệ-tử của vị đạo-sư Sañcaya, Ngài không thể chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, cho đến khi tu-sĩ Upatissa lắng nghe Ngài Đại-Trưởng-lão Assaji thuyết dạy một bài kệ gồm 4 câu, vừa nghe 2 câu đầu, tu-sĩ Upatissa liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.*

*Vì vậy, gọi là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.*

### **Chuyên-Pháp-Luân đầu tiên**

*Đức-Phật Gotama suy xét nên thuyết pháp tế độ cho ai đầu tiên, Đức-Phật liền nghĩ đến vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta là bậc thiện-trí có trí-tuệ, nếu vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta được nghe chánh-pháp thì sẽ nhanh chóng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.*

Khi ấy, chư-thiên đến hầu Đức-Phật và bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch được 7 ngày qua.

Đức-Phật xem xét thấy đúng vị Đạo-sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch, đệ tam thiên vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên **Vô-sở-hữu-xứ-thiên**.

Đức-Phật suy nghĩ rằng:

“Thật là sự bất lợi lớn lao quá!”<sup>(1)</sup>

Tiếp đến, Đức-Phật nghĩ đến vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta là bậc thiện-trí có trí-tuệ, nếu vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta được nghe chánh-pháp thì sẽ nhanh chóng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn.

Khi ấy, chư-thiên đến hầu Đức-Phật và bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta vừa mới viên tịch chiều hôm qua.

Đức-Phật xem xét, thấy đúng vị Đạo-sư Udaka Rāmaputta đã viên tịch, đệ tứ thiên vô-sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh lên tầng trời **Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên**.

---

<sup>1</sup> **Sự bất lợi** ở đây có nghĩa: Chúng-sinh ở cõi trời vô-sắc-giới, không có sắc-uẩn, nên không có tai để nghe được chánh-pháp, đã mất đi cơ hội tốt hiếm có, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

*Đức-Phật nghĩ rằng:*

*“Thật là sự bất lợi lớn lao quá!”*

*Tiếp đến, Đức-Phật nghĩ đến nhóm 5 tỳ-khuru đã từng phụng sự, hộ độ cho Đức-Phật trong suốt thời gian còn là Đức-Bồ-tát Siddhattha thực-hành pháp khổ-hạnh. Đức-Phật nghĩ rằng:*

*“Vây, Như-Lai nên thuyết pháp tế độ nhóm 5 tỳ-khuru này đầu tiên.”*

*Khi ấy, nhóm 5 tỳ-khuru đang trú tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī. Đức-Phật từ khu rừng Uruvelā ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana ấy, để thuyết pháp tế độ nhóm 5 tỳ-khuru: Ngài Koṇḍañña trưởng nhóm, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.*

### **Đức-Phật thuyết Kinh Chuyên-Pháp-Luân**

*Đức-Phật Gotama ngự đi đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, nhằm vào ngày rằm tháng 6, sau khi trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tròn đúng hai tháng.*

*Nhóm 5 tỳ-khuru nhìn thấy **Đức-Phật Gotama** từ xa đi đến, họ nghĩ lầm rằng:*

*“Sa-môn Gotama đã từ bỏ sự tinh-tấn thực-hành pháp khổ-hạnh để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, mà trở lại đời sống sung túc.”*

Vì nghĩ sai như vậy, nên nhóm 5 tỳ-khuru không còn đức-tin và sự kính trọng Đức-Phật như trước, họ đồng ý thỏa thuận với nhau rằng:

“Chúng ta không đứng dậy đón rước, không tiếp nhận y và bát, không đánh lễ, chỉ nên sắp đặt chỗ để cho Sa-môn Gotama ngồi mà thôi.”

Nhưng khi **Đức-Phật Gotama** ngự đi đến gần, do oai lực và tâm đại-bi của Đức-Phật, nhóm 5 tỳ-khuru không còn nhớ lời giao ước, mà mỗi người đều tự động đứng dậy cung kính đón rước. Vị nhận y bát, vị lấy nước rửa chân, vị thì sắp đặt trái chỗ ngồi cao quý, thỉnh Đức-Phật ngự đến ngồi chỗ cao quý ấy. Nhưng cách xưng hô của họ đối với Đức-Phật vẫn bằng cách gọi “*Āvuso*” không hợp lẽ đạo, thiếu sự cung kính đối với Đức-Phật Gotama.

Nghe vậy, Đức-Phật dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Các con không nên gọi Như-Lai bằng tiếng Āvuso*<sup>(1)</sup>. Như-Lai là Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Như-Lai sẽ thuyết pháp giảng dạy chánh-pháp mà Như-Lai đã chứng ngộ. Các con hãy lắng nghe chánh-pháp, rồi thực-hành theo chánh-pháp, các con cũng sẽ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Như-lai,

---

<sup>1</sup> “*Āvuso*” từ dùng để gọi vị nhỏ hạ. “*Bhante*” từ dùng để gọi vị cao hạ một cách tôn kính.

chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, y theo Như-Lai đã chứng đắc.

Nhóm 5 tỳ-khuru vẫn chưa tin theo lời dạy của Đức-Phật, vì nghĩ rằng:

“Trước kia Sa-môn Gotama thực-hành pháp-khổ-hạnh đến như thế, mà không trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác. Nay, Sa-môn Gotama trở lại đời sống sung túc như vậy, có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được hay sao?”

Thấu hiểu rõ sự hoài-nghi của nhóm 5 tỳ-khuru, nên Đức-Thế-Tôn đã giải thích làm cho nhóm 5 tỳ-khuru hiểu rõ, không còn hoài-nghi nữa, cuối cùng, họ hết lòng tôn kính Đức-Phật và phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật.

Khi ấy, mặt trời sắp lặn ở hướng Tây, mặt trăng ló dạng ở hướng Đông, lần đầu tiên **Đức-Phật Gotama** thuyết-pháp giảng giải bài kinh **Dhammacakkappavattanasutta**:<sup>(1)</sup> Kinh Chuyển-pháp-luân, để tế độ nhóm 5 tỳ-khuru: Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī.

(Toàn bài kinh Pāli và ý nghĩa bài kinh trong phần nội dung.)

---

<sup>1</sup> Samyuttanikāya, Mahāvagga, Dhammacakkappavattanasutta.

### Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikoṇḍañña

Sau khi lắng nghe Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân xong, trong nhóm 5 tỳ-khưu ấy chỉ có **Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña** là bậc thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama đầu tiên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Cho nên, Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña có pháp danh mới gọi là **Aññāsikoṇḍañña** (Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế). Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña kính xin Đức-Phật cho phép xuất gia sa-di và tỳ-khưu.

Đức-Phật Gotama xem xét thấy Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña có đầy đủ phước-thiện phát sinh 8 thứ vật dụng cần thiết của tỳ-khưu do quả của phước-thiện phát sinh như thân thông, nên Đức-Phật cho phép xuất gia theo cách gọi "**Ehi bhikkhu**" truyền gọi rằng:

- Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo, cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ.

- Nay Aññāsikoṇḍañña! Con hãy lại đây, con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu,

hoàn hảo phần giữa, hoàn hảo phần cuối, con hãy nên cố gắng tinh-tấn thực-hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Ngay sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt câu, Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña mất hình tướng cũ, liền trở thành **vị tỳ-khuru** có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khuru được thành tựu do quả của phước-thiện như thần thông.

Ngài Đại-Trưởng-Lão Aññāsikondañña là **vị tỳ-khuru** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, có vẻ trang nghiêm như Ngài Đại-Trưởng-Lão có 60 hạ.

Ngay khi ấy, **Tam Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo** trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian.

\* Ngày rằm tháng tư (âm lịch) **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, chính là lúc **Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo** đồng thời xuất hiện trên thế gian. Nhưng Đức-Tăng-bảo chưa xuất hiện trên thế gian.

\* Ngày rằm tháng 6 (2 tháng sau khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian) mới có Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña là bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử cũng là **vị tỳ-khuru đầu tiên** trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Vì vậy, ngày rằm tháng 6 là ngày **Tam-Bảo**: *Đức-Phật-bảo*, *Đức-Pháp-bảo*, *Đức-Tăng-bảo* trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian.

### **Kinh Chuyển-Pháp-Luân**

**Bài kinh Chuyển-pháp-luân** (*Dhammacakkapavattanasutta*) là một bài kinh cốt lõi trọng yếu trong Phật-giáo, bởi vì trong bài kinh này Đức-Phật thuyết giảng về **pháp-hành trung-đạo** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Đức-Phật thuyết giảng về **tứ thánh-đế**, và mỗi thánh-đế có **tam-tuệ-luân** luân chuyển theo tuần tự từ **trí-tuệ-học** (*saccañāṇa*), đến **trí-tuệ-hành** (*kiccañāṇa*), dẫn đến quả **trí-tuệ-thành** (*katañāṇa*) (3x4) thành 12 loại trí-tuệ.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- “Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) (4x3) thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **chưa phát sinh** đến với Như-Lai.

- Này chư tỳ-khuru! Khi ấy Như-Lai chưa truyền dạy rằng: “Như-Lai chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa,



*sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thảy.*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân**, (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) (4x3) thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai.*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “**Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng** trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thảy”.*

*“Trí-tuệ quán-triệt đã phát sinh đến với Như-Lai, biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp nào nữa.”*

*Cho nên, đối với các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đúng theo **pháp-hành trung-đạo** để dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, cần phải học hỏi hiểu biết rõ về bài **Kinh Chuyển-pháp-luân** (Dhammacakkappavattanasutta), để làm nền tảng căn bản thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật.*

Bài Kinh **Dhammacakkappavattanasuttapāli** này được phân ra từng đoạn có đánh số theo tuần tự, được dịch ra nghĩa từng chữ và giảng giải tóm lược.

\* Và đặc biệt có phần **từ ngữ Pāli** trong bài Kinh Dhammacakkappavattanasutta để dành cho những độc giả nào muốn học thuộc lòng bài kinh này, đồng thời hiểu rõ nghĩa từng chữ từng câu mà độc giả ấy đang đọc, để làm tăng trưởng đức-tin sâu sắc và trí-tuệ sáng suốt của độc giả ấy.

\* Quyển sách nhỏ bài Kinh Chuyển-pháp-luân Dhammacakkappavattanasutta này là bài kinh bao quát toàn giáo-pháp của Đức-Phật, bản sư đã cố gắng giảng giải tóm lược một phần nào được bấy nhiêu thôi!

Tuy bản sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về bài kinh này, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn

*phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.*

*Bản sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.*

*\* Quyển sách nhỏ bài Kinh Chuyển-pháp-luân Dhammacakkappavattanasutta này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách và được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành. Bản sư vô cùng hoan hỷ biết ơn tất cả quý vị.*

*Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khuru Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp-thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vamsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời kính dâng đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiển-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão, đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu,*

và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

*Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.*

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

*Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitū-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.*

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

***Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.***

*Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

*Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-giới mà thôi.*

*Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế,*

*mong chúng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.*

*Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con cũng liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chúng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chúng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo** và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

*Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.*

*Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti), hưởng*

được mọi sự an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti), hưởng được mọi an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người chúng con chỉ có cầu mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbānasampatti) mà thôi, để mong giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,  
khippameva samijjhatu.*

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con  
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2562 / DL. 2019  
Rừng Núi Viên Không  
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tỳ-khưu Hộ-Pháp  
(Dhammarakkhita Bhikkhu)  
(Aggamahāpaṇḍita)

## Ba Ngày Lịch Sử Trọng Đại Trong Phật-Giáo

Theo truyền thông Phật-Giáo-Nguyên-Thủy có 3 ngày lịch sử trọng đại như sau:

*1- Ngày rằm tháng tư (âm-lịch) có 3 sự kiện lịch sử trùng hợp theo thời gian khác nhau:*

\* *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha đản-sinh kiếp chót vào ngày rằm tháng tư, tại khu vườn Lumbinī. (nay thuộc về nước Nepal).*

\* *Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác Siddhattha trở thành Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama** vào ngày rằm tháng tư, tròn đúng 35 tuổi, tại khu rừng Uruvelā.*

\* ***Đức-Phật Gotama** thuyết-pháp tế độ chúng sinh suốt 45 năm, đến ngày rằm tháng tư, Đức-Phật tịch diệt Niết-bàn, tròn đúng 80 tuổi, tại khu rừng Kusinārā.*

*2- Ngày rằm tháng sáu (âm-lịch), 2 tháng sau khi trở thành Đức-Phật Gotama, lần đầu tiên Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài Kinh **Dhammacakkappavatanasutta**: Kinh Chuyển-pháp-luân tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: Ngài Trưởng-lão Kondañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārānasī. Đồng thời **Tam-bảo**: Đức-Phật-bảo,*



*Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo đầy đủ trọn vẹn xuất hiện trên thế gian.*

**3- Ngày rằm tháng giêng (âm-lịch), 9 tháng sau khi trở thành Đức-Phật Gotama, Đại-hội chư Thánh A-ra-hán gồm có 1.250 Vị đủ 4 chi-pháp lần đầu tiên tại ngôi chùa Veluvana, gần kinh-thành Rājagaha, nước Magadha. Khi ấy Đức-Phật thuyết dạy ovādapātimokkha cho 1.250 Vị Thánh A-ra-hán ấy.**

*Bốn chi-pháp là:*

- Vào ngày rằm tháng giêng.
- Chư Thánh A-ra-hán 1.250 vị tự động đến đánh lễ Đức-Phật tại ngôi chùa Veluvana.
- 1.250 Vị Thánh A-ra-hán này đều được Đức-Phật cho phép xuất gia theo cách gọi “Ehi Bhikkhu”.
- 1.250 Vị Thánh A-ra-hán này đều chứng đắc lục thông.

*\* Ngày rằm tháng tư là ngày Đức-Phật-Bảo.*

*\* Ngày rằm tháng sáu là ngày Đức-Pháp-Bảo.*

*\* Ngày rằm tháng giêng là ngày Đức-Tăng-Bảo.*



## MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO  
LỜI NÓI ĐẦU

### **Bài Kinh Chuyển-Pháp-Luân Dhammacakkappavattanasutta**

<b>* Bài kinh Chuyển-Pháp-Luân</b> .....	1
<b>* Ý nghĩa bài kệ khai kinh Chuyển-Pháp-Luân</b> .....	11
<b>* Ý nghĩa bài kinh Chuyển-Pháp-Luân</b> .....	12
- Hai pháp thấp hèn.....	12
- Pháp-hành trung-đạo .....	13
- Tứ Thánh-đế .....	14
1- Khổ-Thánh-đế .....	14
2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế .....	15
3- Diệt Khổ-Thánh-đế.....	16
4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.....	16
- Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế .....	17
1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế .....	17
1.1- Trí-tuệ-học biết tứ Thánh-đế .....	17
1.2- Trí-tuệ-hành phận sự biết tứ Thánh-đế.....	17
1.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự biết tứ Thánh-đế .....	18
2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế	19
2.1- Trí-tuệ-học biết nhân sinh khổ-Thánh-đế	19
2.2- Trí-tuệ-hành phận sự diệt nhân sinh khổ-Thánh-đế .....	20
2.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự diệt tận nhân sinh khổ-Thánh-đế .....	21

3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế .....	21
3.1- Trí-tuệ-học biết diệt khổ-Thánh-đế .....	21
3.2- Trí-tuệ-hành phận sự chứng ngộ diệt khổ-Thánh-đế.....	22
3.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế.....	23
4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế .....	24
4.1- Trí-tuệ-học biết pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế .....	24
4.2- Trí-tuệ-hành phận sự tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế .....	25
4.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.....	26
- Vai trò quan trọng của tam-tuệ-luân .....	26
- Trí-tuệ quán triệt.....	27
- Trưởng lão Koṇḍañña chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế .....	28
- Toàn thể chư-thiên, phạm-thiên đồng tán dương ca tụng .....	28
- Ngài đại-Trưởng lão Koṇḍañña có tên gọi là Aññāsikoṇḍañña.....	31
- Ngài đại-Trưởng lão Aññāsikoṇḍañña xin thọ tỳ-khuru .....	32
* Tam-Bảo xuất hiện trên thế gian .....	34
- Đức-Phật tiếp tục dạy 4 vị tỳ-khuru .....	35
- Tóm lược tứ Thánh-đế.....	38
1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế .....	41
2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế....	42

3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế .....	42
4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế .....	43
* Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.....	44
1- Bốn Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế .....	45
1.1- Khô-Thánh-đế đó là ngũ-uẩn chấp thủ.....	45
- Ngũ-uẩn chấp thủ có 5 pháp.....	46
1.2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là tham-ái.....	48
- Tham-ái có 3 loại, 6 loại, 18 loại, 54 loại, 108 loại .....	48
1.3- Diệt khổ-Thánh-đế là Niết-Bàn .....	49
- Niết-Bàn có 2 loại, 3 loại.....	49
1.4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.....	52
- Bát-chánh-đạo có 8 chánh .....	52
- Bát-chánh-đạo tam-giới và siêu-tam-giới.....	55
2- Bốn Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế ...	62
3- Bốn Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế .....	65
- Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân .....	68
- Bảng tóm tắt tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế....	70
- Tam-tuệ-luân của 4 bậc Thánh-nhân.....	71
- Tính chất 4 phận sự trong tứ Thánh-đế .....	72
- Bốn Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế .....	73
- Bốn Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế .....	74
- Vai trò 4 trí-tuệ-hành và 4 trí-tuệ-thành .....	76
- Tứ thánh-đế trong giáo-pháp của Đức-Phật .....	77
- Nhân quả liên quan của tứ Thánh-đế.....	87
* Pháp-hành trung-đạo.....	89
- Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo.....	91

- Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành tứ-niệm-xứ	92
- Pháp-hành trung-đạo có 2 giai đoạn.....	93
- Thực-hành pháp-hành trung-đạo .....	95
- Thực-hành sai pháp-hành trung-đạo .....	97
- Thực-hành đúng pháp-hành trung-đạo .....	98
- Nhân duyên phát sinh chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác .....	101
- Ý nghĩa Yonisomanasikāra .....	102
- Tính chất đặc biệt của Yonisomanasikāra .....	103
- Ayonisomanasikāra .....	106
- Pháp-đạo-điền (Vippallāsa) có 3 loại .....	107
<b>* Trí-Tuệ-Thiền-Tuệ</b> .....	109
- Trí-tuệ-thiền-tuệ có 16 loại.....	109
1- Trí-tuệ thứ nhất.....	109
- Vai trò trí-tuệ thứ nhất.....	113
2- Trí-tuệ thứ nhì .....	114
- Nhân duyên phát sinh mỗi danh-pháp.....	115
- Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân duyên .....	119
- Quả báu của 2 trí-tuệ đầu pháp-hành thiền-tuệ .....	126
- Tiểu-nhập-lưu Cūlasotāpanna .....	127
3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba .....	128
4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư.....	131
- Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh .....	133
- Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt .....	133
- Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh .....	134

- Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt .....	134
- Sự sinh sự diệt của danh-pháp .....	135
- Sự sinh sự diệt của sắc-pháp .....	135
- Sự sinh sự diệt của tứ oai-nghi .....	137
- Sự sinh sự diệt của ngũ-uẩn.....	139
- Trạng-thái-chung sāmāññalakkhaṇa.....	143
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ tư có 2 loại .....	144
1- Taruṇa udayabbayānupassanāñña .....	144
2- Balava udayabbayānupassanāñña .....	145
- Giảng giải	
1- Taruṇa udayabbayānupassanāñña.....	145
* <b>Vipassanupakkilesa là thế nào?</b> .....	146
- Giảng giải 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ .....	147
- Tích Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera .	163
- 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ.....	168
- Không nhận thức được pháp bản của thiền-tuệ .....	170
- Nhận thức được pháp bản của thiền-tuệ.	172
2- Balava udayabbayānupassanāñña .....	177
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4.....	177
- <b>Ba gút mắt của pháp-hành thiền-tuệ</b> .....	178
5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ năm .....	185
- Quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ năm.....	190
6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 .....	191
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6.....	193
- Pháp kinh sợ của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 .....	195
7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 .....	197

- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7.....	198
1- Đối-tượng kinh sợ và đối-tượng an tịnh.....	201
2- Đối-tượng khổ và đối-tượng an-lạc.....	205
3- Đối-tượng pháp hữu vi và Niết-bàn.....	208
- Thực-hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ.....	210
8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8.....	212
- <b>7 pháp anupassanā</b> .....	214
- Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ.....	217
9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9.....	220
10- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10.....	228
11- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11.....	231
- Sắc-uẩn có 10 tính chất.....	235
- Sắc-uẩn có 12 tính chất.....	236
- Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11.....	239
- Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích.....	243
- Tính chất của saṅkhārupekkhāṇāna.....	245
- Nguyên nhân của mỗi pháp-hành.....	247
- Phân-định 7 nhóm Thánh-nhân.....	250
- 7 Nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.....	253
- Đối-tượng trước Thánh-đạo lộ-trình-tâm....	254
12- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12.....	255
- Đồ biểu Nhập-lưu thánh-đạo lộ-trình-tâm....	257
- 2 loại tâm.....	260
- 2 loại đối-tượng.....	260
- 4 loại trí-tuệ-thiền-tuệ.....	261
- Giảng giải saccānulomaṇṇāna.....	262
13- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13.....	266



- Tính chất gotrabhuñña	269
- Anulomañña và gotrabhuñña	270
14- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 14	273
15- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 15	273
16- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 16	275
1- Bậc Thánh Nhập-Lưu (Sotāpanna)	275
- Magganñña Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc	276
- Phalañña Thánh-quả-tuệ có 4 bậc	276
2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī)	277
3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī)	282
4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahatta)	287
* Bốn Thánh-Đạo-Tuệ	292
- 4 pháp-trảm-luân (āsava)	294
- 10 loại phiền-não (kilesa)	296
* 12 bất-thiện-tâm (akusalacitta)	297
* 14 bất-thiện tâm-sở (akusalacetāsika)	297
* <b>Bậc Thánh nhân</b>	299
1- Bậc Thánh Nhập-Lưu (Sotāpanna)	299
- Bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt	301
2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī)	302
3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī)	303
- Bậc Thánh Bất-lai có 5 hạng	303
4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahatta)	304
* Phật-giáo có 3 loại	311
* Từ ngữ Pāli trong bài kinh Chuyển-pháp-luân	315

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO



*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa*

**DHAMMACAKKAPPAVATTANASUTTA**

**(Kê khai kinh Chuyển-pháp-luân)**

*Bhikkhūnaṃ pañcavaggīnaṃ,  
Isipatana nāmake.*

*Migadāye dhammavaraṃ,  
yaṃ taṃ nibbānapāpakaṃ.*

*Sahampati nāmakeṇa,  
mahābrahmena yācito.*

*Catusaccaṃ pakāseṇa,  
Lokanātho adesayi.*

*Nanditaṃ sabbavedehi,  
sabbasampatti sādhaṃ.*

*Sabbalokahitathāya,<sup>(1)</sup>*

*Dhammacakkaṃ bhaṇāma he.*

---

<sup>1</sup> Có bản khác là “*Maggaphalasukhatthāya*”.

## **Dhammacakkappavattanasutta<sup>(1)</sup>**

1- *Evaṃ me sutam, ekaṃ samayaṃ Bhagavā Bārāṇasiyaṃ viharati, Isipatane migadāye. Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi.*

2- *Dveme bhikkhave, antā pabbajitena na sevitabbā. Katame dve?*

\* *Yo cāyaṃ kāmesu kāmasukhallikānuyogo hīno gammo pothujjaniko anariyo anattasamhito,*

\* *Yo cāyaṃ attakilamathānuyogo dukkho anariyo anattasamhito.*

3- *Ete kho bhikkhave, ubho ante anupagamma majjhimā paṭipadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya samvattati.*

*Katamā ca sā bhikkhave, majjhimā paṭipadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya samvattati.*

*Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo.*

*Seyyathidaṃ-*

*Sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā,*

---

<sup>1</sup> Samyuttanikāya, Mahāvaggasamyutta, Dhammacakkappavattanasutta.

*sammākammanto, sammā-ājivo, sammāvāyamo, sammāsati, sammāsamādhī.*

*Ayaṃ kho sā bhikkhave, majjhimā paṭipadā  
Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī  
ñāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya  
nibbānāya saṃvattati.*

*\*4- Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkhaṃ  
ariyasaccaṃ.*

*Jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā, byādhipi dukkho,  
maraṇampi dukkhaṃ, appiyehi sampayogo  
dukkho, piyehi vippayogo dukkho, yampiccham  
na labhati, tampi dukkhaṃ, saṃkhittena  
pañcupādānakkhandhā dukkhā.*

*\*5- Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkha-  
samudayaṃ ariyasaccaṃ.*

*Yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandirāga-  
sahagatā tatratatrābhinandinī.*

*Seyyathidaṃ-*

*Kāmatāṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.*

*\*6- Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkha-  
nirodhaṃ ariyasaccaṃ.*

*Yo tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodho  
cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.*

*\*7- Idaṃ kho pana bhikkhave, dukkha-  
nirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ.*

*Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo.  
Seyyathidaṃ-*

*Sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā,  
sammākammanto, sammā-ājivo, sammāvāyamo,  
sammāsati, sammāsamādhī.*

8- *“Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

9- *“Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccam pariññeyyan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

10- *“Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccam pariññātan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

11- *“Idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

12- *“Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccam pahātabban”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi*

*ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

13- *“Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahīnaṃ”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

14- *“Idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

15- *“Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātabban”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

16- *“Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikatan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

17- *“Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccan”ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

18- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabban*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

19- “*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitan*”*ti me bhikkhave, pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.*

20- *Yāvakīvaṅca me bhikkhave, imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ na suvisuddhaṃ ahoṣi.*

*Neva tāvā’haṃ bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya “anuttaraṃ sammā-sambodhiṃ abhisambuddho”ti paccaññāsiṃ.*

21- *Yato ca kho me bhikkhave, imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ suvisuddhaṃ ahoṣi.*

*Athā’haṃ bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya “anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho”ti paccaññāsiṃ.*



22- *Ñāṇaṅca pana me dassanaṃ udapādi, “akuppā me vimutti<sup>(1)</sup>, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo”ti.*

23- *Idamavoca Bhagavā.*

*Attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandunti.*

24- *Imasmiṃ ca pana veyyākaraṇasmiṃ bhañṇamāne āyasmato Koṇḍañṇassa virajaṃ vītamaḷaṃ dhammacakkuṃ udapādi “yaṃ kiñci samudayadhammaṃ, sabbam taṃ nirodhadhamman”ti.*

25- *Pavattite ca pana Bhagavatā dhammacakke bhummā devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā cātumahārājikā devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

---

<sup>1</sup> Syāma cetovimutti.

\* *Cātumahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā tāvatimsā devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Tāvatiṃsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā yāmā devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā tusitā devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Tusitānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā nimmānaratī devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Nimmanaratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā paranimmitavasavattī devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane*

*migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ  
appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā  
devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā  
lokasmin”ti.*

\* *Paranimmitavasavattīnaṃ devānaṃ saddaṃ  
sutvā brahmakāyikā devā saddamanussāvesuṃ  
“etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane  
migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ  
appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā  
devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā  
lokasmin”ti.*

*Itiha tena khaṇena tena layena tena  
muhuttena yāva brahmalokā saddo abbhuggacchi.*

26- *Ayañca dasasahassilokadhātu saṃkampi  
sampakampi sampavedhi.*

27- *Appamāṇo ca ulāro obhāso loke  
pāturaḥosi atikkamma devānaṃ devā-  
nubhāvanti.*

28- *Atha kho Bhagavā imaṃ udānaṃ udānesi  
“Aññāsi vata bho Koṇḍañño  
Aññāsi vata bho Koṇḍañño” ti.*

*Iti hidaṃ āyasmato Koṇḍaññassa “Aññāsi-  
koṇḍañño” tveva nāmaṃ ahoṣī”ti.*

29- *Atha kho āyasmā Aññāsikoṇḍañño diṭṭha-  
dhammo pattadhammo viditadhammo pariyo-*

*gāḷhadhammo tiṇṇavicikiccho vigatakathaṃkatho  
vesārajjappatto aparappaccayo satthusāsane  
Bhagavantam etadavoca.*

*“Labheyyā’ham Bhante, Bhagavato santike  
pabbajjam, labheyyam upasampadan”ti.*

30- *“Ehi bhikkhū”ti Bhagavā avoca,  
“svākkhāto dhammo, cara brahmacariyam  
sammā dukkhassa antakiriyyā”ti.*

*Sāva tassa āyasmato upasampadā hosī’ti.*

*(Dhammacakkappavattanasuttam niṭṭhitam)*

*Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.*

*Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

## **Bài Kinh Chuyển-Pháp-Luân (Dhammacakkappavattanasutta)**

### **Ý nghĩa kê khai Kinh Chuyển-Pháp-Luân**

*“Bhikkhūnaṃ pañcavaggīnaṃ...”*

*Vị Đại-Phạm-thiên **Sa-ham-pa-ti**,  
Thỉnh cầu Đức-Phật, thuyết pháp độ sinh,  
Đức-Phật đại bi nhận lời cầu thỉnh.  
Thuyết pháp giảng giải pháp tứ Thánh-đế.  
Chánh-pháp cao thượng chứng ngộ Niết-bàn.  
Tế độ chúng-sinh, nhóm năm tỳ-khưu.  
Tại khu rừng rậm, nơi phóng sinh nai.  
Tên gọi là I-si-pa-ta-na.  
Mong sự lợi ích cho toàn chúng-sinh.  
Lắng nghe bài kinh Chuyển-pháp-luân này.  
Thành tựu kết quả cõi người, cõi trời.  
Niết-bàn tịch tịnh an-lạc tuyệt đối.  
Chúng tôi tụng kinh Chuyển-pháp-luân ấy.*

## Ý nghĩa bài Kinh Chuyển-Pháp-Luân

Lời Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch với Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa rằng:

- “*Evam me sutam ...*”

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa khả kính, con là Ānanda được nghe bài kinh Chuyển-pháp-luân từ Đức-Thế-Tôn như vậy:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai, tên là Isipatana, trước kia Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư Phật Độc-Giác đã từng ngự xuống đây. Tại nơi ấy, Đức-Thế-Tôn gọi nhóm 5 tỳ-khưu là Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Trưởng-lão Vappa, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahānāma và Ngài Trưởng-lão Assaji mà truyền dạy rằng:

### Hai pháp thấp hèn (Dve antā)

- *Này chư tỳ-khưu! Có 2 pháp thấp hèn cực đoan thuộc về hai biên kiến mà người xuất gia không nên hành.*

*Hai pháp ấy như thế nào?*

\* Một là việc thường thụ hưởng dục lạc trong ngũ-dục do tâm tham-ái hợp với **thường-kiến**, là pháp thấp hèn của hạng phàm-nhân trong đời, không phải là pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại lợi ích an-lạc.

\* Hai là việc thường tự ép xác hành khổ mình do tâm sân và có **đoạn-kiến**, thuộc pháp-hành khổ-hạnh của ngoại đạo, không phải là pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại lợi ích an-lạc.

### Pháp-Hành Trung-Đạo (Majjhimapaṭipadā)

- Nay chư tỳ-khuru! Không thiên về 2 pháp thấp hèn thuộc về thường-kiến và đoạn-kiến ấy, Như-Lai đã thực-hành theo **pháp-hành trung-đạo** nên đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, làm cho **tuệ-nhân** (cakkhu) đã phát sinh thấy rõ, biết rõ tứ Thánh-đế, làm cho **trí-tuệ-thiền-tuệ** siêu-tam-giới (ñāṇa) đã phát sinh thấy rõ, biết rõ tứ Thánh-đế, để chứng ngộ Niết-bàn làm vắng lặng mọi phiền-não, để phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đặc biệt chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, để tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Nay chư tỳ-khuru! Như-Lai đã thực-hành theo **pháp-hành trung-đạo** nên đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, làm cho **tuệ-nhân** (cakkhu) đã phát sinh thấy rõ, biết rõ tứ Thánh-đế, làm cho **trí-tuệ-thiền-tuệ** siêu-tam-giới (ñāṇa) đã phát sinh thấy rõ, biết rõ tứ Thánh-đế, để chứng ngộ Niết-bàn làm vắng lặng mọi phiền não, để phát sinh trí-

*tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đặc biệt chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, để tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**Pháp-hành trung-đạo như thế nào?**

- *Này chư tỳ-khuru! Pháp-hành trung-đạo đó chính là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

*Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng này gọi là pháp-hành trung-đạo.*

- *Này chư tỳ-khuru! Như-Lai đã thực-hành theo pháp-hành trung-đạo này đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn (cakkhu) đã phát sinh thấy rõ, biết rõ tứ Thánh-đế, làm cho trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới (ñāṇa) đã phát sinh thấy rõ, biết rõ tứ Thánh-đế, để chứng ngộ Niết-bàn làm vắng lặng mọi phiền não, để phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đặc biệt chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, để tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**Tứ Thánh-Đế**

**1- Khổ-Thánh-đế (Dukkha Ariyasacca)**

- *Này chư tỳ-khuru! Khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:*



\* *Tái-sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ.*

\* *Phải gần gũi, thân cận với người không thương yêu là khổ.*

\* *Phải xa lìa người thương yêu là khổ.*

\* *Mong muốn đừng có sinh, đừng có già, đừng có bệnh, đừng có chết ... mà điều ấy không thể nào được như ý là khổ.*

*Tóm lại, chấp trong **ngũ-uẩn chấp-thủ** do tâm tham-ái và tà-kiến là khổ.*

*Những thật-tánh khổ ấy gọi là khổ-Thánh-đế.*

## 2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế (Dukkhasamudaya Ariyasacca)

- *Này chư tỳ-khuru! Nhân sinh khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là **tham-ái** là nhân dắt dẫn tái-sinh kiếp sau, hợp với tham muốn, ái-dục say mê trong mỗi kiếp ấy, say mê trong các đối-tượng, đắm say trong kiếp sống.*

*Nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy là:*

\* *Dục-ái (kāmatanḥā): tham-ái trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái).*

\* *Hữu-ái (bhavatanḥā): tham-ái trong 6 đối-tượng ái hợp với thường-kiến, hoặc tham-ái trong các bậc thiên sắc-giới, vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.*

\* *Phi-hữu-ái (vibhavataṇhā): tham-ái trong 6 đối-tượng ái hợp với đoạn-kiến.*

*Những thật-tánh tham-ái ấy gọi là nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

### **3- Diệt khổ-Thánh-đế (Dukkhanirodha Ariyasacca)**

- *Này chư tỳ-khuru! Diệt khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là **Niết-bàn** là pháp diệt tận được mọi tham-ái ấy không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, Niết-bàn xả ly tất cả, Niết-bàn từ bỏ chấp trong ngũ-uẩn chấp-thủ, Niết-bàn giải thoát khổ, Niết-bàn không còn luyến ái, không còn dính mắc.*

*Những thật-tánh Niết-bàn ấy gọi là diệt khổ-Thánh-đế.*

### **4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Dukkhanirodhagaminī Paṭipadā Ariyasacca)**

- *Này chư tỳ-khuru! Pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là **Thánh-đạo** hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tu-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.*

*Những thật-tánh pháp-hành bát-chánh-đạo ấy gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

## Tam-Tuệ-Luân Trong Tứ Thánh-Đế

### 1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế

#### 1.1- Trí-tuệ-học biết khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ (ñāṇa) biết rõ thật-tánh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ tái-sinh là khổ sinh, già là khổ, ... tóm lại ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ (āloka) diệt màn vô-minh che phủ khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

*“Thật-tánh của ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-học có phận sự học hỏi, hiểu biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế.”*

#### 1.2- Trí-tuệ-hành phận sự biết khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ tái-sinh là khổ sinh,*

già là khổ, ... tóm lại ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

“Thật-tánh của ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế là pháp mà **trí-tuệ-hành có phận sự nên biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.**”

### 1.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự biết khổ-Thánh-đế (Katañāṇa)

- Nay chư tỳ-khưu! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ tái-sinh là khổ sinh, già là khổ, ... tóm lại ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

*“Thật-tánh của ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên biết rõ, thì trí-tuệ-thành đã biết rõ ngũ-uẩn chấp-thủ bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi.”*

## **2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế**

### **2.1- Trí-tuệ-học biết nhân sinh khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)**

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ (ñāṇa) biết rõ thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ 108 loại tham-ái đó là 3 loại tanhā là kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā nhân với 6 loại đối-tượng là sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái thành 18 loại tham-ái, rồi nhân với 2 bên là bên trong của mình và bên ngoài mình của người khác thành 36 loại, rồi nhân với 3 thời là thời quá-khứ, thời hiện-tại, thời vị-lai gồm có 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

*“Thật-tánh của tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-học có phận sự học hỏi, hiểu biết rõ tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế.”*

## **2.2- Trí-tuệ-hành phận sự diệt nhân sinh khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)**

- Nay chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ 108 loại tham-ái đó là 3 loại tạnhā là kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā ... gồm có 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloka) diệt màn vô-minh che phủ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

*“Thật-tánh của tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên diệt tham-ái bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.”*

### **2.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự diệt tận nhân sinh khổ-Thánh-đế (Katañāṇa)**

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ 108 loại tham-ái đó là 3 loại tanhā là kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā ... gồm có 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ nhân sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp nhân sinh khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

*“Thật-tánh của tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên diệt, thì trí-tuệ-thành đã diệt tận được tham-ái bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi.”*

### **3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế**

#### **3.1-Trí-tuệ-học biết diệt khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)**

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ (ñāṇa)*

biết rõ thật-tánh diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ 2 loại Niết-bàn là sa-upādisesanibbāna, anupādisesanibbāna, biết rõ 3 loại Niết-bàn là animitanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:

**“Thật-tánh của Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-học có phận sự học hỏi, hiểu biết rõ Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế.”**

### **3.2- Trí-tuệ-hành phận sự chứng ngộ diệt khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)**

- Nay chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ 2 loại Niết-bàn là sa-upādisesanibbāna, anupādisesanibbāna, biết rõ 3 loại Niết-bàn là animitanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-



*thiên-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

**“Thật-tánh của Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên chứng ngộ Niết-bàn bằng trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới.”**

### **3.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế (Katañāṇa)**

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiên-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiên-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ 2 loại Niết-bàn là sa-upādisesanibbāna, anupādisesanibbāna, biết rõ 3 loại Niết-bàn là animitanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-thiên-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

*“Thật-tánh của Niết-bàn là diệt khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên chứng ngộ, thì trí-tuệ-thành đã chứng ngộ Niết-bàn bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi.”*

#### **4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế**

##### **4.1- Trí-tuệ-học biết pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Saccañāṇa)**

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ (ñāṇa) biết rõ thật-tánh pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo có 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) biết rõ thấu suốt hoàn toàn pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

*“Thật-tánh của pháp-hành bát-chánh-đạo có 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-*

*ngũ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, là pháp mà trí-tuệ-học có phận sự học hỏi, hiểu biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo có 8 chánh là chánh-kiến, ... là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.”*

#### **4.2- Trí-tuệ-hành phận sự tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Kiccañāṇa)**

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhãn (cakkhu) thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiền-tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ, biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo hợp với 8 chánh là chánh-kiến, ... đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

*“Thật-tánh của pháp-hành bát-chánh-đạo hợp với 8 chánh là chánh-kiến, ... là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.”*

### 4.3- Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ- Thánh-đế (Katañāṇa)

- *Này chư tỳ-khuru! Tuệ-nhân (cakkhu) thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiên-tuệ (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ thật-tánh pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, trí-tuệ-thiên-tuệ sáng suốt (paññā) biết rõ pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, ... đã phát sinh, tuệ-minh (vijjā) thấy rõ, biết rõ thấu suốt hoàn toàn pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh, ánh sáng trí-tuệ-thiên-tuệ (āloko) diệt màn vô-minh che phủ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh đến với Như-Lai trong mọi pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà trước đây, khi chưa trở thành Đức-Phật, Như-Lai chưa từng nghe, chưa từng biết rằng:*

*“Thật-tánh của pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, ... là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế là pháp mà trí-tuệ-hành có phận sự nên tiến hành, thì trí-tuệ-thành đã tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh bằng 4 Thánh-đạo-tuệ rồi.”*

#### Vai trò quan trọng của tam-tuệ-luân

- *Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đế theo*

**tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **chưa phát sinh** đến với Như-Lai.

- Nay chư tỳ-khuru! Khi ấy Như-Lai chưa truyền dạy rằng: “Như-Lai chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thảy.”

- Nay chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai.

- Nay chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “**Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng** trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thảy.”

### **Trí-tuệ quán-triệt (Paccavekkhanañña)**

Trí-tuệ quán-triệt đã phát sinh đến với Như-Lai, biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp nào nữa.”

## Ngài Trưởng-Lão Koṇḍañña chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế

*Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân này xong, nhóm 5 tỳ-khuru phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức-Phật.*

Trong khi Đức-Thế-Tôn thuyết bài kinh Chuyển-Pháp-luân toàn văn xuôi này xong, thì Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã phát sinh **dharmacakkhu**: pháp-nhãn chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** (*diṭṭhi*) và **hoài-nghi** (*vicikicchā*) không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nên Ngài thấy rõ, biết rõ chắc chắn rằng:

*“Tất cả các pháp-hữu-vi nào trong tam-giới có trạng-thái-sinh, thì tất cả pháp-hữu-vi ấy đều có trạng-thái-diệt.”*

**Toàn thể chư-thiên, phạm-thiên đồng tán dương ca tụng**

*Khi Đức-Thế-Tôn thuyết giảng kinh Chuyển-pháp-luân vừa xong, toàn thể **chư-thiên trên địa cầu** đồng thanh tán dương ca tụng rằng:*

*“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh*

*nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, chưa từng có sa-môn nào, bà-la-môn nào, vị chư-thiên nào, ma-vương nào, vị phạm-thiên nào hoặc bất cứ một ai nào trong đời này có thể thuyết giảng như vậy được.”*

*\* Toàn thể chư-thiên cõi Tứ-Đại-thiên-vương nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên trên địa cầu, cũng đồng thanh tán dương ca tụng như chư-thiên trên địa cầu rằng:*

*“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, ...”*

*\* Toàn thể chư-thiên cõi Tam-thập-Tam-thiên nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên cõi Tứ-Đại-thiên-vương, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:*

*“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, ...”*

*\* Toàn thể chư-thiên cõi Dạ-Ma-thiên nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên cõi Tam-thập-Tam-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:*

*“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, ...”*

\* Toàn thể chư-thiên cõi Đâu-suất-đà-thiên nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên cõi Dạ-ma-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, ...”

\* Toàn thể chư-thiên cõi Hóa-lạc-thiên nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên cõi Đâu-suất-đà-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, ...”

\* Chư-thiên cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên cõi Hóa-lạc-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, ...”

\* Toàn thể chư phạm-thiên cõi trời sắc-giới nghe lời tán dương ca tụng của chư-thiên cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh



*nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāṇasī, chưa từng có sa-môn nào, bà-la-môn nào, vị chư-thiên nào, ma-vương nào, vị phạm-thiên nào hoặc bất cứ một ai nào trong đời này có thể thuyết giảng như vậy được.”*

*Ngay thời khắc ấy, ngay lúc ấy, ngay tích tắc ấy, lời tán dương ca tụng vang dội lên đến cõi sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh là “Sắc-cứu-cánh-thiên” (Akaniṭṭhā).*

*Mười ngàn thế giới này đều chuyển động lên xuống, chuyển động nhấc lên nhấc xuống, chuyển động bên này sang bên kia.*

*Ánh sáng hào quang của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác lan tỏa rộng vô biên khắp cùng toàn cõi-giới chúng-sinh, gấp bội lần ánh sáng hào quang do oai lực chư-thiên, phạm-thiên cả thấy.*

### **Ngài Đại-Trưởng-Lão Koṇḍañña có tên gọi là Aññāsikoṇḍañña**

*Khi Ngài Đại-Trưởng-Lão Koṇḍañña chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, Đức-Thế-Tôn hoan hỷ tự thốt lên cho toàn thế giới biết rằng:*

*- Nay chư vị! Quả thật Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế rồi!*

- *Này chư vị! Quả thật Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế rồi!*

Cho nên, Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña có tên gọi là *Aññāsikoṇḍañña* (Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña đã chứng ngộ).

### **Ngài Đại-Trưởng-Lão *Aññāsikoṇḍañña* xin thọ tỳ-khuru**

*Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão **Aññāsikoṇḍañña** thấy đúng chân-lý tứ Thánh-đế, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã biết rõ thật-tánh đúng chân-lý tứ Thánh-đế, đã thấu suốt chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, đã thoát ra khỏi mọi hoài-nghi, không còn nghi ngờ thế này thế kia nữa, đạt đến tâm dừng mãnh vững chắc, do nhân-duyên tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, nên không còn tin nơi người khác nữa, có đức-tin vững chắc trong lời giáo huấn của Đức-Phật.*

Ngài Đại-Trưởng-lão *Aññāsikoṇḍañña* thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn cao thượng! Con xin nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, kính xin Ngài cho phép con được thọ sa-di và tỳ-khuru.*

*Đức-Thế-Tôn đưa bàn tay phải ra, chỉ bằng ngón tay trở truyền dạy rằng:*

- “*Ehi bhikkhu Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ.*”

- *Này Aññāsikoṇḍañña! Con hãy đến với Như-Lai. Con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng, hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh-tân hành phạm hạnh cao thượng để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, cuối cùng giải thoát khổ tử sinh luân-hồi.*

*Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña đã trở thành vị tỳ-khưu.*

*(Xong bài Kinh Chuyển-Pháp-Luân)*

### Tam-Bảo xuất hiện trên thế gian

**Đức-Phật Gotama** thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân này xong, trong nhóm 5 tỳ-khuru chỉ có **Ngài Đại-Trưởng-lão Aññasikoṇḍañña** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo**, **Nhập-lưu Thánh-quả** và **Niết-bàn**, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** đầu tiên trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama, cùng với 180 triệu chư-thiên, phạm-thiên cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật Gotama, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

Sau khi trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, **Ngài Đại-Trưởng-lão Aññasikoṇḍañña** được Đức-Phật cho phép xuất gia tỳ-khuru theo cách ***Ehi bhikkhūpasampadā***.

Đức-Phật đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ về phía **Ngài Đại-Trưởng-lão Aññasikoṇḍañña** truyền dạy rằng:

*“Ehi Bhikkhu Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ.”*

Thật kỳ diệu thay! Khi Đức-Phật vừa chấm dứt câu, ngay khi ấy, **hình tướng cũ của Ngài Đại-Trưởng-lão Aññasikoṇḍañña biến mất**, thay vào tăng tướng mới, đạo mạo là một **vị tỳ-khuru** có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khuru được

thành tựu do quả phước như thần thông. Vị tỳ-khuru có tăng tướng trang nghiêm, lục-môn thanh-tĩnh như một vị tỳ-khuru có 60 hạ.

**Đức-Phật Gotama** thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân lần đầu tiên vào ngày rằm tháng sáu (âm-lịch). Ngài *Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama*. Đức-Phật cho phép Ngài *Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* xuất gia trở thành *vị tỳ-khuru đầu tiên*.

Ngay khi ấy, **Tam-Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo** trọn vẹn 3 ngôi Tam-Bảo đầu tiên xuất hiện trên thế gian vào ngày rằm tháng 6 âm-lịch.

### **Đức-Phật tiếp tục dạy 4 vị tỳ-khuru**

Trong nhóm 5 tỳ-khuru, Ngài *Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu đầu tiên* và cũng trở thành *vị tỳ-khuru đầu tiên trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama*, còn lại 4 vị tỳ-khuru, Đức-Phật còn phải chỉ dạy.

\* Sáng ngày 16 tháng 6, Đức-Phật không ngự đi khất thực mà ở lại tại khu rừng, để chỉ dạy Ngài *Vappa* và Ngài *Bhaddiya*, còn 3 vị tỳ-khuru: Ngài *Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña*, Ngài *Mahānāma* và Ngài *Assaji* đi khất thực, đem về kính dâng vật thực đến Đức-Phật, phần vật thực còn lại phân chia đều cho 5 vị thọ thực trong ngày.

Ngày hôm ấy, **Ngài Vappa** chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khuru* cũng theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

\* Ngày 17 tháng 6, Đức-Phật chỉ dạy **Ngài Bhaddiya** và **Ngài Mahānāma**, còn **Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña**, **Ngài Trưởng-lão Vappa** và **Ngài Assaji** đi khát thực, đem về kính dâng vật thực đến Đức-Phật, phần vật thực còn lại phân chia đều cho 5 vị.

Ngày hôm ấy, **Ngài Bhaddiya** chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* và được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khuru* cũng theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

\* Ngày 18 tháng 6, Đức-Phật chỉ dạy **Ngài Mahānāma** và **Ngài Assaji**, còn **Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikondañña**, **Ngài Trưởng-lão Vappa** và **Ngài Trưởng-lão Bhaddiya** đi khát thực, đem về dâng vật thực đến Đức-Phật, phần vật thực còn lại phân chia đều cho 5 vị.

Ngày hôm ấy, **Ngài Mahānāma** chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, trở thành *bậc*

*Thánh Nhập-lưu* và được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khuru* cũng theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

\* Ngày 19 tháng 6, Đức-Phật chỉ dạy **Ngài Assaji**, còn 4 vị *tỳ-khuru* đi khất thực, đem về dâng vật thực đến Đức-Phật, phần còn lại chia đều đến 5 vị.

Ngày hôm ấy, **Ngài Assaji** chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* trở thành bậc *Thánh Nhập-lưu* và được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành *tỳ-khuru* cũng theo cách *Ehibhikkhūpasampadā*.

Như vậy, nhóm 5 *tỳ-khuru* đều trở thành 5 bậc *Thánh Nhập-lưu* trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama.

Để nâng đỡ nhóm 5 *tỳ-khuru* *Thánh Nhập-lưu* lên bậc *Thánh A-ra-hán*,

\* Ngày 20 tháng 6, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh *Anattalakkhaṇasutta*: *Kinh Trạng-thái vô-ngã*.

Thật vậy, sau khi nghe Đức-Phật thuyết giảng bài *Anattalakkhaṇasutta*: *Kinh Trạng-thái vô-ngã* xong, nhóm 5 *tỳ-khuru* đều chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc từ *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả*, *Bất-lai Thánh-đạo*, *Bất-lai Thánh-quả*, *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả* và *Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-

ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng trong giáo pháp của **Đức-Phật Gotama**.

Như vậy, ngoài Đức-Phật ra, còn có 5 vị Thánh A-ra-hán đã xuất hiện trên thế gian này.

### Tóm lược tứ Thánh-đế

Trong bài *Kinh Chuyển-Pháp-Luân*:

**Ariyasacca: Thánh-đế** là sự thật chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ.

**Ariyasacca: Thánh-đế** có 4 pháp:

1- **Dukkha ariyasacca**: *Khổ-Thánh-đế* đó là ngũ-uẩn chấp-thủ là sắc-uẩn chấp-thủ, thọ-uẩn chấp-thủ, tưởng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ thuộc về tam-giới, là đối-tượng của 4 pháp chấp-thủ đều là **khổ-Thánh-đế**.

2- **Dukkhasamudaya ariyasacca**: *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là **tham tâm-sở** gọi là **tham-ái** có 3 loại tham-ái (taṇhā):

- **Kāmatañhā**: *Dục-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) trong cõi dục-giới.

- **Bhavatañhā**: *Hữu-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với thường-kiến và **tham-ái**



trong thiền sắc-giới, thiền vô-sắc-giới, trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới.

- *Vibhavatanhā*: Phi-hữu-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với đoạn-kiến.

3- *Dukkhanirodha ariyasacca*: Diệt khổ-thánh-đế đó là **Niết-bàn**.

4- *Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca*: Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

\* Trong Bộ *Visuddhimagga*: Thanh-Tịnh-Đạo giảng giải về 16 thật-tánh của tứ Thánh-đế.<sup>(1)</sup>

1- **Khổ-Thánh-đế** (*dukkha-ariyasacca*) đó là ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc sắc-pháp và danh-pháp tam-giới đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm) và 51 tâm-sở (trừ tham tâm-sở) có 4 thật-tánh:

- Thật-tánh khổ là luôn hành hạ.
- Thật-tánh khổ là do nhân-duyên cấu tạo.
- Thật-tánh khổ làm nóng nảy.
- Thật-tánh khổ là luôn luôn biến đổi.

<sup>1</sup> Bộ *Visuddhimagga*, phần *Pariññādikiccakathā*.

**2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế** (*dukkhasamudaya ariyasacca*) đó là **tham tâm-sở** gọi là **tham-ái**, có 3 loại tham-ái (*taṇhā*) là **nhân sinh khổ-Thánh-đế**, có 4 thật-tánh là:

- *Thật-tánh nhân sinh khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh làm cho phát sinh khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh ràng buộc trong khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh dính mắc trong khổ-Thánh-đế.*

**3- Diệt khổ-Thánh-đế** (*dukkhanirodha ariyasacca*) đó là **Niết-bàn** là pháp diệt khổ-Thánh-đế, có 4 thật-tánh:

- *Thật-tánh giải thoát khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh không bị ràng buộc trong khổ-Thánh-đế.*
- *Thật-tánh không bị nhân-duyên cấu tạo.*
- *Thật-tánh không tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

**4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** (*dukkhanirodhagamini paṭipadā ariyasacca*) đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, có 4 thật-tánh là:

- *Thật-tánh pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn.*
- *Thật-tánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

- *Thật-tánh là pháp-hành giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*
- *Thật-tánh là pháp-hành dẫn đầu làm phận sự:*
  - *Biết khổ-Thánh-đế.*
  - *Diệt nhân sinh khổ-Thánh-đế.*
  - *Chứng ngộ Niết-bàn diệt khổ-Thánh-đế.*

Tất cả 16 *thật-tánh* của *tứ Thánh-đế* này đồng thành tựu cùng một lúc trong **4 Thánh-đạo-tâm**.

### **Tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế**

- 1- *Saccañāṇa*: Trí-tuệ-học hiểu biết trong tứ thánh-đế.
- 2- *Kiccañāṇa*: Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế.
- 3- *Katañāṇa*: Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế.

#### **1- Tam-tuệ-luân trong khổ-Thánh-đế**

1.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu biết rõ khổ-Thánh-đế đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ (dukkham ariyasaccam)*.

1.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành phận sự của pháp-hành thiên-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *khổ-đế* là ***pháp nên biết*** bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới (dukkham ariyasaccam pariññeyyam)*.

1.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý *khổ-Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *khổ-Thánh-đế* là *pháp nên biết thì đã biết* bằng 4 *Thánh-đạo-tuệ* rồi (*dukkham ariyasaccam pariññātam*).

## 2- Tam-tuệ-luân trong nhân sinh khổ-Thánh-đế

2.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế đó là **3 loại tham-ái** (*dukkhasamudayaṃ ariyasaccam*).

2.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành phận sự của pháp-hành thiền-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-đế là **pháp nên diệt** bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*dukkhasamudayaṃ ariyasaccam pahātabbam*).

2.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý nhân sinh khổ-Thánh-đế, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tuệ* biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế là *pháp nên diệt thì đã diệt tận* được bằng 4 *Thánh-đạo-tuệ* rồi (*dukkhasamudayaṃ ariyasaccam pahīnam*).

## 3- Tam-tuệ-luân trong diệt khổ-Thánh-đế

3.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu rõ diệt khổ Thánh-đế đó là **Niết-bàn** (*dukkhanirodham ariyasaccam*).

3.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành pháp-hành thiên-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *diệt khô-đế* là **pháp nên chứng ngộ** bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* (*dukkhanirodham ariyasaccam sacchikāttabbam*).

3.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý *diệt khổ-Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *diệt khổ-Thánh-đế* là **pháp nên chứng ngộ thì đã chứng ngộ** bằng 4 *Thánh-đạo-tuệ* rồi (*dukkhanirodham ariyasaccam sacchikatam*).

#### 4- Tam-tuệ-luân trong pháp-hành dẫn đến Diệt khổ-Thánh-đế

4.1- *Trí-tuệ-học* là trí-tuệ-học hiểu biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam*).

4.2- *Trí-tuệ-hành* là trí-tuệ thực-hành pháp-hành thiên-tuệ phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế* là **pháp nên tiến-hành** bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam bhāvetabbam*).

4.3- *Trí-tuệ-thành* là trí-tuệ hoàn thành phận sự của trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*,

chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tuệ* biết rõ *pháp-hành* dẫn đến diệt khổ-*Thánh-đế* là *pháp* nên tiến hành thì **đã tiến hành** bằng 4 *Thánh-đạo-tuệ* rồi (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam bhāvitam*).

Tam-tuệ-luân trong tứ *Thánh-đế* gồm có 12 (3x4) loại trí-tuệ có vai trò quan trọng làm phận sự chứng ngộ chân-lý tứ *Thánh-đế* mà *Đức-Phật* đã thuyết giảng trong bài *kinh Dhammacakkapavattanasutta: Kinh Chuyển-pháp-luân* rằng:

- *Này chư tỳ-khuru!* Khi nào trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ *Thánh-đế* theo tam-tuệ-luân**, (trí-tuệ-học, trí-tuệ hành, trí-tuệ thành) (4x3) thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh **đã phát sinh đến Như-Lai**.

- *Này chư tỳ-khuru!* Khi ấy, *Như-Lai* đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “***Anuttaram sammā sambodhim abhisambuddho***” *Như-Lai* đã chứng đắc thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thấy.

### Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ *Thánh-đế***, rồi chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả*, *Niết-bàn*. Hành-

giả cần phải học và hành theo *tam-tuệ-luân* trong *tứ Thánh-đế*.

1- *Sacca ñāṇa*: *Trí-tuệ-học* trong *tứ Thánh-đế*.

2- *Kicca ñāṇa*: *Trí-tuệ-hành phạm sự* trong *tứ Thánh-đế*.

3- *Kata ñāṇa*: *Trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự* trong *tứ Thánh-đế*.

Hành-giả cần phải học và hành theo tuần tự trong *tam-tuệ-luân* như sau:

### 1- Bốn Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, trước tiên cần phải *học pháp-học* trong *tứ Thánh-đế* đó là học 4 *trí-tuệ-học* trong *tứ Thánh-đế* cho hiểu biết rõ chi pháp của mỗi Thánh-đế như sau:

1.1- **Khổ-Thánh-đế** đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ*:

*Ngũ-uẩn chấp-thủ* nghĩa là *ngũ-uẩn* là đối-tượng của 4 *pháp chấp-thủ* trong *đối-tượng*:

- *Kāmapādāna*: *Chấp-thủ* trong *ngũ-dục* (*sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục*) trong cõi *dục-giới* có chi pháp là ***tham tâm-sở*** đồng sinh với 8 *tham-tâm*.

- *Ditṭhupādāna*: *Chấp-thủ* trong *tà-kiến* (*ngoài sīlabbatupādāna và attavādupādāna*) có chi pháp là ***tà-kiến tâm-sở*** đồng sinh với 4 *tham-tâm* hợp với *tà-kiến*.

- *Sīlabbatupādāna*: *Chấp-thủ* trong pháp thường-hành sai lầm, có chi pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

- *Attavādupādāna*: *Chấp-thủ* trong ngũ-uẩn cho là ta, có chi pháp là **tà-kiến tâm-sở** đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

4 pháp chấp-thủ này trong tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

**Ngũ-uẩn chấp-thủ** có 5 pháp đó là:

1- **Sắc-uẩn chấp-thủ** đó là 28 sắc-pháp, là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

2- **Thọ-uẩn chấp-thủ** đó là thọ tâm-sở trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

3- **Tưởng-uẩn chấp-thủ** đó là tưởng tâm-sở trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

4- **Hành-uẩn chấp-thủ** đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) trong 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

5- **Thức-uẩn chấp-thủ** đó là 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp chấp-thủ.

**Ngũ-uẩn chấp-thủ** này thuộc **khổ-Thánh-đế** là pháp nên biết.

- Chúng-sinh ở trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới đều có đủ ngũ-uẩn.



- Chúng-sinh ở trong 4 cõi vô-sắc-giới chỉ có 4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) mà thôi.

- Chúng-sinh ở trong cõi sắc-giới Vô-tướng-thiên chỉ có 1 uẩn là sắc-uẩn mà thôi.

Mỗi tâm phát sinh đều có đủ 4 danh-uẩn (thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn).

Thật vậy, mỗi tâm phát sinh chắc chắn có số tâm-sở đồng sinh với tâm ấy.

- Tâm ấy thuộc về thức-uẩn.

- Thọ tâm-sở đồng sinh với tâm ấy thuộc về thọ-uẩn.

- Tướng tâm-sở đồng sinh với tâm ấy thuộc về tướng-uẩn.

- Số tâm-sở còn lại đồng sinh với tâm ấy thuộc về hành-uẩn.

- Vatthurūpa là nơi nương nhờ của tâm với tâm-sở ấy phát sinh thuộc về sắc-uẩn.

\* Đối với chúng-sinh trú trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới (trừ cõi Vô-tướng-thiên), mỗi tâm phát sinh đều có đầy đủ ngũ-uẩn phát sinh.

\* Đối với chúng-sinh trú trong 4 cõi vô-sắc-giới, mỗi tâm phát sinh đều có đầy đủ tứ-uẩn phát sinh.

\* Đối với chúng-sinh trú trong cõi sắc-giới Vô-tướng-thiên chỉ có nhất-uẩn là sắc-uẩn.

\* Còn *thọ-uẩn*, *trưởng-uẩn*, *hành-uẩn*, *thức-uẩn* trong 8 *siêu-tam-giới-tâm* (4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*) không phải là đối-tượng của 4 *pháp chấp-thủ*.

Như vậy, 28 *sắc-pháp* và 81 *tam-giới-tâm* và 51 *tâm-sở* (trừ *tham tâm-sở*) đều thuộc về **khổ-Thánh-đế là pháp nên biết**.

1.2- *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham tâm-sở* gọi là **tham-ái**.

**Tham-ái** có 3 loại, 6 loại, 18 loại, 54 loại, 108 loại:

- **Tham-ái** có 3 loại đó là:

1- *Kāmatanḥā*: *Dục-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (*sắc-ái*, *thanh-ái*, *hương-ái*, *vị-ái*, *xúc-ái*, *pháp-ái*) trong cõi dục-giới.

2- *Bhavatanḥā*: *Hữu-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (*sắc-ái*, *thanh-ái*, *hương-ái*, *vị-ái*, *xúc-ái*, *pháp-ái*) hợp với *thường-kiến*, và **tham-ái** trong thiên *sắc-giới*, thiên *vô-sắc-giới*, trong cõi *sắc-giới*, cõi *vô-sắc-giới*.

3- *Vibhavatanḥā*: *Phi-hữu-ái* là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (*sắc-ái*, *thanh-ái*, *hương-ái*, *vị-ái*, *xúc-ái*, *pháp-ái*) hợp với *đoạn-kiến*.

- **Tham-ái** có 6 loại đó là *tham-ái* trong 6 đối-tượng:

1- *Sắc-ái* (*rūpaṇhā*) là *tham-ái* trong đối-tượng sắc-dục.

2- *Thanh-ái* (*saddaṇhā*) là *tham-ái* trong đối-tượng thanh-dục.

3- *Hương-ái* (*gandhaṇhā*) là *tham-ái* trong đối-tượng hương-dục.

4- *Vị-ái* (*rasaṇhā*) là *tham-ái* trong đối-tượng vị-dục.

5- *Xúc-ái* (*phoṭṭhabbaṇhā*) là *tham-ái* trong đối-tượng xúc-dục.

6- *Pháp-ái* (*dhammaṇhā*) là *tham-ái* trong đối-tượng pháp-dục.

Tham-ái có 18 loại đó là 3 loại *tham-ái* nhân với 6 đối-tượng ái thành 18 loại *tham-ái*.

- **Tham-ái** có 54 loại đó là 18 loại *tham-ái* nhân với 3 thời (*quá-khứ, hiện-tại, vị-lai*) thành 54 loại *tham-ái*.

- **Tham-ái** có 108 loại đó là 54 loại *tham-ái* nhân với 2 (*bên trong của mình và bên ngoài mình của người khác, đối-tượng khác*) thành 108 loại *tham-ái*.

Các loại *tham-ái* thuộc về **nhân sinh khổ-Thánh-đế là pháp nên diệt**.

1.3 - **Diệt khổ-Thánh-đế** đó là **Niết-bàn** diệt *nhân sinh khổ-Thánh-đế*.

**Niết-bàn** có 2 loại đó là:

1- **Hữu-dư Niết-bàn** (*sa upādisesanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, còn gọi là **kilesaparinibbāna**: mọi phiền-não Niết-bàn, nhưng **ngũ-uẩn** vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

2- **Vô-dư Niết-bàn** (*anupādisesanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, còn gọi là **khandhaparinibbāna**: **ngũ-uẩn Niết-bàn** nghĩa là **ngũ-uẩn** diệt rồi không còn **ngũ-uẩn** nào tái-sinh kiếp sau nữa, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

**Niết-bàn** có 3 loại theo đối-tượng thiên-tuệ đó là:

1- **Vô-hiện-tượng Niết-bàn** (*animittanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có **trí-tuệ-thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** (*aniccalakkhaṇa*) hiện rõ hơn **trạng-thái khổ** và **trạng-thái vô-ngã**, do **năng lực tín pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 **pháp-chủ** còn lại (**tán pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ**), hoặc do **năng lực của giới**, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là **vô-hiện-tượng Niết-**

**bàn** (*animittanibbāna*) Niết-bàn không có hiện-tượng các pháp hữu-vi.

2- **Vô-ái Niết-bàn** (*appañihitanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ *trạng-thái khổ* (*dukkhalakkhaṇa*) hiện rõ hơn *trạng-thái vô-thường* và *trạng-thái vô-ngã*, do *năng lực định pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*), hoặc do *năng lực của định*, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là **vô-ái Niết-bàn** (*appañhita-nibbāna*) Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.

3- **Chân-không Niết-bàn** (*suññatanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-ngã* (*anattalakkhaṇa*) hiện rõ hơn *trạng-thái khổ* và *trạng-thái vô-thường*, do *năng lực tuệ pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ*), hoặc do *năng lực của tuệ*, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là **chân-không Niết-bàn** (*suññatanibbāna*) Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.

Những *đôi-tượng Niết-bàn* ấy thuộc về **diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ**.

1.4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** đó là **bát-chánh-đạo** là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Bát-chánh-đạo có 8 chánh:

1- **Chánh-kiến** (*sammādiṭṭhi*): Trí-tuệ chân-chính là trí-tuệ-thiền-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

2- **Chánh-tư-duy** (*sammāsaṅkappa*): Tư-duy chân-chính là:

- Tư-duy thoát ra khỏi ngũ-dục.
- Tư-duy không làm khổ mình khổ người.
- Tư-duy không làm hại mình hại người.

3- **Chánh-ngữ** (*sammāvācā*): Lời nói chân-chính là:

- Không nói dối, mà nói lời chân thật.
- Không nói lời chia rẽ, mà nói lời hoà hợp.
- Không nói lời thô tục, mà nói lời nhã nhặn.
- Không nói lời vô ích, mà nói lời hữu ích.

4- **Chánh-nghiệp** (*sammākammanta*): Nghề-nghiệp chân-chính là:

- Không sát-sinh.
- Không trộm-cắp.
- Không tà-dâm.

5- **Chánh-mạng** (*sammā-ājīva*): Nuôi mạng chân-chính là tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành ác và khẩu hành ác.

6- **Chánh-tinh-tần** (*sammāvāyāma*): Tinh-tần chân-chính là:

- Tinh-tần ngăn ác pháp chưa sinh, không phát sinh.

- Tinh-tần diệt ác pháp đã phát sinh.

- Tinh-tần làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.

- Tinh-tần làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

7- **Chánh-niệm** (*sammāsati*) là niệm chân-chính, có 4 pháp là pháp-hành tứ niệm-xứ:

- Thân niệm-xứ: Thân là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- Thọ niệm-xứ: Thọ là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- Tâm niệm-xứ: Tâm là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

- Pháp niệm-xứ: Pháp là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

8- **Chánh-định** (*sammāsamādhi*): Định chân-chính là định-tâm trong các bậc thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.

**Bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh chỉ đồng sinh trong 8 hoặc 40 tâm siêu-tam-giới có Niết-bàn

làm đối-tượng mà thôi, bởi vì trong *bát-chánh-đạo* có 3 chánh: chánh-ngữ, chánh-nghiệp và chánh-mạng là 3 chế-ngự tâm-sở thuộc loại *niyata-ekatocetasika*: 3 tâm-sở cố định chỉ đồng sinh trong 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm có Niết-bàn làm đối-tượng mà thôi.

Thật ra, ***bát-chánh-đạo*** có 8 chánh đó là 8 tâm-sở:

- Chánh-kiến đó là trí-tuệ tâm-sở.
- Chánh-tư-duy đó là hướng-tâm tâm-sở.
- Chánh-ngữ đó là chánh-ngữ tâm-sở.
- Chánh-nghiệp đó là chánh-nghiệp tâm-sở.
- Chánh-mạng đó là chánh-mạng tâm-sở.
- Chánh-tinh-tấn đó là tinh-tấn tâm-sở.
- Chánh-niệm đó là niệm tâm-sở.
- Chánh-định đó là nhất-tâm tâm-sở.

\* Tuy nhiên, trong ***siêu-tam-giới-tâm***, 8 tâm-sở này có 3 chánh là chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở là 3 chế-ngự tâm-sở thuộc loại *niyata-ekatocetasika*: 3 chế-ngự tâm-sở cố định chỉ đồng sinh trong 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm có Niết-bàn làm đối-tượng mà thôi.

\* Trong ***tam-giới-tâm***, chế-ngự tâm-sở có 3 chánh là chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở thuộc về loại *aniyata-yogīcetasika*: bất-định tâm-sở còn thuộc loại *nānākadāci* mỗi chế-ngự tâm-sở sinh riêng rẽ



và không nhất định trong 8 đại-thiện-tâm, bởi vì mỗi chế-ngự tâm-sở có mỗi đối-tượng khác nhau.

### **Bát-chánh-đạo tam-giới và siêu-tam-giới**

**Bát-chánh-đạo** có 8 chánh mà mỗi chánh có nhiều loại như sau:

- **Chánh-kiến** (*sammādiṭṭhi*) là trí-tuệ chân-chính thấy đúng, biết đúng, có 5 loại:

1- *Kammassakatāsammādiṭṭhi*: Chánh-kiến sở-nghiệp là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng thiện-nghiệp và ác-nghiệp mà ta đã tạo rồi là của riêng ta, và ta là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- *Vipassanāsammādiṭṭhi*: Chánh-kiến thiên-tuệ là trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

3- *Maggasammādiṭṭhi*: Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ là trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm có Niết-bàn là đối-tượng.

4- *Phalasammādiṭṭhi*: Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ là trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với 4 Thánh-quả-tâm có Niết-bàn là đối-tượng.

5- *Paccavekkhaṇasammādiṭṭhi*: Chánh-kiến quán-triệt là trí-tuệ quán-triệt Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-nã nào đã diệt tận được rồi, phiền-nã nào còn lại chưa diệt được.

Trong 5 loại chánh-kiến này, chánh-kiến sở-nghiệp, chánh-kiến thiên-tuệ, chánh-kiến quán-triệt thuộc về tam-giới.

Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ, chánh-kiến Thánh-quả-tuệ có Niết-bàn là đối-tượng thì thuộc về siêu-tam-giới.

\* Thật ra, **chánh-kiến** đó là **trí-tuệ tâm-sở** (*paññindriya-cetasika*) đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.

\* Nếu khi trí-tuệ tâm-sở đồng sinh với tam-giới-tâm ấy thì chánh-kiến thuộc về tam-giới.

\* Nếu khi trí-tuệ tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì chánh-kiến thuộc về siêu-tam-giới.

- **Chánh-tư-duy** (*sammāsaṅkappa*) là tư-duy chân-chính, có 3 loại:

- 1- Tư-duy thoát ra khỏi ngũ dục.
- 2- Tư-duy không làm khổ mình, khổ người.
- 3- Tư-duy không làm hại mình, hại người.

Thật ra, **chánh-tư-duy** đó là *hướng-tâm tâm-sở* (*vitakkacetasika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 8 *đại-duy-tác-tâm*, *đệ nhất thiên sắc-giới thiện-tâm*, *đệ nhất thiên sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

\* Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tư-duy* thuộc về *tam-giới*.

\* Nếu khi *hướng-tâm tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-tư-duy* thuộc về *siêu-tam-giới*.

- **Chánh-ngữ** (*sammāvācā*) là lời nói chân-chính, có 3 loại:

1- *Kathā sammāvācā*: *Chánh-ngữ* lời nói là nói hay, nói thật, nói lời chân-chính đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

2- *Cetanā sammāvācā*: *Chánh-ngữ tác-ý* là tác-ý *đại-thiện-tâm* tránh xa 4 tà-ngữ:

- *Tránh xa lời nói dối, mà nói lời chân thật.*
- *Tránh xa lời nói chia rẽ, mà nói lời hòa hợp.*
- *Tránh xa lời nói thô tục, mà nói lời nhã nhặn*
- *Tránh xa lời nói vô ích, mà nói lời hữu ích.*

3- *Virati sammāvācā*: *Chánh-ngữ chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa tà-ngữ, khi đang thực-hành pháp-hành *thiền-tuệ*.

Trong 3 loại *chánh-ngữ* này, *chánh-ngữ* lời-nói, *chánh-ngữ* tác-ý thuộc về *tam-giới*. *Chánh-*

*ngũ chế-ngự tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* có Niết-bàn là đối-tượng thuộc về *siêu-tam-giới*.

Thật ra, **chánh-ngữ** đó là *chánh-ngữ tâm-sở* (*sammāvācācetasika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

\* Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm* ấy thì *chánh-ngữ* thuộc về *tam-giới*.

\* Nếu khi *chánh-ngữ tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-ngữ* thuộc về *siêu-tam-giới*.

- **Chánh-nghiệp** (*sammākammanta*) là nghề nghiệp chân-chính, có 3 loại:

1- *Kiriyā sammākammanta*: *Chánh-nghiệp hành-động* là hành thiện-nghiệp đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

2- *Cetanā sammākammanta*: *Chánh-nghiệp tác-y* là tác-y thiện-tâm tránh xa 3 tà-nghiệp:

- *Tránh xa sự sát-sinh.*
- *Tránh xa sự trộm-cắp.*
- *Tránh xa sự tà-dâm.*

3- *Virati sammākammanta*: *Chánh-nghiệp chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa tà-nghiệp, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại *chánh-nghiệp* này, *chánh-nghiệp hành-động*, *chánh-nghiệp tác-y* thuộc về *tam-giới*.

*Chánh-nghiệp chế-ngự tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* có Niết-bàn là đối-tượng thuộc về *siêu-tam-giới*.

Thật ra, ***chánh-nghiệp*** đó là *chánh-nghiệp tâm sở* (*sammākammantacetāsika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

\* Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm* ấy thì *chánh-nghiệp* thuộc về *tam-giới*.

\* Nếu khi *chánh-nghiệp tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-nghiệp* thuộc về *siêu-tam-giới*.

- ***Chánh-mạng*** (*sammā-ājīva*) là nuôi mạng chân-chính, có 2 loại:

1- *Vīriyasammā-ājīva*: *Chánh-mạng tinh-tấn* là tinh-tấn nuôi mạng chân-chính, từ bỏ cách sống tà-mạng do thân hành ác, do khẩu nói ác.

2- *Viratisammā-ājīva*: *Chánh-mạng chế-ngự* là *chế-ngự tâm-sở* tránh xa cách sống tà mạng, khi đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Trong 2 loại *chánh-mạng* này, *chánh-mạng tinh-tấn* thuộc về *tam-giới*.

*Chánh-mạng chế-ngự tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* có Niết-bàn là đối-tượng thì thuộc về *siêu-tam-giới*.

Thật ra, **chánh-mạng** đó là *chánh-mạng tâm-sở* (*sammā-ājīvacetasika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

\* Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm* ấy thì *chánh-mạng* thuộc về *tam-giới*.

\* Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh mạng* thuộc về *siêu-tam-giới*.

- **Chánh-tinh-tấn** (*sammāvāyāma*) là  *tinh-tấn* chân-chính, có 4 pháp:

1- *Tinh-tấn* ngăn ác pháp chưa sinh, không phát sinh.

2- *Tinh-tấn* diệt ác pháp đã phát sinh.

3- *Tinh-tấn* làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.

4- *Tinh-tấn* làm cho tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

Thật ra, **chánh-tinh-tấn** đó là  *tinh-tấn tâm-sở* (*vīriyacetasika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 8 *đại-duy-tác-tâm*, 5 *sắc-giới thiện-tâm*, 5 *sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *vô-sắc-giới thiện-tâm*, 4 *vô-sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

\* Nếu khi  *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với  *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tinh-tấn* thuộc về  *tam-giới*.

\* Nếu khi  *tinh-tấn tâm-sở* đồng sinh với 4

*Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì chánh-tinh-tán thuộc về siêu-tam-giới.*

- **Chánh-niệm** (*sammāsati*) là niệm chân-chính có 4 pháp là pháp-hành tứ niệm-xứ:

1- *Thân niệm-xứ*: *Thân* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác.

2- *Thọ niệm-xứ*: *Thọ* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác.

3- *Tâm niệm-xứ*: *Tâm* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác.

4- *Pháp niệm-xứ*: *Pháp* là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác.

Thật ra, **chánh-niệm** đó là *niệm tâm-sở* (*sati-cetasika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 8 *đại-duy-tác-tâm*, 5 *sắc-giới thiện-tâm*, 5 *sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *vô-sắc-giới thiện-tâm*, 4 *vô-sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

\* Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-niệm* thuộc về *tam-giới*.

\* Nếu khi *niệm tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-niệm* thuộc về *siêu-tam-giới*.

- **Chánh-định** (*sammāsamādhī*) là định chân-chính trong 5 bậc thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.

1- *Đệ nhất thiền siêu-tam-giới* có *Niết-bàn* là *đối-tượng*.

2- *Đệ nhị thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.*

3- *Đệ tam thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.*

4- *Đệ tứ thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.*

5- *Đệ ngũ thiền siêu-tam-giới có Niết-bàn là đối-tượng.*

Thật ra, **chánh-định** đó là *nhất-tâm tâm-sở* (*ekaggatā*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 8 *đại-duy-tác-tâm*, 5 *sắc-giới thiện-tâm*, 5 *sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *vô-sắc-giới thiện-tâm*, 4 *vô-sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

\* Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì **chánh-định** thuộc về *tam-giới*.

\* Nếu khi *nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì **chánh-định** thuộc về *siêu-tam-giới*.

**4 loại trí-tuệ-học** trong *tứ Thánh-đế* thuộc về **pháp-học Phật-giáo** (*pariyattisāsana*).

## 2- 4 trí-tuệ-hành phạm sự trong *tứ Thánh-Đế*

Sau khi hành-giả đã *học phân pháp-học* *tứ Thánh-đế* đó là **4 trí-tuệ-học** trong *tứ Thánh-đế* xong, hành-giả luân chuyển đến *phần thực-hành phạm sự* trong *tứ Thánh-đế* đó là **4 trí-tuệ-hành phạm sự** trong *tứ Thánh-đế*.



Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, cần phải biết *trí-tuệ-hành phận sự trong mỗi Thánh-đế* thấy rõ, biết rõ mỗi Thánh-đế có mỗi phận sự riêng biệt như sau:

2.1- **Khổ-Thánh-đế** đó là *ngũ-uân chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* là pháp mà *trí-tuệ-hành có phận sự nên biết sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là khổ-đế* bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* (không phải phận sự nên diệt, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.2- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** đó là 3 loại *tham-ái*, là pháp mà *trí-tuệ-hành có phận sự nên diệt tham-ái<sup>(1)</sup> từng thời* (*tadaṅgappahāna*) bằng *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới* (không phải phận sự nên biết, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.3- **Diệt khổ-Thánh-đế** đó là *Niết-bàn*, là pháp mà *trí-tuệ-hành có phận sự nên chứng*

---

<sup>1</sup> **Pahāna**: diệt tham-ái có 5 cách:

1- Vikkhambhanappahāna: Diệt tham-ái bằng cách chế ngự do năng lực thiên-định.

2- Tadaṅgappahāna: Diệt tham-ái từng thời do năng lực trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới.

3- Samucchedappahāna: Diệt tận tham-ái do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.

4- Paṭippassadhippahāna: An tịnh tham-ái đã bị diệt do năng lực của Thánh-quả-tuệ.

5- Nissaraṇappahāna: Thoát khỏi tham-ái đã bị diệt do đối-tượng Niết-bàn.

**ngộ Niết-bàn**<sup>(1)</sup> từng thời bằng trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới (không phải phạm sự nên biết, nên diệt, nên tiến hành).

2.4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** là pháp-hành bát-chánh-đạo, là pháp mà **trí-tuệ-hành có phạm sự nên tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo** bằng trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới (không phải phạm sự nên biết, nên diệt, nên chứng ngộ).

Trong 4 trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế này, trí-tuệ-hành có phạm sự **nên biết sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là khổ-đế là chính**, còn 3 trí-tuệ-hành phạm sự của 3 Thánh-đế còn lại là phụ.

Thật ra, 4 trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế có sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới làm đối-tượng, phát sinh đồng thời không trước, không sau.

Nếu khi trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới nào là **khổ-đế**, là pháp nên biết bằng trí-tuệ-thiên-tuệ.

<sup>1</sup> **Nirodho Nibbāna**: Niết-bàn có nghĩa là diệt có 5 loại:

1- Vikkhambhana nibbāna: Diệt tham-ái bằng cách chế ngự do năng lực thiền-định.

2- Tadaṅga nibbāna: Diệt tham-ái từng thời do năng lực trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới.

3- Samuccheda nibbāna: Diệt tận tham-ái do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.

4- Paṭippassadhi nibbāna: An tịnh tham-ái đã bị diệt do năng lực của Thánh-quả-tuệ.

5- Nissaraṇanibbāna: Thoát khỏi tham-ái đã bị diệt do đối-tượng Niết-bàn.

- Cũng đồng thời *tham-ái, nhân sinh khổ-đế* bị diệt, không thể nương nhờ nơi *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới ấy để phát sinh.

- Cũng đồng thời *chứng ngộ sự diệt tham-ái, nhân sinh khổ-đế* nơi *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới ấy.

- Cũng đồng thời đang *tiến hành pháp-hành chánh-đạo* có *chánh-niệm, chánh-kiến, chánh-tinh-tán*, có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp* tam-giới ấy là *khổ-đế* là *pháp nên biết, tham-ái* là *nhân sinh khổ-đế* là *pháp nên diệt, Niết-bàn* là *pháp nên chứng ngộ, chính pháp-hành chánh-đạo* là *pháp nên tiến hành*.

Như vậy, 4 *trí-tuệ-hành phận sự* trong *tứ đế* phát sinh đồng thời không trước, không sau.

4 *loại trí-tuệ-hành phận sự* trong *tứ đế* thuộc về *pháp-hành Phật-giáo* (*patipattisāsana*).

### 3- 4 Trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thực-hành 4 *trí-tuệ-hành phận sự* trong *tứ đế* đến khi hoàn thành mọi phận sự trong *tứ đế*, thì tự động được luân chuyển đến 4 *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* trong *tứ Thánh-đế*.

Vì vậy, 4 *trí-tuệ-hành phận sự* trong *tứ đế* đến khi hoàn thành mọi phận sự bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* thì tự động được luân chuyển

đến 4 *trí-tuệ-thành* hoàn thành phận sự trong tư *Thánh-đế* bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới*, đó là chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tuệ* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới* (không còn đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới nữa).

Khi ấy, *khổ-Thánh-đế* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ*, là pháp mà *trí-tuệ-hành* có phận sự nên biết bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới*, thì *trí-tuệ-thành* đã biết xong bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* đó là 4 *Thánh-đạo-tuệ*.

- Cũng đồng thời *nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham-ái*, là pháp mà *trí-tuệ-hành* có phận sự nên diệt từng thời bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới*, thì *trí-tuệ-thành* đã diệt tận được mọi *tham-ái* xong bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* đó là 4 *Thánh-đạo-tuệ*.

- Cũng đồng thời *diệt khổ-Thánh-đế*, đó là *Niết-bàn*, là pháp mà *trí-tuệ-hành* có phận sự nên chứng ngộ bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới*, thì *trí-tuệ-thành* đã chứng ngộ xong bằng *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* đó là 4 *Thánh-đạo-tuệ*.

- Cũng đồng thời *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 chánh: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định* là pháp mà *trí-tuệ-hành* có phận sự nên tiến hành bằng *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới*, thì *trí-tuệ-thành* đã tiến-hành

xong bằng **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới** đó là **4 Thánh-đạo-tuệ**:

- **Khổ-Thánh-đế** là pháp nên biết, thì đã biết xong.

- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** là pháp nên diệt, thì đã diệt tận đượ mọi tham-ái xong.

- **Diệt khổ-Thánh-đế** là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ Niết-bàn xong.

- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** là pháp nên tiến-hành, thì đã tiến-hành xong.

**4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự của tứ Thánh-đế** đã hoàn thành xong 4 phận sự trong tứ Thánh-đế đồng thời cùng một lúc không trước, không sau.

Trong **4 trí-tuệ-thành** hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế thì **trí-tuệ-thành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** đã hoàn thành xong phận sự tiến-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là chính yếu, 3 trí-tuệ-thành còn lại là phụ cũng hoàn thành xong phận sự trong mỗi Thánh-đế, cùng một lúc không trước không sau với trí-tuệ-thành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.

**4 loại trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự của tứ Thánh-đế** đã hoàn thành xong mọi phận sự tứ Thánh-đế, thuộc về **pháp-thành Phật-giáo** (*paṭi-vedhasāsana*), đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn gọi là *navalokuttaradhamma*: 9 pháp siêu-tam-giới.

Cho nên, bài kinh *Dhammacakkappavattana-sutta* là một bài kinh đặc biệt gồm có đầy đủ 3 loại Phật-giáo: *pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo, pháp-thành Phật-giáo* đó là *trí-tuệ-học* trong tứ Thánh-đế thuộc về *pháp-học Phật-giáo* được luân chuyển đến *trí-tuệ-hành phận sự* của tứ Thánh-đế thuộc về *pháp-hành Phật-giáo* được luân chuyển đến *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* của tứ Thánh-đế thuộc về *pháp-thành Phật-giáo*.

Cho nên, *tam-tuệ-luân* trong tứ Thánh-đế gồm có  $3 \times 4 = 12$  loại *trí-tuệ* trong tứ Thánh-đế cũng gọi là *dhammacakka bánh xe chuyển-pháp-luân* gồm có 12 cãm.

### Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân

\* Từ quả đến nhân, từ nhân đến quả

*4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn đó là quả đã hoàn thành xong *4 trí-tuệ-hành phận sự* trong tứ Thánh-đế.

*4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* đã thực-hành đúng theo mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế đó là quả của *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* đã hiểu biết rõ mỗi chi pháp của mỗi Thánh-đế.

Như vậy, *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* hiểu biết rõ đúng các chi pháp của mỗi Thánh-đế

làm nền tảng cơ bản, làm nhân phát sinh quả 4 *trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* đúng theo mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế.

**4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế** đã hoàn thành là nhân phát sinh quả là 4 *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc từ Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn; Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn; A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

**Trí-tuệ quán triệt** thấy rõ, biết rõ phạm-hạnh đã hoàn thành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn phải tái-sinh kiếp nào khác nữa, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Như trong đoạn **kinh Chuyển-pháp-luân**, Đức-Thế-Tôn khẳng định:

*“Nāṇaṅca pana me dassanaṃ udapādi, akuppā me vimutti, ayam’antimājāti, natthi dāni punabbhavo.*

*Trí-tuệ quán triệt* đã phát sinh đến Như-Lai, biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp hiện-tại này, không còn phải tái-sinh kiếp nào nữa.”

## Bảng Tóm Tắt Tam-Tuệ-Luân Trong Tứ Thánh-Đế

Tam-tuệ-luân	Tứ Thánh-đế			
	Khổ thánh-đế	Nhân sinh khổ-Thánh-đế	diệt khổ-Thánh-đế	Pháp-hành diệt khổ-Thánh-đế
trí-tuệ-học	sắc-pháp danh-pháp	tham-ái	Niết-bàn	bát chánh đạo
trí-tuệ-hành	nên biết	nên diệt	nên chứng ngộ	nên tiến hành
trí-tuệ-thành	đã biết	đã diệt	đã chứng ngộ	đã tiến hành

Tứ Thánh-đế	Tam-Tuệ-Luân		
	trí-tuệ-học	trí-tuệ-hành	trí-tuệ-thành
khổ-Thánh-đế	sắc-pháp danh-pháp	nên biết	đã biết
nhân sinh khổ-Thánh-đế	tham-ái	nên diệt	đã diệt
diệt khổ-Thánh-đế	Niết-bàn	nên chứng ngộ	đã chứng ngộ
pháp-hành diệt khổ-Thánh-đế	bát chánh đạo	nên tiến hành	đã tiến hành



### Tam-tuệ-luân của 4 bậc Thánh-nhân

Mỗi bậc Thánh-nhân đều trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế, mỗi tuệ-luân có năng lực trí-tuệ khác nhau đối với mỗi bậc Thánh-nhân.

- **Bậc Thánh Nhập-lưu** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ nhất, *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 loại tham-ái là *vibhavaṇhā*: tham-ái hợp với đoan-kiến và *bhavaṇhā*: tham-ái hợp với thường-kiến trong 4 tham-tâm hợp tà-kiến (còn 4 tham-tâm không hợp tà-kiến thì chưa diệt được).

- **Bậc Thánh Nhất-lai** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ nhì, *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được 1 loại tham-ái là *kāmaṭaṇhā*: tham-ái trong 5 đối-tượng ái loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp tà-kiến (còn 5 đối-tượng ái loại vi-tế, thì chưa diệt được).

- **Bậc Thánh Bất-lai** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ ba, *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được 1 loại tham-ái là *kāmaṭaṇhā*: tham-ái trong 5 đối-tượng ái loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp tà-kiến (còn tham-ái trong các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên thì chưa diệt được).

- **Bậc Thánh A-ra-hán** trải qua tam-tuệ-luân trong tứ Thánh-đế lần thứ tư, *A-ra-hán Thánh-*

*đạo-tuệ* đã diệt tận được *bhavataṇhā*: *tham-ái* trong các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên trong 4 tham-tâm không hợp tà-kiến không còn dư sót.

Như vậy, bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được hoàn toàn mọi tham-ái không còn dư sót.

#### **Tính chất 4 phạm sự trong tứ Thánh-đế**

*4 trí-tuệ-hành phạm sự* trong tứ Thánh-đế và *4 trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự* trong tứ Thánh-đế có tính chất liên quan đồng thời, không phạm sự nào trước, không phạm sự nào sau.

Bộ Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo có ví dụ:

Khi đốt một cây đèn dầu trong đêm tối có 4 sự việc xảy ra đồng thời, không trước, không sau:

- Ánh sáng tỏa ra.
- Bóng tối bị biến mất.
- Tim đèn bị cháy mòn.
- Dầu bị hao dần.

Cũng giống như trường-hợp *4 trí-tuệ-hành phạm sự* trong tứ Thánh-đế và *4 trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự* trong tứ Thánh-đế có tính chất đồng thời, không trước, không sau.

Trong *kinh Gavampatisutta*<sup>(1)</sup> có đoạn Ngài Trưởng-lão Gavampati thưa với chư tỳ-khưu rằng

---

<sup>1</sup> Bộ Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Gavampatisutta.

- *Này chư pháp hữu! Tôi được nghe từ nơi Đức-Thế-Tôn dạy rằng:*

*\* Vị tỳ-khuru nào chứng ngộ khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khuru ấy cũng chứng ngộ nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

*\* Vị tỳ-khuru nào chứng ngộ nhân sinh khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khuru ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

*\* Vị tỳ-khuru nào chứng ngộ diệt khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khuru ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

*\* Vị tỳ-khuru nào chứng ngộ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, thì vị tỳ-khuru ấy cũng chứng ngộ khổ-Thánh-đế, nhân sinh khổ-Thánh-đế, diệt khổ-Thánh-đế.*

Như vậy, tứ Thánh-đế có sự liên quan về phạm sự với nhau đồng thời không trước không sau.

## **Phần giải thích**

### **4 Trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế**

Trong 4 trí-tuệ-hành phạm sự trong tứ Thánh-đế, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-hành phạm sự trong **khổ-đế** là chính, còn 3

*trí-tuệ-hành phạm sự* trong **3 đế** còn lại cũng được thành tựu đồng thời không trước, không sau.

Thật vậy, khi hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* khi phát sinh *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp* nào, hoặc *danh-pháp tam-giới* nào là **khổ-đế** thì đồng thời *tham-ái, nhân sinh khổ-đế* không sinh trong *sắc-pháp* ấy, hoặc trong *danh-pháp tam-giới* ấy, đồng thời chứng ngộ *sự diệt của tham-ái, nhân sinh khổ-đế* nơi *sắc-pháp* ấy, hoặc nơi *danh-pháp tam-giới* ấy.

Trong khi đang thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* có *chánh-niệm, chánh-kiến, chánh-tinh-tấn, ...* khi phát sinh *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *khổ-đế* là *pháp nên biết, nhân sinh khổ-đế* là *pháp nên diệt, diệt khổ-đế* là *pháp nên chứng ngộ*, thì chính ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế là pháp nên tiến-hành***.

Như vậy, *4 trí-tuệ-hành phạm sự* trong *tứ-đế* đồng thời không trước không sau, đều có đối-tượng *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*.

#### **4 Trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự tứ Thánh-đế**

Trong *4 trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự* trong *tứ Thánh-đế*, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, có *trí-tuệ-thành hoàn thành phạm sự* trong ***pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*** có đối-tượng *Niết-bàn* là chính, còn *3 trí-tuệ-*

*thành hoàn thành phận sự trong 3 Thánh-đế còn lại cũng được hoàn thành xong phận sự trong 3 Thánh-đế đồng thời không trước không sau.*

Thật vậy, khi hành-giả có *trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới* đó là **4 Thánh-đạo-tuệ** đã hoàn thành xong *phận sự tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* thì:

- Đồng thời 4 Thánh-đạo-tuệ cũng đã hoàn thành xong *phận sự biết khổ-Thánh-đế.*

- Đồng thời 4 Thánh-đạo-tuệ cũng đã hoàn thành xong *phận sự diệt tận được mọi tham-ái, nhân sinh khổ-Thánh-đế.*

- Đồng thời 4 Thánh-đạo-tuệ và 4 Thánh-quả-tuệ đã hoàn thành xong *phận-sự chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.*

- Đồng thời pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định đó là 8 tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, đã hoàn thành xong *phận sự đã tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đó là:

- *Khổ-Thánh-đế* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ là pháp nên biết, thì đã biết xong.*

- *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham-ái là pháp nên diệt, thì đã diệt tận được xong.*

- Diệt khổ-Thánh-đế đó là Niết-bàn là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ xong.

- Pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì đã tiến hành xong.

**4 trí-tuệ-thành đã hoàn thành xong 4 phận sự trong tứ Thánh-đế** đồng thời không trước không sau.

### Vai trò 4 trí-tuệ-hành và 4 trí-tuệ-thành

\* Trong 4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ-đế ở giai đoạn đầu, trí-tuệ-hành phận sự biết khổ-đế đóng vai trò chính yếu, đó là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là **khổ đế**, là pháp nên biết, còn trí-tuệ-hành phận sự của mỗi đế còn lại, cũng được thành tựu phận sự đồng thời không trước không sau.

\* Trong 4 trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế ở giai đoạn cuối, trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự đã tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đóng vai trò chính yếu, đó là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh đó là 8 tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, là hoàn thành xong phận sự đã tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, đã chứng đắc 4

*Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, thì *trí-tuệ-thành hoàn thành phận sự* trong 3 *Thánh-đế* còn lại cũng được thành tựu mỗi phận sự của mỗi Thánh-đế đồng thời không trước không sau.

### **Tứ Thánh-đế trong giáo-pháp của Đức-Phật**

*Tứ Thánh-đế* là chân-lý của chư *bậc Thánh-nhân* đã chứng ngộ, tứ Thánh-đế là nền tảng căn bản, là pháp cốt lõi trọng yếu trong giáo-pháp của chư Phật quá-khứ, của Đức-Phật hiện-tại và của chư Phật vị-lai.

**Tứ Thánh-đế** đó là:

1- **Khổ-Thánh-đế** đó là ngũ-uẩn chấp-thủ, hay sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Trong giáo-pháp của Đức-Phật, tất cả mọi *sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới (cõi dục-giới, cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới)* đúng theo sự-thật chân-lý chỉ là **khổ-đế** (*dukkhasacca*) mà thôi, không có **lạc-đế**.

Tuy có **thọ-lạc** (*sukhavedanā*) nhưng *thọ-lạc* gọi là *vipariṇāmadukkha: biến-chất-khổ*, bởi vì *thọ-lạc* cũng *sinh rồi diệt* là *vô-thường* nên cũng chỉ là **khổ-đế** mà thôi.

Trong tam-giới, tất cả *các pháp hữu-vi: sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* đều *sinh rồi diệt* nên có 4 *trạng-thái* là **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh**.

Vậy, do nguyên-nhân nào cho là **lạc** trong đời này?

Thật-tánh của tất cả mọi **sắc-pháp**, mọi **danh-pháp** trong tam-giới đều có 4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh, nhưng do 3 **pháp-điên-đảo** (*vipallāsa*) là **tâm-điên-đảo**, **tướng-điên-đảo**, **tà-kiến-điên-đảo** cho là **thường**, **lạc**, **ngã**, **tịnh**.

**Pháp-điên-đảo** (*vipallāsa*) có 3 loại:

- **Cittavipallāsa**: **Tâm-điên-đảo** là tâm biết sai, chấp lầm trong các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** trong tam-giới cho là **thường**, **lạc**, **ngã**, **tịnh**.

- **Saññāvipallāsa**: **Tướng-điên-đảo** là tướng sai, chấp lầm trong các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** trong tam-giới cho là **thường**, **lạc**, **ngã**, **tịnh**.

- **Diṭṭhivipallāsa**: **Tà-kiến-điên-đảo** là tà-kiến thấy sai, chấp lầm trong các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** trong tam-giới cho là **thường**, **lạc**, **ngã**, **tịnh**.

\* Thật-tánh của các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** trong tam-giới đều có **trạng-thái vô-thường**, nhưng do **tâm-điên-đảo**, **tướng-điên-đảo**, **tà-kiến-điên-đảo** cho là **thường**.

\* Thật-tánh của các **sắc-pháp**, các **danh-pháp** trong tam-giới đều có **trạng-thái khổ**, nhưng do **tâm-điên-đảo**, **tướng-điên-đảo**, **tà-kiến-điên-đảo** cho là **lạc**.



\* Thật-tánh của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* đều có **trạng-thái vô-ngã**, nhưng do *tâm-điên-đảo, tướng-điên-đảo, tà-kiến-điên-đảo* cho là **ngã**.

\* Thật-tánh của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* đều có **trạng-thái bất-tịnh**, nhưng do *tâm-điên-đảo, tướng-điên-đảo, tà-kiến-điên-đảo* cho là **tịnh**.

Như vậy, **pháp-điên-đảo** có 3 x 4 trạng-thái gồm có 12 pháp-điên-đảo.

Sự thật chân-lý của *các sắc-pháp, các danh-pháp trong tam-giới* chỉ là **khổ-đế** mà thôi, nhưng do *tâm-điên-đảo, tướng-điên-đảo, tà-kiến-điên-đảo* đảo ngược lại thật-tánh cho là **lạc**.

Vậy, **lạc** không phải là *sự thật chân-lý*, mà thuộc về *lạc-điên-đảo (sukhavipallāsa)*.

Như *Đại-đức tỳ-khuru-ni Vajirā* dạy rằng:

“Chỉ có khổ-đế sinh, khổ-đế trụ, khổ-đế diệt, ngoài khổ-đế ra, không có gì sinh, không có gì trụ, không có gì diệt...”<sup>(1)</sup>

Cho nên, *ngũ-uẩn chấp-thủ, hay sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới* đều chỉ là **khổ-đế** mà thôi, không phải là **lạc** thật sự, mà chỉ là *lạc-điên-đảo (sukhavipallāsa)* mà thôi.

Cho nên, người nào tìm *lạc thú* trong đời, người ấy chắc chắn sẽ bị thất vọng mà thôi.

<sup>1</sup> Bộ Samyuttanikāya, Sagathavagga, kinh Vajirāsutta.

## 2- *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham-ái*

\* **Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp hiện-tại**

- Nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong *đối-tượng* nào mà không được thỏa mãn như ý thì người ấy phát sinh **sân-tâm** không vừa lòng, làm cho **khổ tâm**.

- Nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong *đối-tượng* nào mà được thỏa mãn như ý thì người ấy phát sinh **tham-tâm chấp-thủ** cho là của ta, cũng làm nhân phát sinh tâm sầu não, lo sợ cũng làm cho **khổ tâm**.

Như Đức-Phật dạy trong pháp-cú kệ rằng:

*Taṇhāya jāyatī soko, taṇhāya jāyatī bhayaṃ.*

*Taṇhāya vippamuttassa,*

*natthi soko kuto bhayaṃ?*<sup>(1)</sup>

*Sự sầu não phát sinh do tham-ái,*

*Sự lo sợ phát sinh do tham-ái.*

*Bậc Thánh A-ra-hán diệt tận tham-ái,*

*Không sầu não, từ đâu có lo sợ?*

Thật ra, trong kiếp hiện-tại, nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong *đối-tượng* nào không được thỏa mãn như ý thì người ấy phát sinh **sân-tâm** không vừa lòng, chỉ làm cho **khổ tâm** trong khoảng thời gian ngắn, rồi cũng lãng quên theo thời gian mà thôi.

<sup>1</sup> Bộ Dhammapadagāthā câu kệ thứ 216.

Còn nếu người nào phát sinh **tham-tâm** trong **đối-tượng** nào mà được thỏa mãn như ý thì người ấy phát sinh **tham-tâm chấp-thủ** cho là của ta, nên làm nhân phát sinh **khổ tâm** trong suốt khoảng thời gian dài vì đối-tượng ấy.

**\* Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp-sau**

**Bậc Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được tất cả mọi **tham-ái** không còn dư sót, đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chúng-sinh có **ngũ-uẩn**: **sắc-uẩn**, **thọ-uẩn**, **tướng-uẩn**, **hành-uẩn**, **thức-uẩn** trong 11 cõi **dục-giới** và trong 15 tầng trời **sắc-giới phạm-thiên**, hoặc chúng-sinh có **tứ-uẩn** (**thọ-uẩn**, **tướng-uẩn**, **hành-uẩn**, **thức-uẩn**) trong 4 tầng trời **vô-sắc-giới phạm-thiên** cũng chỉ có **khổ-đế** mà thôi, thậm chí chư **phạm-thiên** chỉ có **nhất-uẩn** (**sắc-uẩn**), trong tầng trời **sắc-giới phạm-thiên Vô-tướng-thiên**, kiếp hiện-tại không có khổ, bởi vì chỉ có **thân** mà không có **tâm**, nhưng kiếp vị-lai cũng không thoát khỏi khổ-đế.

Tất cả mọi chúng-sinh còn là **hạng phàm-nhân** trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới, đều có **khổ-đế**, mỗi chúng-sinh có **khổ-đế** khác nhau là khổ nhiều hoặc khổ ít mà thôi.

Chư **bậc Thánh-nhân** sống trong đời đều có **khổ thân** vì tứ-đại bất hoà, còn **khổ tâm** do

phiền-não bị giảm dần cho đến hết theo năng lực của mỗi bậc Thánh-nhân như sau:

\* **Bậc Thánh Nhập-lưu** đã diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (ditṭhi)* và *hoài-nghi (vicikicchā)* không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn khổ vì 2 loại phiền-não ấy nữa.

Kiếp vị-lai *bậc Thánh Nhập-lưu* vĩnh viễn không còn khổ tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới nữa, mà chỉ còn khổ tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

\* **Bậc Thánh Nhất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại thô* không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Nhất-lai* không còn khổ vì phiền-não *sân loại thô* ấy nữa.

Kiếp vị-lai *bậc Thánh Nhất-lai* chỉ còn khổ tái-sinh kiếp sau 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

\* **Bậc Thánh Bất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế* và *diệt tận được tham-*

*ái trong cõi dục-giới không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại, bậc Thánh Bất-lai không còn khổ vì phiền-não sân và tham-ái trong cõi dục-giới nữa.*

Kiếp vị-lai *bậc Thánh Bất-lai* không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ còn tái-sinh kiếp kế-tiếp hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên mà thôi. Vị phạm-thiên chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

\* *Bậc Thánh A-ra-hán* đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha)*, *si (moha)*, *ngã-mạn (māna)*, *buồn-chán (thīna)*, *phóng-tâm (uddhacca)*, *không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika)*, *không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)* không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh A-ra-hán* hoàn toàn không có **khổ-tâm** vì phiền-não nữa, chỉ còn **khổ thân** mà thôi.

Đến khi *bậc Thánh A-ra-hán* hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vì vậy, tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế.

**3- Diệt khổ-Thánh-đế** đó là **Niết-bàn**, là pháp diệt tận được tham-ái, nhân sinh khổ-Thánh-đế.

**Niết-bàn** có 2 loại đó là:

1- **Hữu-dư Niết-bàn** (*sa upādisesanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, còn gọi là **kilesaparinibbāna**: mọi phiền-não **Niết-bàn**, nhưng **ngũ-uẩn** vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

2- **Vô-dư Niết-bàn** (*anupādisesanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đến lúc hết tuổi thọ, tịch diệt **Niết-bàn**, còn gọi là **khandhaporinibbāna**: **ngũ-uẩn Niết-bàn** nghĩa là **ngũ-uẩn** diệt rồi không còn **ngũ-uẩn** nào tái-sinh kiếp sau nữa, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

**Niết-bàn** có 3 loại theo đối-tượng thiên-tuệ là:

1- **Vô-hiện-tượng Niết-bàn** (*animittanibbāna*) là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** (*aniccalakkhaṇa*) hiện rõ hơn **trạng-thái khổ** và **trạng-thái vô-ngã**, do năng lực **tín pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 **pháp-chủ** còn lại (*tân pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*), hoặc do năng lực của **giới**, dẫn đến chứng ngộ **Niết-bàn** gọi là **vô-hiện-tượng Niết-**

**bàn** (*animittanibbāna*) Niết-bàn không có hiện-tượng các pháp hữu-vi.

2- **Vô-ái Niết-bàn** (*appañihitanibbāna*) là Niết-bàn đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** (*dukkhalakkhaṇa*) hiện rõ hơn **trạng-thái vô-thường** và **trạng-thái vô-ngã**, do **năng lực định pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 **pháp-chủ** còn lại (*tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*), hoặc do **năng lực của định**, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là **vô-ái Niết-bàn** (*appañihitanibbāna*) Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.

3- **Chân-không Niết-bàn** (*suññatanibbāna*) là Niết-bàn đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** (*anattalakkhaṇa*) hiện rõ hơn **trạng-thái khổ** và **trạng-thái vô-thường**, do **năng lực tuệ pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 **pháp-chủ** còn lại (*tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ*), hoặc do **năng lực của tuệ**, dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn gọi là **chân-không Niết-bàn** (*suññatanibbāna*) Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.

Vì vậy, Niết-bàn là pháp diệt khổ-Thánh-đế.

**4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*. Khi ấy, **4 Thánh-đạo-tâm** hợp đủ 8 *chánh: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đó là 8 tâm-sở đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* đã hoàn thành xong 4 phận sự:

- *Khổ-Thánh-đế* đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ là pháp nên biết*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã *biết ngũ-uẩn chấp-thủ* xong.

- *Nhân sinh khổ-Thánh-đế* đó là *tham-ái là pháp nên diệt*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã *diệt tận mọi tham-ái* xong không còn dư sót.

- *Diệt khổ-Thánh-đế* đó là *Niết-bàn là pháp nên chứng ngộ*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã *chứng ngộ Niết-bàn* xong.

- *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp nên tiến hành*, thì 4 *Thánh-đạo-tuệ* đã *tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 *chánh* xong.

Vì vậy, **pháp-hành bát-chánh-đạo** là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế.



**Tứ Thánh-đế** là nền tảng, là cốt lõi chính yếu trong giáo-pháp của chư Phật. Cho nên, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ ban đầu dù có những đối-tượng thiên-tuệ như *thân, hoặc thọ, hoặc tâm, hoặc pháp, hoặc sắc-pháp, hoặc danh-pháp tam-giới* khác nhau, nhưng đến giai đoạn cuối cùng cũng đều đạt đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**, mới chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn**.

### Nhân quả liên quan của tứ Thánh-đế

Chân-lý tứ Thánh-đế có nhân quả liên quan với nhau như sau:

- **Khổ-Thánh-đế** đó là **ngũ-uẩn chấp-thủ**, hay **sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là quả của nhân sinh khổ-Thánh-đế**.

- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** đó là **tham-ái là nhân dẫn dắt tái-sinh kiếp sau (taṇhā ponobhavicā)**.

- **Diệt khổ-Thánh-đế** đó là **Niết-bàn không thuộc về quả của một nhân nào, bởi vì Niết-bàn là pháp vô-vi (asaṅkhatadhamma) là pháp hoàn toàn không do một nhân duyên nào cấu tạo, Niết-bàn là đối-tượng siêu-tam-giới của 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm**.

- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế**.

Như vậy, **pháp-hành bát-chánh-đạo** là nhân đạt đến Niết-bàn (diệt khổ-Thánh-đế), không phải là nhân sinh Niết-bàn, và diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn), cũng không phải là quả của pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế, mà chỉ là đối-tượng siêu-tam-giới của pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh (chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định) đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm) dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế mà thôi.

Ví dụ nôm na: con đường dẫn đến kinh-đô.

- **Con đường** ví như pháp-hành bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn).

- **Kinh-đô** ví như Niết-bàn là pháp diệt khổ-Thánh-đế.

Con đường dẫn đến kinh-đô, chứ không phải là nhân sinh kinh-đô.

Cũng như vậy, pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (Niết-bàn) không phải nhân sinh Niết-bàn (diệt khổ-Thánh-đế), mà chỉ là nhân đạt đến Niết-bàn, diệt khổ-Thánh-đế mà thôi.

## Pháp-Hành Trung-Đạo (Majjhimāpaṭipadā)

*Pháp-hành trung-đạo* (*majjhimāpaṭipadā*) là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Trong Kinh *Dhammacakkappavattanasutta*.<sup>(1)</sup> Kinh *Chuyên-pháp-luân* mà Đức-Phật thuyết giảng lần đầu tiên, để tế độ nhóm 5 tỳ-khưu: Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Trưởng-lão Vappa, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahānāma, Ngài Trưởng-lão Assaji tại khu rừng phóng sinh nai gọi *Isipatana*, gần kinh-thành Bāraṇasī.

Đức-Phật thuyết giảng *pháp-hành trung-đạo* rằng:

- *Này chư tỳ-khưu! Pháp-hành trung-đạo là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định.*

Tuy nhiên 8 chánh này gọi là *pháp-hành bát-chánh-đạo* có *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định*, đó là 8 tâm-sở (*cetasika*) đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*:

<sup>1</sup> Saṃ., Mahāvaggapāli, Kinh Dhammacakkappavattanasutta.

Thật ra, trong 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* có 36 tâm-sở đồng sinh, trong 36 tâm-sở ấy có 8 tâm-sở gọi là 8 chánh như sau:

- 1- *Trí-tuệ tâm-sở* gọi là *chánh-kiến*.
- 2- *Hướng-tâm tâm-sở* gọi là *chánh-tư-duy*.
- 3- *Chánh-ngữ tâm-sở* gọi là *chánh-ngữ*.
- 4- *Chánh-nghiệp tâm-sở* gọi là *chánh-nghiệp*.
- 5- *Chánh-mạng tâm-sở* gọi là *chánh-mạng*.
- 6- *Tinh-tấn tâm-sở* gọi là *chánh-tinh-tấn*.
- 7- *Niệm tâm-sở* gọi là *chánh-niệm*.
- 8- *Nhất-tâm tâm-sở* gọi là *chánh-định*.

8 tâm-sở này cùng với 28 tâm-sở khác đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* cùng có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Cho nên, ***pháp-hành trung-đạo*** đó là ***pháp-hành bát chánh-đạo*** hợp đủ 8 chánh trong 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Như vậy, ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** hợp đủ 8 chánh này không phải là *pháp-hành bắt đầu thực-hành*, cũng không phải là *pháp-hành đang thực-hành*, mà sự thật là *pháp-hành đã thực-hành xong rồi*, đã hoàn thành xong mọi phận sự từ *Thánh-đế*, nên ***pháp-hành bát-chánh-đạo*** hợp đủ 8 chánh này gọi là ***pháp-thành Phật-giáo*** (*paṭivedhasāsana*) là kết quả của *pháp-hành Phật-giáo* (*paṭipattisāsana*).

Cho nên, **pháp-hành trung-đạo** này là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh ấy ở **giai đoạn cuối**.

### **Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo**

\* Giai đoạn đầu **thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo**, hành-giả cần phải bắt đầu thực-hành **chánh-niệm**: *niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp*, đó là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**.

Thật vậy, trong *kinh Rahogatasutta*<sup>(1)</sup> Ngài Trưởng-lão Anuruddha từng tư duy rằng:

“*Hành-giả nào chán nản thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ, thì hành-giả ấy là người chán nản thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo, nên không thể dẫn đến sự giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*Hành-giả nào tinh-tấn thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ, thì hành-giả ấy là người có tinh-tấn thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo, nên có khả năng dẫn đến sự giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*”

Như vậy, **thực-hành chánh-niệm** là 1 chánh trong **pháp-hành bát-chánh-đạo** đó là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** là nhân bắt đầu dẫn đến quả cuối cùng là **Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh**: *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-*

<sup>1</sup> Saṃyuttanikāya, bộ Mahāvaggapāḷi, kinh Rahogatasutta.

*nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đó là **8 tâm-sở** đồng sinh trong 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* cùng có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Trong Chú-giải kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta-vaṇṇanā* giảng giải rằng:

“*Pubbabhāgasatipaṭṭhānamaggo*” *tứ-niệm-xứ* là phần đầu của *bát-chánh-đạo*.

### **Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành tứ-niệm-xứ**

Trong Chi-bộ-kinh, phần 3 chi-pháp, Đức-Phật thuyết giảng về 3 *pháp-hành (paṭipadā)*:

- 1- *Āgāḷhā paṭipadā*: *Pháp-hành hưởng lạc thú trong ngũ-dục là cực đoan.*
- 2- *Nijjhāmāpaṭipadā*: *Pháp-hành tự ép xác hành khổ hạnh là cực đoan.*
- 3- *Majjhimāpaṭipadā*: *Pháp-hành trung-đạo.*

Đức-Phật thuyết giảng về *pháp-hành trung-đạo* rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Pháp-hành trung-đạo là thế nào?*

- *Này chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru:*

1- Là hành-giả có *tâm tinh-tấn* không ngừng, có *chánh-niệm* trực nhận, có *trí-tuệ* *tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ **thân** trong **phần thân niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

2- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ các **thọ** trong **phần thọ niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

3- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **phần tâm niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ các **pháp** trong **phần pháp niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này, ...”

Như vậy, phần đầu của **pháp-hành trung-đạo** là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiền-tuệ**, và đến phần cuối của **pháp-hành trung-đạo** là đạt đến **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh đó là 8 tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

**Pháp-hành trung-đạo** có 2 giai đoạn:

- 1- Giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.
- 2- Giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.

## 1- Giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo

Hành-giả là hạng *người tam-nhân* đã tích-luỹ đầy đủ các pháp-hành ba-la-mật từ vô số kiếp trong quá-khứ, có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* có đối-tượng thiên-tuệ **sắc-pháp** nào hoặc **danh-pháp** nào *đúng theo chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) có khả năng làm phát sinh **trí-tuệ thứ nhất** gọi là **nāmarūpaparicchedañāṇa**: *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp hiện-tại ấy, mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại ấy đều là pháp-vô-ngã* (*anattā*) *không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng-sinh nào, v.v... mà chỉ là sắc-pháp ấy, danh-pháp ấy mà thôi, thuộc về chân-nghĩa-pháp* và hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ có khả năng phát sinh các trí-tuệ-thiên-tuệ theo tuần tự đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13** gọi là **gotrabhuñāṇa**: *trí-tuệ-thiên-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*, làm phạn sự chuyển dòng từ hạng thiện-trí phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân.

Từ *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa* đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* thuộc về *trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới*, nên vẫn còn trong giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.



## 2- Giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* liền tiếp theo phát sinh *trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* gọi là **Maggañña**: *Thánh-đạo-tuệ trong Thánh-đạo-tâm* và *trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* gọi là **Phalañña**: *Thánh-quả-tuệ trong Thánh-quả-tâm* thuộc về *siêu-tam-giới-tâm* có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Trong 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* có *bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, nên ở giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.

### Thực-Hành Pháp-Hành Trung-Đạo

Ban đầu hành-giả thực-hành *pháp-hành trung-đạo (majjhimāpaṭipadā)* đó là thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ (thân niệm-xứ, thọ niệm-xứ, tâm niệm-xứ, pháp niệm-xứ)*, mỗi niệm-xứ đều diệt **tham-tâm** hài lòng (*abhijjhā*) và diệt **sân-tâm không hài lòng (domanassa)** trong đối-tượng tứ-niệm-xứ, đồng thời cũng diệt **si-tâm** che phủ thật-tánh của mỗi đối-tượng sắc-pháp, mỗi đối-tượng danh-pháp tam-giới.

Cho nên, hành-giả cần phải học hỏi nghiên

cứu, hiểu biết rõ đầy đủ **21 đối-tượng tứ-niệm-xứ**<sup>(1)</sup> như sau:

- **Thân niệm-xứ** có 14 đối-tượng thuộc về **sắc-pháp**.

- **Thọ niệm-xứ** có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ thuộc về **danh-pháp**.

- **Tâm niệm-xứ** có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm thuộc về **danh-pháp**.

- **Pháp niệm-xứ** có 5 đối-tượng thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp**.

Tất cả mọi **sắc-pháp, mọi danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)** có thật-tánh rõ ràng làm **đối-tượng tứ-niệm-xứ** hoặc **đối-tượng thiên-tuệ**, mỗi đối-tượng ấy đều có **sự sinh, sự diệt**, đều có **3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** như nhau cả thảy.

Cho nên, trong **21 đối-tượng tứ-niệm-xứ** này, hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ sử dụng đối-tượng nào cũng có khả năng dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cả thảy.

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu đầy đủ trong bộ **Nền-Tảng-Phật-Giáo**, quyển X: **Pháp-Hành Thiên-Tuệ**, cùng soạn giả.

Khi hành-giả thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** đó là thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* với *đại-thiện-tâm* trong **sạch trung dung trong mỗi đối-tượng hiện-tại**, tuyệt đối không nên **thiên về đối-tượng nào cả** nghĩa là không nên coi trọng đối-tượng này, coi nhẹ đối-tượng kia; bởi vì mỗi đối-tượng sắc-pháp hiện-tại, mỗi đối-tượng danh-pháp hiện-tại thuộc về *chân-nghĩa-pháp*, có thật-tánh rõ ràng, đều có **sự sinh, sự diệt**; đều có **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* như nhau cả thảy; đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*.

### \* Thực-hành sai pháp-hành trung-đạo

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ, nếu *coi trọng đối-tượng này, coi nhẹ đối-tượng kia* thì **tham-tâm** hài lòng với đối-tượng này, và **sân-tâm** không hài lòng với đối-tượng kia, nên không diệt được **tham-tâm** trong đối-tượng này, cũng không diệt được **sân-tâm** trong đối-tượng kia.

Ví dụ: Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ với **đối-tượng tứ oai-nghi** là 1 trong 14 đối-tượng trong phần *thân niệm-xứ*.<sup>(1)</sup>

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu rõ trong quyển Thực-Hành Pháp-Hành Thiên-Tuệ: Đối-Tượng Tứ Oai-Nghi, cùng soạn giả.

Khi đang ngồi, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* nơi **toàn tư thế ngồi, toàn dáng ngồi** (gọi là *sắc ngồi*) và có *trí-tuệ tinh-giác trực giác* nơi **sắc ngồi** (không phải ta ngồi) như vậy. Khi ấy, *phóng-tâm* phát sinh, hành-giả phải bỏ *đối-tượng sắc ngồi*, mà theo *đối-tượng phóng-tâm*, cho nên hành-giả phát sinh **sân-tâm** không hài lòng nơi *đối-tượng phóng-tâm*, bởi vì trước đó, hành-giả có **tham-tâm** nương nhờ hài lòng nơi *đối-tượng sắc ngồi*.

Hành-giả *thực-hành sai pháp-hành trung-đạo*, bởi vì hành-giả *coi trọng đối-tượng sắc ngồi*, và *coi nhẹ đối-tượng phóng-tâm*, nên không diệt được **tham-tâm** nương nhờ nơi *đối-tượng sắc ngồi (sắc-pháp)* và cũng không diệt được **sân-tâm** nương nhờ nơi *đối-tượng phóng-tâm (danh-pháp)*; cho nên hành-giả *thực-hành không đúng pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc không đúng pháp-hành thiên-tuệ*.

Như vậy, giai đoạn đầu, hành-giả *thực hành không đúng pháp-hành trung-đạo*, nên không thể dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn được*.

### \* **Thực-hành đúng pháp-hành trung-đạo**

Khi hành-giả *thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ*, *không coi trọng đối-tượng này, cũng không coi nhẹ đối-tượng*

kia, nên diệt được **tham-tâm** không nương nhờ nơi đối-tượng này, cũng diệt được **sân-tâm** không nương nhờ nơi đối-tượng kia.

Ví dụ: Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ với **đối-tượng tứ oai-nghi** là 1 trong 14 đối-tượng trong phần *thân niệm-xứ*.

Khi đang ngồi, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* nơi **toàn tư thế ngồi, toàn dáng ngồi** (gọi là *sắc ngồi thuộc về sắc-pháp*) và có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* nơi **sắc ngồi** thuộc về sắc-pháp (*không phải ta ngồi*) như vậy. Khi ấy, *phóng-tâm* phát sinh, hành-giả phải bỏ *đối-tượng sắc ngồi*, mà theo *đối-tượng phóng-tâm*.

Hành-giả hiểu biết *đối-tượng phóng-tâm* trong 5 *pháp-chương-ngại (nivarana)* là 1 trong 5 đối-tượng trong phần *pháp niệm-xứ*, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận* nơi *đối-tượng phóng-tâm thuộc về danh-pháp*, và có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* nơi *danh-pháp phóng-tâm (không phải ta phóng-tâm)*. Khi *đối-tượng phóng-tâm* diệt, hành-giả trở lại *đối-tượng sắc ngồi* như trước.

Dù cho đối-tượng thiên-tuệ nào có thay đổi nhưng *đại-thiện-tâm* có *chánh-niệm* và *trí-tuệ tỉnh-giác* vẫn trực giác nơi đối-tượng thiên-tuệ hiện-tại ấy, cho nên hành-giả thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc đúng theo pháp-hành thiên-tuệ.

Hành-giả *thực-hành đúng pháp-hành trung-đạo*, bởi vì hành-giả *không coi trọng đối-tượng sắc ngòì (sắc-pháp)*, và cũng *không coi nhẹ đối-tượng phóng-tâm (danh-pháp)*, có *đại-thiền-tâm trung dung* trong mỗi đối-tượng thiền-tuệ ấy, nên **tham-tâm** không nương nhờ nơi *đối-tượng sắc ngòì (sắc-pháp)* và **sân-tâm** cũng không nương nhờ nơi *đối-tượng phóng-tâm (danh-pháp)*, đồng thời **si-tâm** không nương nhờ nơi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp ấy; hành-giả thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc đúng theo pháp-hành thiền-tuệ cho nên hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ được tiến hành thuận lợi.

Như vậy, giai đoạn đầu, hành-giả thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo, nên dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn*.

\* Cho nên, đối với hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi hiểu biết rõ về **trí-tuệ-học** trong *tứ Thánh-đế* và **trí-tuệ-hành** *phận sự* trong mỗi *Thánh-đế*.

Khi đang thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, hành-giả cần phải có **yonisomanasikāra**: *do trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới*

làm nhân-duyên phát sinh *chánh-niệm* và *trí-tuệ tỉnh-giác* hỗ-trợ cho hành-giả thực-hành đúng pháp-hành tứ-niệm-xú hoặc thực-hành đúng pháp-hành thiên-tuệ cho nên hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ được tiến hành thuận lợi.

### **Nhân-duyên phát sinh chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác**

Tất cả các pháp phát sinh đều do nhân-duyên, *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* phát sinh cũng do nhân-duyên.

*Vậy, do nhân-duyên nào để cho chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác phát sinh?*

Trong bài kinh *Avijjāsutta*<sup>(1)</sup> Đức-Phật thuyết giảng đoạn nhân quả liên hoàn tuần tự như sau:

*“Thường được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, mới lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ.*

*- Có lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ, mới có đức-tin được đầy đủ.*

*- Có đức-tin được đầy đủ, mới có **yoniso-manasikāra** được đầy đủ.*

*- Có **yonisomanasikāra** được đầy đủ, mới có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ.*

*- Có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ, mới giữ gìn lục môn thanh-tịnh được đầy đủ.*

---

<sup>1</sup> *Āṅguttaranikāya*, phần *Dasakanipāta*, Kinh *Āvijjāsuttapāli*.

- Có giữ gìn cẩn trọng lục môn thanh-tịnh được đầy đủ, mới có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ.

- Có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ, mới có **tứ-niệm-xứ** được đầy đủ.

- Có **tứ-niệm-xứ** được đầy đủ, mới có **thất-giác-chi** được đầy đủ.

- Có **thất-giác-chi** được đầy đủ, mới có **trí-minh** (*vijjā*) **Thánh-đạo-tuệ** và **giải-thoát** (*vimutti*) **Thánh-quả-tuệ** được đầy đủ.”

Đoạn kinh trên đây “có **yonisomanasikāra** được đầy đủ, mới có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** được đầy đủ”.

Vậy, *yonisomanasikāra* là pháp như thế nào?

### Ý nghĩa *Yonisomanasikāra*

*Yonisomanasikāra* có 3 từ ghép là:

*Yoniso* + *manasi* + *kāra*

- *Yoniso*: với trí-tuệ.

- *Manasi*: trong tâm.

- *Kāra*: sự hiểu biết.

***Yonisomanasikāra*** trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng với 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới như sau:



- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vô-thường.*

- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là khổ (dukkha).*

- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vô-ngã (anattā).*

- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là bất-tịnh (asubha).*

***Yonisomanasikāra***: Trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng với 4 trạng-thái: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh trong tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, làm nhân-duyên phát sinh ***chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác*** hỗ trợ chính cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

### Tính chất đặc biệt của yonisomanasikāra

\* ***Yonisomanasikāra*** là 1 trong 4 chi-pháp để trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu***, như trong bài kinh *Sotāpattiyaṅgasutta*<sup>(1)</sup> Đức Phật dạy 4 chi-pháp để trở thành ***bậc Thánh Nhập-lưu*** như sau:

<sup>1</sup> Saṃyuttanikāya, Mahāvaggapāli, Kinh Sotāpattiyaṅgasutta.

1- *Sappurisasamseva*: Sự gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo.

2- *Saddhammassavana*: Sự lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí.

3- *Yonisomanasikāra*: Trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng với 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, danh-pháp trong tam giới.

4- *Dhammānudhammapaṭipatti*: Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ hướng đến chứng đắc 9 siêu-tam-giới-pháp: 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Như vậy, muốn trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, hành-giả cần phải có đầy đủ 4 chi-pháp này.

***Yonisomanasikāra*** là chi-pháp quan trọng hỗ trợ hành-giả thực-hành đúng theo pháp-hành thiền-tuệ, để dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến và hoài-nghi không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu**.

\* ***Yonisomanasikāra*** là pháp hỗ trợ hành-giả thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** (*majjhimāpaṭipadā*) diệt **tham-tâm** trong đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp và diệt **sân-tâm** trong đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp; bởi vì nhờ *yonisomanasikāra* nên ngăn chặn được

**tham-tâm** và **sân-tâm** không nương nhờ trong mọi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành pháp-hành-thiền-tuệ với đối-tượng **oai-nghi ngôi**, có **chánh-niệm** trực nhận mỗi tư thế ngôi, dáng ngôi ấy, có **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế ngôi, dáng ngôi ấy là **sắc ngôi** (không phải ta ngôi), nên **tham-tâm** không nương nhờ nơi sắc ngôi mà phát sinh, dù khi **phóng-tâm** là **danh-pháp** phát sinh, nhưng **sân-tâm** vẫn không nương nhờ nơi phóng-tâm mà phát sinh. Đó là do nhờ **yonisomanasikāra** trí-tuệ hiểu biết sắc ngôi thuộc về sắc-pháp có trạng-thái vô-ngã, nên **tham-tâm** không phát sinh, dù khi **phóng-tâm** thuộc về danh-pháp cũng có trạng-thái vô-ngã, nên **sân-tâm** vẫn không phát sinh.

Cũng như trên, khi **oai-nghi ngôi** là sắc ngôi phát sinh **thọ khổ**, **sắc ngôi khổ** (không phải ta khổ), **sân-tâm** không phát sinh.

Hành-giả cần phải thay đổi **oai-nghi ngôi** cũ sang **oai-nghi đi mới** là sắc đi, để làm giảm bớt thọ khổ của **oai-nghi ngôi** cũ. Dù khi thay đổi **oai-nghi đi mới** cho bớt khổ, **tham-tâm** hài lòng vẫn không phát sinh. Đó là do nhờ **yoniso-manasikāra** trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng với 4 trạng-thái của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, cho nên, dù có thay đổi đối-tượng nào,

vẫn có *chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác* theo dõi trực giác đối-tượng hiện-tại ấy một cách tự nhiên.

Cho nên, *yonisomanasikāra trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng với 4 trạng-thái của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* hỗ trợ cho hành-giả thực-hành đúng pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành đúng pháp-hành thiền-tuệ đúng theo ***pháp-hành trung-đạo*** diệt-tùng-thời được ***tham-tâm*** và ***sân-tâm*** trong mỗi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại ấy.

Tuy nhiên, *yonisomanasikāra* còn là pháp hỗ trợ cho mọi thiện-pháp, kể từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp* cho đến *siêu-tam-giới thiện-pháp* nữa.

Trái nghĩa với *yonisomanasikāra* là *ayoniso-manasikāra*

\* ***Ayonisomanasikāra*** có 3 từ ghép là:

*Ayoniso + manasi + kāra*

- *Ayoniso*: do si-mê,
- *Manasi*: trong tâm,
- *Kāra*: sự hiểu biết.

***Ayonisomanasikāra*** do si-mê biết trong tâm sai lầm với 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới như sau:

- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì si-mê biết sai lầm cho là thường (nicca).*

- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì si-mê biết sai lầm cho là lạc (sukha).*

- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì si-mê biết sai lầm cho là ngã (attā).*

- *Sắc-pháp danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì si-mê biết sai lầm cho là tịnh (subha).*

**ayonisomanasikāra:** *si-mê biết trong tâm sai lầm trong 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh** làm nhân-duyên phát sinh **pháp-điên-đảo (vipallāsa).***

**Pháp-điên-đảo (vipallāsa)** có 3 loại:

1- *Tướng-điên-đảo (saññāvipallāsa): Tướng sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

2- *Tâm-điên-đảo (cittavipallāsa): Tâm biết sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

3- *Tà-kiến-điên-đảo (diṭṭhivipallāsa): Tà-kiến thấy sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

Như vậy, 3 pháp-điên-đảo nhân với 4 điều sai lầm (thường, lạc, ngã, tịnh) gồm có 12 pháp-điên-đảo này làm nhân-duyên phát sinh *mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp* tùy theo đối-tượng, làm che phủ thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới. Nên chỉ có ***yonisomanasikāra***, trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng với 4 *trạng-thái*: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, mới ngăn chặn được 12 *pháp-điên-đảo* ấy mà thôi.

Đức-Phật dạy về tính chất ***ayonisomanasikāra*** và ***yonisomanasikāra*** trong Chi-bộ-kinh, phần 1 chi-pháp như sau:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy một pháp nào làm nhân-duyên cho ác-pháp chưa phát sinh thì phát sinh hoặc thiện-pháp đã phát sinh, rồi bị diệt như ***ayonisomanasikāra***.*

- *Này chư tỳ-khuru! Khi người nào có ***ayoniso-manasikāra*** thì làm nhân-duyên cho ác-pháp chưa phát sinh thì phát sinh hoặc thiện-pháp đã phát sinh, rồi bị diệt.*

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy một pháp nào làm nhân-duyên cho thiện-pháp chưa phát sinh thì phát sinh hoặc ác-pháp đã phát sinh, rồi bị diệt như ***yonisomanasikāra***.*

- *Này chư tỳ-khuru! người nào có yoniso-manasikāra thì nó làm nhân-duyên cho thiện-pháp chưa phát sinh thì phát sinh hoặc ác-pháp đã phát sinh rồi bị diệt.*

## Trí-Tuệ-Thiền-Tuệ

Hành-giả nào là hạng *người tam-nhân* đã từng tích-luỹ đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp trong thời quá-khứ, có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, khi *thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiền-tuệ* có 1 trong 21 đối-tượng tứ-niệm-xứ ấy, nếu có *yoniso-manasikāra* hỗ-trợ thì hành-giả ấy thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo*, có *chánh-niệm* trực nhận *đối-tượng sắc-pháp* ấy hoặc *danh-pháp hiện-tại* ấy, có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ thật-tánh của *sắc-pháp hiện-tại* ấy hoặc *danh-pháp hiện-tại* ấy dẫn đến phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ* theo tuần tự trải qua 16 loại *trí-tuệ-thiền-tuệ* từ *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới* như sau:

### Trí-tuệ-thiền-tuệ có 16 loại

#### 1- Trí-tuệ thứ nhất Nāmarūpaparicchedañāṇa

Hành-giả thực-hành thuộc về hạng *người tam-nhân* đã từng tích-luỹ đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp trong thời quá-khứ, có giới-

hành trong sạch trọn vẹn, thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* có đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, hoặc đối-tượng danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (paramatthadhamma), thực-hành *đúng theo pháp-hành trung-đạo*, có khả năng dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thứ nhất* gọi là *nāmarūpaparicchedañāna*: *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp hiện-tại, mỗi danh-pháp hiện-tại đều là pháp-vô-ngã (anattā) không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chủng-sinh nào, vật này, vật kia, v.v... đều chỉ là sắc-pháp, danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp mà thôi.*

*Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāna* không chỉ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp* hoặc *danh-pháp* hiện-tại, mà còn thấy rõ, biết rõ *chủ-thể* tâm biết *đối-tượng* cũng là *danh-pháp* mà thôi.

Vậy, *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāna* này thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của *đối-tượng thiên-tuệ* và *chủ-thể* tâm biết *đối-tượng*, liên quan với nhau chỉ là *sắc-pháp* và *danh-pháp* đều là *pháp-vô-ngã (anattā)* mà thôi.

Trước kia, *thật-tánh* của *sắc-pháp, danh-pháp* bị màn *vô-minh (avijjā)* che phủ, nên không thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của *sắc-pháp, danh-pháp*, lại còn *tà-kiến theo chấp ngã (attānudiṭṭhi)* thấy sai



chấp làm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là *ta* (*ngã*), *người*, *người nam*, *người nữ*, *chúng-sinh*, v.v...

Bây giờ, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp hiện-tại hoặc danh-pháp hiện-tại, *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpa-paricchedañāna* phát sinh, thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của *mỗi sắc-pháp*, *mỗi danh-pháp* đúng theo *chân-nghiã-pháp* (*paramattha-dhamma*) là:

- *Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.*
- *Danh-pháp chỉ là danh-pháp.*
- *Sắc-pháp là một, danh-pháp là một.*

Khi *trí-tuệ thứ nhất* này thấy rõ, biết rõ **đối-tượng thiền-tuệ** sắc-pháp nào thì cũng biết đến **chủ-thể** tâm biết đối-tượng sắc-pháp ấy, hoặc thấy rõ, biết rõ **đối-tượng thiền-tuệ** danh-pháp nào thì cũng biết đến **chủ-thể** tâm biết đối-tượng danh-pháp ấy, bởi vì *đối-tượng thiền-tuệ* và *chủ-thể tâm biết đối-tượng* ấy liên quan với nhau.

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã** (*anattā*), *không phải ngã* (*ta*), *không phải người*, *không phải người nam*, *không phải người nữ*, *không phải chúng-sinh* nào cả, ... *mà chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi*. Khi ấy, *trí-tuệ diệt-tùng-thời* (*tadaṅgappahāna*) được *tà-kiến* theo chấp *ngã* (*attānuditṭhi*) hoặc *tà-kiến chấp ngã* trong ngũ-

*uẩn* (*sakkāyadiṭṭhi*) trong đôi-tượng lẫn chủ-thể, nên gọi là **chánh-kiến thiên-tuệ** (*vipassanāsammā-diṭṭhi*), đạt đến *pháp-thanh-tịnh*<sup>(1)</sup> thứ 3 gọi là **diṭṭhivissuddhi**: *chánh-kiến thanh-tịnh* là **pháp-thanh-tịnh thứ nhất** của *pháp-hành thiên-tuệ*.

Ví dụ: Trước kia, ông A đi trên đường vào ban đêm có ánh sáng trăng mờ, thấy **sợi dây ngoằn ngoèo** giống như con rắn nằm giữa đường, ông A thấy sai, tưởng làm *sợi dây ngoằn ngoèo* kia cho là **con rắn độc**, ông phát sinh tâm sợ hãi, nên tránh xa *con rắn độc* ấy mà đi.

Sau đó, ông A gặp được bậc thiện-trí giảng dạy cho ông biết rõ sự-thật đó chỉ là *sợi dây* không phải là *con rắn độc* như ông đã thấy sai, tưởng lầm. Bậc thiện-trí trao cho ông cây đèn, dẫn ông trở lại chỗ *sợi dây ngoằn ngoèo* ấy. Ông A rọi đèn chiếu sáng đến *sợi dây ngoằn ngoèo* ấy, tận mắt thấy rõ, biết rõ đúng sự-thật là *sợi dây ngoằn ngoèo* này chỉ là *sợi dây ngoằn ngoèo* mà thôi, không phải *con rắn độc* như trước kia ông đã thấy sai, tưởng lầm, nên tâm của ông trở lại tự nhiên, không còn sợ hãi như trước nữa.

Qua ví dụ trên nên hiểu rằng:

- *Sợi dây* ám chỉ đến sắc-pháp, danh-pháp.
- *Thấy sai, tưởng lầm nơi sợi dây cho là con rắn độc* nghĩa là *thấy sai, tưởng lầm nơi sắc-pháp*,

---

<sup>1</sup> Pháp-thanh-tịnh (Visuddhi) có 7 pháp.

nơi danh-pháp cho là ngã (ta), là người, là người nam, là người nữ, là chúng-sinh, là vật này, vật kia, v.v...

Rọi đèn chiếu sáng, tận mắt thấy rõ sợi dây chỉ là sợi dây mà thôi, nghĩa là trí-tuệ thứ nhất phát sinh thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp và chủ-thể** (tâm biết đối-tượng thuộc về danh-pháp) liên quan với nhau đều là sắc-pháp, danh-pháp là pháp-vô-ngã (anattā), không phải ngã (ta), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, ...

### Vai trò trí-tuệ thứ nhất

Trong 16 loại trí-tuệ-thiền-tuệ của pháp-hành thiền-tuệ, thì trí-tuệ thứ nhất **nāmarūpaparicchedañāṇa** có vai trò tối ư thiết yếu, làm nền tảng cho các trí-tuệ-thiền-tuệ tuần tự phát sinh, bởi vì trí-tuệ thứ nhất này thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới thuộc về chân-nghĩa-pháp, thấy rõ, biết rõ sự-thật chân-lý của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới đều là **khổ-đế** (dukkhasacca).

Cho nên, hành-giả có được trí-tuệ thứ nhất **nāmarūpaparicchedañāṇa** này ví như gặp được **vị Chân-sư** đó là đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp thật sự.

Từ nay, **vị Chân-sư** *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* trực tiếp dẫn dắt phát sinh tuần tự 13 loại *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới*.

\* *Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* dẫn dắt phát sinh 2 loại *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới*.

*Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāna* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna* của pháp-hành thiền-tuệ phát sinh liền tiếp theo sau.

## 2- Trí-tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahañāna

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāna* làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh ***trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna***: *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp*.

*Trí-tuệ thứ nhì* này phát sinh do nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* làm nền tảng, làm nhân-duyên:

- *Trí-tuệ thứ nhất* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo *chân-nghĩa-pháp*.

- ***Trí-tuệ-thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna*** nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* làm nền tảng,

làm nhân-duyên phát sinh *thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* khác nhau, tùy theo quan điểm của mỗi hành-giả, song chắc chắn có kết quả giống nhau là *diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna)* được **tâm hoài-nghi** về nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình và bên ngoài mình, của người khác, chúng-sinh khác trong thời hiện-tại, thời quá-khứ và thời vị-lai.

### \* Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp

Mỗi danh-pháp nào phát sinh do hội đủ nhân-duyên riêng biệt của chính danh-pháp ấy như sau:

1- *Đối-tượng sắc (hình dạng)* tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc (mắt)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên này, thì **nhãn-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc ấy*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa*<sup>(1)</sup>, 2 *nhãn-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị bệnh mù),*
- 2- *Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.*
- 3- *Ánh sáng đủ thấy được.*
- 4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **nhãn-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc ấy*.

<sup>1</sup> Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Trưởng-lão Anuruddha.

II- *Đối-tượng thanh (âm thanh)* tiếp xúc với *nhĩ-tĩnh-sắc (tai)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên này, thì ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phạm sự *nghe đối-tượng thanh ấy*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *nhĩ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Nhĩ-tĩnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc).*
- 2- *Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tĩnh-sắc.*
- 3- *Không gian không bị vật cản bao kín.*
- 4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì ***nhĩ-thức-tâm*** phát sinh làm phạm sự *nghe đối-tượng thanh (âm thanh ấy)*.

III- *Đối-tượng hương (các mùi)* tiếp xúc với *tỷ-tĩnh-sắc (mũi)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên này, thì ***tỷ-thức-tâm*** phát sinh làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *tỷ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Tỷ-tĩnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh).*
- 2- *Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tĩnh-sắc.*
- 3- *Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi.*
- 4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **tỷ-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương (mùi ấy)*.

IV- *Đối-tượng vị (các vị)* tiếp xúc với *thiệt-tịnh-sắc (lưỡi)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên này, thì **thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *nếm đối-tượng vị*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *thiệt-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh)*.
- 2- *Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc*.
- 3- *Chất nước miếng*.
- 4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị ấy*.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **thiệt-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *nếm đối-tượng vị ấy*.

V- *Đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...)* tiếp xúc với *thân-tịnh-sắc (thân)*, khi hội đủ 2 nhân-duyên này, thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *thân-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Thân-tịnh-sắc (thân) tốt (không bị bệnh liệt)*.
- 2- *Đối-tượng xúc rõ ràng tiếp xúc với thân-tịnh-sắc*.

3- *Chất đất cứng, mềm, nóng lạnh, ...*

4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng xúc ấy.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên này thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh, ... ấy)*.

VI- *Đối-tượng pháp*<sup>(1)</sup> tiếp xúc với *sắc-y-căn (hadayavatthurūpa)*, khi *y-thức-tâm* nào hội đủ nhân-duyên thì **y-thức-tâm ấy** phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp ấy*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 75 *y-thức-tâm*<sup>(2)</sup> phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

1- *Hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của y-thức-tâm.*

2- *Đối-tượng pháp ấy tiếp xúc với hadayavatthurūpa.*

3- *Ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng pháp ấy.*

Khi hội đủ 3 nhân-duyên của *y-thức-tâm* nào thì **y-thức-tâm ấy** phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp ấy*.

<sup>1</sup> Đối-tượng pháp (dhammārammaṇa) gồm có 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

<sup>2</sup> 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.



Như vậy, mỗi danh-pháp phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì *danh-pháp* ấy không thể phát sinh được.

**\* Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên**

Số hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahanāna* phát sinh thấy rõ sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên là:

1- **Kamma**: Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là 25 loại nghiệp, ngoại trừ 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và 4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.

**Nghiệp** làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **kammajarūpa**: sắc-pháp phát sinh do nghiệp này trong thân của mỗi chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm (*khaṇacitta*) kể từ khi tái-sinh v.v...

2- **Citta**: Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là 75 tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm).

**Tâm** làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **cittajarūpa**: sắc-pháp phát sinh do tâm trong thân của mỗi chúng-sinh suốt mỗi sát-na-sinh (*uppādakkhaṇa*) của tâm kể từ hộ-kiếp-tâm đầu tiên sau tái-sinh-tâm, v.v...

3- **Utu**: Thời tiết làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là sự lạnh, sự nóng bên trong và bên ngoài thân.

*Thời tiết nóng, lạnh* làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là **utujarūpa**: sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-trụ (*thitikhana*) của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v...

4- **Āhāra**: Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là *chất bổ* trong các món vật-thực đã dùng vào trong sắc-thân của chúng-sinh.

**Vật thực** làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là **āhārajarūpa**: sắc-pháp phát sinh do vật-thực trong sắc-thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm, ...

### Sắc-pháp phát sinh do tâm

**Tứ-oai-nghi** là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

#### 1- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi

**Oai-nghi đi** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**đi**”.
- Do **tâm nghĩ đi**, nên phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.
- **Toàn thân di chuyển bước đi** mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân đĩ**” hoặc “**sắc đĩ**” là **sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*).

## 2- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

**Oai-nghi đứng** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**đứng**”.
- Do **tâm** nghĩ **đứng**, nên phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.
- **Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên** theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân đứng**” hoặc “**sắc đứng**” là **sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*).

## 3- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi

**Oai-nghi ngồi** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**ngồi**”.
- Do **tâm** nghĩ **ngồi**, nên phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.
- **Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co** theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân ngồi**” hoặc “**sắc ngồi**” là **sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*).

#### 4- Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm

**Oai-nghi nằm** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**nằm**”.
- Do **tâm nghĩ nằm** nên phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.
- **Toàn thân nằm yên** trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân nằm**” hoặc “**sắc nằm**” là **sắc-pháp** phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

Các oai-nghi phụ quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là **sắc-pháp** phát sinh do tâm.

Sở dĩ người bị bệnh bại liệt dù tâm muốn đi, đứng, ngồi, nằm cũng không thể đi, đứng, ngồi, nằm như ý được, bởi vì **chất gió** phát sinh do tâm ấy không đủ năng lực làm cho toàn thân cử động theo ý muốn của người ấy được vì chất đất và chất nước nặng nề

Như vậy, mỗi danh-pháp mỗi sắc-pháp phát sinh đều do nhân-duyên, nên **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** đều là **pháp-vô-ngã**, không do một ai có quyền năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp nào được.

**Trí-tuệ thứ nhì** này thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp, của mỗi sắc-pháp, cho nên có khả năng *diệt-tùng-thời* (*tadaṅgappahāna*) *tâm hoại-nghi* trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.

*Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna* làm nền tảng với **paccakkhañāna: trí-tuệ trực-tiếp** thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp, của mỗi sắc-pháp hiện-tại **bên trong của mình** (*ajjhatta*) như thế nào, và với **anumānañāna: trí-tuệ gián-tiếp** biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp, của mỗi sắc-pháp **bên ngoài mình** (*bahiddhā*), **của người khác, chúng-sinh khác** cũng như thế ấy.

Hơn nữa *trí-tuệ thứ nhì* này còn có khả năng thấy rõ *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong hiện-tại* phát sinh do nhân-duyên-sinh như thế nào, thì *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong quá-khứ, trong vị-lai* cũng phát sinh do nhân-duyên-sinh như thế ấy.

Cho nên, **trí-tuệ thứ nhì** này có khả năng *diệt-tùng-thời* (*tadaṅgappahāna*) *tâm hoại-nghi* trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai. Có **16 điều hoại-nghi**<sup>(1)</sup> như sau:

**\* Diệt 5 điều hoại-nghi trong thời quá-khứ**

1- Trong quá-khứ ta đã có hay không?

---

<sup>1</sup> Bộ Visuddhimagga, phần Kaṅkhāvitaraṇavisuddhiniddesa.

- 2- Trong quá-khứ ta đã không có phải không?
- 3- Trong quá-khứ ta đã là gì?
- 4- Trong quá-khứ ta đã là thế nào?
- 5- Trong quá-khứ ta đã là thế nào, sinh đến đây như thế này?

**\* Diệt 5 điều hoài-nghi trong thời vị-lai**

- 1- Trong thời vị-lai ta sẽ có hay không?
- 2- Trong thời vị-lai ta sẽ không có phải không?
- 3- Trong thời vị-lai ta sẽ là gì?
- 4- Trong thời vị-lai ta sẽ là thế nào?
- 5- Trong thời vị-lai ta sẽ là thế nào, sau kiếp này?

**\* Diệt 6 điều hoài-nghi trong thời hiện-tại**

- 1- Trong thời hiện-tại ta có hay không?
- 2- Trong thời hiện-tại ta không có phải không?
- 3- Trong thời hiện-tại ta là gì?
- 4- Trong thời hiện-tại ta là thế nào?
- 5- Ta từ đâu đến đây?
- 6- Rồi sau khi ta chết, sẽ sinh ở cõi-giới nào?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhì* phát sinh, nên diệt được **16 điều hoài-nghi** này.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thứ nhì* phát sinh, thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp bằng nhiều đối-tượng khác nhau, nhưng chắc chắn đều có kết quả giống

nhau là *trí-tuệ thứ nhì* này có khả năng *diệt-tùng-thời* (*tadaṅgappahāna*) được **tâm hoài-nghi** về nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp, của mỗi sắc-pháp, hoặc thoát ly khỏi **sự hoài-nghi** về nhân-duyên-sinh của sắc-pháp, của danh-pháp trong thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai nữa.

Cho nên, *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccaya-pariggahañāna* này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: *trí-tuệ-thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh*, cũng là **pháp-thanh-tịnh thứ nhì** của pháp-hành thiền-tuệ, nên *diệt-tùng-thời* (*tadaṅgappahāna*) được **tâm hoài-nghi** về nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp, của mỗi sắc-pháp. *Trí-tuệ thứ nhì* này chưa có khả năng *diệt tận được* (*samucchedappahāna*) **tâm hoài-nghi**.

*Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna* này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: *trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh*, cũng gọi là **dhammatṭhitiñāna**: *trí-tuệ thấy rõ vững chắc thật-tánh-pháp do nhân-duyên-sinh*, hoặc gọi là **yathābhūtañāna**: *trí-tuệ thấy rõ sắc-pháp, danh-pháp đúng theo sự thật chân-nghiã-pháp* (*paramatthadhamma*) hoặc gọi là **sammādasana**: *chánh-kiến thấy đúng theo chánh-pháp*.

\* *Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa và trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa thuộc về ñātapariññā: trí-tuệ có khả năng thấy rõ trạng-thái riêng của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp.*

### Quả báu của 2 trí-tuệ đầu pháp-hành thiên-tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có khả năng làm phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ theo tuần tự như sau:

\* Khi *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa*: trí-tuệ thấy rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chủng-sinh nào cả, ... nên có chánh-kiến thiên-tuệ (vipassanāsammādiṭṭhi), đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhi-visuddhi**: chánh-kiến-thanh-tịnh, cũng là pháp-thanh-tịnh thứ nhất của pháp-hành thiên-tuệ diệt-tùng-thời được (tadaṅgappahāna) **tà-kiến** (chưa diệt tận được tà-kiến).

\* *Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*: trí-tuệ thấy rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp bên trong của mình (ajjhatta) với **paccakkhañāṇa** như thế nào, và với **anumānañāṇa**: trí-tuệ gián-tiếp biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, của mỗi



*danh-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thời hiện-tại, thời quá-khứ, thời vị-lai phát sinh cũng do nhân-duyên-sinh của chúng cũng như thế ấy.*

Cho nên, trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccaya-pariggahañāna* này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 4 gọi là ***kaṅkhāvitaraṇavisuddhi***: trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, là ***pháp-thanh-tịnh thứ nhì*** của pháp-hành thiền-tuệ, nên diệt-tùng-thời (*tadaṅgappahāna*) được ***hoài-nghi***, (chưa diệt tận được hoài-nghi).

### Tiểu-Nhập-Lưu Cūlasotāpanna

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi ***trí-tuệ thứ nhất*** phát sinh, đạt đến ***chánh-kiến-thanh-tịnh***, nên ***diệt-tùng-thời*** được ***tà-kiến trong ngũ-uẩn***, tiếp theo ***trí-tuệ thứ nhì*** phát sinh, đạt đến ***trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh***, nên ***diệt-tùng-thời*** được ***hoài-nghi trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp***.

Như vậy, hành-giả có 2 ***trí-tuệ đầu*** (trong 16 loại ***trí-tuệ-thiền-tuệ***) của pháp-hành thiền-tuệ: ***trí-tuệ thứ nhất*** và ***trí-tuệ thứ nhì*** đạt đến 2 pháp-thanh-tịnh có khả năng ***diệt-tùng-thời*** được ***tà-kiến*** và ***hoài-nghi***, nên hành-giả được gọi là ***cūlasotāpanna***: ***Tiểu-nhập-lưu***. *Cūlasotāpanna* vẫn còn là ***hạng thiện-trí phàm-nhân***, chưa phải

là *bậc Thánh-Nhập-lưu*, bởi vì hành-giả *chưa chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, *chưa chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* và *Niết-bàn*, *chưa diệt tận được (samucchadappahāna) tà-kiến* và *hoài-nghi*.

Hành-giả vẫn là người có giới hạnh trong sạch trọn vẹn, có định tâm vững vàng, vẫn duy trì thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* như vậy, nếu ***kiếp hiện-tại*** chưa trở thành *Thánh-nhân* bậc nào thì sau khi chết sẽ không bị sa đọa trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh; mà chỉ có *đại-thiện-nghiệp* sẽ cho quả tái-sinh *kiếp sau* trong cõi *thiện-dục-giới*: cõi người hoặc cõi trời *dục-giới*, an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ.

*Trí-tuệ thứ nhì Nāmarūpapaccayapariggahañāna* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 3 sammasañāna* phát sinh.

### 3- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 3 Sammasañāna

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh ***trí-tuệ-thiên-tuệ thứ ba sammasañāna***: *trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp hoặc của danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường*,

*trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba Sammasanañāṇa***<sup>(1)</sup> này phát sinh do nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* và *trí-tuệ thứ nhì* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- *Trí-tuệ thứ nhất* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp.

- *Trí-tuệ thứ nhì* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do ***nhân-duyên-sinh***.

***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3*** là tổng hợp *trí-tuệ thứ nhất* và *trí-tuệ thứ nhì* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3*** gọi là ***sammasanañāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên đặc biệt thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa*** này là trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt ***sự diệt*** của các đối-tượng thiền-tuệ từng phần, mỗi phần có số pháp, mỗi pháp có 3 trạng-thái chung:

---

<sup>1</sup>Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasanañāṇa dù được ghép vào trí-tuệ thiền-tuệ vẫn chưa chính thức là trí-tuệ-thiền-tuệ, bởi vì trí-tuệ này chỉ thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp mà chưa thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

*trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, mà mỗi trạng-thái của mỗi pháp là mỗi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasañāṇa.*

**Trạng-thái-chung** có 3 loại:

1- *Trạng-thái vô-thường.*

2- *Trạng-thái khổ.*

3- *Trạng-thái vô-ngã.*

Khi khai triển 3 trạng-thái-chung thì có 40<sup>(1)</sup> *trạng-thái chi-tiết* của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ ba sammasañāṇa.

1- *Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết.*

2- *Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi tiết.*

3- *Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi tiết.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp, hiện rõ *trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết; hiện rõ trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi tiết; hiện rõ trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi tiết* tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

Để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* và các *trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao* được phát triển, hành-giả đã có *trí-tuệ-thiền-tuệ*

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiền-Tuệ*, cùng soạn giả.

*thứ 3 sammasañāṇa*, còn cần phải thực-hành đầy đủ 9 pháp-hỗ-trợ cho **5 pháp-chủ** (*indriya*): *tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ* tăng thêm nhiều năng lực hỗ-trợ cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh.

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*** phát sinh liền tiếp theo sau.

#### 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4

##### Udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*** này phát sinh do nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- Trí-tuệ thứ nhất thấy rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).

- Trí-tuệ thứ nhì thấy rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp do **nhân-duyên-sinh**.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp do **nhân-duyên-diệt**.

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** là tổng hợp 3 loại trí-tuệ trước làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** gọi là **udayabbayānupassanāñāṇa**: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt**, nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt**, nên có 4 trường hợp như sau:

- 1- Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh.
- 2- Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt.
- 3- Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh.
- 4- Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt.

### **Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh**

\* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp là do **5 nhân-duyên-sinh**:*

- 1- *Sự sinh của sắc-pháp là do vô-minh sinh.*
- 2- *Sự sinh của sắc-pháp là do tham-ái sinh.*
- 3- *Sự sinh của sắc-pháp là do nghiệp sinh.*
- 4- *Sự sinh của sắc-pháp là do vật-thực sinh.*
- 5- *Trạng-thái-sinh của sắc-pháp.*

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **quả sinh** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.*

### **Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt**

\* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp là do **5 nhân-duyên-diệt**:*

- 1- *Sự diệt của sắc-pháp là do vô-minh diệt.*
- 2- *Sự diệt của sắc-pháp là do tham-ái diệt.*
- 3- *Sự diệt của sắc-pháp là do nghiệp diệt.*
- 4- *Sự diệt của sắc-pháp là do vật-thực diệt.*
- 5- *Trạng-thái-diệt của sắc-pháp.*

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy*

rõ, biết rõ **quả diệt** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-diệt**.

### **Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh**

\* *Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của danh-pháp là do **5 nhân-duyên-sinh**:

- 1- *Sự sinh của danh-pháp là do vô-minh sinh.*
- 2- *Sự sinh của danh-pháp là do tham-ái sinh.*
- 3- *Sự sinh của danh-pháp là do nghiệp sinh.*
- 4- *Sự sinh của danh-pháp là do danh-pháp, sắc-pháp sinh.*
- 5- *Trạng-thái-sinh của danh-pháp.*

*Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4* này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của danh-pháp là do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **quả sinh** là do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.

### **Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt**

\* *Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của danh-pháp là do **5 nhân-duyên-diệt**:

- 1- *Sự diệt của danh-pháp là do vô-minh diệt.*
- 2- *Sự diệt của danh-pháp là do tham-ái diệt.*
- 3- *Sự diệt của danh-pháp là do nghiệp diệt.*
- 4- *Sự diệt của danh-pháp là do danh-pháp, sắc-pháp diệt.*



### 5- *Trạng-thái-diệt của danh-pháp.*

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 này có khả năng thấy rõ, biết rõ sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ quả diệt là do thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-diệt.*

#### \* Sự sinh, sự diệt của danh-pháp

- **Danh-pháp** đó là **tâm với tâm-sở** có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ. Đức-Phật dạy trong Chi-bộ-kinh, phần *Ekakanipāta* rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.*

Trong Chú-giải Pāli giảng giải rằng:

“*Chỉ một lần búng đầu móng tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần.*”<sup>(1)</sup>

Mỗi tâm với tâm-sở có 3 sát-na:

1- *Upāda khaṇa: Sát-na-sinh.*

2- *Ṭhiti khaṇa: Sát-na-trụ.*

3- *Bhaṅga khaṇa: Sát-na-diệt.*

#### \* Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp

- **Sắc-pháp** đó là **nipphanarūpa**, có 18 sắc-pháp thật<sup>(2)</sup> thuộc về chân-nghĩa-pháp (*paramat-*

<sup>1</sup> Chú-giải Sam. Khandhavagga, kinh Phenapiṇḍupamāsuttavaṇṇanā.

<sup>2</sup> 18 sắc-pháp là 4 sắc tứ đại + 5 tịnh sắc + 7 hoặc 4 sắc đối-tượng + 2 sắc tính + 1 sắc-ý-căn + 1 sắc mạng chủ + 1 sắc vật-thực.

*thadhamma*), nên có sự sinh, sự diệt chậm hơn sự sinh, sự diệt của danh-pháp so sánh với thời gian 3 sát-na: sinh - trụ - diệt của danh-pháp.

**Sắc-pháp** có 4 *lakkhaṇarūpa* là:

- 1- *Upacayarūpa*: Sắc-pháp-sinh.
- 2- *Santatirūpa*: Sắc-pháp liên-tục.
- 3- *Jaratārūpa*: Sắc-pháp già-giặn.
- 4- *Aniccatārūpa*: Sắc-pháp-diệt.

**Sắc-pháp** có 4 trạng-thái: sắc-pháp-sinh, sắc-pháp liên-tục, sắc-pháp già-giặn, sắc-pháp-diệt, so sánh với 3 sát-na: sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danh-pháp:

- **Sắc-pháp-sinh** của sắc-pháp là tương đương với sát-na-sinh của danh-pháp.

- **Sắc-pháp liên-tục** và **sắc-pháp già-giặn** là tương đương với sát-na-trụ của danh-pháp.

- **Sắc-pháp-diệt** của sắc-pháp là tương đương với sát-na-diệt của danh-pháp.

**Sắc-pháp-sinh** và **sắc-pháp-diệt** có thời gian 1 sát-na giống như **sát-na-sinh** và **sát-na-diệt** của danh-pháp.

Nhưng sắc-pháp trụ (**sắc-pháp liên-tục** và **sắc-pháp già-giặn**) có thời gian trụ lâu hơn **sát-na-trụ** của danh-pháp, bằng 49 sát-na-nhỏ của danh-pháp.

Ví dụ: *Nhãn-môn lộ-trình-tâm* (*cakkhudvāra-vīthiccitta*) có **đối-tượng sắc** hình dạng rõ ràng gồm có đủ 17 *sát-na-tâm*, mỗi *sát-na-tâm* có 3 *sát-na-nhỏ*: *sát-na-sinh*, *sát-na-trụ*, *sát-na-diệt*, nên 17 *sát-na-tâm* gồm có 51 *sát-na nhỏ*.

\* Thời gian **sinh, trụ, diệt** của mỗi danh-pháp chỉ có 1 *sát-na-sinh*, 1 *sát-na-trụ*, 1 *sát-na-diệt* mà thôi.

\* Thời gian **sinh, trụ, diệt** của sắc-pháp có 1 *sát-na-sinh*, 1 *sát-na-diệt* giống như danh-pháp. Nhưng mà **thời gian trụ** (*sắc-pháp liên-tục* và *sắc-pháp già-giãn*) của sắc-pháp chậm hơn của danh-pháp, tương đương với 49 *sát-na-nhỏ* của danh-pháp.

Xem *nhãn-môn lộ-trình-tâm* gồm có số tâm sinh rồi diệt theo tuần tự liên tục, có **đối-tượng sắc** rõ ràng, bắt đầu từ *hộ-kiếp-tâm quá-khứ thứ nhất* cho đến *tiếp-đối-tượng-tâm thứ 17* là chấm dứt *nhãn môn lộ-trình-tâm*.<sup>(1)</sup>

### \* Sự sinh, sự diệt của tứ oai-nghi

**Tứ oai-nghi** là *oai-nghi đi*, *oai-nghi đứng*, *oai-nghi ngồi*, *oai-nghi nằm* là sắc-pháp phát sinh do tâm gọi là **sắc đi**, **sắc đứng**, **sắc ngồi**, **sắc nằm** như sau:

<sup>1</sup> Xem đầy đủ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiên-Tuệ*, trang 339, cùng soạn giả.

1- **Sắc đi** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế đi, dáng đi một cách tự nhiên.

2- **Sắc đứng** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế đứng, dáng đứng một cách tự nhiên.

3- **Sắc ngồi** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế ngồi, dáng ngồi một cách tự nhiên.

4- **Sắc nằm** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế nằm, dáng nằm một cách tự nhiên.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh.

1- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **vô-minh** sinh.

2- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **tham-ái** sinh.

3- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **nghiệp** sinh.

4- Sự sinh của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **vật-thực** sinh.

5- **Trạng-thái-sinh** của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupāsanañāṇa thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

1- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **vô-minh** diệt.

2- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **tham-ái** diệt.

3- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **nghiệp** diệt.

4- Sự diệt của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại là do **vật-thực** diệt.

5- **Trạng-thái-diệt** của sắc đi, sắc đứng, sắc-ngồi, sắc nằm hiện-tại.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupāsanañāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt như vậy, nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm hiện-tại ấy.

#### \* Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn

**Ngũ-uẩn** là sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, mà **sự sinh, sự diệt** của mỗi uẩn có 5 trạng-thái như sau:

#### 1- Sự sinh, sự diệt của sắc-uẩn

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- 1- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vô-minh** sinh.
- 2- Sự sinh của sắc-uẩn là do **tham-ái** sinh.
- 3- Sự sinh của sắc-uẩn là do **nghiệp** sinh.
- 4- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vật-thực** sinh.
- 5- **Trạng-thái-sinh** của sắc-uẩn.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- 1- Sự diệt của sắc-uẩn do **vô-minh** diệt.
- 2- Sự diệt của sắc-uẩn do **tham-ái** diệt.
- 3- Sự diệt của sắc-uẩn do **nghiệp** diệt.
- 4- Sự diệt của sắc-uẩn do **vật-thực** diệt.
- 5- **Trạng-thái-diệt** của sắc-uẩn.

## 2- Sự sinh, sự diệt của thọ-uẩn

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thọ-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- 1- Sự sinh của thọ-uẩn do **vô-minh** sinh.
- 2- Sự sinh của thọ-uẩn do **tham-ái** sinh.
- 3- Sự sinh của thọ-uẩn do **nghiệp** sinh.
- 4- Sự sinh của thọ-uẩn do **xúc** sinh.
- 5- **Trạng-thái-sinh** của thọ-uẩn.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thọ-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- 1- Sự diệt của thọ-uẩn do **vô-minh** diệt.

2- Sự diệt của thọ-uẩn do **tham-ái** diệt.

3- Sự diệt của thọ-uẩn do **nghiệp** diệt.

4- Sự diệt của thọ-uẩn do **xúc** diệt.

5- **Trạng-thái-diệt** của thọ-uẩn.

3-4- Sự sinh, sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn

\* Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh giống thọ-uẩn như sau:

1- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** sinh.

2- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** sinh.

3- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** sinh.

4- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** sinh.

5- **Trạng-thái-sinh** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

\* Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt giống thọ-uẩn như sau:

1- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** diệt.

2- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** diệt.

3- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** diệt.

4- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** diệt.

5- **Trạng-thái-diệt** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

### 5- Sự sinh, sự diệt của thức-uẩn

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thức-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- 1- Sự sinh của thức-uẩn do **vô-minh** sinh.
- 2- Sự sinh của thức-uẩn do **tham-ái** sinh.
- 3- Sự sinh của thức-uẩn do **nghiệp** sinh.
- 4- Sự sinh của thức-uẩn do **danh-pháp, sắc-pháp** sinh.
- 5- **Trạng-thái-sinh** của thức-uẩn.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thức-uẩn** hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- 1- Sự diệt của thức-uẩn do **vô-minh** diệt.
- 2- Sự diệt của thức-uẩn do **tham-ái** diệt.
- 3- Sự diệt của thức-uẩn do **nghiệp** diệt.
- 4- Sự diệt của thức-uẩn do **danh-pháp, sắc-pháp** diệt.
- 5- **Trạng-thái-diệt** của thức-uẩn.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupāsanañāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi uẩn hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt như vậy, nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi uẩn hiện-tại.

\* **Sắc-uẩn** thuộc về **sắc-pháp**.



\* *Thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* thuộc về **danh-pháp**.

\* **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāna* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh**, nên diệt được **tà-kiến** loại **ucchedadiṭṭhi: đoạn-kiến**, và thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-diệt**, nên diệt được **tà-kiến** loại **sassatadiṭṭhi: thường-kiến**.

\* **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāna* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** và **sự diệt** của **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh và do nhân-duyên-diệt**, nên diệt được **tà-kiến** loại **attadiṭṭhi: ngã-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi **danh-pháp**, nơi **sắc-pháp** cho là **ngã**, là **ta**, là **người**, là **người nam**, là **người nữ**, là **chúng-sinh**, v.v...

### **Trạng-thái-chung sāmāññalakkhaṇa**

Tất cả mọi **sắc-pháp**, mọi **danh-pháp** là **pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)** thuộc về **chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)** trong tam-giới đều có **sự sinh, sự diệt**, đều có **3 trạng-thái-chung: trạng-thái-vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**:

1- **Trạng-thái vô-thường (aniccalakkhaṇa)** với ý nghĩa là tất cả mọi **danh-pháp, mọi sắc-**

*pháp sinh rồi diệt (aniccam khayatt̄hena), vì có rồi không có (hutvā abhavaṭṭhena aniccā).*

2- **Trạng-thái khổ** (*dukkhalakkhaṇa*) với ý nghĩa là tất cả mọi danh-pháp, mọi sắc-pháp thật là đáng kinh sợ, (*dukkham bhayaṭṭhena*), vì sinh rồi diệt, luôn luôn hành hạ (*uppādavaya-paṭipīlanatt̄hena dukkhā*).

3- **Trạng-thái vô-ngã** (*anattalakkhaṇa*) với ý nghĩa là tất cả mọi danh-pháp, mọi sắc-pháp đều là vô dụng (*anattā asāraṭṭhena*), vì không chiều theo ý muốn của ai cả (*avasavattanatt̄hena anattā*).

Mỗi danh-pháp nào, mỗi sắc-pháp nào phát sinh do nhân-duyên nào sinh, rồi danh-pháp ấy, sắc-pháp ấy cũng diệt do nhân-duyên ấy diệt.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *Udayabbayānupassanāññāṇa* có 2 loại:

4.1- **Taruṇa udayabbayānupassanāññāṇa** là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu.

4.2- **Balava udayabbayānupassanāññāṇa** là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 có nhiều năng lực.

#### 4.1- **Taruṇa Udayabbayānupassanāññāṇa**

**Taruṇa udayabbayānupassanāññāṇa** là trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāññāṇa* còn non yếu, nên **vipassanupakkilesa**: 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ, gọi là **phi-đạo** (*amagga*) phát sinh

xen vào làm trở ngại *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy không thể phát triển lên các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao được.

#### 4.2- Balava Udayabbayānupassanāñāṇa

*Balava udayabbayānupassanāñāṇa* là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực thoát ra khỏi 10 loại pháp bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ* gọi là *vipassanupakkilesavimutta*.

Hành-giả tiếp tục thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** (*majjhimāpatipadā*), thực-hành đúng theo **chánh-đạo** (*maggapatipadā*), thực-hành đúng theo pháp-hành thiền-tuệ, để các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao phát triển, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

#### Giảng giải Taruṇa Udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả có đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, thuộc về hạng người *tam-nhân* (*tihetukapuggala*) có *giới-hạnh* trong sạch trọn vẹn làm nền tảng, có *định tâm* vững vàng, có sự  *tinh-tấn không ngừng*, đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-

*thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Đối với hành-giả ấy ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, tuy **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa** này đã phát sinh, nhưng vẫn còn non yếu, gọi là **taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa**: **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa** còn non yếu, nên **vipassanupakkilesa pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ** phát sinh xen vào làm trở ngại **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa** còn non yếu ấy, không thể phát triển lên các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao hơn được.

**Vipassanupakkilesa là thế nào?**

**Vipassanupakkilesa** là do 2 danh từ ghép:

**Vipassanā + upakkilesa**

- **Vipassanā** đó là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa** còn non yếu.

- **upakkilesa**: **pháp bản** đó là **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** phát sinh xen vào làm trở ngại **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa** còn non yếu không thể phát triển lên trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao được.

**Vipassanupakkilesa**: 10 loại pháp bản của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa** còn non yếu đó là **obhāsa, ñāṇa, pīti,**

*passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upatthāna, upekkhā, nikanti.*

Trong 10 pháp bản này có 9 loại pháp bản kể từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thuộc về thiện-pháp, không phải ác-pháp, mà chỉ là đối-tượng của **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** mà thôi. Còn **nikanti** không chỉ là đối-tượng của **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** mà còn là *phiên-não vô cùng vi-tế* khó biết được nữa.

*Vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy* thật là lạ thường, chưa từng có từ trước đây đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho hành-giả hài lòng hoan hỷ dính mắc nơi *pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy*, rồi thấy sai, chấp làm nơi *pháp bản ấy không phải Thánh-đạo cho là Thánh-đạo, không phải Thánh-quả cho là Thánh-quả*. Vì vậy, các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao không phát triển được.

### **Giảng giải 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ**

**Vipassanupakkilesa**<sup>(1)</sup> có 10 pháp bản:

1- *Obhāsa: Ánh sáng đặc biệt phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ.*

2- *Ñāṇa: Trí-tuệ xuất sắc của trí-tuệ-thiền-tuệ.*

3- *Pīti: Hỷ đặc biệt đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ.*

---

<sup>1</sup> Bộ Visuddhimagga, phần Vipassanupakkilesakathā.

4- *Passadhi*: An-tịnh đặc biệt đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ.

5- *Sukha*: An-lạc đặc biệt đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ.

6- *Adhimokkha*: Đức-tin trong sạch đặc biệt phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ.

7- *Paggaha*: Tinh-tấn không ngừng phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ.

8- *Upaṭṭhāna*: Niệm khắng khít liên tục đặc biệt phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ.

9- *Upekkhā*: Xả tự nhiên đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ.

10- *Nikanti*: Tâm hài lòng phát sinh từ 9 pháp bản từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* ở trên.

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có sự tinh-tấn không ngừng, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāna* phát sinh còn non yếu nên 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ này phát sinh đối với hành-giả ấy.

\* Hành-giả hiểu lầm, bị dính mắc trong pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy, nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy không thể phát triển lên trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao được, bởi vì hiểu sai chấp lầm nơi pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy, rồi cho rằng: “Ta đã chứng đắc thành bậc Thánh A-ra-hán rồi!”

Cho nên, hành-giả vô cùng hoan hỷ hài lòng trong pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy.

**1- *Obhāsa*** đó là *vipassanobhāsa*: ánh sáng đặc biệt phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh, đang còn non yếu, đồng thời ánh sáng đặc biệt chưa từng thấy này cũng phát sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

*Vipassanobhāsa*: Ánh sáng đặc biệt phát sinh từ *trí-tuệ-thiền-tuệ* thật là lạ thường chưa từng thấy trước đây bao giờ, nên hành-giả hiểu sai chấp lầm rằng: “Ánh sáng như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ! Vậy, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm pháp bản ánh sáng đặc biệt ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, pháp bản ánh sáng đặc biệt ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Vì vậy, hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc* mà trước đây *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên hiện rõ 3 *trạng-thái-chung*: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện tại* ấy.

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *vipassanobhāsa*: ánh sáng đặc biệt lạ thường ấy phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

*Vipassanobhāsa*: Ánh sáng đặc biệt lạ thường ấy phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy tỏa ra hẹp hoặc rộng như thế nào tùy theo năng lực định-tâm của mỗi hành-giả.

- Ánh sáng này tỏa ra trong căn phòng.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra nửa do-tuần.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra 1 do-tuần.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra 2, 3, 4, 5, do-tuần.
- Ánh sáng này tỏa rộng ra từ mặt đất lên đến các tầng trời dục-giới, đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cho đến tầng trời sắc-giới Akaniṭṭha tột đỉnh.

*Vipassanobhāsa*: Ánh sáng đặc biệt lạ thường ấy phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ này thường phát sinh đối với hành-giả trước kia đã từng thực-hành pháp-hành thiền-định, đã chứng đắc các bậc thiên, rồi tiếp theo thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāna* phát sinh còn non yếu, nên ánh sáng ấy cũng phát sinh.

*Vipassanobhāsa*: Ánh sáng đặc biệt lạ thường phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy gọi là *vipassanupakkilesa*, bởi vì không chỉ



làm trở ngại cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu không thể phát triển lên các trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao, mà còn làm đối-tượng của *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến chấp thủ* nữa.

\* Tuy nhiên, trong trường hợp *ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ toàn-giác (sabbaññutañāṇa)* của Đức-Phật Gotama có khả năng chiếu sáng thấu suốt 10.000 thế giới chúng-sinh, thì không phải là vipassanupakkilesa.

2- *Ñāṇa* đó là *vipassanāñāṇa: trí-tuệ-thiền-tuệ xuất sắc đặc biệt vô cùng sắc bén thấu suốt*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* này đang thấy rõ, biết rõ sâu sắc **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, *trí-tuệ-thiền-tuệ* này đặc biệt vô cùng sắc bén, thấu suốt các pháp như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...*

Bây giờ, hành-giả vô cùng hoan hỷ hài lòng nơi *trí-tuệ-thiên-tuệ đặc biệt* này.

**3- Pīti** đó là *vipassanāpīti*: *hỷ phát sinh cùng với trí-tuệ-thiên-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu có **hỷ tâm-sở (pīti)** đồng sinh với *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

**Pīti** có 5 loại:

1- *Khuddakāpīti*: *Hỷ chút ít có cảm giác nổi da gà.*

2- *Khaṇikāpīti*: *Hỷ từng thời có cảm nhận như tia chớp.*

3- *Okkantikāpīti*: *Hỷ có trạng-thái rung người qua lại, như ngôi trên thuyền có sóng nhấp nhô.*

4- *Ubbegāpīti*: *Hỷ có trạng-thái làm cho thân tâm nhẹ như bay bổng lên.*

5- *Pharaṇāpīti*: *Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu.*

*Pharaṇāpīti*: *Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu phát sinh cùng với trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayā-*

*nupassanāñāṇa còn non yếu, nên hành-giả cảm giác **pháp hỷ** có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp hỷ* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp hỷ* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *pháp hỷ* ấy.

**4- Passaddhi** đó là *vipassanāpassaddhi*: *pháp an-tịnh phát sinh cùng với trí-tuệ-thiền-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu có **an-tịnh tâm-sở** đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Khi hành-giả ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, ban đêm hoặc ban ngày, cảm giác **thân và tâm an-tịnh**, có những điều như:

- Không có sự nóng nảy bức dọc.
- Không có sự nặng nề khó chịu.

- Tay chân không cứng nhắc.
- Không có sự cử động khó khăn.
- Không có sự khổ thân, khổ tâm, ...

Mà chỉ có cảm giác **thân và tâm an-tịnh** như:

- Thân tâm thanh-tịnh an lạc.
- Thân tâm nhẹ nhàng.
- Thân tâm nhu nhuyễn.
- Thân tâm uyển chuyển.
- Thân tâm trong sáng, ...

Hành-giả cảm giác **thân tâm an-tịnh như thế** này chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm **pháp an-tịnh** ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, **pháp an-tịnh** ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ **đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...**

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi thân tâm **an-tịnh** ấy.

**5- Sukha** đó là *vipassanāsukha: an-lạc phát sinh cùng với trí-tuệ-thiên-tuệ*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non

yếu, **thọ lạc tâm-sở** đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

**Pháp an-lạc** vô cùng vi-tế phát sinh làm cho toàn thân và tâm cảm giác an-lạc không sao diễn tả được. *Pháp an-lạc lạ thường như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm thọ lạc ấy, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**; thọ lạc ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *thọ lạc* ấy.

**6- Adhimokkha** đó là *vipassanāsaddhā*: *đức-tin* đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu có **đức-tin tâm-sở** đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

*Adhimokkha* ấy trở nên *vipassanupakkilesa* là sự trong sáng của đại-thiện-tâm có đức-tin vô cùng trong sạch và nhiều năng lực. Vì vậy, đại-

*thiện-tâm với tâm-sở trong sáng có đức-tin trong sạch hoàn toàn như vậy, nên hành-giả nghĩ rằng:*

*“Ta muốn những người thân của ta cũng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để họ có đức-tin trong sạch như ta.”*

*“Ta có được đức-tin hoàn toàn trong sạch nơi Tam-Bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo như thế này là nhờ vị Thầy chỉ dạy pháp-hành thiên-tuệ cho ta. Ân-đức Thầy thật vô cùng lớn lao quá đối với ta.”*

Nghĩ về chuyện này sang chuyện khác, hành-giả hài lòng hoan hỷ trong những chuyện phước-thiện ấy với đức-tin hoàn toàn trong sạch của mình.

Thấy **đức-tin** hoàn toàn trong sạch như vậy, nên hành-giả nghĩ rằng:

*“Đức-tin hoàn toàn trong sạch như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.”*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: *“Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!”*

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm nơi **đức-tin** ấy, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, **đức-tin** ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ **đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...**

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *đức-tin* ấy.

Thật ra, *đức-tin* hoàn toàn trong sạch là điều tốt, dù *đức-tin* đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 còn non yếu vẫn là *đức-tin* trong sạch thanh-tịnh mà người thường không dễ có được, nhưng *đức-tin* ấy trở thành *vipassanupakkilesa*, bởi vì tâm hài lòng hoan hỷ trong *đức-tin* ấy, mà xao lãng phận sự thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu không phát triển lên các *trí-tuệ-thiền-tuệ* bậc cao.

7- *Paggāha* đó là *vipassanāvīriya*:  *tinh-tấn* đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh, đang còn non yếu có  ***tinh-tấn tâm-sở*** đồng sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 còn non yếu ấy.

*Đại-thiện-tâm* có  *tinh-tấn* không hăng hái quá cũng không chênh mảng quá, tâm  *tinh-tấn* đều đặn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, không có cảm giác mệt nhọc, nên hành-giả nghĩ rằng:

“*Từ trước đây, dù có vị Thiền-sư thường động viên khuyến khích ta cố gắng tinh-tấn thực-hành*

*pháp-hành thiên-tuệ, mà ta vẫn cảm thấy khó khăn, mệt nhọc, không thể cố gắng tinh-tấn nổi, nhưng bây giờ, ta có **đại-thiện-tâm có tinh-tấn** đặc biệt tự nhiên, thuận lợi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, thì thật là lạ thường chưa từng có từ trước đây bao giờ.”*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp tinh-tấn* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp tinh-tấn* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên, hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp* gốc ...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *pháp tinh-tấn* ấy.

**8- Upaṭṭhāna** đó là *sati*: *niệm đồng sinh với trí-tuệ-thiên-tuệ*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **niệm tâm-sở đồng sinh** với *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Nếu *sati* là *sammāsati*: *chánh-niệm* thì đó là *niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp* mà thôi, gọi là *pháp-hành tứ-niệm-xứ*.



*Upaṭṭhāna* đó là *sati* là *vipassanupakkilesa* là niệm tâm-sở đồng sinh với trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng đặc biệt niệm ghi nhớ vững các đối-tượng, không bị lay động.

Nếu hành-giả niệm đến đối-tượng nào thì đối-tượng ấy hiện rõ trong tâm ngay. Ví như hành-giả có nhãn-thông, muốn nhìn thấy cỗi chúng-sinh nào dù gần dù xa thì cỗi chúng-sinh ấy hiện rõ trong tâm ngay như thế ấy. Niệm là *upaṭṭhāna* phát sinh đến với hành-giả như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm rằng: “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm pháp *upaṭṭhāna* là *sati* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, pháp *upaṭṭhāna* là *sati* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi pháp *upaṭṭhāna* là *sati* ấy.

**9- Upekkhā** đó là *vipassanupekkhā* và *āvajjanupekkhā*:

- *Vipassanupekkhā* là tâm trung-dung trong tất cả mọi pháp hữu-vi.

- *Āvajjanupekkhā* là tâm trung-dung khi phát sinh trong ý môn.

*Upekkhā* này phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời ***upekkhā*** phát sinh với *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Khi hành-giả hướng tâm đến bất cứ đối-tượng nào thì *đại-thiện-tâm có upekkhā* đặc biệt nhiều năng lực này phát sinh, không hài lòng cũng không nhàm chán các đối-tượng ấy, giống như hành-giả không có phiền-não, tâm hành-giả không hề rung động đối với tất cả các đối-tượng, đó là *tâm upekkhā* nhiều năng lực vững chắc, dù cho đối-tượng như thế nào tiếp xúc với tâm, tâm vẫn không lay động, *tâm có upekkhā trung-dung* trong mọi đối-tượng. Cho nên hành-giả cảm thấy quá lạ thường chưa từng có bao giờ. Vì vậy, hành-giả hiểu sai chấp lầm rằng: “*Ta là bậc Thánh A-ra-hán rồi! Bởi vì tâm upekkhā của ta đặt trung-dung trong mọi đối-tượng, không còn tham muốn hoặc nhàm chán đối-tượng nữa.*”

“*Diệt tận được mọi phiền-não, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn là như vậy!*”

Đó là do ***tà-kiến*** nương nhờ *upekkhā* ấy.

Tiếp theo nghĩ sai rằng: “*Ta là người có đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, nên thực-hành*

*không lâu thì chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não dễ dàng như vậy, không có ai như ta”.*

Đó là do *ngã mạn* nương nhờ *upekkhā* ấy.

Tiếp theo nghĩ sai rằng: “\* *Ta được an nhiên tự tại rồi. Đối với tất cả mọi đối-tượng, ta không còn tham muốn, cũng không nhàm chán nữa. Đối với mọi người, ta không còn thương, không còn ghét, không còn vui, không còn buồn, không còn lo lắng khổ tâm như mọi người nữa. Xin cho tôi luôn luôn được như vậy”.*

Đó là do *tham-ái* nương nhờ *upekkhā* ấy.

Thật ra, *tâm upekkhā* này là *vipassanupakkilesa* thuộc về thiện-pháp, không phải ác-pháp, nhưng hành-giả hiểu sai, chấp lầm *upekkhā* này nên làm nơi nương nhờ của *tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái* phát sinh.

**10- Nikanti** đó là *vipassanānikanti*: *tâm hài lòng* phát sinh từ *trí-tuệ-thiền-tuệ*.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, có ***tâm hài lòng*** phát sinh từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

*Nikanti*: *Tâm hài lòng* này vô cùng vi-tế, có trạng-thái an-tĩnh phát sinh đến với hành-giả,

làm cho hành-giả hài lòng tha thiết trong các pháp *vipassanupakkilesa* từ *obhāsa*, *ñāṇa*, *pīti*, *passaddhi*, *sukha*, *adhimokkha*, *paggaha*, *upatṭhāna*, *upekkhā*.

*Nikanti*: tâm hài lòng vô cùng vi-tế, có trạng-thái an-tĩnh gắn bó tha thiết với các pháp *vipassanupakkilesa*, mà không dễ có ai biết được rằng: tâm hài lòng này là *kilesa*: phiền-não tham-ái.

Cũng như các pháp *vipassanupakkilesa* như *obhāsa*, *ñāṇa*, v.v... khác, ***nikanti***: tâm hài lòng tha thiết trong các pháp từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thật là lạ thường như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ, nên hành-giả hiểu sai chấp lầm rằng: “*Chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp nikanti* ấy, không phải là ***Thánh-đạo*** cho là ***Thánh-đạo***, *pháp nikanti* ấy không phải là ***Thánh-quả*** cho là ***Thánh-quả***.

Vì vậy, hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp*, *danh-pháp gốc* mà trước đây *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ ***sự sinh***, ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên hiện rõ 3 *trạng-thái-chung*: *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp*, *của danh-pháp hiện-tại*.

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *nikanti*: tâm hài lòng phát sinh từ 9 pháp phiền-não từ *obhāsa* cho đến *upekkhā*.

**\* Tích Ngài Trưởng-Lão Mahānāgatthera**

*Tích Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera*<sup>(1)</sup> được tóm lược như sau:

Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* trú tại *Uccavālika* là vị Thầy của Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera*.

Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* ở tại *Talaṅgara*, chúng đắc thành bậc Thánh *A-ra-hán* cùng với tứ tuệ-phân-tích, các phép thần-thông.

Một hôm, ngồi nghỉ trưa, Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* suy xét rằng:

“*Kinnu kho amhākaṇ ācariyassa Uccavālika-vāsīmahānāgattherassa samaṇabhāvakiccaṃ matthakaṃ pattaṃ, no.*”

*Phận sự của bậc xuất gia nên thực-hành của Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera trú tại Uccavālika, vị Thầy của chúng ta đã hoàn thành hay chưa?*

Với tâm thần-thông, Ngài Trưởng-lão thấy rõ, biết rõ Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera vẫn còn là hạng phàm-nhân, chưa phải bậc Thánh-nhân. Nếu Ngài không đến thức tỉnh thì Ngài

<sup>1</sup> Bộ *Visuddhimagga*, trong phần *Vipassanupakkilesakathā*.

Trưởng-lão *Mahānāgatthera* sẽ vẫn còn là hạng phàm-nhân đến khi chết.

Sau khi suy xét như vậy, sử dụng *phép thần-thông* bay lên hư không, Ngài Trưởng-lão *Dhammadinnatthera* đến hầu đánh lễ Ngài Trưởng-lão *Mahānāgatthera*, rồi ngồi một nơi hợp lễ.

Thấy Ngài Trưởng-lão *Dhammadinnatthera* đến không phải lúc, nên Ngài Trưởng-lão *Mahānāgatthera* bèn hỏi rằng:

- *Này Dhammadinna! Có việc gì mà con đến gặp thầy lúc này vậy con?*

Ngài Trưởng-lão *Dhammadinnatthera* bạch:

- *Kính bạch Thầy, con đến để hỏi những câu hỏi, kính xin Thầy giải đáp.*

- *Này Dhammadinna! Con hãy hỏi những câu hỏi ấy, nếu biết thì Thầy giải đáp cho con rõ.*

Được có cơ hội, Ngài Trưởng-lão *Dhammadinnatthera* bạch hỏi hằng ngàn câu hỏi, câu hỏi nào Ngài Trưởng-lão *Mahānāgatthera* đều giải đáp rành rẽ đúng đắn hợp với giáo pháp của Đức-Phật. Ngài Trưởng-lão *Dhammadinnatthera* tán dương ca tụng trí-tuệ của Ngài Trưởng-lão *Mahānāgatthera*, tiếp theo Ngài Trưởng-lão *Dhammadinnatthera* bạch hỏi rằng:

- *Kính bạch Thầy, Thầy đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo cùng với tứ tuệ-phân-tích từ khi nào vậy? Bạch Thầy.*

Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera cho biết rằng:

*“Ito saṭṭhivassakāle, āvuso.”*

- *Này Dhammadinna! Thầy đã chứng đắc cách đây 60 năm qua rồi.*

- *Kính bạch Thầy, kính xin Thầy hoá phép thân-thông.*

- *Này Dhammadinna! Điều ấy không khó đối với Thầy.*

- *Kính bạch Thầy, kính xin Thầy hoá ra một con voi.*

Nghe Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera yêu cầu như vậy, Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera liền hoá ra một con bạch tượng to lớn.

Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera yêu cầu Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera sai khiến cho con bạch tượng dựng 2 lỗ tai, dựng thẳng đuôi, dõ vòi chạy đến.

Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera sai khiến con bạch tượng làm như vậy.

Khi con bạch tượng chạy nhào đến như gây tai họa cho Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera. Nhìn thấy con bạch tượng như vậy, nên Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera đứng dậy để chạy thoát thân.

Ngay khi ấy, Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera nắm chéo y của Ngài Trưởng-lão Mahānāgatthera, rồi bạch rằng:

“*Bhante, Khīṇāsavassa sārājjaṃ nāma hoti.*”

- *Kính bạch Thầy, gọi là bậc Thánh A-ra-hán thì không còn sợ hãi nữa.*

Ngay khi ấy, mới biết mình còn là phàm-nhân, nên Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera ngồi chồm hóm xuống dưới chân của Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera (*padamūle ukkuṭikaṃ nisīdi*), thưa rằng:

*Avassayo me āvuso Dhammadinna hohi!*

- *Này Dhammadinna! Xin con làm nơi nương nhờ của Thầy.*

Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera bạch với Thầy rằng:

- *Kính bạch Thầy, con đã đến đây, chỉ làm nơi nương nhờ của Thầy mà thôi. Kính xin Thầy không nên bận tâm.*

Bạch với Thầy như vậy, Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera hướng dẫn đối-tượng thiên-tuệ cho Thầy.

Sau khi học đối-tượng thiên-tuệ ấy xong, Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera bắt đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, sử dụng *oai-nghi đi* gọi là *sắc đi* đến *bước thứ ba*, (*tatiye padavāre*), liền chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo*, *4 Thánh-quả* và *Niết-bàn*, *diệt tận* được mọi *phiền-não*, mọi *tham-ái* không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* ngay khi ấy.



Qua tích *Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera* từ trước đây vốn đã chứng đắc các bậc thiền sắc-giới, mà *thiền sắc-giới* thì chỉ có khả năng *diệt-phiền-não bằng cách chế-ngự, đè nén phiền-não (vikkhambhanappahāna)* mà thôi, cho nên suốt 60 năm, *phiền-não* nào cũng không phát sinh.

Vì vậy, *Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera* tưởng lầm rằng: “*Ngài đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán*”.

Thật ra, chỉ có 4 *Thánh-đạo-tuệ* mới có khả năng *diệt-tận được (samucchedappahāna) phiền-não* mà thôi. *Phiền-não* nào đã bị *diệt-tận* được rồi, vĩnh viễn bất cứ trường hợp nào, *phiền-não* ấy cũng không bao giờ phát sinh lên nữa.

Vấn: *Vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khi nào? Và không phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thuộc hạng hành-giả nào?*

Đáp: *Vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ này phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có sự tinh-tấn thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc đúng pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna phát sinh còn non yếu.*

Và vipassanupakkilesa: pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ không phát sinh đối với 4 hạng hành-giả như sau:

1- Bậc Thánh-nhân đã từng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn rồi.

2- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không đúng theo pháp-hành trung-đạo, nghĩa là không đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc không đúng theo pháp-hành thiền-tuệ.

3- Hành-giả không tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ nữa (nghỉ không thực-hành pháp-hành thiền-tuệ).

4- Hành-giả tuy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đúng ở giai đoạn ban đầu, nhưng là hạng hành-giả không có sự tinh-tấn nhiều.

Vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ không phát sinh đối với 4 hạng hành-giả này.

### 10 Loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ

Tóm lại, 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu:

\* 9 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu kể từ obhāsa cho đến upekkhā thuộc về thiện-pháp, không phải là ác-pháp, chỉ là đối-tượng của tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái mà thôi.

\* *Nikanti* không chỉ là đối-tượng của phiền-não **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** mà còn là **phiền-não** nữa.

**Tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** chấp thủ trong 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu như thế nào?

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, nên thường phát sinh *vipassanupakkilesa* gồm có 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy không những làm trở ngại cho *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu không thể phát triển lên trí-tuệ-thiền-tuệ bậc cao được, mà còn làm đối-tượng của **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** dính mắc trong 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy nữa.

Bộ Visuddhimagga, trong phần Vipassanupakkilesakathā giảng giải về sự dính mắc như sau:

Ví dụ: **Obhāso**: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy rằng:

\* “Mama obhāso uppanno.”

Ánh sáng đã phát sinh đến với ta rồi!

Nếu hành-giả cố chấp như vậy, gọi là *ditthi-gāha*: cố chấp do năng lực của **tà-kiến**.

\* “*Manāpo vata obhāso uppanno.*”

Ánh sáng đã phát sinh đối với ta, xinh đẹp lạ thường thật đáng hài lòng hoan hỷ quá!

Nếu hành-giả cố chấp như vậy, gọi là *mānā-gāha*: cố chấp do năng lực của **ngã-mạn**.

\* “*Obhāsaṃ assādayato.*”

Hành-giả vô cùng hài lòng hoan hỷ nơi ánh sáng ấy.

Nếu hành-giả cố chấp như vậy, gọi là *taṇhāgāha*: cố chấp do năng lực của **tham-ái**.

9 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu còn lại cũng tương tự như *obhāsa*, mỗi *vipassanupakkilesa* đều có **tà-kiến**, **ngã-mạn**, **tham-ái** cố chấp như vậy, nên 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy gồm có 30 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy.

### **Không nhận thức được pháp bản của thiền-tuệ**

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chưa có đủ kinh nghiệm, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu, nên thường phát sinh 10

*vipassanupakkilesa*: 10 loại pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy đó là *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upaṭṭhāna, upekkhā, nikanti* thật lạ thường như thế này hành-giả chưa từng có từ trước đây bao giờ.

Hơn nữa, hành-giả là người ban đầu có trí-tuệ-thiền-tuệ còn non yếu, chưa sáng suốt, tâm không vững vàng, nên phát sinh tâm dỗi theo 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy, do năng lực của *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* cố chấp rằng:

“*Etaṃ mama, eso ’ham ’asmi, eso me attā.*”

\* *Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy là của ta (etaṃ mama) cố chấp do năng lực của tâm tham-ái.*

\* *Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy là ta (eso ’ham ’asmi) cố chấp do năng lực của tâm ngã-mạn.*

\* *Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy là tự ngã của ta (eso me attā) cố chấp do năng lực của tâm tà-kiến.*

10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy đều bị cố chấp do năng lực của *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến*, nên gồm có 30 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Thật ra, trong 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy, có 9 loại pháp

*bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu* kể từ *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upatṭhāna, upekkhā* thuộc về thiền-pháp, không phải là ác-pháp, bởi vì 9 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy phát sinh do hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 tuy còn non yếu, nhưng không phải là dễ dàng có được.

Như vậy, 9 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy vốn là thiền-pháp, không phải ác-pháp.

Sở dĩ 9 loại pháp ấy gọi là pháp bản là vì tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến phát sinh, cố chấp trong 9 loại pháp ấy làm cho 9 pháp ấy trở nên bản, nên gọi là 9 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy.

Còn *nikanti* là phiền-não vô cùng vi-tế thật là khó biết.

### **Nhận thức được pháp bản của thiền-tuệ**

Khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sâu sắc nhận thức thấy rõ, biết rõ được rằng:

\* 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy là **phi-đạo** (*amagga*) không dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

\* Còn *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp* mà *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, đã thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại. Đó chính là **chánh-đạo** (*magga*) dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Khi ấy, 9 loại pháp gọi là pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* không còn bản nữa, bởi vì tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến không còn nương nhờ nơi 9 pháp *vipassanupakkilesa* ấy nữa. Cho nên, 9 loại pháp ấy trở lại thuần túy thiện-pháp mà thôi.

Hành-giả có trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ, biết rõ được rằng:

“*Netam mama, neso ’ham ’asmi, na meso attā*”

\* *Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy không phải là của ta (*netam mama*), không còn cố chấp do năng lực của **tâm tham-ái**.

\* *Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy không phải là ta (*neso ’ham ’asmi*), không còn cố chấp do năng lực của **tâm ngã-mạn**.

\* *Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy không phải là tự ngã của ta (na meso attā), không còn cố chấp do năng lực của **tâm tà-kiến**.*

Ví dụ: *Nāṇa* đó là *vipassanāñāṇa* là *vipassanupakkilesa* như sau:

\* *Nāṇa: Trí-tuệ-thiền-tuệ ấy không phải là của ta (netam mama), không còn cố chấp do năng lực của **tâm tham-ái**.*

\* *Nāṇa: Trí-tuệ-thiền-tuệ ấy không phải là ta (neso 'ham 'asmi), không còn cố chấp do năng lực của **tâm ngã-mạn**.*

\* *Nāṇa: Trí-tuệ-thiền-tuệ ấy không phải là tự ngã của ta (na meso attā), không còn cố chấp do năng lực của **tâm tà-kiến**.*

8 *vipassanupakkilesa* còn lại cũng được thấy rõ, biết rõ tương tự như *Nāṇa* vậy.

Khi ấy, hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt, sâu sắc thấu suốt, nhận thức, thấy rõ, biết rõ rằng:

\* 10 pháp *vipassanupakkilesa* là **amagga**: **phi-đạo** không phải là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế, không phải là pháp-hành dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.



\* Và đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại mà trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, đã thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại. Đó chính là **magga: chánh-đạo** đúng là pháp-hành trung-đạo, pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, là pháp-hành dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Sau khi nhận thức thấy rõ, biết rõ như vậy, hành-giả từ bỏ 10 vipassanupakkilesa pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ là **phi-đạo** (amagga), rồi thực-hành theo **pháp-hành chánh-đạo** (sammā-magga) đó là thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo, thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc pháp-hành thiền-tuệ như trước, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh trở lại có nhiều năng lực, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có năng lực phát sinh, chính thức đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là ***maggāmaggañāṇadassanavisuddhi***: chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh là **pháp-thanh-tịnh thứ 3** trong pháp-hành thiên-tuệ.

Khi đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 5, maggāmaggañāṇadassanavisuddhi*: chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh, thì xem như hành-giả biết rõ được **3 sự thật chân-lý** với *trí-tuệ* trong tam-giới (*lokiyañāṇa*) như sau:

1- Hành-giả biết rõ sự-thật chân-lý **khổ-đế** (*dukkhasacca*) với *trí-tuệ* thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa*, đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 3 ditthivisuddhi*: chánh-kiến-thanh-tịnh.

2- Hành-giả biết rõ sự-thật chân-lý **nhân sinh khổ-đế** (*samudayasacca*) với *trí-tuệ* thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*, đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 4 kaṅkhāvitaraṇavisuddhi*: trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh.

3- Hành-giả biết rõ sự-thật chân-lý **đạo-đế** (*maggasacca*) với *trí-tuệ-thiên-tuệ* thứ 3 và 4 *sammasañāṇa* và *udayabbayānupassanāñāṇa*, đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 5 maggāmaggañāṇadassanavisuddhi*: chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh.

## 4.2- Balava Udayabbayānupassanāñāṇa

Sau khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ, biết rõ **phi-đạo** (*amagga*), và **pháp-hành chánh-đạo** (*sammā-magga*), nên từ bỏ 10 pháp-bản của trí-tuệ-thiền-tuệ là **phi-đạo**, rồi thực-hành theo **pháp-hành chánh-đạo** là thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** (*majjhimāpaṭipadā*), là tiếp tục thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiền-tuệ**, khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực (*balava udayabbayānupassanāñāṇa*) phát sinh, nên có khả năng thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ (*upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa*) thấy rõ, biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái khổ**, **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

### Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4

\* Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là **maggāmaggañāṇa-dassanavisuddhi**: **chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh** là **pháp-thanh-tịnh thứ 3** trong pháp-hành thiền-tuệ.

\* Khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực (*balava udayabbayānupassanāñāṇa*) có khả năng thoát khỏi 10 pháp bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ* (*upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa*) đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là *paṭipadāññānadassana-visuddhi*: pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh là **pháp-thanh-tịnh thứ 4** của pháp-hành thiền-tuệ.

\* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này thuộc về *tiraṇapariññā*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp sắc-pháp hiện-tại.

### Ba gút mắt của pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thường gặp phải 3 điều gút mắt là:

#### 1- Gút mắt thứ nhất về pháp-học của pháp-hành thiền-tuệ

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu kỹ tất cả **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** một cách rành rẽ từng chi tiết trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

**Sắc-pháp, danh-pháp** mà hành-giả đang học hỏi, nghiên cứu ấy thuộc về *vijjamānapaññatti: chế-định-pháp* về danh từ ngôn-ngữ có *thật-tánh-pháp* làm nền tảng, không phải là *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), nhưng *đối-tượng* của *pháp-hành thiền-tuệ* chỉ là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mà thôi; bởi vì chỉ có **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mới có **thật-tánh**, có **sự sinh, sự diệt**, có **3 trạng-thái-chung**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của **sắc-pháp, danh-pháp** mà thôi.

Cho nên, hành-giả cần phải có trí-tuệ sáng suốt phân biệt rõ **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** như thế nào gọi là:

\* **Sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*).

\* **Sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*).

Bởi vì mỗi *đối-tượng* **sắc-pháp, danh-pháp** có tính chất hoàn toàn khác nhau:

\* Nếu *đối-tượng* **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *chế-định-pháp* thì không có **thật-tánh** của **sắc-pháp, danh-pháp**, không có **sự sinh, sự diệt**, không có **3 trạng-thái-chung** của **sắc-pháp, danh-pháp**, nên không phải là *đối-tượng* của *pháp-hành thiền-tuệ*.

\* Nếu *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì có *thật-tánh* của sắc-pháp, danh-pháp, có *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, danh-pháp, có **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp, là *đối-tượng* của pháp-hành thiên-tuệ.

Pháp-hành thiên-tuệ chỉ có **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mới thật là *đối-tượng* của pháp-hành thiên-tuệ mà thôi.

Cho nên, hành-giả cần phải phân biệt rõ được **mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), để sử dụng khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Như vậy, hành-giả đã tháo gỡ được gút mắt *quan trọng đầu tiên*, trước khi bắt đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, biết sử dụng **mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) làm *đối-tượng* của pháp-hành thiên-tuệ.

## 2- Gút mắt thứ nhì về pháp-hành thiên-tuệ

Sau khi học hỏi, nghiên cứu, phân biệt hiểu biết rõ được tất cả **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới** thuộc về *chân-nghĩa-pháp*, không phải **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *vijjamāna-paññatti*: *chế-định-pháp* danh từ ngôn-ngữ có *thật-tánh-pháp* làm nền tảng.

Hành-giả bắt đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **sắc-pháp**, hoặc **thật-tánh** của **danh-pháp tam-giới** đúng theo **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*).

**Thật-tánh** của **sắc-pháp**, của **danh-pháp tam-giới** là sự-thật chân-lý hiển nhiên trong đời, sở dĩ **thật-tánh** của **sắc-pháp**, của **danh-pháp** không hiện rõ là vì **vô-minh** (*avijjā*) che phủ.

Vậy, để thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **sắc-pháp**, **danh-pháp**, hành-giả cần phải luôn luôn có **yonisomanasikāra**: **trí-tuệ** hiểu biết rõ trong tâm đúng theo 4 trạng-thái của tất cả mọi **sắc-pháp**, mọi **danh-pháp** trong **tam-giới** đều là **vô-thường**, **khổ**, **vô-ngã**, **bất-tịnh** làm nhân-duyên phát sinh **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác** mới ngăn được tâm **vô-minh** (*avijjā*) không phát sinh; đồng thời ngăn được 3 **pháp-điên-đảo** (*vipallāsa*) là **tướng-điên-đảo**, **tâm-điên-đảo**, **tà-kiến-điên-đảo** thấy sai, hiểu lầm cho rằng: **Sắc-pháp**, **danh-pháp tam-giới** là **thường**, **lạc**, **ngã**, **tịnh** không phát sinh, để hỗ trợ cho **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác** phát sinh, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ để phát sinh **trí-tuệ thứ nhất** gọi là **nāmarūpaparicchedañāṇa**: **Trí-tuệ** thấy rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của **sắc-pháp**, của **danh-pháp tam-giới** đúng theo sự-thật chân-nghĩa-pháp.

**Trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa* là trí-tuệ đầu tiên trong 16 trí-tuệ-thiền-tuệ, đóng vai trò quan trọng, làm nền tảng, làm nhân-duyên để hỗ-trợ cho 15 trí-tuệ-thiền-tuệ tuần tự phát sinh.

Như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã tháo gỡ được gút mắt thứ nhì rồi, chỉ còn gút mắt cuối cùng nữa mà thôi.

### 3- Gút mắt thứ ba ở giai đoạn trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa*

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu, thường có *vipassanupakkilesa* là 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy phát sinh, các pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy rất lạ thường mà hành-giả chưa từng thấy từ trước đây bao giờ, nên hành-giả thấy sai chấp lầm rằng:

“Chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, và Niết-bàn rồi!”

Như vậy, pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy không phải là Thánh-đạo cho là Thánh-đạo, không phải là Thánh-quả cho là Thánh-quả. Chính pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy làm trở ngại trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanā-*



*ñāṇa* còn non yếu không phát triển lên các *trí-tuệ-thiền-tuệ* bậc cao được.

Đó là điều *gút mắt thứ ba* của pháp-hành thiền-tuệ.

\* Khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt nhận thức biết rõ được rằng: “*Vipassanupakkilesa* là 10 pháp bản của *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy là **phi-đạo** (*amagga*), không dẫn đến chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn”.

\* Và tiếp theo trí-tuệ sáng suốt nhận thức biết rõ rằng: “Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại mà **trí-tuệ-thiền-tuệ** thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, đã biết rõ **sự sinh, sự diệt**, đã thấy rõ, đã biết rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới. Đó chính là **chánh-đạo** (*sammāmagga*), dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn”.

Hành-giả từ bỏ **phi-đạo** (*amagga*), trở lại thực-hành theo **chánh-đạo** (*sammāmagga*), đó là thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo là thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực phát sinh, mới thoát khỏi 10

*pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 non yếu ấy, gọi là upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāna: trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna đã thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 non yếu ấy.*

Như vậy, hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đến **giai đoạn đã tháo gỡ được gút mắt thứ ba cuối cùng**, hành-giả không còn gút mắt nào trong pháp-hành thiền-tuệ nữa.

Nếu hành-giả có đầy đủ 10 *pháp-hạnh ba-la-mật*, và có đủ 5 *pháp-chủ (indriya): tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* thì có khả năng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, làm cho *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 cho đến trí-tuệ thứ 16 của pháp-hành thiền-tuệ*, nghĩa là *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát triển từ *trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới*, chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* và *Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* trong *Phật-giáo*.

Cho nên, *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna* có nhiều năng lực này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5* gọi là *bhaṅgānupassanāñāna* phát sinh liền tiếp theo sau.

### 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 Bhaṅgānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực đã thoát khỏi *vipassanupakkilesa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5*** gọi là ***bhaṅgānupassanāñāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dôi theo thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-diệt mà thôi,; nên hiện rõ ràng 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.*

***Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa*** này phát sinh do nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* cho đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- *Trí-tuệ thứ nhất* thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*).

- *Trí-tuệ thứ nhì* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp do ***nhân-duyên-sinh***.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp do ***nhân-duyên-diệt***.

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại, do **nhân-duyên-sinh, nhân-duyên-diệt**.

\* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5* là tổng hợp 4 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** gọi là **bhaṅgānupassanāñāṇa** hoặc **bhaṅgañāṇa**: trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** bhaṅgānupassanāñāṇa phát sinh như thế nào?

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 thường thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, làm cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 tăng thêm nhiều năng lực.

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4* có nhiều năng lực thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt**

*của mỗi sắc-pháp, của mỗi danh-pháp tam-giới hiện-tại một cách mau lẹ.*

Đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** bhāṅgānupassanānāna ấy bỏ qua **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, mà chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi **đối-tượng** sắc-pháp, mỗi **đối-tượng** danh-pháp tam-giới hiện-tại, còn thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể** tâm biết đối-tượng nữa, làm cho hành-giả phát sinh động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng thấy trước kia bao giờ, cho nên, chỉ hướng tâm đến **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại mà thôi, mà không quan tâm đến **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại nữa.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** bhāṅgānupassanānāna này đặc biệt chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (khaya), **sự diệt mất** (vaya) **sự tan vỡ** (bheda) **sự diệt** (nirodha) của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp hiện-tại mà thôi.

Tuy nhiên **sự diệt** (nirodha) của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại mà **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 đặc biệt** này thấy rõ, biết rõ là **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại này, còn làm nhân-duyên cho **sự sinh** của sắc-pháp kia, danh-pháp kia, hoàn toàn không giống **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp như bậc **Thánh A-ra-hán nhập-diệt-thọ-tướng** (nirodhasamāpatti), **sự diệt** của

danh-pháp trong khi “**nhập diệt-thọ-tướng**” là **sự diệt** của danh-pháp suốt 7 ngày đêm, đến ngày thứ 8 mới có **sự sinh** của danh-pháp trở lại.

Cho nên, \* **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** đặc biệt này thường chỉ thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (*khaya*), **sự diệt mất** (*vaya*), **sự tan vỡ** (*bheda*) **sự diệt** (*nirodha*) của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại này mà thôi.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* đặc biệt này là trí-tuệ-thiền-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ rằng **sự diệt** do nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại mà thôi, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

Hoặc **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* đặc biệt này chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (*khaya*), **sự diệt mất** (*vaya*) của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại mà thôi, do nhân-duyên-diệt, nên gọi là ***bhaṅgānupassanāñāṇa***.

Dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp như thế nào?

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt, sự diệt mất** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại như sau:

\* Thường dôi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-thường**, không phải thấy **thường**.

\* Thường dôi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái khổ**, không phải thấy **lạc**.

\* Thường dôi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-ngã**, không phải thấy **ngã**.

\* Nên phát sinh **tâm nhàm chán**, không phải **tâm ham muốn**.

\* Nên phát sinh **tâm ly dục**, không phải **tâm tham dục**.

\* Nên phát sinh **tâm diệt**, không phải **tâm sinh**.

\* Nên phát sinh **tâm từ bỏ**, không phải **tâm chấp thủ**.

\* Khi thường dôi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-thường**, nên diệt được **niccasaññā**: tưởng lầm cho là thường.

\* Khi thường dôi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái khổ**, nên diệt được **sukhasaññā**: tưởng lầm cho là lạc.

\* Khi thường dôi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-ngã**, nên diệt được **attasaññā**: tưởng lầm cho là ngã.

\* Khi phát sinh **tâm nhàm chán**, nên diệt được **tâm ham muốn**.

\* Khi phát sinh **tâm ly-dục**, nên diệt được **tâm tham-dục**.

\* Khi phát sinh **tâm diệt**, nên diệt được **tâm sinh**.

\* Khi phát sinh **tâm từ bỏ**, nên diệt được **tâm chấp thủ**.

### Quả báu của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thường dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nghĩa là thường thấy rõ, biết rõ rằng:

“*Sabbe saṅkhārā bhijjanti bhijjanti*”

“Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới đều diệt, diệt.”

Hành-giả có được **aṭṭhānisamsa**:<sup>(1)</sup> **8 quả báu**:

1- *Bhavaditṭhippahāna*: Hành-giả diệt được từng thời thường-kiến trong kiếp.

2- *Jīvitānīkantarippaccāga*: Hành-giả từ bỏ sự say mê trong sinh-mạng.

3- *Sadāyuttapayuttatā*: Hành-giả tinh-tân ngày đêm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

4- *Visuddhājīvitā*: Hành-giả nuôi mạng trong sạch thanh-tịnh.

<sup>1</sup> Bộ Visuddhimagga, phần Bhaṅgānupassanāñāṇakathā.



5- *Ussukkappahāna*: Hành-giả bỏ sự cố gắng trong mọi công việc lớn nhỏ khác, bởi vì phát sinh động tâm cực độ.

6- *Vigatabhayatā*: Hành-giả không có điều tai hoạ.

7- *Khantisoraccapaṭilābha*: Hành-giả có đức nhẫn-nại hoan hỷ trong pháp-hành thiền-tuệ.

8- *Aratiratisahanatā*: Hành-giả có sự chế-ngự được sự hài lòng và không hài lòng.

Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp, và biết 8 quả báu cao quý của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** này, nên kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không thoái chuyển, với ý nguyện chỉ mong chứng đạt đến **Niết-bàn, giải thoát khổ** mà thôi.

Ví như người bị lửa cháy chiếc khăn quần trên đầu, chỉ quyết tâm dập tắt lửa mà thôi.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** gọi là *bhayatupaṭṭhānañāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

## 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *Bhayatupaṭṭhānañāṇa*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát

sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** gọi là **bhayatupaṭṭhānañāṇa**: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại **thật đáng kinh sợ**, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** là tổng hợp 5 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** gọi là **bhayatupaṭṭhānañāṇa** hoặc **bhayañāṇa**: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-diệt, **thật đáng kinh sợ**, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa phát sinh như thế nào?

\* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 **bhaṅgānupassanāñāṇa** có nhiều năng lực thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** (*khaya*), **sự diệt mất** (*vaya*), **sự tan vỡ** (*bheda*), **sự diệt** (*nirodha*) của ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

Các pháp hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp có **sự diệt** trong **3 cõi-giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*), trong **5 cõi tái-sinh** (*gati*), trong **7 thức trụ** (*viññāṇāṭhiti*), trong **9 cõi-giới chúng-sinh** (*sattā-vāsa*) đang hiện-hữu **thật đáng kinh sợ cực độ**.

Cũng như **con thú dữ** như *sư tử, hổ, beo, trâu rừng, bò rừng, voi rừng, con rắn hổ mang, hàm lửa đang cháy, v.v...* đó là những vật **đáng kinh sợ** đối với người nhát gan có tính hay sợ sệt, muốn sống an lạc.

\* Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ đặc biệt** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời rằng:

“*Atītā saṅkhārā niruddhā, paccuppannā nirujjhanti, anāgate nibbattanakasaṅkhārāpi evameva nirujjhissanti.*”

Các pháp hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ **đã diệt rồi** trong thời quá-khứ; sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại **đang diệt** trong thời hiện-tại; và sắc-pháp, danh-pháp sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng **sẽ diệt** trong thời vị-lai mà thôi.

Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ đặc biệt** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời như vậy, đó là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.

### Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* không phải là trí-tuệ-thiền-tuệ có sự **đáng kinh**

*sợ* nào cả, mà *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 6* là trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt sắc-pháp, danh-pháp trong 3 thời **đáng kinh sợ** rằng:

“*Tất cả các pháp hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ đã diệt trong thời quá-khứ rồi; sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại đang diệt trong thời hiện-tại; sắc-pháp, danh-pháp vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt trong thời vị-lai.*”

Thật vậy, ví như một người nhìn thấy **3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực**, chính người ấy không có sự kinh sợ gì cả, nhưng suy xét thấy **3 hầm lửa than hồng** ấy, cảm thấy đáng kinh sợ rằng: “*Nếu có người nào bị rơi xuống 3 hầm lửa than hồng ấy thì chắc chắn phải chịu khổ vì lửa thiêu nóng kinh khủng*”.

Cũng như vậy, *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* này không có sự kinh sợ nào cả, mà chỉ nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng:

“*Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới ví như 3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực ấy.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ đã diệt rồi.*
- *Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại đang diệt.*
- *Sắc-pháp, danh-pháp vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt.*

## Pháp kinh sợ của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6

*Mūlavatthu*: Nguồn gốc của sự khổ có 5 loại:

1- **Uppāda** là *sự sinh của ngũ-uẩn* trong kiếp hiện-tại là quả của nghiệp đã tạo trong kiếp quá-khứ. Ngũ-uẩn *thật là khổ đáng kinh sợ*.

2- **Pavatta** là *sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp* trong 11 cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới, 4 cõi vô-sắc-giới. Sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng là vô-thường, là khổ luôn luôn hành hạ *thật là khổ đáng kinh sợ*.

3- **Nimitta** (*saṅkhāranimitta*) là *pháp hữu-vi* đó là sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, trong hiện-tại, trong vị-lai đều là vô-thường, là khổ thật khó chịu đựng nổi, là vô-ngã không phải của ta, không chiều theo ý muốn của một ai cả, là vô chủ, vô dụng vì không có cốt lõi, v.v... sắc-pháp, danh-pháp chỉ có tan rã mà thôi.

Cho nên sắc-pháp, danh-pháp *thật là khổ đáng kinh sợ*.

4- **Āyūhana** là *sự tích lũy nghiệp chướng* cho quả tái-sinh kiếp sau.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, mỗi kiếp chúng-sinh đã tạo mọi ác-nghiệp và mọi thiện-nghiệp, từ vô thủy trải qua vô số kiếp cho đến kiếp hiện-tại, đều được tích-lũy đầy đủ trọn vẹn ở trong **tâm**, không hề bị mất mát một mảy may nào cả.

Nếu *ngiệp* nào có cơ-hội cho quả, thì *ngiệp* ấy cho quả của nghiệp trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

5- *Patisandhi* là sự *tái-sinh kiếp sau*, được sinh làm loài chúng-sinh nào hoàn toàn tùy thuộc vào *ngiệp và quả của nghiệp* mà chúng-sinh ấy đã tạo trong kiếp hiện-tại hoặc đã tạo trong những kiếp quá-khứ.

- Nếu *ác-ngiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh trong 4 cõi *ác-giới* là *địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh*.

- Nếu *dục-giới thiện-ngiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh trong 7 cõi *thiện-giới* là *cõi người và 6 cõi trời dục-giới*.

- Nếu *sắc-giới thiện-ngiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau thì hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 *tầng trời sắc-giới phạm-thiên*.

- Nếu *vô-sắc-giới thiện-ngiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau thì hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*.

Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn có *ngũ-uẩn* hoặc *tứ uẩn* là còn có *khổ*, bởi vì *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt* liên tục không ngừng luôn luôn hành hạ là vô-thường chỉ có *khổ* mà thôi.

Cho nên *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* chỉ là *khổ thật đáng kinh sợ*, là đối-tượng của *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* này.

\* Khi hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt *sự diệt* của *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* đều có *trạng-thái vô-thường* thật đáng kinh sợ.

\* Khi hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt *sự diệt* của *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* đều có *trạng-thái khổ* thật đáng kinh sợ.

\* Khi hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ thấu suốt *sự diệt* của *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* đều có *trạng-thái vô-ngũ* thật đáng kinh sợ.

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7* gọi là *ādīnavānupassanāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

## 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 Ādīnavānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 Bhayatupaṭṭhānañāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7* gọi là *ādīnavānupassanāñāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp đầy tội chướng.*

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* là tổng hợp 6 loại trí-tuệ từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 làm nền tảng, làm nhân-duyên, để cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** gọi là *ādīnavānupassanāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

### Tính chất của *ādīnavānupassanāñāṇa*

Khi hành-giả phát triển **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực, tiến triển đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng**, nên không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong **3 cõi-giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*), trong **5 cõi tái-sinh** (*gati*), trong **7 thức trụ** (*viññāṇaṭṭhiti*), trong **9 cõi chúng-sinh** (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu thật đáng kinh sợ tội độ. Bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là **nơi ẩn náu** (*neva tāṇaṃ*), không phải là **nơi an toàn** (*na leṇaṃ*), không phải là **nơi đến lánh nạn** (*na gati*), không phải là **nơi nương nhờ** (*nappaṭi-saraṇaṃ*), và cũng không phải nơi mong muốn đối với hành-giả.



*Tại sao vậy?*

Bởi vì, **tam-giới** gồm có 31 cõi-giới (11 cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới, 4 cõi vô-sắc-giới) đang hiện-hữu như 3 hầm lửa đầy than hồng đang hùng hực cháy rực không có khói.

- **Tứ đại** (địa-đại, thủy-đại, hoả-đại, phong-đại) trong sắc-thân đang hiện-hữu như 4 con rắn độc kinh khủng.

- **Ngũ-uẩn** (sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) đang hiện-hữu như tên đao phủ đang giơ thanh đao chém xuống đầu.

- **6 xứ bên trong** (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đang hiện-hữu như xóm làng hoang, không có người ở.

- **6 xứ bên ngoài** (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đang hiện-hữu như kẻ trộm cướp lấy của cải tài sản.

- **7 thức trụ, 9 cõi chúng-sinh** đang hiện-hữu như bị 11 thứ lửa (lửa tham, sân, si, sinh, già, chết, sầu não, than khóc, khổ thân, khổ tâm, thống khổ cùng cực) đang cháy ngầm thiêu đốt ngày đêm.

- Tất cả các pháp-hữu-vi, đó là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp đang hiện-hữu như là **ung nhọt đau nhức** (gaṇḍabhūtā), như là **căn bệnh trầm kha** (rogabhūtā), như là **mũi tên độc**

(sallabhūtā), như là **sự đau khổ bất hạnh triền miên** (aghabhūtā), như là **bệnh tật đau khổ** (ābādhabhūtā), không có chút an-lạc nào cả, chỉ là khối đại tội chướng (mahā ādīnavarāsibhūtā) mà thôi.

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanā-ñāṇa như thế nào?

Ví như một người có tính nhát gan hay sợ sệt, chỉ mong muốn cuộc sống an-lạc mà thôi. Khi người ấy đi gặp phải hang có hùm beo, hoặc xuống sông gặp dạ-xoa dưới nước, hoặc đi đường gặp kẻ cướp sát nhân, gặp kẻ thù giơ thanh đao để chém xuống đầu, hoặc nằm trong căn nhà đang bị cháy, hoặc dùng vật-thực có chất độc, v.v... Người ấy phát sinh sự sợ hãi, sự kinh hồn bạt vía, bởi vì thấy những điều xảy ra ấy thật đáng kinh sợ, chỉ là những điều **đầy tội chướng** mà thôi, như thế nào, đối với hành-giả cũng như thế ấy.

Khi hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp cả 3 thời trong tam-giới thật **đáng kinh sợ**, nên cũng thấy rõ, biết rõ ràng tất cả các pháp-hữu-vi, ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, trong hiện-tại, trong vị-lai trong các cõi-giới trong tam-giới **đầy tội chướng**, không có chút an-lạc nào cả.

*Trí-tuệ-thiền-tuệ* nào thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, trong hiện-tại, trong vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**. Vì vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ* ấy gọi là ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa***.

Vấn: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 6 bhayatupaṭṭhānāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực, để trở nên *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, trong hiện-tại, trong vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng** bằng cách nào?

Đáp: Để trở nên *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa, thì *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 6 bhayatupaṭṭhānāñāṇa cần phải thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ** bằng cách thấy rõ, biết rõ trong 5 đối-tượng như sau:

1- **Uppāda**: **Sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, trong hiện-tại, trong vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

2- **Pavatta**: **Sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên *trí-tuệ-thiền-tuệ* thứ 7 ādīnavānupassanā-

*ñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, trong hiện-tại, trong vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

3- **Nimitta**: Các pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanā-ñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** đó là sắc-pháp, danh-pháp trong quá-khứ, trong hiện-tại, trong vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

4- **Āyūhana**: Sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

5- **Paṭisandhi**: Sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

**Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanā-ñāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng**, nên tâm không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong **3 giới** (*bhava*), trong **4 loài** (*yoni*), trong **5 cõi tái-sinh** (*gati*), trong **7 thức trụ** (*viññāṇaṭṭhiti*), trong **9 cõi-giới chúng-sinh** (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu **thật đáng kinh sợ tội độ**, bởi vì tất cả mọi nơi,

mọi cõi-giới đang hiện-hữu ấy không phải là **nơi ẩn nấu** (*neva tāṇaṃ*), không phải là **nơi an toàn** (*na leṇaṃ*), không phải là **nơi đến lánh nạn** (*na gati*), không phải là **nơi nương nhờ** (*napaṭisaraṇaṃ*). Cho nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* này chỉ hướng đến Niết-bàn giải thoát khổ mà thôi.

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới với 5 đối-tượng *uppāda*, *pavatta*, *nimitta*, *āyūhana*, *paṭisandhi* thật đáng kinh sợ (*bhaya*); còn **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn với 5 đối-tượng trái ngược lại là ***anuppāda***, ***appavatta***, ***animitta***, ***anāyūhana***, ***appaṭisandhi*** bằng cách:

### 1- Đối-tượng kinh sợ và đối-tượng an-tĩnh

1-Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự sinh** (*uppāda*) của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không sinh** (*anuppāda*) là **pháp an-tĩnh** (*khema*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ

thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự hiện-hữu** (*pavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không hiện-hữu** (*appavatta*) sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là **pháp an-tịnh** (*khema*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāranimitta*) đó là sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** đó là sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **pháp-vô-vi** (*animitta*) là **pháp an-tịnh** (*khema*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tích lũy nghiệp chướng** (āyūhana), cho quá tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quá tái-sinh trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không tích lũy nghiệp chướng** (anāyūhana) là **pháp an-tịnh** (khema), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhi) trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không tái-sinh kiếp sau** (appaṭisandhi) là **pháp an-tịnh** (khema), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

## 2- Đối-tượng khổ và đối-tượng an-lạc

1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự sinh** (uppāda) của sắc-pháp, danh-pháp 3

thời trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādināvānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādināvānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không sinh** (*anuppāda*) (sắc-pháp danh-pháp trong tam-giới) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādināvānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự hiện-hữu** (*pavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādināvānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādināvānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không hiện-hữu** (*appavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādināvānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāranimitta*) đó là sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là**



**khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** đó là sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **pháp-vô-vi** (*animitta*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*) cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

### 3- Đối-tượng pháp-hữu-vi và Niết-bàn

1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **sự sinh** (*uppāda*) của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāra*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: **pháp không sinh** pháp-hữu-vi (*anuppāda*) là Niết-bàn (*Nibbāna*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp hiện-hữu** (*pavatta*) của sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāra*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: **pháp không hiện-hữu** pháp-hữu-vi (*appavatta*) là Niết-bàn (*Nibbāna*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp tạo-tác** (*saṅkhāranimitta*) đó là sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāra*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** đó là sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: **pháp-vô-vi** (*animitta*) là Niết-bàn (*Nibbāna*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*) cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāra*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: **pháp không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*) là Niết-bàn (*Nibbāna*), nên

*trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **pháp tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāra*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

\* Và trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: **pháp không tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*) là Niết-bàn (*Nibbāna*), nên trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

### Thực-hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ

Hành-giả kiên trì thực-hành 10 loại trí-tuệ-thiền-tuệ cho thuần thực là:

\* 5 *ādīnavañāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 thấy rõ, biết rõ rằng 5 đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp có **sự sinh** (*uppāda*), **sự hiện-hữu** (*pavatta*), **pháp-hành tạo-tác** (*saṅkhāranimitta*), **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*), **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **đầy tội chướng**, và

\* 5 *santipadañāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 hướng tâm đến Niết-bàn có 5 đối-tượng hoàn toàn trái ngược lại với 5 đối-tượng của *ādīnavañāṇa*, đó là **Niết-bàn không sinh** (*anuppāda*), **pháp**

**không hiện-hữu** (*appavatta*), **pháp-vô-vi** (*animitta*), **pháp không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*), **pháp không tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*).

Khi kiên trì thực-hành 10 trí-tuệ-thiền-tuệ này một cách thuần thực rồi, hành-giả ấy không hề bị lay chuyển bởi các tà-kiến.

Như vậy, **trí-tuệ-thiền-tuệ** *ādīnavañāṇa* với **trí-tuệ-thiền-tuệ** *santipadañāṇa*, mỗi loại có 5 đối-tượng hoàn toàn trái ngược lại với nhau, và dẫn đến như sau:

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng, thật đáng kinh sợ tội độ**, bởi vì tất cả mọi danh-pháp, mọi sắc-pháp không phải là **nơi ẩn náu** (*neva tāṇam*), không phải là **nơi an toàn** (*na leṇam*), không phải là **nơi đến lánh nạn** (*na gati*), không phải là **nơi nương nhờ** (*napaṭisaraṇam*), **chỉ có khổ thật sự** mà thôi.

Cho nên, hành-giả phát sinh trí-tuệ-thiền-tuệ nhằm chán, không dính mắc vào sắc-pháp, danh-pháp ấy.

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ** *santipadañāṇa* hướng đến **Niết-bàn tịch tịnh đầy ân-đức**. Niết-bàn là **pháp ẩn-náu an toàn**, là **pháp nương-nhờ an toàn**, là **pháp giải-thoát khổ hoàn toàn**, **chỉ có sự an-lạc tuyệt đối** mà thôi.

Cho nên, hành-giả phát sinh đức-tin trong sạch vững chắc trong pháp-hành thiền-tuệ này dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

### 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 Nibbidānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8* gọi là *nibbidānupassanāñāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật đáng nhàm chán.*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* là tổng hợp 7 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8* gọi là *nibbidānupassanāñāṇa*: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán.*

*Nibbidā*: *Thật đáng nhàm chán* có nghĩa là hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã trải qua 7 loại trí-tuệ-thiền-tuệ từ trí-tuệ thứ nhất

cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* như sau:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hiện rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, danh-pháp.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ **đặc biệt sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hiện rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, danh-pháp chỉ có **khổ thật sự** mà thôi.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6** *bhayatupaṭṭhānañāṇa* đã thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **thật đáng kinh sợ tột độ** (*bhaya*).

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* phát sinh thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **đầy những tội chướng** (*ādīnava*).

\* Vì thế, đến khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* này phát sinh chỉ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **thật đáng nhàm chán tột độ**, nên chỉ còn hướng tâm đến **Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới mà thôi**.

Cho nên, hành-giả cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành dõi theo **7 pháp anupassanā**,

đề mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

### **Bảy Pháp Anupassanā**

1- *Aniccānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường.

2- *Dukkhānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ.

3- *Anattānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã.

4- *Nibbidānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp thật đáng nhàm chán.

5- *Virāgānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp không đáng say mê.

6- *Nirodhānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp đáng diệt bỏ.

7- *Paṭinissaggānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp đáng xả bỏ.



## Giảng Giải

1- *Aniccānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp, sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-thường** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **nicca-saññā**: thấy sai, tưởng lầm cho là “sắc-pháp, danh-pháp là **thường**”.

2- *Dukkhānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái khổ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp, sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái khổ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **sukhasaññā**: thấy sai, tưởng lầm cho là “sắc-pháp, danh-pháp là **lạc**”.

3- *Anattānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-ngã**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp, sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-ngã** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **attasaññā**: thấy sai, tưởng lầm cho là “sắc-pháp, danh-pháp là **ngã**”.

4- *Nibbidānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng nhàm chán**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp, sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng nhàm chán** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **nandi**: tâm tham-ái hài lòng trong sắc-pháp, danh-pháp.

5- *Virāgānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật không đáng say mê**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp, sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật không đáng say mê** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **rāga**: tâm tham-ái say mê trong sắc-pháp, danh-pháp.

6- *Nirodhānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dôi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng diệt bỏ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp, sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng diệt bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **samudaya**: nhân-sinh-khổ của sắc-pháp, danh-pháp.

7- *Paṭinissaggānupassanā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng xả bỏ**; và trí-tuệ-thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp, sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng xả bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được *āḍāna*: sự chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp.

Trong 7 pháp *ānupassanā* này có 3 loại căn bản là *aniccānupassanā*, *dukkhānupassanā*, *anattānupassanā*, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của sắc-pháp, danh-pháp.

### Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ

1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayaṭupatthānānāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng kinh sợ**.

2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanānāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng**.

3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanānāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng nhàm chán**.

Ba loại trí-tuệ-thiền-tuệ này chỉ có khác nhau về tên gọi mà thôi, còn giống nhau về ý nghĩa.

Thật vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã trải qua từ **trí-tuệ-thứ nhất nāma-rūpaparicchedañāṇa** cho đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa** này.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng kinh sợ** thì gọi là *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp danh-pháp **đầy tội chướng** thì gọi là *ādīnavānupassanañāṇa*.

- Nếu **trí-tuệ-thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ danh-pháp sắc-pháp **đáng nhàm chán** thì gọi là *nibbidānupassanāñāṇa*.

Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **thật đáng nhàm chán tột độ**, nên hướng tâm đến **đối-tượng santipada: Niết-bàn là pháp an-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.**

*Đối-tượng santipada: Niết-bàn như thế nào?*

Hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa** thấu suốt biết rõ rằng:

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ rằng: uppāda: sự sinh của sắc-pháp, danh-pháp thật**

là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anuppāda**: sự không sinh của sắc-pháp, danh-pháp, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ rằng: **pavatta**: sự hiện-hữu của sắc-pháp, danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anuppāda**: sự không sinh của sắc-pháp, danh-pháp, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ rằng: **nimitta** (saṅkhāranimitta): pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **animitta**: pháp-vô-vi, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ rằng: **āyūhana**: sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **anāyūhana**: sự không tích lũy nghiệp chướng, đó là **santipada**: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

\* Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 thấy rõ, biết rõ rằng: **paṭisandhi**: sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi. Và **appaṭisandhi**: sự

*không tái-sinh kiếp sau, đó là santipada: Niết-bàn an-lạc tuyệt đối, v.v...*

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanā-ñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi danh-pháp, mọi sắc-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tội độ, chỉ có khổ mà thôi, nên chỉ hướng đến đối-tượng *santipada: Niết-bàn diệt tất cả các pháp-hữu-vi, là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải thoát khổ hoàn toàn, có sự an-lạc tuyệt đối.*

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanā-ñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

## 9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanā-ñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** gọi là ***muñcitukamyatāñāṇa***: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán tội độ, n-n chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi.*

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* là tổng hợp 8 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** gọi là *muñcitukamyatāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán tội độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* phát sinh như thế nào?

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8** *nibbidānupassanāñāṇa* có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi danh-pháp, mọi sắc-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tội độ, chỉ có khổ mà thôi, nên hướng tâm đến đối-tượng *santipada*: Niết-bàn diệt tất cả các pháp hữu-vi làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong **ba giới bốn loài** mà thôi.

\* **Ba giới** gồm có 31 cõi là:

1- Dục-giới gồm có 11 cõi-giới.

2- Sắc-giới gồm có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

3- Vô sắc-giới gồm có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

1- **Dục-giới** có 11 cõi chia làm 2 cõi-giới:

- **Cõi ác-giới** có 4 cõi là cõi *địa-ngục*, *a-su-ra*, *ngạ-quỷ*, *súc-sinh*. Chúng-sinh bị sa đọa trong 4 cõi ác-giới này do *quả của ác-nghiệp*, rồi phải chịu quả khổ cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới được.

**Ác-nghiệp** đó là *tác-ý tâm-sở (cetanā)* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm* là 8 *tham-tâm*, 2 *sân-tâm*, 2 *si-tâm*, cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới.

\* **Cõi thiện dục-giới** gồm có 7 cõi: *cõi người* và 6 *cõi trời dục-giới*. Chúng-sinh được sinh trong 7 cõi thiện-giới này do *quả của dục-giới thiện-nghiệp*, hưởng quả an-lạc trong cõi ấy cho đến khi hết tuổi thọ, rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi khác tùy theo nghiệp của mình đã tạo.

**Dục-giới thiện-nghiệp** đó là *tác-ý tâm-sở (cetanā)* đồng sinh với 8 *dục-giới thiện-tâm*, cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới.

Chúng-sinh nào đã tạo *dục-giới thiện-nghiệp* nào rồi, sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *dục-giới thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh trong cõi thiện-dục-giới. Được sinh trong cõi thiện-dục-giới nào hoàn toàn do năng lực *quả của dục-giới thiện-nghiệp* ấy.<sup>(1)</sup>

---

<sup>1</sup> Tìm hiểu rộng trong quyển Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, cùng soạn giả.



2- **Sắc-giới** có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên

**Sắc-giới thiện-nghiệp** đó là tác-y tâm-sở (*cetanā*) đồng sinh với 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, chắc chắn cho quả tái-sinh kiếp sau trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Hành-giả nào thuộc về hạng người tam-nhân thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc được 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm giữ gìn cho đến khi chết.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đệ ngũ thiền sắc-giới quả-tâm** gọi là sắc-giới tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *Quảng-quả-thiên*, có tuổi thọ 500 đại-kiếp trái đất.

Còn 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (*ahosi-kamma*) không có cơ hội cho quả được nữa.

3- **Vô-sắc-giới** có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên

**Vô-sắc-giới thiện-nghiệp** đó là tác-y tâm-sở (*cetanā*) đồng sinh với 4 bậc thiền vô-sắc-giới

*thiện-tâm*, chắc chắn cho quả tái-sinh kiếp sau trong 4 tầng trời vô-sắc-giới Phạm-thiên.

Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiền-định, nếu có khả năng chứng đắc được 5 *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và 4 *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tứ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiền thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhi-kāla*) có *đệ tứ thiền vô-sắc-giới quả-tâm* gọi là *phi-tướng phi-phi-tướng-xứ-thiền quả-tâm* gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiền*, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất.<sup>(1)</sup>

Còn 5 *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và 3 *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp* còn lại đều trở thành *vô-hiệu-quả-nghiệp* (*ahosikamma*) không có cơ hội cho quả được nữa.

---

<sup>1</sup> Hành-giả chứng đắc thiền thiện-tâm bậc cao có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau, còn lại các bậc thiền thiện-tâm thấp không có cơ hội cho quả tái-sinh. Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

*Tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới* gồm có 31 cõi-giới chỉ là **nơi tạm trú** của tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới mau hoặc lâu mà thôi.

Dù vị phạm-thiên nào trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên*, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất, đến khi hết tuổi thọ cũng phải chết. Sau khi vị phạm-thiên ấy chết, tùy theo thiện-nghiệp của vị phạm-thiên ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác.

\* **Bốn loài** đó là 4 loài chúng-sinh:

1- **Thai-sinh:** Chúng-sinh thuộc về loài thai-sinh, đầu tiên cần phải nương nhờ nơi bụng mẹ, từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, mới sinh ra đời. Đó là *loài người trong cõi người, chư-thiên cõi bhūmaṭṭhadevatā: chư-thiên trên mặt đất, loài súc-sinh như trâu, bò, v.v...*

2- **Noãn-sinh:** Chúng-sinh thuộc về loài noãn-sinh, đầu tiên cần phải nương nhờ nơi bụng mẹ, sinh trong trứng từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, trứng sinh ra ngoài, rồi từ trứng sinh ra con. Đó là *loài gà, vịt, chim, v.v...*

3- **Thấp-sinh:** Chúng-sinh thuộc về loài thấp sinh nương nhờ nơi ẩm thấp dơ dáy, dưới đất, lá cây, trái cây chín, máu, mủ, v.v... Đó là *con giun đất, trùn, dòi, các loài sán, v.v...*

4- **Hoá-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài hoá-sinh không cần nương nhờ vào nơi nào cả, chỉ nương nhờ nơi nghiệp quá-khứ của mình mà thôi. Khi tái-sinh ngay tức khắc to lớn tự nhiên. Đó là *chúng-sinh địa-ngục, các loài ngựa-quỷ, a-su-ra, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới (ngoại trừ bhūmatṭhadevatā), chư Phạm-thiên trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới, v.v...*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* hiểu biết rằng:

“*Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn có ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, dù ở trong cõi nào cũng chắc chắn còn phải chịu khổ của sắc-pháp, danh-pháp ấy.*”

“*Đối với hạng phàm-nhân, hễ còn tiếp tục tử sinh luân-hồi thì khó mà tránh khỏi 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngựa-quỷ, súc-sinh.*”

Cho nên, hành-giả cố gắng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** này thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, **thật đáng nhàm chán thật sự.**

Vì vậy, hành-giả cảm thấy kinh sợ, nhàm chán trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ quyết tâm tiếp tục thực-hành

pháp-hành thiên-tuệ để mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khỏi khổ vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

*Tính chất của muñcitukamyatāñāṇa như thế nào?*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi, qua những ví dụ như sau:

\* Ví như con cá bị mắc lưới, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi lưới như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới cũng như thế ấy.

\* Ví như con ếch bị con rắn ngậm trong miệng, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi miệng con rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 mong chứng ngộ Niết-bàn ... cũng như thế ấy, v.v...

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāṇa này thấy rõ, biết rõ ràng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong 31 cõi trong tam-giới đều sinh rồi diệt, tan rã, là vô-thường, chỉ có **khổ thật sự**

mà thôi, nên tâm của hành-giả chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, mới giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, nghĩa là giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, hành-giả không muốn dính mắc trong sắc-pháp, danh-pháp nào nữa, chỉ cố gắng tinh-tấn không ngừng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* và Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *Muñcitukamyatāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh liên tiếp theo sau.

## 10- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10

### **Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa**

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** gọi là **paṭisaṅkhānupassanāñāṇa**: *trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.*

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāññāṇa trí-tuệ-thiền-tuệ* mong muốn tha thiết giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **thật đáng nhàm chán tột độ** làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** gọi là *paṭisaṅkhānupassanāññāṇa* như sau:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāññāṇa* là tổng hợp 9 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** gọi là *paṭisaṅkhānupassanāññāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.

Theo bộ *Visuddhimagga*,<sup>(1)</sup> hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāññāṇa* này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 4 **trạng-thái** gồm có 53 trạng-thái chi-tiết.<sup>(2)</sup>

- **Trạng-thái vô-thường** có 12 trạng-thái chi-tiết.
- **Trạng-thái khổ** có 27 trạng-thái chi-tiết.
- **Trạng-thái vô-ngã** có 7 trạng-thái chi-tiết.

<sup>1</sup> Bộ *Visuddhimagga*, phần *Paṭisaṅkhānupassanāññākathā*.

<sup>2</sup> Xem đầy đủ bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển X: *Pháp-Hành Thiền-Tuệ*, cùng soạn giả.

- *Trạng-thái bất-tịnh* có 7 trạng-thái chi-tiết.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāna* này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 4 **trạng-thái**: *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* của các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới một cách rõ ràng đầy đủ các trạng-thái chi-tiết, nên **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāma*) được 3 **pháp-điên-đảo**: *tướng-điên-đảo* (*saññāvīpallāsa*), *tâm-điên-đảo* (*cittavīpallāsa*), *tà-kiến-điên-đảo* (*ditṭhivīpallāsa*) cho *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là thường, lạc, ngã, tịnh*.

Cho nên, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** này sáng suốt tìm ra phương-pháp giải thoát khổ khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới này.

Hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với phương-pháp ấy **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāna* phát sinh có nhiều năng lực.

Trong Visuddhimagga, phần **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñānakathā* giảng giải rằng:

“*Aniccato manasikaroto nimittam paṭisaṅkhāñānam uppajjati.*

“*Dukkhatto manasikaroto pavattam paṭisaṅkhāñānam uppajjati.*



“*Anattato manasikaroto nimittaṅca pavattaṅca paṭisaṅkhā ñāṇaṃ uppajjati.*”<sup>(1)</sup>

“Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, biết rõ pháp-hữu-vi không bền lâu, chốc lát, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh.”

“Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái khổ, biết rõ sự hiện hữu các pháp-hữu-vi, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh.”

“Hành-giả có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-ngã, biết rõ pháp-hữu-vi không bền lâu và sự hiện hữu các pháp-hữu-vi, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa phát sinh.”

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** paṭisaṅkhānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** saṅkhārupekkhāñāṇa phát sinh liền tiếp theo sau.

## 11- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11**

<sup>1</sup> Bộ Visuddhimagga, phần Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā.

gọi là *saṅkhārupekkhāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* là tổng hợp 10 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** (*majjhatta*) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới, để quyết định phương-pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới, để tìm ra phương-pháp giải thoát ra khỏi các pháp hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp này. Cho nên hành-giả trở lại suy xét rằng:

“*Sabbe saṅkhārā suññā*”

Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là ngũ-uẩn, 6 xứ bên trong với 6 xứ bên ngoài, 18 tự-tánh (*dhātu*), ... đều là **hoàn toàn không** (không phải ta, không phải của ta).

Thật vậy, hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ 2 pháp:

“*Suññamidaṃ attanena vā attaniyena vā*”

Thật-tánh của các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới này không phải ta và không phải của ta.

Khi hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là **hoàn toàn không phải ta, không phải của ta** với *paccakkhāñāṇa*: trí-tuệ trực tiếp thấy rõ, biết rõ bên trong của mình như vậy, và cũng thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi bên trong của người khác bằng *anumāñāṇa*: trí-tuệ gián tiếp thấy rõ, biết rõ 4 pháp rằng:

1- *Nāhaṃ kvaçani*.

2- *Kassaci kiñcanatasmim*.

3- *Na ca mama kvaçani*.

4- *Kismiñci kiñcanatatthi*.<sup>(1)</sup>

<sup>1</sup> Bộ Visuddhimagga Saṅkhārupekkhāñāṇakathā.

1- Hành-giả không thấy có ta trong bất cứ sắc-pháp, danh-pháp nào, thời gian nào, trong pháp nào cả.

2- Hành-giả không thấy ta có quan hệ mật thiết đến một ai cả.

3- Hành-giả thấy không có của ta, cũng không có của người khác, bất cứ sắc-pháp, danh-pháp nào, thời gian nào, trong pháp nào cả.

4- Hành-giả không thấy người khác có quan hệ với ta.

Như vậy, các pháp hữu-vi là hoàn toàn không.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi rằng:

- Trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **6 xứ bên trong**: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ là hoàn toàn **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- Trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **6 xứ bên ngoài**: sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ là hoàn toàn **không** (*suñña*), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...

- Trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **6 thức-tâm**: nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-

*thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm là hoàn toàn **không** (suñña), không phải ta, không phải của ta, là vô-thường, không bền vững, ...*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* là hoàn toàn **không** (suñña), *không phải ta, không phải của ta, là vô dụng vì không có lỗi, không bền vững, là vô-thường, không an-lạc, vô-ngã, luôn luôn biến đổi, ví như cây sậy, cây chuối, bong bóng nước, bọt nước, giọt sương, ...*

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: *sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* với 10 tính chất như sau:

**Sắc-uẩn** có 10 tính chất:

1- *Rūpaṃ rittato passati*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô ích, bởi vì vô-thường, khô, vô-ngã.

2- *Tuccho*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là rỗng tuếch, bởi vì không có cốt lõi.

3- *Suññato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là rỗng không, không phải ta, không phải của ta.

4- *Anattato*: *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô-ngã, bởi vì vô chủ, không chiểu theo ý muốn của ai.

5- *Anissariyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không có chủ quyền, bởi vì không ai có quyền sai khiến theo ý của mình.

6- *Akāmakāriyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không làm theo ý muốn của ai.

7- *Alabbhanīyato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ không thể muốn sắc-uẩn như thế này, đừng như thế kia được.

8- *Avasavattakato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không chiều theo ý muốn của ai.

9- *Parato*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là khác lạ.

10- *Vivittato pasati*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô chủ, bởi vì không phải người, không phải chúng-sinh nào cả.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là hoàn toàn không với 10 tính chất ấy như thế nào.

Cũng như vậy, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là hoàn toàn không với 10 tính chất cũng như thế ấy.

\* *Trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là hoàn toàn không, có 12 tính chất.

**Sắc-uẩn** có 12 tính chất:

1- *Rūpaṃ na satto*: Trí-tuệ -hiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là chúng-sinh.

2- *Na jīvo*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là sinh-mạng vĩnh cửu như ngoại đạo.

3- *Na naro*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người.

4- *Na māṇavo*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là cậu trai trẻ.

5- *Na itthī*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nữ.

6- *Na puriso*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nam.

7- *Na attā*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải ta (ngã).

8- *Na attaniyaṃ*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của ta (ngã).

9- *Nāhaṃ*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là ta.

10- *Na mama*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải của ta.

11- *Na aññassa*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải của người khác.

12- *Na kassaci*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải của một ai cả.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có

*trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là *hoàn toàn không* với 12 tính chất ấy như thế nào.

Cũng như vậy, *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* cũng là *hoàn toàn không* với 12 tính chất cũng như thế ấy.

\* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sắc-uẩn** là **hoàn toàn không** với *trạng-thái vô-thường* có 12 *trạng-thái chi-tiết*, *trạng-thái khổ* có 27 *trạng-thái chi-tiết*, *trạng-thái vô-ngã* có 7 *trạng-thái chi-tiết của sắc-uẩn*.

Cũng như vậy, *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn** **hoàn toàn không** với *trạng-thái vô-thường* có 12 *trạng-thái chi-tiết*, *trạng-thái khổ* có 27 *trạng-thái chi-tiết*, *trạng-thái vô-ngã* có 7 *trạng-thái chi-tiết như sắc-uẩn*.

Khi hành-giả có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp** **hoàn toàn không** như vậy, gọi là *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp, danh-pháp** trong *tam-giới* **hoàn toàn không**, *không phải ta, không phải của ta*.

Đức-Phật dạy Ngài Trưởng-lão Mogharāja:

“*Suññato lokam avekkhassu,  
Mogharāja sadā sato.  
Attānudiṭṭhiṃ ūhacca,*



*evaṃ maccutaro siyā.  
Evaṃ lokam avekkhantaṃ,  
maccurājā na passati.<sup>(1)</sup>*

“*Này Mogharāja! Con nên tinh-tân ngày đêm,  
Thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.  
Từ bỏ tà-kiến theo chấp ngã,  
Con nên có trí-tuệ-thiền-tuệ,  
Thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi,  
Trong tam-giới hoàn toàn không.  
Được như vậy, con thoát khỏi tử thân,  
Tử thân không thấy người thấy rõ, biết rõ,  
Pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp,  
Trong tam-giới hoàn toàn không như vậy.*”

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ-thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới hoàn toàn không với nhiều phương pháp như vậy, tâm của hành-giả đặt trung-dung giữa tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Như vậy, hành-giả đạt đến ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11*** gọi là ***saṅkhārupekkhāñāna***.

### **Tính chất của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11**

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đạt đến ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11*** ***saṅkhārupekkhā-***

<sup>1</sup> Bộ Visuddhimagga, và Bộ Khu. Cūlanidesa.

*nāna* thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **hoàn toàn không** (không phải ta, không phải của ta), thấy rõ, biết rõ **đầy đủ các trạng-thái chi-tiết** của trạng-thái vô-thường, của trạng-thái khổ, của trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới. Cho nên, hành-giả có được tính chất đặc biệt của **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhānāna* như sau:

- Hành-giả diệt được *bhayañca nandiñca vipphāya*: **tâm kinh-sợ** (*bhaya*) và **tâm hoan-hỷ** (*nandi*) trong các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, bởi vì đặt **tâm trung-dung** (*majjhatta*) giữa các sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

- Hành-giả không chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp cho **là ta** (*ahaṃ*), **của ta** (*mama*), bởi vì thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **thật đáng kinh-sợ, đầy tội-chướng thật đáng nhàm-chán tội độ**.

Ví dụ: Một **chàng trai** yêu say đắm người **vợ trẻ đẹp**, không muốn rời xa vì quá yêu vợ. Nếu thấy người vợ đứng, ngồi nói chuyện, cười cợt với người đàn ông nào thì chàng trai ấy nổi cơn ghen tức, khổ tâm cùng cực.

Một hôm, chàng trai ấy bắt gặp vợ của mình ngoại tình với người đàn ông khác, thấy rõ, biết

rõ người vợ phụ bạc, không có lòng chung thủy với mình, đầy tội-lỗi như vậy, nên phát sinh tâm nhàm-chán tột độ, không còn yêu say đắm người vợ như trước nữa.

Chàng trai ấy quyết tâm ly dị với vợ, rồi đuổi vợ ra khỏi nhà, không còn chấp nhận là vợ của mình nữa.

Từ đó về sau, dù chàng trai trẻ thấy người vợ cũ đi theo người người đàn ông khác, chuyện trò cười cợt với người đàn ông khác, vẫn tự nhiên, không hề nổi cơn ghen tức như trước nữa, bởi vì chàng trai trẻ đặt tâm trung-dung giữa người vợ cũ và người đàn ông khác ấy.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna* thấy rõ, biết rõ rằng sắc-pháp, danh-pháp hoàn toàn không, là **pháp-vô-ngã**, có **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái khổ**, **trạng-thái vô-ngã**, nên không còn chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp cho là *ta (ahaṃ), của ta (mama)*, đặt **tâm trung-dung** giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp ấy.

Hành-giả đã đạt đến *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11* này thấy rõ, biết rõ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thật đáng kinh sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tột độ, chỉ mong giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

Hành-giả trở lại thấy rõ, biết rõ *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp hoàn toàn không, không phải ta, không phải của ta*, nên đặt **tâm trung-dung** giữa *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*, đó là *tâm có nhiều năng lực* chỉ có hướng tâm đến *Niết-bàn giải thoát khổ* mà thôi.

Nếu tâm chưa thấy *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn* thì hành-giả trở lại với *đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới*, và tiếp tục thực-hành như vậy, cho đến khi *trí-tuệ-thiên-tuệ* có khả năng thấy được *đối-tượng Niết-bàn*.

Khi nào *trí-tuệ-thiên-tuệ* có khả năng thấy được *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*, khi ấy, mới buông bỏ *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*.

Ví dụ: *Chiếc thương thuyền đi trên đại dương*.

Thời xưa, con người chưa có chiếc *la-bàn chỉ phương hướng*. Chiếc thương thuyền trước khi khởi hành đi ra biển đại dương, người thuyền trưởng bắt một **con quạ** đem theo để chỉ phương hướng. Nếu khi chiếc thuyền bị gió mạnh đi lạc hướng, nhìn không thấy bến thì khi ấy người thuyền trưởng **thả con quạ** bay đi tìm bến.

**Con quạ** rời từ đỉnh cột buồm bay thẳng lên hư không, bay quanh các hướng, nếu nó thấy bến thì nó bay thẳng về hướng ấy, nhưng nếu nó chưa thấy bến thì nó bay trở lại đậu trên đỉnh cột buồm như trước. *Con quạ* ấy tiếp tục bay như vậy,

cho đến khi tìm thấy bến bay thẳng về hướng ấy, chiếc thuyền cũng đi theo hướng ấy đến bến.

Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa*, nếu khi thấy được *đối-tượng santipada*; *Niết-bàn siêu-tam-giới* thì buông bỏ *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt* liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

Nếu khi hành-giả chưa thấy được *đối-tượng santipada*; *Niết-bàn siêu-tam-giới* thì hành-giả vẫn còn có *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt* liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

Hành-giả tiếp tục thực-hành như vậy, bởi vì **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* này phát sinh càng lâu càng vi-tế sâu sắc, thì càng có nhiều năng lực **tâm trung-dung** giữa *sắc-pháp, danh-pháp tam-giới*.

### Ba trí-tuệ-thiền-tuệ cùng mục đích

Ba trí-tuệ-thiền-tuệ có cùng mục đích giống nhau là:

1- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm-chán tột độ, nên chỉ*

*mong giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi.*

2- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10** paṭisaṅkhānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới, để tìm ra phương-pháp giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

3- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** saṅkhārupekkhāñāṇa thấy rõ, biết rõ ràng **thật-tánh** của danh-pháp, sắc pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, đặt **tâm trung-dung** giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, nên có khả năng đặc biệt quyết định phương pháp thực-hành để giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Như vậy, 3 **trí-tuệ-thiền-tuệ** này đều giống nhau về phân sự, về mục đích giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, nhưng chỉ có khác nhau về thời gian qua ba giai đoạn:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa ở giai đoạn đầu.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa ở giai đoạn giữa.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa ở giai đoạn cuối.

## TÍNH CHẤT CỦA SAṄKHĀRUEPKKHĀÑĀṆA

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa** nên có những tính chất đặc biệt như sau:

- *Hành-giả không thoái chí nản lòng, chỉ có quyết tâm kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong chóng chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.*

\* *Hành-giả có 5 pháp đặc biệt là:*

1- **Bojjaṅgavisesa**: *Pháp đặc biệt thất-giác-chi: niệm-giác-chi, phân-tích-giác-chi, tinh-tân-giác-chi, hỷ-giác-chi, tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi. Đó là 7 pháp-giác-chi hỗ trợ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.*

2- **Maggāṅgavisesa**: *Pháp đặc biệt bát-chánh-đạo: chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định. Đó là 8 pháp-chánh-đạo hỗ trợ chính trực tiếp chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-nã, mọi tham-ái.*

3- *Jhānaṅgavisesa*: Pháp đặc biệt chi thiên Jhāna nghĩa là định-tâm trong đối-tượng, có 2 loại định:

- *Lakkhaṇūpaniijhāna*: Định-tâm trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, để trí-tuệ-thiên-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, thấy rõ, biết rõ **ba trạng-thái-chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

- *Ārammaṇūpaniijhāna*: Định-tâm trong 40 đề mục thiên-định.

4- *Paṭipadāvisesa*: Pháp-hành đặc biệt có 4 pháp-hành:

4.1- *Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

4.2- *Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ khó nhọc, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

4.3- *Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dễ dàng, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

4.4- *Sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.



## Nguyên nhân của mỗi pháp-hành

\* *Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?*

*Do 10 vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh xen vào làm trở ngại cho hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó phát triển.*

Khi hành-giả thực-hành khó nhọc mới thoát ra khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna phát sinh gần chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả vẫn còn chút trở ngại mới chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

Vì vậy, gọi là “*dukkhāpaṭipadā dandhā-bhiññā: thực-hành pháp-hành thiền-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả*”.

\* *Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?*

*Do hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dễ dàng thoát ra khỏi 10 vipassanupakkilesa: pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ, và đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna phát sinh gần chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả cũng dễ dàng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.*

Vì vậy, gọi là “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả”.

\* Đối với chư Phật chỉ có điều thứ 4 là “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*” thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả mà thôi.

\* Đối với Ngài Đại-trưởng-lão Sāriputta chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả thuộc về pháp-hành thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”.

\* Đối với Ngài Đại-trưởng-lão Mahā-moggallāna khi chứng đắc *Sotāpattimagga*, *Sotāpattiphala* thuộc về pháp-hành thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”, nhưng đến khi chứng đắc 3 Thánh-đạo và 3 Thánh-quả bậc cao thuộc về pháp-hành thứ nhất “*dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*”.

\* Đối với các hành-giả khác thành tựu 1 trong 4 pháp-hành tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

5- *Vimokkhavisesa*: Pháp đặc biệt vimokkha có 3 pháp:

\* *Animittavimokkha*: Vô-hiện-tượng giải-thoát là giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi tam-giới (*animitta*), chứng ngộ Niết-bàn *animittanibbāna*: vô-hiện-tượng Niết-bàn.

\* *Appaṇihitavimokkha*: Vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khỏi tham-ái trong các pháp-hữu-vi tam-giới (*appaṇihita*), chứng ngộ Niết-bàn **appaṇihitanibbāna**: vô-tham-ái Niết-bàn.

\* *Suññatavimokkha*: Chơn-không-vô-ngã giải-thoát là giải thoát khỏi chấp ngã trong các pháp-hữu-vi tam-giới (*suññata*), chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna**: chơn-không-vô-ngã Niết-bàn.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** dõĩ theo **3 loại anupassanā** cơ bản là:

1-*Aniccānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái vô-thường.

2-*Dukkānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái khổ.

3-*Anattānupassanā*: Dõĩ theo trạng-thái vô-ngã.

Khi **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāna* dõĩ theo **3 loại anupassanā** này liên quan đến **3 loại indriya**, có khả năng đạt đến **3 pháp-giải-thoát vimokkha**, chứng ngộ **3 loại Nibbāna**, chứng đắc thành bậc **Thánh-nhân Ariya-puggala**, phân định **7 nhóm Thánh-nhân** trong Phật-giáo.

\* Hành-giả đạt đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11** gọi là *saṅkhārupekkhāñāna* này có một tiềm lực mãnh liệt, có khả năng đặc biệt quyết định chọn phương pháp thực-hành để giải thoát khổ khỏi tam-giới như sau:

- Bảng 1 trong 3 pháp-chủ **indriya**: *saddhindriya, samādhindriya, paññindriya*.

- Bảng 1 trong 3 **anupassanā**: *aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā*.

- Bảng 1 trong 3 **sāmaññalakkhaṇa**: *aniccalakkhaṇa, dukkhalakkhaṇa, anattalakkhaṇa*.

- Bảng 1 trong 3 pháp-giải-thoát **vimokkha**: *animittavimokkha, appaṇihitavimokkha, suññatavimokkha*.

- Bảng 1 trong 3 loại **nibbāna**: *animittanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna*.

**\* Phân-định 7 nhóm Thánh-nhân:**

1- Nhóm Thánh-nhân *Saddhānusārī*.

2- Nhóm Thánh-nhân *Saddhāvimutta*.

3- Nhóm Thánh-nhân *Kāyasakkhi*.

4- Nhóm Thánh-nhân *Ubhatobhāgavimutta*.

5- Nhóm Thánh-nhân *Dhammānusārī*.

6- Nhóm Thánh-nhân *Diṭṭhipatta*.

7- Nhóm Thánh-nhân *Paññāvimutta*.

1- Nếu hành-giả nào là hạng người có **đức-tin trong sạch** đặc biệt thì **saddhindriya**: *tín-pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tán-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*), dõ theo **aniccānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **aniccalakkhaṇa**: trạng-thái vô-thường, dẫn đến pháp-giải-thoát **animittavimokkha**: vô-hiện-tượng

giải-thoát là giải thoát khỏi các pháp hữu-vi tam-giới (*animitta*), chứng ngộ Niết-bàn ***animittanibbāna***: vô-hiện-tượng Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo thuộc về nhóm ***Saddhānusārī***: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả gồm có 7 bậc Thánh-nhân thuộc về nhóm ***Saddhāvimutta***: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch.

2- Nếu hành-giả nào là hạng người có ***định-tâm vững chắc*** đặc biệt thì ***samādhindriya***: định-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ), dõng theo ***dukkhānupassanā***, thấy rõ, biết rõ ***dukkhalakkhaṇa***: trạng-thái khổ, dẫn đến pháp-giải-thoát ***appaṇihitavimokkha***: vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khỏi tham-ái trong các pháp-hữu-vi tam-giới (*appaṇihita*), chứng ngộ Niết-bàn ***appaṇihitanibbāna***: vô-tham-ái Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả gồm

có 8 bậc Thánh-nhân đều thuộc về nhóm **Kāyasakkhi**: Bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

- Nếu hành-giả, trước đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau đó thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả thì thuộc về nhóm **Ubhatobhāgavimutta**: Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát cả 2: từ thiền vô-sắc-giới thiện-tâm và A-ra-hán-Thánh-đạo, A-ra-hán-Thánh-quả.

3- Nếu hành-giả nào là hạng người có **trí-tuệ siêu-việt** đặc biệt thì **paññindriya**: tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ), dôi theo **anattānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **anattalakkhaṇa**: trạng-thái vô-ngã, dẫn đến pháp-giải-thoát **suññatavimokkha**: chơn-không giải-thoát là giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi tam-giới, chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna**: chơn-không Niết-bàn, hành-giả ấy chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo thuộc về nhóm **Dhammānusārī**: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ-siêu-việt.

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả*, *Bát-lai Thánh-đạo*, *Bát-lai Thánh-quả*, *A-ra-hán Thánh-đạo* gồm có 6 bậc *Thánh-nhân* này thuộc về nhóm ***Diṭṭhipatta***: Bậc *Thánh-nhân* giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt.

- Chứng đắc *A-ra-hán Thánh-quả* thuộc về nhóm ***Paññāvimutta***: Bậc *Thánh A-ra-hán* giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt, (không có bậc thiền nào làm nền tảng).

### **Bảy nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả**

Phân loại 7 **nhóm Thánh-nhân** tương xứng với 8 bậc *Thánh-nhân* như sau:

1- Nhóm *Thánh-nhân* ***Saddhānusārī*** có 1 bậc *Thánh Nhập-lưu* chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.

2- Nhóm *Thánh-nhân* ***Dhammānusārī*** có 1 bậc *Thánh Nhập-lưu* chứng đắc bằng trí-tuệ-siêu-việt.

3- Nhóm *Thánh-nhân* ***Diṭṭhipatta*** gồm có 6 bậc *Thánh-nhân* giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt, đó là *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả*, *Bát-lai Thánh-đạo*, *Bát-lai Thánh-quả*, *A-ra-hán Thánh-đạo*.

4- Nhóm Thánh-nhân **Saddhāvimutta** gồm có 7 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai-Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

5- Nhóm Thánh-nhân **Kāyasakkhi** gồm có 8 bậc Thánh-nhân: trước có các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng đắc đầy đủ 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

6- Nhóm Thánh-nhân **Ubhatobhāgavimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2 pháp: tứ thiên vô-sắc-giới thiện-tâm và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

7- Hạng Thánh-nhân **Paññāvimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ-siêu-việt, (không có bậc thiên nào làm nền tảng).

### **Đối-tượng trước Thánh-đạo-lộ-trình-tâm**

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *saṅkhārupekkhāñāṇa* trình bày nhiều trường hợp hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ ban đầu có đối-tượng thiên-tuệ **khi thì sắc-pháp, khi thì danh-pháp** khác nhau, trí-tuệ-thiên-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, hiện rõ **3 trạng-thái-chung**:



*trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới. Những trí-tuệ-thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāna có những đối-tượng thiền-tuệ tam-giới này không chắc chắn, có thể thay đổi đối-tượng thiền-tuệ theo mỗi lộ-trình-tâm, trước khi Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthiccitta) có trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāna.*

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāna trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthiccitta), có đối-tượng thiền-tuệ tam-giới chắc chắn, không thay đổi, đó là đối-tượng sắc-pháp hoặc đối-tượng danh-pháp tam-giới, có 1 trong 3 trạng-thái-chung là trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, có 1 trong 3 pháp-chủ là tín-pháp-chủ, hoặc định-pháp-chủ, hoặc tuệ-pháp-chủ tùy theo năng lực pháp-chủ đặc biệt của hành-giả.*

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna này làm nền tảng, làm nhân-duyên để trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāna phát sinh tiếp theo.*

## 12- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāna

Hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân đã tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, có đủ 5

*pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ, có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn ngay trong kiếp hiện-tại.*

Hành-giả là người có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, có giới-hạnh trong sạch, có quyết tâm tinh-tấn không ngừng kiên trì thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên các *trí-tuệ-thiên-tuệ* phát sinh theo tuần tự, *từ trí-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* cho đến *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* có nhiều năng lực đặc biệt, nên hành-giả nghĩ rằng:

**“Dāni maggo uppajjissati”**

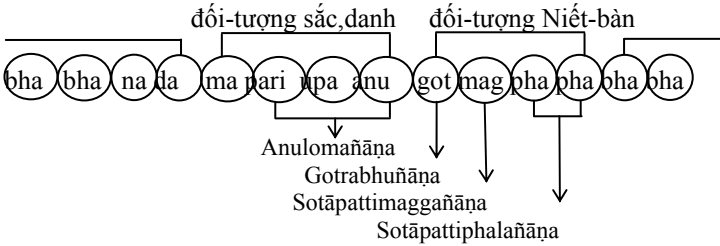
“Bây giờ Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh”

**Thánh-đạo-tâm** (*Maggacitta*) chỉ phát sinh trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Maggavīthicitta*).

Trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm gồm có 4 loại *trí-tuệ-thiên-tuệ* là:

- 1- *Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.*
- 2- *Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa.*
- 3- *Trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa.*
- 4- *Trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa.*

## Đồ biểu Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthicitta)



### Giải thích Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm

- 1- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm trước, viết tắt (*bha*)
- 2- *Bhavaṅgalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động, vt (*na*)
- 3- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt, vt (*da*)
- 4- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn-hướng-tâm, vt (*ma*)
- 5- *Parikamma*: Tâm chuẩn bị Thánh-đạo-tâm, vt (*pari*)
- 6- *Upacāra*: Tâm cận Thánh-đạo-tâm, vt (*upa*)
- 7- *Anuloma*: Tâm thuận dòng trước-sau, vt (*anu*)
- 8- *Gotrabhu*: Tâm chuyển dòng phàm-nhân, vt (*got*)
- 9- *Sotāpattimaggacitta*: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm, vt (*mag*)
- 10- *Sotāpattiphala*: Nhập-lưu Thánh-quả-tâm, vt (*pha*)
- 11- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm sau, viết tắt (*bha*)

Chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Xem xét Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm kể từ *Manodvāravajjanacitta*: ý-môn-hướng-tâm phát sinh 1 sát-na tiếp nhận **đôi-tượng sắc-pháp**

hoặc *đối-tượng danh-pháp tam-giới* có 1 trong 3 *trạng-thái chung* là *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã* làm *đối-tượng sinh rồi diệt*, làm *duyên cho Javanacitta: tác-hành-tâm* phát sinh liên tục gồm có 7 *sát-na-tâm* là:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là **parikamma**: *chuẩn-bị-tâm* cho *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm*, có 1 trong 3 *trạng-thái-chung* làm *đối-tượng* giống như *ý-môn-hướng-tâm*, sinh rồi diệt, làm *duyên cho sát-na-tâm* sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là **upacāra**: *cận-tâm gần Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm*, có 1 trong 3 *trạng-thái-chung* làm *đối-tượng* giống như *ý-môn-hướng-tâm*, sinh rồi diệt, làm *duyên cho sát-na-tâm* sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là **anuloma**: *tâm-thuận-dòng trước và sau* phát sinh 1 *sát-na-tâm* có 1 trong 3 *trạng-thái-chung* làm *đối-tượng* giống như *ý-môn-hướng-tâm*, sinh rồi diệt làm *duyên cho sát-na-tâm* sau là:

4- *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu**: *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāna* làm *phận sự chuyển dòng từ phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu* phát sinh 1 *sát-na-tâm*. Tuy *tâm này* còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có *khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-*

pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới mở đầu sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới trong Thánh-đạo-tâm gọi là Maggañāna: Thánh-đạo-tuệ đó là Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ trong Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm phát sinh chỉ 1 sát-na-tâm mà thôi có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchadapahāna*) 2 loại phiền-não là **diṭṭhi**: tà-kiến và **vicikicchā**: hoài-nghi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

6-7- Sát-na-tâm thứ 6, thứ 7 gọi là **Phala**: Thánh-quả-tâm, trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới trong Thánh-quả-tâm gọi là Phalañāna: Thánh-quả-tuệ đó là Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ trong Nhập-lưu Thánh-quả-tâm phát sinh 2 sát-na-tâm có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới có phận-sự làm vắng lặng phiền-não mà Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

\* Hộ-kiếp-tâm sau bhavaṅgacitta chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Như vậy, trong Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Maggavīthiccitta*) có 7 sát-na-tâm javanacitta đặc biệt có 2 loại tâm, 2 loại đối-tượng, 4 loại trí-tuệ-thiền-tuệ như sau:

### \* 2 Loại tâm

- **Dục-giới thiện-tâm** hợp với trí-tuệ có 4 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ 3 gọi là **anuloma**, sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**.

- **Siêu-tam-giới-tâm** có 3 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Sotāpattimaggacitta** thuộc về siêu-tam-giới thiện-tâm, và sát-na-tâm thứ 6, và thứ 7 gọi là **Sotāpattiphalacitta** thuộc về siêu-tam-giới quả-tâm.

### \* 2 Loại đối-tượng

- **Đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới** (*lokiya-ārammaṇa*) có 3 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ 3 gọi là **anuloma**.

- **Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn** siêu-tam-giới (*lokuttara-ārammaṇa*) có 4 sát-na-tâm là sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**, sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Sotāpattimaggacitta**, sát-na-tâm thứ 6, và thứ 7 gọi là **Sotāpattiphalacitta**.

\* Tuy nhiên sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu** là 1 sát-na-tâm đặc biệt, tuy tâm còn là dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới.

\* **Bốn Loại trí-tuệ-thiền-tuệ**

- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Maggañāṇa.*
- *Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa.*

*Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* có 3 sát-na-tâm đầu:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất gọi là parikamma: tâm chuẩn bị cho Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì gọi là upacāra: cận-tâm gần với Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba gọi là anuloma: tâm thuận-dòng 8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ trước và thuận-dòng 37 pháp bodhipakkhiyadhamma sau* phát sinh 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, đồng thời diệt **buông bỏ** đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới.

3 sát-na-tâm này gọi là *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*, trí-tuệ này có 2 phận sự:

- Thuận dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước kể từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa đã được thuận thực có nhiều năng lực, để có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo.

- Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau chắc chắn dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo.

### **Giảng giải saccānulomañāṇa: sacca+anuloma**

\* **Sacca:** Chân-lý tứ Thánh-đế là 4 sự thật chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ đó là:

1- **Khổ-Thánh-đế** (dukkha-ariyasacca) đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm), 51 tâm-sở (trừ tham tâm-sở) và 28 sắc-pháp, gọi là khổ-Thánh-đế, hoặc tóm lại là ngũ-uẩn chấp-thủ.

2- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** (dukkhasamudaya-ariyasacca) đó là **tham tâm-sở** (lobhacetasika), gọi là nhân sinh khổ-Thánh-đế.

3- **Diệt khổ-Thánh-đế** (dukkhanirodha-ariyasacca) đó là **Niết-bàn** (Nibbāna), gọi là diệt khổ-Thánh-đế.

4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế** (dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca) đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo**: chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng,



*chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định, gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế.*

*\* Anuloma: Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.*

*\* Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước đó là:*

- 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 Udayabbayānupassanāñāṇa.
- 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 Bhaṅgānupassanāñāṇa.
- 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 Bhayatupaṭṭhānañāṇa,
- 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 Ādīnavānupassanāñāṇa.
- 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 Nibbidānupassanāñāṇa.
- 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa.
- 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.
- 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa.

*\* Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma chứng đắc Thánh-đạo phần sau là:*

*\* Satipaṭṭhāna: 4 pháp-niệm-xứ:*

- 1- Thân niệm-xứ. 2- Thọ niệm-xứ.
- 3- Tâm niệm-xứ. 4- Pháp niệm-xứ.

\* **Samappadhāna**: 4 pháp-tinh-tấn:

- 1- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không sinh.
- 2- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.
- 3- Tinh tấn làm cho thiện-pháp sinh.
- 4- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã sinh.

\* **Iddhipāda**: 4 pháp-thành-tựu:

- 1- Thành-tựu do hài lòng.
- 2- Thành-tựu do tinh-tấn.
- 3- Thành-tựu do quyết tâm.
- 4- Thành-tựu do trí-tuệ.

\* **Indriya**: 5 pháp-chủ:

- 1- Tín-pháp-chủ.      2- Tấn-pháp-chủ.
- 3- Niệm-pháp-chủ.    4- Định-pháp-chủ.
- 5- Tuệ-pháp-chủ.

\* **Bala**: 5 pháp-lực:

- 1- Tín-pháp-lực.      2- Tấn-pháp-lực.
- 3- Niệm-pháp-lực.    4- Định-pháp-lực.
- 5- Tuệ-pháp-lực.

\* **Bojjhaṅga**: 7 pháp-giác-chi:

- 1- Niệm-giác-chi.      2- Phân-tích-giác-chi.
- 3- Tinh-tấn-giác-chi.    4- Hỷ-giác-chi.
- 5- Tịch-giác-chi.      6- Định-giác-chi.
- 7- Xả-giác-chi.

\* **Magga**: 8 pháp-chánh-đạo:

- 1- Chánh-kiến.      2- Chánh-tư-duy.
- 3- Chánh-ngữ.      4- Chánh-nghiệp.

- 5- Chánh-mạng. 6- Chánh-tinh-tấn.  
7- Chánh-niệm. 8- Chánh-định.

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Maggavīthicitta*) cũng là trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới cuối cùng trong **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là *paṭipadāññānadassanavisuddhi* pháp-hành tri-kiến-thanh-tịnh gồm có 9 loại trí-tuệ thiền-tuệ là:

- 1- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāññāṇa* đã thoát khỏi 10 bản của trí-tuệ-thiền-tuệ.
  - 2- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāññāṇa*.
  - 3- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānāññāṇa*.
  - 4- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāññāṇa*.
  - 5- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāññāṇa*.
  - 6- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 *muñcītukamyatāññāṇa*.
  - 7- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāññāṇa*.
  - 8- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāññāṇa*.
  - 9- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa*.
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa*

còn có 2 phận sự cuối cùng của sắc-pháp hoặc danh-pháp trong tam-giới như sau:

\* *Phận sự cuối cùng thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, rồi buông bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

\* *Phận sự cuối cùng diệt-tùng-thời (tadaṅgapahāma) được các phiền-não làm ô nhiễm che phủ sự thật chân-lý từ Thánh-đế nhờ 37 pháp bodhipakkhiyadhamma, để cho Thánh-đạo-tâm (Maggacitta) sẽ phát sinh.*

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* sinh rồi diệt, làm nền tảng, làm duyên (*paccaya*) có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanissayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

### 13- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa

Trong cùng Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Sotāpattimaggavīthicitta*) có 7 sát-na-tâm *javana-citta*, theo tuần tự: sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ 3 gọi là **anuloma**, 3 sát-na-tâm

đầu này gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa*: trí-tuệ-thiền-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, sinh rồi diệt, đồng thời **buông bỏ** cả đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, rồi làm duyên cho sát-na-tâm liền tiếp theo sau là:

\* *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu** đó là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* trong dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới mở đầu, làm phận sự chuyển-dòng từ thiện-trí phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu như thế nào?

Ví dụ: Một người nhận thức thấy rõ, biết rõ bờ bên này đầy nguy hiểm, còn bờ bên kia là an toàn, an-lạc tuyệt đối, nên người ấy tìm phương pháp sang bờ bên kia cho được an toàn, an-lạc tuyệt đối.

Người ấy cột sợi dây trên cành cây cao (hoặc cầm cây sào), rồi chạy nhanh lấy trớn, nắm đầu sợi dây nhảy tung người lên cao, lao người qua bờ bên kia, rồi buông sợi dây, đứng vững trên bờ bên kia an toàn, vẫn còn bờ ngõ như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã nhận thức thấy rõ, biết rõ **3 giới**:

*dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới* này như 3 hầm lửa than hồng cháy đỏ vô cùng nóng nãy đang thiêu đốt tất cả mọi chúng-sinh trong 4 loài: *thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh* phải chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ muốn chứng đắc Niết-bàn giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi, được an toàn, an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Hành-giả chạy lấy trốn từ *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*, v.v... nắm sợi dây đó là 1 trong 5 uẩn chấp-thủ hoặc sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng là trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khô, hoặc trạng-thái vô-ngã, đến khi *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* phát sinh trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 sát-na-tâm *javanacitta: tác-hành-tâm* phát sinh theo tuần tự.

\* *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* có 3 sát-na-tâm đầu:

- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là *parikamma* phát sinh lấy trốn tung người lên cao rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là *upacāra* phát sinh lao người qua gần bờ bên kia là *Niết-bàn siêu-tam-giới* rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là **anuloma** phát sinh sắp đến sát bờ bên kia là *Niết-bàn siêu-tam-giới*, nên *buông bỏ sợi dây* đó là **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạng-thái-chung** rồi diệt, đồng thời *trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāna* đã hoàn thành xong phận sự rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo là,

\* *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu** phát sinh đứng bên bờ kia là *Niết-bàn siêu-tam-giới*, an toàn, an-lạc tuyệt đối, gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāna** trong *đục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ tiếp nhận đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới mở đầu*, làm phận sự chuyển dòng từ *bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana)* lên dòng *bậc Thánh Nhập-lưu*.

Như vậy, hành-giả vẫn còn là *bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana)*, dù cho *đục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, nhưng vẫn chưa có khả năng *diệt tận được (samucchedapahāna) phiền-não*.

#### \* **Tính chất Gotrabhuñāna**

**Gotrabhuñāna** trong 4 *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có phận sự:

- Chuyển dòng từ *bậc thiện-trí phàm-nhân* lên dòng *bậc Thánh Nhập-lưu*.

- Chuyển dòng từ *bậc Thánh Nhập-lưu* lên dòng *bậc Thánh Nhất-lai*.

- Chuyển dòng từ *bậc Thánh Nhất-lai* lên dòng *bậc Thánh Bất-lai*.

- Chuyển dòng từ *bậc Thánh Bất-lai* lên dòng *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng*.

### **Anulomañāṇa và Gotrabhuñāṇa**

**Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* là 2 *trí-tuệ-thiền-tuệ* cùng trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Sotāpattimaggavīthiccitta*). Hai *trí-tuệ-thiền-tuệ* này có pháp giống nhau và khác nhau như sau:

\* *Xét về tâm*: **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* với **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* cùng có *dục-giới thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* làm *phận-sự* trong *javanacitta* hoàn toàn giống nhau trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

\* *Xét về đối-tượng*: **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* với **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* có *đối-tượng* hoàn toàn khác nhau trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* có *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới* có 1 trong 3 *trạng-thái*: *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ* hoặc *trạng-thái vô-ngã*.



- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, không có trạng-thái nào cả.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* có khả năng đặc biệt làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý Thánh-đế, nhưng không có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới.

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* có khả năng đặc biệt có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, nhưng không có khả năng làm tan biến màn vô-minh che phủ sự thật chân-lý tứ Thánh-đế.

**Vuṭṭhānagāminīvipassanā:** Trí-tuệ-thiền-tuệ dẫn đến giải thoát khỏi đối-tượng thiền-tuệ tam-giới (*lokiya ārammaṇa*: sắc-pháp, danh-pháp tam-giới) và giải thoát khỏi trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanāñāṇa*), có 2 loại trí-tuệ-thiền-tuệ là:

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của đối-tượng sắc-pháp, hoặc danh-pháp tam-giới (*lokiya ārammaṇa*) tiếp theo sau là trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa* có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới (*lokuttara ārammaṇa*).

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*), tiếp theo sau là trí-

*tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 (lokuttaravipassanāñāṇa) gọi là Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ.*

- **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, mở đầu làm phận sự chuyển dòng từ hạng thiện-trí phạm-nhân (*kalyāṇaputhujjana*), sang dòng bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (*Sotāpattimaggacitta*).

Cho nên, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa là trí-tuệ-thiền-tuệ cuối cùng của trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*) không ghép vào pháp-thanh-tịnh thứ 6 **paṭipadāñāṇadassanavisuddhi** thuộc về *lokiyavisuddhi*: pháp-thanh-tịnh tam-giới, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 này không thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Và **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa cũng không ghép vào pháp-thanh-tịnh thứ 7 **ñāṇadassanavisuddhi** thuộc về *lokuttaravisuddhi* pháp-thanh-tịnh siêu-tam-giới, bởi vì trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 này không có khả năng diệt tận được phiền-não.

Vì vậy, **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa này ở khoảng giữa pháp-thanh-tịnh thứ 6 **paṭipadāñāṇadassanavisuddhi** và pháp-thanh-tịnh thứ 7 **ñāṇadassanavisuddhi**.

\* **Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* này đặc biệt có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn-siêu-tam-giới mở đầu* sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanis-sayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** phát sinh liền tiếp theo sau.

**14- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14**  
**Maggañāṇa,**

**15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15**  
**Phalañāṇa.**

Trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthīcitta)* có 7 sát-na-tâm *javanacitta*:

- *Sát-na-tâm thứ 5* gọi là **Magga**: *Thánh-đạo-tâm* đó là *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm*, *trí-tuệ* trong *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *Sotāpattimaggañāṇa*: *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*.

**14- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* đồng sinh với *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* này có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có *phận sự* diệt tận được

**tham-ái** trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót, và diệt tận được 2 loại **phiền-não** là **ditthi**: tà-kiến trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và **vicikicchā**: hoài-nghi trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (paccaya), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanissaya-paccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāna**: Thánh-quả-tuệ phát sinh liền tiếp theo sau.

- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là **Phala**: **Phalacitta**: Thánh-quả-tâm đó là Nhập-lưu Thánh-quả-tâm, trí-tuệ trong Nhập-lưu Thánh-quả-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Sotāpattiphalañāna**: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ.

**15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ đồng sinh với Nhập-lưu Thánh-quả-tâm có 2 sát-na-tâm là thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)** trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

## 16- Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇāṇa

*Trí-tuệ thứ 16 làm phạm sự quán triệt 5 điều:*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng ngộ Niết-bàn lần đầu tiên trong kiếp tử sinh luân-hồi từ vô-thủy đến kiếp hiện-tại.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận 2 loại phiền-não là tà-kiến trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và hoài-nghi trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là tham, sân, si, ngã-mạn, buồn-ngủ, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

### 1- Bậc Thánh-Nhập-Lưu (Sotāpanna)

*Bậc Thánh Nhập-lưu* là bậc Thánh-nhân thứ nhất trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Nhập-lưu* vĩnh viễn không còn khổ vì 2 loại phiền-não là tà-kiến và hoài-nghi nữa.

Kiếp vị-lai, sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi

ác-giới, mà chỉ có *đại-thiện-nghiệp* trong *đại-thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có *đại-quả-tâm* gọi là *đục-giới tái-sinh-tâm* (*paṭisandhicitta*) làm phận-sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-đục-giới là cõi người hoặc cõi trời *đục-giới*, nhiều nhất chỉ có 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Trong Phật-giáo có 4 *Thánh-đạo-tuệ*, 4 *Thánh-quả-tuệ*, có 4 *bậc Thánh-nhân*:

\* **Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ** có 4 bậc

- 1- *Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.*
- 2- *Sakadāgāṃimaggañāṇa: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.*
- 3- *Anāgāṃimaggañāṇa: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.*
- 4- *Arahattimaggañāṇa: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.*

\* **Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ** có 4 bậc

- 1- *Sotāpattiphalañāṇa: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ.*
- 2- *Sakadāgāṃiphalañāṇa: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ.*
- 3- *Anāgāṃiphalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ.*
- 4- *Arahattaphalañāṇa: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.*

\* **Ariyapuggala: Bậc Thánh-nhân** có 4 bậc

1- *Sotāpanna*: Bậc Thánh Nhập-lưu.

2- *Sakadāgāmi*: Bậc Thánh Nhất-lai.

3- *Anāgāmi*: Bậc Thánh Bất-lai.

4- *Arahanta*: Bậc Thánh A-ra-hán.

## 2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi)

Để trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** (*Sakadāgāmi*), hành-giả nào là **bậc Thánh Nhập-lưu** đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (*indriya*), 5 pháp-lực (*bala*), 7 pháp-giác-chi (*bojjhaṅga*) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Nhập-lưu, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, để chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

\* Hành-giả ấy là **bậc Thánh Nhập-lưu** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa trí-tuệ-thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp hiện-tại, do nhân-duyên sinh, do nhân-duyên diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Và tiếp theo **trí-tuệ-thiên-tuệ** phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa,*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

Tiếp theo Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Sakadāgāmimagga-vīthi-citta*) có 7 sát-na tác-hành-tâm (*javanacitta*) phát sinh theo tuần tự.

Trong Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm có 7 sát-na-tâm *javanacitta*:

\* Ba sát-na-tâm đầu gọi là ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*** làm ba phận sự:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma***: chuẩn bị tâm cho Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra***: tâm-cận với Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là ***anuloma***: tâm-thuận-dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước



và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để dẫn đến chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**:<sup>(1)</sup> Tâm-chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh Nhất-lai gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñña** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là Nhất-lai Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong Nhất-lai Thánh-đạo-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Sakadāgāmimaggañña**: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.

14- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Nhất-lai Thánh-đạo-tâm này có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có phận sự diệt tận được **tham-ái** loại thô trong cõi dục-giới trong 4

---

<sup>1</sup> Bộ sách khác, đối với 3 bậc Thánh cao gọi là “Vodāna”.

tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được **1 loại phiền-nã** là **dosa**: sân loại thô trong 2 sân-tâm không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanis-sayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāna**: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ phát sinh liền tiếp theo.

- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là **Phala**: *Phalacitta* đó là Nhất-lai Thánh-quả-tâm, trí-tuệ trong Nhất-lai Thánh-quả-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Sakadāgāmiphalañāna**: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ.

**15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** Nhất-lai Thánh-quả-tuệ đồng sinh với Nhất-lai Thánh-quả-tâm có 2 sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-nã mà Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** (*Sakadāgāmī*) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

**16- Trí-tuệ thứ 16 Paccavekkhaṇāñāna**: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 5 điều:

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ nhì trong kiếp tử sinh luân-hồi từ vô-thuỷ đến kiếp hiện-tại.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-quả-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được **tham-ái** trong ngũ-dục loại thô trong cõi dục-giới, và diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân** loại thô trong 2 sân-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là tham, sân, si, ngã-mạn, buồn-ngủ, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

### **Bạc Thánh-Nhất-lai (Sakadāgāmi)**

*Bạc Thánh Nhất-lai* là bậc Thánh-nhân thứ nhì trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, *bạc Thánh Nhất-lai* vĩnh viễn không còn khổ vì loại phiền-não sân loại thô.

Sau khi *bạc Thánh Nhất-lai* chết, chắc chắn đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có đại-quả-tâm gọi là dục-giới tái-sinh-tâm (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh chỉ có 1

kiếp nữa trong cõi thiện-dục-giới mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

### 3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)

Đề trở thành *bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)*, hành-giả nào là *bậc Thánh Nhất-lai* đã từng tích-lũy đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (*indriya*), 5 pháp-lực (*bala*), 7 pháp-giác-chi (*bojjhaṅga*) có nhiều năng lực hơn *bậc Thánh Nhất-lai*, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, để chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh Bất-lai*.

\* Hành-giả ấy là *bậc Thánh Nhất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ *trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4* *udayabbayānupassanāñāṇa* trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại, do nhân-duyên sinh, do nhân-duyên diệt, nên hiện rõ 3 *trạng-thái-chung*: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Và tiếp theo trí-tuệ-thiên-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

-Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa*.

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa,*
- *Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

Tiếp theo *Bát-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Anāgāmicattāra*) có 7 sát-na tác-hành-tâm (*javanacitta*) phát sinh theo tuần tự.

Trong *Bát-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 sát-na-tâm *javanacitta*:

\* Ba sát-na-tâm đầu gọi là ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāṇa* làm ba phận sự:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma***: *chuẩn-bị-tâm* cho *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra***: *tâm-cận* với *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là ***anuloma***: *tâm-thuận-dòng* theo 8 *trí-tuệ-thiền-tuệ* phần trước và *thuận dòng* theo 37 pháp *bodhipakkhiya-*

*dhamma* phần sau, để dẫn đến chứng đắc *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

4- *Sát-na-tâm* thứ 4 gọi là **gotrabhu**:<sup>(1)</sup> tâm-chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bát-lai gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

- *Sát-na-tâm* thứ 5 gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là *Bát-lai Thánh-đạo-tâm*, trí-tuệ trong *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Anāgāmicāggañāṇa**: *Bát-lai Thánh-đạo-tuệ*.

14- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *Bát-lai Thánh-đạo-tuệ* đồng sinh với *Bát-lai Thánh-đạo-tâm* này có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có phận sự diệt tận được **tham-ái** loại vi-tế trong cõi dục-giới trong 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến và diệt tận được **1 loại phiền-não** là **dosa**: sân loại vi-tế trong 2

<sup>1</sup> Bộ sách khác, đối với 3 bậc Thánh cao gọi là “Vodāna”

*sân-tâm* không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya: liên-tục-duyên*, *samanantarapaccaya: liên-tục-hệ-duyên*, *āsevanapaccaya: tác-hành-duyên*, *upanissayapaccaya: tiềm-năng-duyên*, *natthipaccaya: vô-hiện-duyên*, *vigatapaccaya: ly-duyên*, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ** phát sinh liên tiếp theo.

- *Sát-na-tâm* thứ 6 và thứ 7 gọi là **Phala: Phalacitta** đó là *Bất-lai Thánh-quả-tâm*, *trí-tuệ* trong *Bất-lai Thánh-quả-tâm* gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Anāgāmi-phalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ**.

**15- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Bất-lai Thánh-quả-tuệ* đồng sinh với *Bất-lai Thánh-quả-tâm* có 2 *sát-na-tâm* thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-não mà *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận đờc rồi diệt, đồng thời chấm dứt *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*, trở thành **bậc Thánh Bất-lai (Sakadāgāmi)** trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

**16- Trí-tuệ-thứ 16 Paccavekkhaṇañāṇa: Trí-tuệ** làm phận sự quán triệt 5 điều:

- *Trí-tuệ* quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng ngộ **Niết-bàn** lần thứ ba trong kiếp tử sinh luân-hồi từ vô-thuỷ đến kiếp hiện-tại.

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Bất-lai Thánh-quả-tâm.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được tham-ái trong ngũ-dục trong cõi dục-giới và diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân** loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót.*

- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-ngủ, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

### **Bậc Thánh-Bất-lai (Anāgāmi)**

*Bậc Thánh Bất-lai* là bậc Thánh-nhân thứ ba trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, *bậc Thánh Bất-lai* vĩnh viễn không còn khổ vì loại phiền-não sân nữa, và tham-ái trong ngũ-dục trong cõi dục-giới nữa.

Kiếp vị-lai, sau khi *bậc Thánh Bất-lai* chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc *thiền sắc-giới thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **bậc thiền sắc-giới quả-tâm** gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận-sự tái-sinh kiếp kế-



tiếp hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với **bậc thiên sắc-giới quả-tâm**. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

#### 4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)

Để trở thành **bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)**, hành-giả nào là bậc Thánh Bất-lai đã từng tích-luỹ đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (indriya), 5 pháp-lực (bala), 7 pháp-giác-chi (bojjhaṅga) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Bất-lai, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

\* Hành-giả ấy là bậc Thánh Bất-lai tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa trí-tuệ-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp hiện-tại, do nhân-duyên sinh, do nhân-duyên diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Và tiếp theo *trí-tuệ-thiền-tuệ* phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāññāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 6 bhayatupatthānaññāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāññāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāññāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 9 muñcītukamyatāññāṇa.*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāññāṇa,*
- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāññāṇa.*

Tiếp theo *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahattamaggavīthiccitta)* có 7 *sát-na tác-hành-tâm (javanacitta)* phát sinh theo tuần tự.

Trong *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có 7 *sát-na-tâm javanacitta*:

\* Ba *sát-na-tâm* đầu gọi là ***trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 saccānulomaññāṇa*** làm ba phận sự:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma***: *chuẩn-bị-tâm* cho *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra***: *tâm-cận* với *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 *sát-na-tâm* làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là **anuloma**: tâm-thuận-dòng theo 8 trí-tuệ-thiền-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để dẫn đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 trạng-thái-chung: trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

4- *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu**:<sup>(1)</sup> Tâm-chuyển-dòng từ bậc Thánh Bất-lai lên dòng bậc Thánh A-ra-hán gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

5- *Sát-na-tâm thứ 5* gọi là **Magga**: Thánh-đạo-tâm đó là A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, trí-tuệ trong A-ra-hán Thánh-đạo-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 Arahattamaggañāṇa**: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

14- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với A-ra-hán Thánh-đạo-tâm này có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có phận sự diệt tận được

<sup>1</sup> Bộ sách khác, đối với 3 bậc Thánh cao gọi là “Vodāna”

**tham-ái** trong tam-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được 7 loại **phiền-nã** còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-ngủ, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót, sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: liên-tục-duyên, *samanantara-paccaya*: liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: tác-hành-duyên, *upanissayapaccaya*: tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: ly-duyên, để **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Phalañāṇa*: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ phát sinh liền tiếp theo.

- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là **Phala**: *Phalacitta* đó là A-ra-hán Thánh-quả-tâm, trí-tuệ trong A-ra-hán Thánh-quả-tâm gọi là **trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *Arahattaphalañāṇa*: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.

15- **Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** A-ra-hán Thánh-quả-tuệ đồng sinh với A-ra-hán Thánh-quả-tâm có 2 sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, có phận sự làm an tịnh phiền-nã mà A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được rồi diệt, đồng thời chấm dứt A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** (*Arahanta*) trong Phật-giáo, tiếp theo trí-tuệ thứ 16 cuối cùng.

16- **Tri-tuệ thứ 16** *Paccavekkhaṇañāṇa*: tri-tuệ làm phận sự quán triệt 5 điều:

- *Tri-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: Đã chứng ngộ Niết-bàn lần thứ tư cuối cùng, kiếp hiện-tại này là kiếp chót sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- *Tri-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: Đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.

- *Tri-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: Đã chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả-tâm.

- *Tri-tuệ quán triệt biết rõ rằng*: Đã diệt tận được **tham-ái** trong tam-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và diệt tận được 7 **loại phiền-não** còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-ngủ, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi không còn dư sót.

### **Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)**

*Bậc Thánh A-ra-hán* là bậc Thánh-nhân thứ tư cao-thượng trong Phật-giáo, đó là kết quả pháp-hành thiên-tuệ mà hành-giả đã thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo.

Kiếp hiện-tại, *bậc Thánh A-ra-hán* tuyệt đối không còn **khô tâm** vì phiền-não nữa, chỉ còn có **khô thân** mà thôi, cho đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

**4 Thánh-đạo-tuệ** này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 7 gọi là *Nāṇadassanavisuddhi*: tri-kiến-thanh-tịnh.

### **Bốn Thánh-đạo-tuệ (Maggāṇa)**

**Thánh-đạo-tuệ (Maggāṇa)** có 4 bậc, mà mỗi bậc **Thánh-đạo-tuệ** có khả năng đặc biệt diệt tận được (*samucchedappahāna*) tham-ái, phiền-não, ác-pháp theo năng lực của mỗi **Thánh-đạo-tuệ** như sau:

#### **\* Ba Loại tham-ái (taṇhā)**

**Tham-ái (taṇhā)** đó là tham tâm-sở (*lobha-cetasika*) đồng sinh với 8 tham-tâm (*lobhacitta*) là nhân sinh khổ-Thánh-đế dẫn dắt tái-sinh kiếp sau trong ba giới bốn loài.

**Tham-ái** có 3 loại:

1- **Kāmatāṇhā**: Dục-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

2- **Bhavataṇhā**: Hữu-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng hợp với thường-kiến, và **tham-ái** trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

3- **Vibhavataṇhā**: Phi-hữu-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng hợp với đoạn-kiến.

\* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 loại tham-ái là:

- *Vibhavataṇhā*: Tham-ái hợp với đoạn-kiến.
- *Bhavataṇhā*: Tham-ái hợp với thường-kiến.

Đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót.

\* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại tham-ái là:

- *Kāmatāṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới. Đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới không còn dư sót.

\* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại tham-ái là:

- *Kāmatāṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới. Đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới không còn dư sót.

\* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 loại tham-ái còn lại là:

- *Kāmatāṇhā*: Tham-ái trong đối-tượng loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới. Đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

- *Bhavataṇhā*: Tham-ái trong 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, tất cả mọi tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế, không còn dư sót, cho nên bậc Thánh A-ra-hán không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

\* **Bốn Pháp-trâm-luân (āsava)**

*Pháp-trâm-luân (āsava)* là pháp làm cho tất cả mọi chúng-sinh bị chìm đắm trong ba giới bốn loài, không thể vươn lên trở thành bậc Thánh-nhân được.

**Pháp-trâm-luân** có 4 pháp:

1- *Kāmāsava*: Cõi-dục trâm-luân là chìm đắm trong 6 đối-tượng cõi dục-giới. Đó là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm.

2- *Bhavāsava*: Kiếp-trâm-luân là chìm đắm trong kiếp chư-thiên trong cõi trời dục-giới, kiếp phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên. Đó là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.

3- *Diṭṭhāsava*: Tà-kiến trâm-luân là chìm đắm trong mọi tà-kiến. Đó là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.



4- **Avijjāsava**: vô-minh trầm-luân là chìm đắm trong vô-minh không biết chân-lý từ Thánh-đế. Đó là si tâm-sở đồng sinh với 12 bất thiện-tâm.

\* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 pháp-trầm-luân là:

- **Diṭṭhāsava**: Tà-kiến trầm-luân là chìm đắm trong mọi tà-kiến. Đó là tà-kiến tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến.

\* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 pháp-trầm-luân là:

- **Kāmāsava**: Cõi-dục trầm-luân là chìm đắm trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới. Đó là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.

\* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 pháp-trầm-luân là:

- **Kāmāsava**: Cõi-dục trầm-luân là chìm đắm trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới. Đó là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.

\* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 pháp-trầm-luân là:

- **Bhavāsava**: Kiếp-trầm-luân là chìm đắm trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên. Đó là tham tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến.

- *Avijjāsava*: Vô-minh trầm-luân là chìm đắm trong vô-minh không biết chân-lý tứ Thánh-đế. Đó là si tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm không còn dư sót.

### \* 10 Loại phiền-não (Kilesa)

**Phiền-não** (*kilesa*) là pháp làm tâm ô nhiễm, nóng nảy khổ tâm, **phiền-não** có 10 pháp: tham, sân, si, tà-kiến, ngã-mạn, hoài-nghi, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội lỗi, không biết ghê-sợ tội lỗi.

10 pháp phiền-não này là 10 bất-thiện tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

\* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 loại phiền-não là: tà-kiến (*diṭṭhi*) và hoài-nghi (*vicikicchā*) không còn dư sót.

\* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại phiền-não là: sân (*dosa*) loại thô không còn dư sót.

\* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 loại phiền-não là: Sân (*dosa*) loại vi-tế không còn dư sót.

\* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là: tham (*lobha*), si (*moha*), ngã-mạn (*māna*), buồn-chán (*thīna*), phóng-tâm (*uddhacca*), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (*ahirika*), không biết ghê-sợ tội-lỗi (*anottappa*) không còn dư sót.

**\* 12 Bất-thiện-tâm (Akusalacitta)**

**Bất-thiện-tâm** gọi là ác-tâm, có 12 tâm là 8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm. Sở dĩ gọi là bất-thiện-tâm hoặc ác-tâm là vì 14 bất-thiện tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm này.

\* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 5 bất-thiện-tâm là:

- 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn sót.
- 1 si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.

\* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện-tâm là:

- 2 sân-tâm loại thô không còn dư sót.

\* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện-tâm là:

- 2 sân-tâm loại vi-tế không còn dư sót.

\* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận 5 bất-thiện-tâm còn lại là:

- 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

- Si-tâm hợp với phóng-tâm không còn dư sót.

**\* 14 Bất-thiện tâm-sở (akusalacetasika)**

14 Bất-thiện tâm-sở như sau:

- Nhóm tham tâm-sở có 3 tâm-sở là tham tâm-sở, tà-kiến tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở.

- Nhóm sân tâm-sở có 4 tâm-sở là sân tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở, hối-hận tâm-sở.

- Nhóm si tâm-sở có 4 tâm-sở là si tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở.

- Nhóm buồn-chán tâm-sở có 2 tâm-sở là buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở.

- 1 tâm-sở là hoài-nghi tâm-sở.

Bất-thiện tâm-sở gồm có 14 tâm-sở chỉ đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (ác-tâm) mà thôi.

\* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 4 bất-thiện tâm-sở là tà-kiến tâm-sở, hoài-nghi tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở không còn dư sót.

\* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện tâm-sở là sân tâm-sở và hối-hận tâm-sở loại thô không còn dư sót.

\* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện tâm-sở là sân tâm-sở và hối-hận tâm-sở vi-tế không còn dư sót.

\* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 8 bất-thiện tâm-sở còn lại là tham tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở, si tâm-sở, buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở không còn dư sót.

Trên đây trình bày một phần *bất-thiện-pháp* mà mỗi *Thánh-đạo-tuệ* (*Maggañāna*) có khả năng *diệt tận* được.

Thật ra, nếu *bất-thiện-pháp* nào mà mỗi *Thánh-đạo-tuệ* đã có khả năng *diệt tận* được rồi, thì *bất-thiện-pháp* ấy trong các *bất-thiện-pháp* khác cũng đều bị *diệt tận* không còn dư sót.

**\* Bậc Thánh-Nhân (Ariyapuggala) <sup>(1)</sup>**

Trong Phật-giáo có **4 bậc Thánh-nhân**:

- 1- *Bậc Thánh Nhập-lưu* (*Sotāpanna*).
- 2- *Bậc Thánh Nhất-lai* (*Sakadāgāmi*).
- 3- *Bậc Thánh Bất-lai* (*Anāgāmi*).
- 4- *Bậc Thánh A-ra-hán* (*Arahanta*).

**1- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)**

*Bậc Thánh Nhập-lưu* là *bậc Thánh-nhân* thứ nhất đã *diệt tận* (*samucchedappahāna*) được 2 loại *phiền-não* là *tà-kiến* trong 4 *tham-tâm* hợp với *tà-kiến* và *hoài-nghi* trong 5 *si-tâm* hợp với *hoài-nghi*, gồm có 5 *bất-thiện-tâm* không còn dư sót nữa. Cho nên, *bậc Thánh Nhập-lưu* vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới: *địa-ngục*, *a-su-ra*, *ngạ-quỷ*, *súc-sinh* nữa, chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi *thiện-dục-giới*: cõi người và 6 cõi trời *dục-giới* mà thôi.

<sup>1</sup> Bộ Visuddhimagga, Pāli Āhuneyyabhāvādisiddhikathā.

\* *Bậc Thánh Nhập-lưu* đã nhập vào dòng Thánh-nhân chỉ có tiền triển lên đến *bậc Thánh-A-ra-hán* mà thôi, chắc chắn không còn thoái hoá trở lại hạng phàm-nhân nữa.

**Bậc Thánh-Nhập-lưu** có 3 hạng:

- *Sattakkhattuparamasotāpanna.*
- *Kolaṃkolasotāpanna.*
- *Ekabījīsotāpanna.*<sup>(1)</sup>

*1- Sattakkhattuparamasotāpanna: Bậc Thánh Nhập-lưu* có 5 pháp-chủ (indriya) bậc hạ sau khi chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), mà chỉ có *dục-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người và cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, *Bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

*2- Kolaṃkolasotāpanna: Bậc Thánh Nhập-lưu* có 5 pháp-chủ bậc trung sau khi chết, chỉ có *dục-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau *sinh làm người trong cõi người*, hoặc *hoá-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới từ 2 kiếp, 3 kiếp cho đến 6 kiếp*, chắc chắn sẽ trở

---

<sup>1</sup> Chú-giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, Kinh Ekabījīsuttavaṇṇanā.

thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- *Ekabījīsotāpanna*: Bậc Thánh Nhập-lưu có 5 pháp-chủ (*indriya*) bậc thượng sau khi chết, chỉ có dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai làm người hoặc hoá-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Sở dĩ bậc Thánh Nhập-lưu có 3 hạng khác nhau là vì mỗi vị có năng lực của 5 pháp-chủ (*indriya*) khác nhau.

### **Bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt**

Tuy nhiên, trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama có 7 bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt ngoại lệ tái-sinh kiếp sau nhiều hơn 7 kiếp:

- \* Ông phú hộ *Anāthapiṇḍika*.
- \* Bà *Visākhā mahā upāsikā*.
- \* Đức vua trời *Sakka*.
- \* Chư-thiên *Cūlaratha*.
- \* Chư-thiên *Mahāratha*.
- \* Chư-thiên *Anekavaṇṇa*.
- \* Chư-thiên *Nāgadatta*.<sup>(1)</sup>

---

<sup>1</sup> Chú-giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, Kinh Ekabījīsuttavaṇṇanā.

Bảy *bậc Thánh-Nhập-lưu* này phát nguyện thích hưởng sự an-lạc các cõi trời dục-giới và các tầng trời sắc-giới phạm-thiên cho đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Akaniṭṭha*: *Sắc-cứu-cánh-thiên*, mới trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Bảy bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt này gọi là *Vatṭābhiratā Sotāpannā*: *Bậc Thánh Nhập-lưu thích hưởng sự an-lạc trong các cõi trời*.

## 2- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi)

*Bậc Thánh Nhất-lai* là *bậc Thánh-nhân thứ nhì* đã diệt tận được (*samucchedappahāna*) *phiền-não tham* loại thô trong 4 *tham-tâm* không hợp với tà-kiến và *phiền-não sân* loại thô trong 2 *sân-tâm* (chưa diệt được *phiền-não* loại vi-tế).

Sau khi *bậc Thánh Nhất-lai* chết, chỉ có *dục-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm *người* trong cõi người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.



### 3- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)

**Bậc Thánh-Bất-lai** là bậc Thánh-nhân thứ ba đã diệt tận được (samucchedappahāna) phiền-não **tham vi-tế** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới và phiền-não **sân** loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót.

Sau khi bậc Thánh Bất-lai chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **bậc thiên sắc-giới quả-tâm** gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm của bậc Thánh Bất-lai.

**Bậc Thánh Bất-lai** có 5 hạng:

1- **Antarāparinibbāyī**: Bậc Thánh Bất-lai sống chưa đến một nửa tuổi thọ của tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- **Upahaccaparinibbāyī**: Bậc Thánh Bất-lai sống một nửa tuổi thọ của tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-**

**hán** rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- *Asaṅkhāraparinibbāyī*: **Bậc Thánh Bất-lai** không cần phải tinh-tấn nhiều cũng sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- *Saṅkhāraparinibbāyī*: **Bậc Thánh Bất-lai** cần phải tinh-tấn nhiều mới trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

5- *Uddhamso Akaṇiṭṭhagāmī*: **Bậc Thánh Bất-lai** khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp, rồi sẽ hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc cao, theo tuần tự như vậy cho đến tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Akaṇiṭṭha*, mới trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

#### 4- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)

**Bậc Thánh A-ra-hán** là **bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng nhất trong Phật-giáo**. **Bậc Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được (*samucchedappahāna*)

tất cả mọi phiền-não còn lại, mọi bất-thiện-tâm còn lại, mọi tham-ái còn lại không dư sót nữa.

**Bậc Thánh A-ra-hán** đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn ngay kiếp hiện-tại, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

**Bậc Thánh A-ra-hán** có nhiều hạng:

\* **Bậc Thánh A-ra-hán Saddhāvimutta:** Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng đức-tin siêu-việt.

\* **Bậc Thánh A-ra-hán Paññāvimutta:** Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-việt.

\* **Bậc Thánh A-ra-hán Ubhatobhāgavimutta:** Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng 2 pháp: thiền-định và thiền-tuệ.

\* **Bậc Thánh A-ra-hán Tevijjā:** Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc Tam-minh:

- **Tiền-kiếp-minh** (*pubbenivāsānussatiñāṇa*) trí-tuệ nhớ rõ những tiền-kiếp của mình.

- **Thiên-nhãn-minh** (*dibbacakkhuñāṇa*) trí-tuệ thấy rõ, biết rõ không có gì che phủ như mắt của chư-thiên, chư phạm-thiên.

- **Trần-luân-tận-minh** (*āsavakkhayañāṇa*) 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 loại phiền-não trần-luân (*āsava*):

- *Kāmāsava*: Ngũ-dục trần-luân là tham đắm trong ngũ-dục cõi dục-giới.

- *Diṭṭhāsava*: Tà-kiến trâm-luân là tà-kiến thấy sai, chấp lầm trong sắc-pháp, danh-pháp.

- *Bhavāsava*: Kiếp-trâm-luân là tham đắm trong kiếp chư-thiên, kiếp phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới, vô-sắc-giới.

- *Avijjāsava*: Vô-minh trâm-luân là vô-minh không chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

\* *Bậc Thánh A-ra-hán Chaḷabhiññā*: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục thông:

- *Iddhividhañña*: Đa-dạng-thân-thông.

- *Dibbacakkhuñña*: Thiên-nhãn-thông.

- *Dibbasotañña*: Thiên-nhĩ-thông.

- *Cetopariyañña*: Tha-tâm-thông.

- *Pubbenivāsānussatiñña*: Tiên-kiếp-thông.

- *Āsavakkhayañña*: Trâm-luân-tận-thông.

\* *Bậc Thánh A-ra-hán Paṭisambhidappabhedappatta*: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tứ-tuệ phân-tích:

- *Atthapaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ pháp-quả, ...

- *Dhammapaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ pháp-nhân.

- *Niruttipaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ danh từ ngôn-ngữ Pāli của attha, dhamma.

- *Paṭibhānapaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ thấu suốt 3 pháp: attha, dhamma, nirutti.

Đó là những tính chất đặc biệt của mỗi bậc Thánh A-ra-hán do năng lực của các pháp-hành ba-la-mật ý nguyện khác nhau của mỗi bậc Thánh A-ra-hán thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Tóm lại, trong Phật-giáo có 2 pháp-hành:

- *Pháp-hành thiền-định (Samātha bhāvanā)*.

- *Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā)*.

Tuy nhiên, ***pháp-hành thiền-định*** có trong Phật-giáo và cũng có ngoài Phật-giáo trước khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Còn ***pháp-hành thiền-tuệ*** chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, *pháp-hành thiền-tuệ* có từ khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

\* ***Pháp-hành thiền-định*** là pháp-hành mà hành-giả thuộc về hạng người *tam-nhân* thực hành có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, thậm chí chứng đắc 5 phép-thần-thông tam-giới (*lokiya-abhiññā*) cũng không có khả năng diệt tận được ***tham-ái***, nên vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Hễ chúng-sinh còn có ***tham-ái***, thì vẫn còn tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên khó tránh khỏi tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới

(địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

\* **Pháp-hành thiên-tuệ** là pháp-hành mà hành-giả thuộc về hạng *người tam-nhân* đã từng tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ, có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc như sau:

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được **tham-ái** trong 4 tham-tâm đồng sinh với tà-kiến, diệt tận được 2 loại phiền-não là **ditṭhi**: *tà-kiến, vicikicchā*: *hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

Sau khi **bậc Thánh Nhập-lưu** chết, vĩnh viễn không còn tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới, chỉ có *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, **bậc Thánh Nhập-lưu** chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được **tham-ái loại thô** cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, diệt tận được 1 loại phiền-não

là **dosa**: sân loại thô trong 2 sân-tâm không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

Sau khi **bậc Thánh Nhất-lai** chết, **đại-thiện-nghiệp** cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, **bậc Thánh Nhất-lai** chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Chúng đắc **Bát-lai Thánh-đạo**, **Bát-lai Thánh-quả** và **Niết-bàn**, diệt tận được **tham-ái** loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, diệt tận được 1 loại phiền-não là **dosa**: sân loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bát-lai**.

Sau khi **bậc Thánh Bát-lai** chết, không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hoá-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, vị phạm-thiên Thánh-Bát-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

- Chúng đắc **A-ra-hán Thánh-đạo**, **A-ra-hán Thánh-quả** và **Niết-bàn**, diệt tận được **tham-ái** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **lobha**: tham,

*moha: si, māna: ngã-mạn, thīna: buồn-chán, ahirika: không biết hổ-thẹn tội-lỗi, anottappa: không biết ghê-sợ tội-lỗi, uddhacca: phóng-tâm không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.*

Trong kiếp hiện-tại, *bậc Thánh A-ra-hán* đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, *pháp-hành thiên-tuệ* chỉ có trong Phật-giáo, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, là pháp-hành dẫn đến giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới thật sự.

Tuy nhiên, *giáo-pháp của Đức-Phật Gotama* được lưu truyền tồn tại trong cõi người, có tuổi thọ khoảng 5.000 năm. Phật-giáo càng ngày càng mai một dần dần theo thời gian. Đến nay năm 2018, Phật-lịch đã trải qua 2562 năm, thì tuổi thọ của Phật-giáo còn lại khoảng 2438 năm nữa.



## PHẬT-GIÁO

Phật-giáo có 3 loại

- *Pháp-học Phật-giáo (Pariyattisāsana).*
- *Pháp-hành Phật-giáo (Paṭipattisāsana).*
- *Pháp-thành Phật-giáo (Paṭivedhasāsana).*

\* **Pháp-học Phật-giáo (Pariyatti sāsana)** đó là học hiểu biết thuộc lòng Tam-tạng Pāli (tipiṭaka-Pāli và các bộ Chú-giải Pāli (Aṭṭhakathāpāli).

\* **Pháp-hành Phật-giáo (Paṭipattisāsana)** đó là thực-hành *pháp-hành-giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.*

\* **Pháp-thành Phật-giáo (Pativedhasāsana)** đó là 4 *Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* và *Niết-bàn* gọi là *navalokuttaradhamma.*

Trong Chú-giải kinh *Gotamīsuttavaṇṇanā*<sup>(1)</sup> có đoạn giải thích về **pháp-thành Phật-giáo (pativedhasāsana)** bị mai một, bị suy đồi tuần tự theo thời gian tuổi thọ của Phật-giáo 5.000 năm như sau:

- *Một ngàn năm thứ nhất: hành-giả thực-hành pháp hành thiền-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh A-ra-hán cùng với tư-tuệ-phân-tích, lục thông, tam-minh.*

---

<sup>1</sup> *Âng. Aṭṭhakanipātaṭṭhakathā, Gotamīsuttavaṇṇanā.*

- Một ngàn năm thứ nhì: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh A-ra-hán chỉ diệt tận được mọi phiền-não (sukka-vipassaka) mà thôi.

- Một ngàn năm thứ 3: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Bất-lai.

- Một ngàn năm thứ 4: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Nhất-lai.

- Một ngàn năm thứ 5: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Nhập-lưu, và cuối cùng không còn bậc Thánh-nhân nào trong cõi người này nữa.

Đó là lúc **pháp-thành Phật-giáo** bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn trong cõi người này.

Mỗi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, đều có khả năng tế độ cứu vớt chúng-sinh giải thoát khỏi biển khổ luân hồi với một số lượng khoảng 24 a-tăng-kỳ 600 triệu 100 ngàn chúng-sinh<sup>(1)</sup>.

Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn lúc 80 tuổi, tế độ chúng-sinh chưa đủ số lượng giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn

---

<sup>1</sup> Catuvāsati asaṅkhyeyya, chaṭṭhiyoceva koṭiyo. Pāṇāni satasahassāni, eko buddho pamocayi.

loài, nên *giáo-pháp của Đức-Phật Gotama* còn lưu truyền trên thế gian có tuổi thọ 5.000 năm, để tế độ những chúng-sinh hậu sinh có đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật có cơ hội lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có cơ hội thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama.

Căn cứ theo Chú-giải bài *kinh Gotamīsutta-vannanā* phân chia tuổi thọ giáo-pháp 5.000 năm trải qua 5 thời-kỳ, đến nay thuộc về thời-kỳ:

*\* Một ngàn năm thứ 3: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Bất-lai.*

Những người thuộc về hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, chắc chắn mỗi người không ai biết được mình có đủ các pháp-hạnh ba-la-mật hay không?

Vậy, mỗi người không nên dễ dãi, nên cố gắng tinh-tân lắng nghe, học hỏi hiểu biết *pháp-hành thiên-tuệ*, rồi cố gắng tinh-tân thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*.

Hành-giả nào cố gắng tinh-tân thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, nếu có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc*

*Thánh-đạo, Thánh-quả nào, trở thành bậc Thánh-nhân, thì hành-giả ấy thật là điểm phúc biết đường nào!*

Nếu hành-giả nào cố gắng tinh-tấn thực-hành pháp-hành thiên-tuệ mà *chưa chứng ngộ chân-lý tí Thánh-đế, chưa chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào*, thì hành-giả ấy thật là may mắn biết đường nào! Bởi vì hành-giả ấy có cơ hội tốt bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, cho chóng được đầy đủ, để hỗ-trợ cho pháp-hành thiên-tuệ trong thời vị lai.

Phận-sự bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ là công việc riêng của mỗi người, nên người này không thể giúp-đỡ cho người kia được. Vì vậy, người nào có ý nguyện muốn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, thì người ấy phải cố gắng tinh-tấn ngày đêm tạo đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài trong thời vị lai.

## Từ ngữ Pāli trong bài kinh Chuyển-Pháp-Luân

### \* Bài kệ khai kinh Chuyển-Pháp-Luân

*Bhikkhūnam*: chư tỳ-khuru

*pañcavaggīnam*: nhóm 5 vị tỳ-khuru là Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Trưởng-lão Vappa, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahānāma, Ngài Trưởng-lão Assaji.

*Isipatana nāmake*: tên gọi Isipatana là nơi mà Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, chư Đức-Phật Độc-Giác đã từng từ trên hư không đáp xuống tụ hội tại đây.

*Migadāye*: khu rừng phóng sinh nai

*dhammavaram*: chánh-pháp cao thượng

*nibbānapāpakam*: dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn

*Sahampati nāmakena*: tên gọi *Sahampati*

*Mahābrahmena*: Đại-phạm-thiên

*yācito*: cầu xin

*Catusaccam*: tứ Thánh-đế

*Pakāsento*: trình bày, giảng giải

*Lokanātho*: Đức-Phật là nơi nương nhờ của tất cả mọi chúng-sinh

*adesayi*: thuyết-pháp

*Nanditam*: vô cùng hoan hỷ

*sabbavedehi*: tất cả chư-thiên

*sabbasampatti sādhakam*: thành tựu mọi tam-giới thiện-pháp và siêu-tam-giới thiện-pháp

*Sabbalokahitathāya*: để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho toàn thể giới chúng-sinh  
*Dhammacakkaṃ*: kinh Chuyển-pháp-luân  
*bhaṇāma*: chúng tôi tụng  
*he*: Này chư vị thiện-trí!

### **Kinh Chuyển-Pháp-Luân**

*I- Bhante Kassapa*: kính bạch Ngài đại-trưởng-lão Mahākassapa  
*Idaṃ suttaṃ*: bài kinh Chuyển-pháp-luân này  
*Evam*: đúng như vậy  
*me*: con là Ānanda  
*suttaṃ*: được lắng nghe trực tiếp từ Đức-Thế-Tôn bài kinh Chuyển-pháp-luân này  
*ekaṃ samayaṃ*: một thuở nọ  
*Bhagavā*: Đức-Thế-Tôn  
*Bārāṇasīyaṃ*: gần kinh-thành Bārāṇasī  
*viharati*: ngự ở  
*Isipatane*: tên gọi Isipatana  
*migadāye*: trong khu rừng phóng sinh nai  
*Tatra kho*: khi ấy Đức-Thế-Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai tên gọi Isipatana  
*Bhagavā*: Đức-Thế-Tôn  
*pañcavaggiye bhikkhū*: nhóm 5 vị tỳ-khưu là Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Trưởng-lão Vappa, Ngài Trưởng-lão Bhaddiya, Ngài Trưởng-lão Mahānāma, Ngài Trưởng-lão Assaji  
*āmantesi*: truyền gọi

## Hai pháp thấp hèn

2- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

*Dve ime antā*: 2 pháp thấp hèn thuộc về biên kiến này

*pabbajitena*: bậc xuất gia

*na sevittabbā* : không nên thực-hành theo

*Katame dve?* Hai pháp thấp hèn thuộc về biên kiến ấy như thế nào?

\* *Yo cāyaṃ antā*: pháp-hành thấp hèn thuộc về biên kiến nào

*kāmesu*: trong ngũ-dục

*kāmasukhallikānuyogo*: thường thụ hưởng dục lạc trong ngũ-dục với tâm tham-ái hợp với **thường-kiến**,

*hīno*: pháp thấp hèn

*gammo*: pháp của người tại gia

*pothujjaniko*: thường hành của hạng phàm-nhân

*anariyo*: không phải pháp-hành của bậc Thánh-nhân

*anatthasamhito*: không đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa

\* *Yo cāyaṃ antā*: pháp-hành thấp hèn thuộc về biên kiến nào

*attakilamathānuyogo*: thường tự ép xác hành khổ thân với tâm sân có **đoạn-kiến**

*Dukkho*: đau khổ

*anariyo*: pháp-hành khổ-hạnh của tu-sĩ ngoài đạo, không phải là pháp-hành của bậc Thánh-nhân  
*anattasam̐hito*: không đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa

### **Pháp-hành trung-đạo (majjhimaṭṭipadā)**

3- *bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

*Ete kho ubho ante*: 2 pháp-hành thấp hèn thuộc 2 biên kiến ấy

*anupagamma*: không thiên về 2 biên kiến

*majjhimā ṭṭipadā*: thực-hành pháp-hành trung-đạo ở giữa *kāmasukhallikānuyogo* và *attakilamathānuyogo*

*Tathāgatena*: Như-lai

*abhisambuddhā*: chúng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế

*cakkhukaraṇī*: làm cho tuệ-nhãn thấy rõ chân-lý tứ Thánh-đế

*ñāṇakaraṇī*: làm cho trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ chân-lý tứ Thánh-đế

*upasamāya*: để làm vắng lặng phiền-não nghĩa là chúng ngộ Niết-bàn

*abhiññāya*: để làm cho trí-tuệ-thiền-tuệ đặc biệt chúng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế

*sambodhāya*: để làm cho trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới chúng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế

*nibbānāya*: để chúng ngộ Niết-bàn giải thoát khổ

*saṃvattati*: phát sinh

*Bhikkhave*: Này chư tỳ-khuru!



*Katamā ca:* như thế nào?

*sā majjhimā paṭipadā:* pháp-hành trung-đạo ấy

*Tathāgatena:* Như-lai

*abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī  
upasamāya abhiññāya nibbānāya saṃvattati.*

*Ayameva maggo ariyo:* Thánh-đạo này

*aṭṭhaṅgiko:* có 8 chánh

*Seyyathidaṃ:* 8 chánh đó là

*Sammādiṭṭhi:* chánh-kiến

*sammāsaṅkappo:* chánh-tư-duy

*sammāvācā:* chánh-ngữ

*sammākammanto:* chánh-nghiệp

*sammā-ājīvo:* chánh-mạng

*sammāvāyamo:* chánh-tinh-tấn

*sammāsati:* chánh-niệm

*sammāsamādhi:* chánh-định

*Bhikkhave:* Này chư tỳ-khuru!

*Ayaṃ kho sā majjhimā paṭipadā:* bát-chánh-đạo này đó là pháp-hành trung-đạo

*Tathāgatena:* Như-lai

*abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇakaraṇī  
upasamāya abhiññāya nibbānāya saṃvattati.*

### 1- Khổ-Thánh-đế (dukkha ariyasacca)

4- *Bhikkhave:* - Này chư tỳ-khuru!

*Idaṃ kho pana dukkhaṃ ariyasaccam:* khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ đó là

*Jātipi dukkhā*: tái-sinh kiếp sau là khổ

*jarāpi dukkhā*: già là khổ

*byādhipi dukkho*: bệnh là khổ

*maraṇampi dukkham*: chết là khổ

*appiyehi sampayogo dukkho*: phải gần gũi thân cận với người không thương yêu là khổ

*piyehi vippayogo dukkho*: phải xa lìa với người thương yêu là khổ

*yampiccham na labhati, tampi dukkham*: mong muốn đừng có sinh, đừng có già, đừng có bệnh, đừng có chết mà không thể nào được như ý, điều ấy là khổ

*samkhittena*: tóm lại

*pañcupādānakkhandhā dukkhā*: ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ

## 2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế (*dukkhasamudaya ariyasacca*)

5- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

*Idam kho pana dukkhasamudayam ariyasaccam*: nhân sinh khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ

*Yāyam taṇhā*: tham-ái nào

*Ponobbhavikā*: dặt dấn tái-sinh kiếp sau

*nandirāgasahagatā*: hợp với hoan-hỷ, tham dục

*tatratatra*: trong mỗi kiếp, trong mỗi đối-tượng

*abhinandinī*: vô cùng hài lòng hoan-hỷ

*Seyyathidaṃ*- tham-ái đó là

*Kāmatanḥā*: tham-ái trong 6 đối-tượng dục

*bhavatanḥā*: tham-ái trong 6 đối-tượng dục hợp với thường-kiến hoặc tham-ái trong các bậc thiền sắc-giới, vô-sắc-giới và trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới

*vibhavatanḥā*: tham-ái trong 6 đối-tượng dục hợp với đoạn-kiến

### **3- Diệt khổ-Thánh-đế (dukkhanirodha ariyasacca)**

6- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

*Idaṃ kho pana dukkhanirodhaṃ ariyasaccam*: diệt khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ

*tassāyeva tanhāya*: tham-ái có 3 loại ấy mà thôi

*yo asesavirāgaṇirodho*: Niết-bàn nào diệt tận được 3 loại tham-ái không còn dư sót

*yo cāgo*: Niết-bàn nào xả ly ...

*yo paṭinissaggo*: Niết-bàn nào từ bỏ ...

*yā mutti*: Niết-bàn nào giải thoát khổ ...

*yo anālayo*: Niết-bàn nào không còn luyến ái

### **4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế (dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca)**

7- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

*Idaṃ kho pana dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccam*: pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế là chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ

*Ayameva maggo ariyo*: Thánh-đạo này  
*aṭṭhaṅgiko*: hợp đủ 8 chánh  
*Seyyathidaṃ*: 8 chánh đó là  
*Sammādiṭṭhi*: chánh-kiến  
*sammāsaṅkappo*: chánh-tư-duy  
*sammāvācā*: chánh-ngữ  
*sammākammanto*: chánh-nghiệp  
*sammā-ājīvo*: chánh-mạng  
*sammāvāyamo*: chánh-tinh-tấn  
*sammāsati*: chánh-niệm  
*sammāsamādhi*: chánh-định

### **Tứ Thánh-đế luân chuyển theo tam-tuệ-luân**

#### **1- Khổ-Thánh-đế luân chuyển theo tam-tuệ-luân**

- *Saccañāṇa*: trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế
- *Kiccañāṇa*: trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế
- *Katañāṇa*: trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự tứ Thánh-đế

#### **1.1- Saccañāṇa trong khổ-Thánh-đế**

8- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan*”ti: rằng: “khổ-Thánh-đế này” đó là ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñāṇaṃ udapādi*: trí-tuệ biết rõ khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ biết rõ chi tiết khổ-Thánh-đế đó là tái-sinh kiếp sau là khổ, già là khổ, v.v... ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, biết rõ thấu suốt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ diệt được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

## 1.2- Kiccañāṇa trong khổ-Thánh-đế

9- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

“*Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyaṃ*” ti rằng: “*khổ-Thánh-đế này là pháp nên biết rõ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới*”

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñāṇam udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết khổ-Thánh-đế đó là tái-sinh kiếp sau là khổ, già là khổ, v.v... ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, thấy rõ, biết rõ thấu suốt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới diệt được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

### 1.3- Katanāṇa trong khổ-Thánh-đế

10- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Taṃ kho panidaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātan*”ti rằng: “*Khổ-Thánh-đế này là pháp nên biết rõ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thì đã biết rõ xong bằng Thánh-đạo-tuệ.*”

*me*: Như-lại

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñāṇam udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết khổ-Thánh-đế đó là tái-sinh kiếp sau là khổ, già là khổ, v.v... ngũ-uẩn chấp-thủ là khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh đã diệt tận được vô-minh, thấy rõ, biết rõ thấu suốt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đã diệt tận được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

## 2- Nhân sinh khổ-Thánh-đế luân chuyển theo tam-tuệ-luân

### 2.1- Saccañāṇa trong nhân sinh khổ-Thánh-đế

11- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccan*”ti rằng: “nhân sinh khổ-Thánh-đế này” đó là **tham-ái** là nhân sinh khổ-Thánh-đế.

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các nhân sinh khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñāṇaṃ udapādi*: trí-tuệ biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ biết rõ chi tiết các nhân sinh khổ-Thánh-đế có 108 loại tham-ái đó là 3 loại tanhā là *kāmatanhā*, *bhavatanhā*, *vibhavatanhā* nhân với 6 loại đối-tượng là sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái thành 18 loại tham-ái, rồi nhân với 2 bên là bên trong của mình và bên ngoài mình của người khác thành 36 loại, rồi nhân với 3 thời là thời quá-khứ, thời hiện-tại, thời vị-lai gồm có 108 loại tham-ái là nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh biết rõ thấu suốt nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ diệt được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

## 2.2- Kiccañāṇa trong nhân sinh khổ-Thánh-đế

12- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Taṃ kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabban*”ti rằng: “nhân sinh khổ-Thánh-đế này là pháp nên diệt bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.”

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các nhân sinh khổ-Thánh-đế



*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñānam udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết nhân sinh khổ-Thánh-đế có 108 loại tham-ái đó là 3 loại tạnhā là kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā nhân với 6 loại đối-tượng là sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái thành 18 loại tham-ái, ... gồm có 108 loại tham-ái là nhân-sinh khổ-Thánh-đế đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, thấy rõ, biết rõ thấu suốt nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới diệt được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

### 2.3- Katañña trong nhân sinh khổ-Thánh-đế

13- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Tam kho panidaṃ dukkhasamudayaṃ ariya-saccaṃ pahīnan*”ti rằng: “nhân sinh khổ-Thánh-đế này là pháp nên diệt bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thì đã diệt tận xong bằng Thánh-đạo-tuệ.”

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các nhân sinh khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*nānam udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết các nhân sinh khổ-Thánh-đế có 108 loại tham-ái đó là 3 loại tạnhā là kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā nhân với 6 loại đối-tượng là sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái thành 18 loại tham-ái ... gồm có 108 loại tham-ái là nhân-sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, thấy rõ, biết rõ thấu suốt nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đã diệt tận được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín nhân sinh khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

### 3- Diệt khổ-Thánh-đế luân chuyển theo tam-tuệ-luân

#### 3.1- Saccañāṇa trong diệt khổ-Thánh-đế

14- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccan*”<sup>ti</sup> rằng: “diệt khổ-Thánh-đế này” đó là Niết-bàn<sup>(1)</sup> là diệt khổ-Thánh-đế

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp diệt khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng biết rõ diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñāṇaṃ udapādi*: trí-tuệ biết rõ diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ biết rõ chi tiết các pháp diệt khổ-Thánh-đế có 2 loại đó là *sa upādisesanibbāna*, *anupādisesanibbāna*, có 3 loại đó là *animittanibbāna*, *appaṇihitanibbāna*, *suññatanibbāna* là diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh

---

<sup>1</sup> *Nirodho nibbānaṃ*: Niết-bàn nghĩa là diệt có 5 loại:

1- *Vikkhambhananibbāna*: Diệt tham-ái bằng cách chế ngự do năng lực thiền-định.

2- *Tadaṅganibbāna*: Diệt tham-ái từng thời do năng lực trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.

3- *Samucchedanibbāna*: Diệt tận được tham-ái do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.

4- *Paṭipassadhinibbāna*: An tịnh tham-ái đã bị diệt do năng lực của Thánh-quả-tuệ.

5- *Nissaraṇanibbāna*: Thoát khỏi tham-ái đã bị diệt do đối-tượng Niết-bàn.

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, biết rõ thấu suốt diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ diệt được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

### 3.2- Kiccañāṇa trong diệt khổ-Thánh-đế

15- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariya-saccaṃ sacchikātabban*”ti rằng: “*diệt khổ-thánh-đế này là pháp nên chứng ngộ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.*”

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp diệt khổ-Thánh-đế

*cakkhū udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñānaṃ udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết các pháp diệt khổ-Thánh-đế có 2 loại đó là *sa upādisesanibbāna*, *anupādisesanibbāna*, có 3 loại đó là *animittanibbāna*, *appaṇihitanibbāna*, *suññatanibbāna* là diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, thấy rõ, biết rõ thấu suốt diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới diệt được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

### 3.3- Katañña trong diệt khổ-Thánh-đế

16- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikatan*”ti rằng: “diệt khổ-Thánh-đế này là pháp nên chứng ngộ bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thì đã chứng ngộ xong bằng Thánh-đạo-tuệ.”

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp diệt khổ-Thánh-đế

*cakkhuṃ udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*nānaṃ udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết các pháp diệt khổ-Thánh-đế có 2 loại đó là *sa upādisesanibbāna*, *anupādisesanibbāna*, có 3 loại đó là *animittanibbāna*, *appañihitanibbāna*, *suññatanibbāna* là diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, thấy rõ, biết rõ thấu suốt diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh  
*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đã diệt tận được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

#### **4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế luân chuyển theo tam-tuệ-luân**

##### **4.1- Saccañāṇa trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế**

*17- Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

*Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariya-saccan*”ti rằng: “*pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế này*” đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo* là *pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế*

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*ñāṇaṃ udapādi*: trí-tuệ biết rõ các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ biết rõ chi tiết các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định* là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, biết rõ thấu suốt các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ diệt được màn vô-minh tấm tối bao trùm phủ kín các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

#### **4.2- Kiccañāṇa trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế**

18- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

“*Taṃ kho panidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭi-padā ariyasaccaṃ bhāvetabban*”ti rằng: “*pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế này là pháp-nên tiến hành bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới.*”

*me*: Như-lai

*pubbe*: trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu*: chưa từng nghe

*dhammesu*: trong các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi*: tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*nānam udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi*: trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là *chánh-kiến*, *chánh-tư-duy*, *chánh-ngữ*, *chánh-nghiệp*, *chánh-mạng*, *chánh-tinh-tán*, *chánh-niệm*, *chánh-định* là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh

*vijjā udapādi*: trí-minh diệt vô-minh, thấy rõ biết rõ thấu suốt các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi*: ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới diệt được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

### 4.3- Katañña trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế

19- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

“*Taṃ kho paṇidaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitā*”ti rằng: “*Pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế này là pháp*



*nên tiến hành bằng trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới thì đã tiến hành xong bằng Thánh-đạo-tuệ.”*

*me:* Như-lai

*pubbe:* trong thời-kỳ trước khi chưa trở thành Đức-Phật

*ananussutesu:* chưa từng nghe

*dhammesu:* trong các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế

*cakkhum udapādi:* tuệ-nhãn có khả năng thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*nāṇam udapādi:* trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*paññā udapādi:* trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thấy rõ, biết rõ chi tiết các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đó là pháp-hành bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tu-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* là pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế đã phát sinh

*vijjā udapādi:* trí-minh diệt vô-minh, thấy rõ, biết rõ thấu suốt các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

*āloko udapādi:* ánh sáng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đã diệt tận được màn vô-minh tăm tối bao trùm phủ kín các pháp-hành dẫn đến diệt khổ-Thánh-đế ấy đã phát sinh

### Chưa hoàn thành tam-tuệ-luân, chưa khăng định

20- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

*Yāvakīvañca*: cho đến khi nào

*me*: Như-lai

*imesu catūsu ariyasaccesu*: tứ Thánh-đế này

*evaṃ*: như vậy

*tiparivaṭṭaṃ*: tam-tuệ-luân

*dvādasākāraṃ*: 3x4 thành 12 loại trí-tuệ

*yathābhūtaṃ*: đúng như thật-tánh

*ñānadassanaṃ*: trí-tuệ-thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ

***na suvisuddhaṃ***: chưa hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh

*ahosi*: phát sinh

*Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khưu!

*Tāva*: trí-tuệ-thiền-tuệ chưa hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh cho đến khi nào

*ahaṃ*: Như-lai

*Sadevake*: cùng với 5 cõi trời dục-giới

*loke*: trong cõi-giới

*samārake*: cõi trời dục-giới vasavatti (thứ 6)

*sabrahmake*: các tầng trời sắc-giới phạm-thiên

*sassamaṇabrahmaṇiyā*: cùng với sa-môn bà-la-môn

*pajāya*: cõi-giới chúng sinh

*sadevamanussāya*: Đúc-vua và toàn thể dân chúng

**“*anuttaraṃ***: vô thượng

**sammāsambodhiṃ**: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác  
**abhisambuddho** 'ti: rằng: đã chứng đắc thành  
*neva paccaññāsīṃ*: chưa khăng định.

**Hoàn thành tam-tuệ-luân rồi, mới khăng định**

21- *Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

*Yato ca kho*: khi nào

*me*: Như-lai

*imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ*

*dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ*

***suvisuddhaṃ***: hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh

*ahosi*: đã phát sinh

*Bhikkhave*: - Này chư tỳ-khuru!

*Atha*: khi ấy

*ahaṃ*: Như-lai

*sadevake loke samārake sabrahmake*

*sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya*

**“*anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho* 'ti *paccaññāsīṃ*.”**

**Trí-tuệ quán triệt**

22- *Me*: đối với Như-lai

***Ñāṇaṇca pana dassanaṃ***: trí-tuệ quán triệt

*udapādi*: đã phát sinh rõ ràng

*akuppā*: không bao giờ hư hại cả

*me*: của Như-lai

*vimutti*: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ

*ayamantimā jāti*: sinh kiếp chót

*natthi*: không còn

*dāni*: kiếp hiện-tại này

*punabbhavo*: tái-sinh kiếp sau (không còn nữa)

*iti nāṇadassanam*: trí-tuệ quán triệt như vậy

### **Nhóm 5 tỳ-khuru vô cùng hoan hỷ**

23-*Idamavoca Bhagavā*: Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Dhammacakkappavattanasutta này

*Attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinanduntī*: Nhóm 5 tỳ-khuru vô cùng hoan hỷ lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn, đồng thanh thốt lời hoan-hỷ Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!

### **Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña trở thành bậc Thánh Nhập-lưu**

24- *Imasmim ca pana veyyākaraṇasmim*: bài kinh văn xuôi này

*bhaññamāne*: khi đang thuyết giảng

*āyasmato Koṇḍaññassa*: đối với Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍaññassa

*virajam*: đại-thiện-tâm trong sạch khỏi bụi dơ phiền-não

*vītamalam*: diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến và hoài-nghi không còn dư sót

*dhammacakkhum*: pháp-nhãn đó là Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế

*udapādi*: phát sinh rõ ràng

“*yaṃ kiñci*: tất cả pháp-hữu-vi nào trong tam-giới

*samudayadhammaṃ*: có trạng-thái sinh lên rồi

*sabbaṃ taṃ*: tất cả pháp-hữu-vi ấy

*nirodhadhammaṃ*: đều có trạng-thái diệt

### Chư-thiên phạm-thiên đồng tán dương ca tụng

25- *Pavattite ca pana*: thuyết giảng

*Bhagavatā*: Đức-Thế-Tôn

*Dhammacakke*: kinh Chuyển-pháp-luân

*bhum mā devā*: chư-thiên trên mặt đất

*saddam*: lời tán dương ca tụng

*anussāvesuṃ*: đồng thời thốt lên lời tán dương ca tụng

*etaṃ dhammacakkaṃ*: kinh Chuyển-pháp-luân ấy

*Bhagavatā*: Đức-Thế-Tôn

*Bārāṇasiyaṃ*: gần kinh-thành Bārāṇasī

*Isipatane migadāye*: trong khu rừng phóng sinh nai gọi *Isipatana*

*anuttaraṃ dhammacakkaṃ*: kinh Chuyển-pháp-luân vô thượng

*pavattitaṃ*: được thuyết giảng

*appaṭivattiyaṃ*: không thể thuyết giảng được

*kenaci samaṇena vā*: hoặc không có sa-môn nào

*kenaci brahmaṇena vā*: hoặc không có bà-la-môn nào

*kenaci devena vā*: hoặc không có vị chư-thiên nào

*kenaci mārena vā*: hoặc không có mara nào

*kenaci brahmunā vā*: không có vị phạm-thiên nào

*kenaci vā*: không có vị nào

*lokasmim*: trong toàn cõi-giới chúng sinh

*iti anussāvesum*: cùng đồng thanh tán dương  
ca tụng như vậy

\* *Bhummānaṃ devānaṃ*: của toàn thể chư-thiên trên địa cầu

*saddaṃ*: lời tán dương ca tụng

*sutvā*: sau khi lắng nghe

*cātumahārājikā devā*: toàn thể chư-thiên cõi trời tứ Đại-Thiên-vương

*saddaṃ*: lời tán dương ca tụng

*anussāvesum*: cũng đồng thanh tán dương ca tụng theo rằng:

“*etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin*”ti.

\* *Cātumahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā tāvatimsā devā saddamanussāvesum*: toàn thể chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên lắng nghe lời tán dương ca tụng của toàn thể chư-thiên cõi trời tứ-Đại-Thiên-vương, cũng đồng thanh tán dương ca tụng theo rằng:

“*etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ*”

*appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Tāvatiṃsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā yāmā devā saddamanussāvesuṃ*: toàn thể chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên lắng nghe lời tán dương ca tụng của toàn thể chư-thiên cõi trời Tam-thập-tam-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng theo rằng:

*“etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā tusitā devā saddamanussāvesuṃ*: toàn thể chư-thiên cõi trời Đâu-suất-đà-thiên lắng nghe lời tán dương ca tụng của toàn thể chư-thiên cõi trời Dạ-ma-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng theo rằng:

*“etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Tusitānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā nimmānaratī devā saddamanussāvesuṃ*: toàn

thể chư-thiên cõi trời Hoá-lạc-thiên lắng nghe lời tán dương ca tụng của toàn thể chư-thiên cõi trời Đâu-suất-đà-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng theo rằng:

*“etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Nimmanaratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā paranimmitavasavattī devā saddamanussāvesum:* toàn thể chư-thiên cõi trời Tha-hoá-tự-tại-thiên lắng nghe lời tán dương ca tụng của toàn thể chư-thiên cõi trời Hoá-lạc-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng theo rằng:

*“etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

\* *Paranimmitavasavattīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā brahmakāyikā devā saddamanussāvesum:* toàn thể phạm-thiên trên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên lắng nghe lời tán dương ca tụng của toàn thể chư-thiên cõi trời Tha-hoá-tự-tại-thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng theo rằng:



*“etaṃ Bhagavatā Bārāṇasīyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇema vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmunā vā kenaci vā lokasmin”ti.*

*Itiha:* lời tán dương ca tụng vang dội toàn cõi-giới chúng-sinh

*tena khaṇena:* ngay thời khắc ấy

*tena layena:* ngay lúc ấy

*tena muhuttena:* ngay tích-tắc ấy

*yāva brahmalokā:* đến tận tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh Sắc-cửu-cánh-thiên.

*saddo:* lời tán dương ca tụng

*abbhuggacchi:* vang dội lên

### **10 ngàn toàn cõi-giới chuyển động**

26- *Ayañca dasasahassilokadhātu:* 10 ngàn toàn cõi-giới chúng-sinh

*saṃkampi:* chuyển động lên xuống,

*sampakampi:* chuyển động nhấc lên nhấc xuống

*sampavedhi:* chuyển động bên này bên kia

### **Hào quang lan tỏa**

27- *Appamāṇo ca:* không có giới hạn, vô biên

*ulāro:* lan tỏa rộng khắp mọi nơi

*obhāso:* ánh sáng hào quang

*loke:* trong toàn cõi-giới chúng-sinh

*pāturahosi:* phát sinh rõ ràng

*atikkamma*: gấp bội  
*devānaṃ*: của toàn chư-thiên, chư phạm-thiên  
*devānubhāvanti*: oai lực của chư-thiên, chư phạm-thiên cả thấy

### **Đức-Thế-Tôn thốt lời khen**

28- *Atha kho Bhagavā*: Khi ấy, Đức-Thế-Tôn  
*imaṃ udānaṃ*: lời khen

*udānesi*: tự thốt lên

*“Aññāsi vata bho Koṇḍañño! - Này chư vị!  
 Quả thật Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ  
 Thánh-đế rồi!*

*Aññāsi vata bho Koṇḍañño!” - Này chư vị!  
 Quả thật Koṇḍañña đã chứng ngộ chân-lý tứ  
 Thánh-đế rồi!*

*Iti hi*: lời tán dương ca tụng như vậy

*āyasmato Koṇḍaññassa*: của Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña

*“Aññāsikoṇḍañño” tveva nāmaṃ ahoṣi*:  
*Aññāsikoṇḍañña* là tên mới của Ngài Koṇḍañña

### **Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña xin xuất gia**

29- *Atha kho*: Sau khi trở thành bậc Thánh Nhập-lưu ấy

*āyasmā Aññāsikoṇḍañño*: Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña

*ditṭhadhammo*: có chánh-kiến thấy rõ, biết rõ chân-lý tứ Thánh-đế

*pattadhammo*: chứng đạt được chân-lý tứ Thánh-đế

*viditadhammo*: biết rõ được chân-lý tứ Thánh-đế

*pariyogāḷhadhammo*: đã thấu suốt chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới

*tiṇṇavicikiccho*: đã vượt qua khỏi mọi hoài-nghi

*vigatakathamkatho*: không còn nghi ngờ thế này thế kia nữa

*vesārajjappatto*: đạt đến tâm dừng cảm vững chắc

*aparappaccayo*: do nhân-duyên tự mình chứng ngộ, nên không còn tin nơi người khác nữa

*satthusāsane*: có đức-tin vững chắc trong lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn

*Bhagavantam*: với Đức-Thế-Tôn

*etaṃ vacanam*: lời xin phép xuất gia

*avoca*: kính bạch

*Bhante*: Kính bạch Đức-Thế-Tôn,

*aḥam*: con là Aññāsikoṇḍañña

*Labheyya*: xin được phép

*Bhagavato*: nơi Đức-Thế-Tôn

*santike*: đến hầu gần với Đức-Thế-Tôn

*pabbajjam*: trở thành sa-di

*labheyyam*: xin được phép

*upasampadam*: trở thành tỳ-khưu

### **Trở thành tỳ-khuru theo cách gọi Ehi Bhikkhu**

30- *Bhagavā avoca: Đức-Thế-Tôn truyền dạy:*

*“Ehi bhikkhu” - Này tỳ-khuru! Ehi: Con hãy đến với Như-lai*

*“svākkhāto dhammo, cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyyā”*: Chánh-pháp mà Như-lai đã thuyết dạy hay ở phần đầu, phần giữa, phần cuối, con hãy nên thực-hành phạm-hạnh cao thượng đó là chứng đắc 3 Thánh-đạo, Thánh-quả bậc cao cuối cùng, để giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới

Sau khi Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy

*tassa āyasmato*: của Ngài Đại-Trưởng-lão Aññāsikoṇḍañña

*Sāva upasampadā ahoṣi*: trở thành tỳ-khuru theo cách gọi *Ehi Bhikkhu* như vậy

*(Xong phần từ ngữ trong bài Kinh Chuyển-Pháp-Luân)*

## Đoạn Kết

**Dhammacakkappavattanasutta:** Kinh Chuyển-pháp-luân là một bài kinh vô cùng trọng yếu trong toàn giáo-pháp của Đức-Phật, bởi vì trong bài kinh này, Đức-Phật thuyết giảng về **pháp-hành trung-đạo** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** dẫn đến chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế**, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, có 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

Trong bài kinh này, Đức-Phật thuyết giảng về **tứ Thánh-đế** và mỗi Thánh-đế có **tam-tuệ-luân** luân chuyển theo tuần tự từ **trí-tuệ-học** (sacca-ñāṇa), luân chuyển đến **trí-tuệ-hành** (kicca-ñāṇa), luân chuyển đến quả **trí-tuệ-thành** (kata-ñāṇa) (3x4) thành 12 loại trí-tuệ như là **dhammacakka**: Bánh xe pháp-luân.

- **Trí-tuệ-học** (saccañāṇa) đó là trí-tuệ học tứ Thánh-đế thuộc về phần **pháp-học Phật-giáo**.

- **Trí-tuệ-hành** (kiccañāṇa) đó là trí-tuệ-thiền-tuệ hành phận sự của tứ Thánh-đế thuộc về phần **pháp-hành Phật-giáo**.

- **Trí-tuệ-thành** (katañāṇa) đó là trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới đã hoàn thành xong phận sự của tứ Thánh-đế đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, thuộc về phần **pháp-thành Phật-giáo**.

Như vậy, bài kinh *Chuyển-pháp-luân* (*Dhammacakkappavattanasutta*) này là một bài kinh thuyết giảng về **tứ Thánh-đế** cốt yếu nhất trong Phật-giáo, cũng là bài kinh vô cùng đặc biệt gồm có đủ ba loại Phật-giáo trọng yếu làm nền tảng căn bản đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Thật vậy, hành-giả thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** đó là **thân** niệm-xứ có 14 đối-tượng, hoặc **thọ** niệm-xứ có 1 đối-tượng phân chia làm 9 loại thọ, hoặc **tâm** niệm-xứ có 1 đối-tượng phân chia làm 16 loại tâm, hoặc **pháp** niệm-xứ có 5 đối-tượng, gồm có 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ.

Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ với đối-tượng nào trong 21 đối-tượng ấy, hoặc hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** với đối-tượng thiên-tuệ **sắc-pháp** nào hoặc **danh-pháp** nào cũng đều dẫn đến phát sinh trí-tuệ-thiên-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ-thiên-tuệ, từ **trí-tuệ-thiên-tuệ tam-giới** cho đến **trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới** đều dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ thánh-đế** cả thầy, mới chứng đắc như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **tham-ái** trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến, diệt tận được

2 loại phiền-não là **tà-kiến** (*ditṭhi*) và **hoài-nghi** (*vicikicchā*), trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

- Chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **tham-ái** loại thô cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân loại thô** (*dosa*), trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

- Chứng đắc Bát-lai Thánh-đạo, Bát-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **tham-ái** loại vi-tế cõi dục-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân loại vi-tế** (*dosa*) không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bát-lai**.

- Chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được **tham-ái** tam-giới trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, và diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **tham** (*lobha*), **si** (*moha*), **ngã-mạn** (*māna*), **buồn-chán** (*thīna*), **phóng-tâm** (*uddhacca*) **không biết hổ-thẹn tội-lỗi** (*ahirika*), **không biết ghê-sợ tội-lỗi** (*anottappa*) không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán cao thượng**.

Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của **10 pháp-hạnh ba-la-mật** và **5 pháp-chủ** (*indriya*): **tín-pháp-chủ**, **tán-pháp-chủ**, **niệm-pháp-chủ**, **định-pháp-chủ**, **tuệ-pháp-chủ** của mỗi hành-giả.

*Bài kinh Dhammacakkappavattanasutta có tầm quan trọng thiết yếu trong toàn giáo-pháp của Đức-Phật, nên các hàng thanh-văn đệ-tử cần phải học hỏi hiểu biết rõ bài kinh này.*

*Người nào học thuộc lòng bài kinh Dhammacakkappavattanasutta bằng tiếng Pāli và hiểu biết rõ ý nghĩa từng chữ từng câu trong bài kinh này, hằng ngày tụng bài kinh này, người ấy chắc chắn sẽ được quả báu cao quý.*

*Phật-Lịch 2562/2019  
Rừng Núi Viên Không,  
Xã Tóc-Tiên, huyện Tân-Thành,  
Tỉnh Bà-Rịa - Vũng-Tàu*

*Tỳ-Khuru Hộ-Pháp  
(Dhammarakkhita Bhikkhu)  
(Aggamahāpaṇḍita)*



## Patthanā

*Iminā puññakammena,  
sukhī bhavāma sabbadā.  
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,  
loke sattā sumaṅgalā.  
Vietnamratṭhikā hi sabbe,  
janā pappontu sāsane.  
Vuddhiṃ viruḥhivepullaṃ,  
patthayāmi nirantaraṃ.*

## Lời nguyện cầu

*Do nhờ phước-thiện thanh cao này,  
Cho chúng con thường được an-lạc.  
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,  
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.  
Dân tộc Việt Nam được phát triển,  
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo.  
Bản sư cầu nguyện với tâm thành,  
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

*Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ  
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnamratṭhasmiṃ.*

*Nguyện cầu chánh-pháp được trường tồn trên  
thế gian.*

*Nguyện cầu chánh-pháp được trường tồn trên  
Tổ-quốc Việt Nam thân yêu.*

## SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- Kinh *Dhammacakkappavattanasutta*.
- *Suttantapitakapāli* và *Aṭṭhakathāpāli*.
- *Abhidhammapitakapāli* và *Aṭṭhakathāpāli*.
- Bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* của Ngài Đại-Trưởng-lão *Anuruddha*.
- Bộ *Visuddhimagga* và bộ *Visuddhimagga-mahāṭīkā*.
- Toàn bộ sách giáo khoa “*Paramatthajotika*” của Ngài Đại-Trưởng-lão *Saddhammajotika*, v.v...

## Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khuru Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v. ... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ.

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “[trungtamhotong.org](http://trungtamhotong.org)”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “[trungtamhotong.org](http://trungtamhotong.org)”, vào mục “thư viện”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “**Mở trong iBooks**”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “Mục lục”, chỉ

cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “Mục lục”.  
Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-  
giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-  
giả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v. ... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

# KINH CHUYỂN-PHÁP-LUÂN

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

\*\*\*\*\*

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04-3782 2845 – FAX: 04-3782 2841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

**Giám đốc - Tổng biên tập**

**TS. BÙI THANH HÀ**

**Biên tập**

**NGUYỄN THỊ THANH THỦY**

**Sửa bản in**

**TỶ-KHUU HỘ-PHÁP**

**Trình bày & Vi tính**

**DHAMMANANDĀ Upāsikā**

---

*Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 12 x 18 cm,*

*In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.*

*Số ĐKXB: 468 - 2019/CXBIPH/02 - 15/TG*

*Mã ISBN: 978-604-61-6145-5*

*QĐXB: 65/QĐ-NXBTG Ngày 22 tháng 02 năm 2019*

*In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2019.*

## CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

### *Đã xuất bản:*

- TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ (Tái bản lần thứ nhất)
- 8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC
- Hạnh Phúc An Lành: THIỀN ÁC
- GƯƠNG BẠC XUẤT GIA
- TÌM HIỂU PHƯỚC-BỒ-THÍ (Tái bản lần thứ nhất)
- Hạnh Phúc An Lành: HIẾU NGHĨA
- Hạnh Phúc An Lành: NHẪN NẠI
- Hạnh Phúc An Lành: GIÁO PHÁP
- Hạnh Phúc An Lành: TÂM TỬ
- PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT (Tái bản lần thứ nhất)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: ĐỐI-TUỘNG TỬ OAI-NGHỊ
- CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ
- Ý NGHĨA ĐÊM RẪM THÁNG TƯ
- BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH
- LỄ DÂNG Y KATHINA
- ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ
- NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY Y TAM-BẢO
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: 10 PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẠC THƯỢNG
- Nền-Tảng-Phật-Giáo: TRÍ-TUỆ SIÊU-VIỆT
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: TAM-BẢO (Tái bản lần thứ ba)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: QUY Y TAM-BẢO  
(Tái bản lần thứ nhì)
- Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: PHÁP-HÀNH-GIỚI  
(Tái bản lần thứ ba)

- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: PHƯỚC-THIỆN**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: PHÁP-HÀNH THIÊN-ĐỊNH**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**  
(Tái bản lần thứ nhất)
- **NGŨ GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**  
(Tái bản lần thứ nhất)

Địa chỉ liên lạc và phát hành

**CHÙA TỔ BỬU LONG**

81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9,  
TP. Hồ Chí Minh

ĐT: +84 (0) 28 3889 7653

DD: +84 (0) 778 608 925







**Giá: 70.000Đ**

*Đức-Phật thuyết dạy rằng:*

*- Nay chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ **Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành), thành 12 loại trí-tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh-tịnh đã **phát sinh** đến với **Như-Lai**.*

*- Nay chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “**Như-Lai đã chứng đắc thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác vô thượng** trong toàn cõi thế giới chúng-sinh: nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương và phạm-thiên cả thảy.*

*Trí-tuệ quán-triệt đã phát sinh đến với Như-Lai, biết rõ rằng: “**A-ra-hán Thánh-quả-tuệ** giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp nào nữa.*

*(Kinh Chuyển-Pháp-Luân)*